100 TRUYỆN NGẮN HAY

TRUNG QUỐC



100 TRUYỆN NGẮN HAY TRUNG QUỐC

Nhóm tuyển chọn: NGÔ VĂN PHÚ
VŨ ĐÌNH BÌNH
PHẠM SÔNG HỒNG

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN - 1998

LỜI NÓI ĐẦU

Truyện ngắn Trung Quốc là một thể loại dặc sắc, có nhiều thành tựu. Từ thời cổ cận đại, những truyện truyền kỳ, truyền thuyết, những câu truyện của những bậc thuyết khách đã để lại những áng danh văn.

Các tác giả nối tiếp thời cận hiện đại lại có nhiều truyện ngắn nổi tiếng, đa dạng cả về nội dung lẫn phong cách thể hiện.

Đặc biệt những năm gần dây, truyện ngắn hiện đại Trung Quốc đang được mùa nở rộ. Nhiều tác giả mới xuất hiện. Có những tác giả đã trở thành những cây bút lão luyện trong thể loại này như Giả Bình Ao, Trương Thừa Chí, Sử Thiết Sinh, v.v...

Chúng tôi lựa chọn 100 truyện ngắn Trung Quốc, chính là nhằm để giới thiệu mùa truyện ngắn hiện đại với thành tựu nổi bật ấy. Để bạn đọc thấy được truyền thống của thể loại này, nhóm biên soạn có tuyển thêm một số truyện ngắn của những tác giả tiền bối tiêu biểu như Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược, Băng Tâm, Lâm Ngữ Đường, v.v..

Tập sách dã tập hợp được các bản dịch của các dịch giả Hán văn quen thuộc ở Việt Nam như Tản Đà, Cao Xuân Huy, Trương Chính, Phan Văn Các, Trần Đình Sử, Phạm Tú Châu, Lê Bầu, Hà Phạm Phú, Vũ Công Hoan, Xuân Du, Trinh Bảo, v.v..

Chúng tôi sắp xếp theo trình tự alphabet của âm Hán Việt. Riêng phần truyện truyền kỳ, truyền thuyết, thì xếp theo trình tự niên biểu.

Hi vọng rằng "100 truyện ngắn hay Trung Quốc" sẽ là một tập sách bổ ích cho những bạn dọc say mê truyện ngắn Trung Quốc và những nhà nghiên cứu...

Trong lúc tuyển chọn, biên soạn chắc không thể tránh được những khiếm khuyết. Mong bạn dọc thể tình lượng thứ.

NHÓM BIÊN SOẠN

A CHÂN

CON ĐÃ NHÌN THẤY ĐẠI DƯƠNG

Tôi là bé gái tật nguyền. Mẹ tôi sợ tôi làm bà xấu mặt, sợ tôi ra đường bị mọi người mỉa mai trêu chọc, nên đến 8 tuổi mà tôi vẫn bị nhốt trong nhà. Tôi chỉ còn có khoảng trời bằng cái sân để chợt nhìn một vài đàn chim vụt qua và không biết chúng bay về đâu.

Cha tôi qua đời năm tôi tròn 8 tuổi. Ít lâu sau mẹ tôi cải giá đi bước nữa, bà lấy một thủy thủ về hưu trên thị trấn. Lúc ấy mẹ tôi mới 40 tuổi, còn bố dượng đã ngoại lục tuần.

Bố dượng bảo tôi gọi ông là bác, và nói với tôi:

"Hà con, lại đây, bác đưa con đi chơi nhé?".

"Dạ không, dạ không". Tôi sợ quá và cứ thụt mãi ra phía sau.

"Ra bên ngoài mà xem con ạ, nhiều thứ đẹp và hay lắm".

Tôi đành lòng thú thật:

"Con xấu xí tật nguyền thế này, đi đứng khập khiễng, mẹ bảo ra đường người ta cười cho!".

Nói xong, tôi òa khóc.

"Con khỏi lo, Hà ạ, ai nói gì con, bác sẽ bồi cho cái này này" - bố dượng tôi giơ cao nắm đấm lực lưỡng của người thủy thủ tuy già nua mà vẫn còn rắn chắc, làm điệu bộ thụi thụi vào ai đó.

Tôi bật cười trong dàn dụa nước mắt.

Hôm sau bố dượng dẫn tôi đi phố. Lần đầu tiên tôi ra đường, trông thấy người là người, sao nhiều thế, tôi sợ quá và xấu hổ cúi gằm mặt xuống, hai tay níu chặt gấu áo ông như cái đuôi vậy.

"Hà con, ngửng mặt lên, sợ cái gì?". Ông hét to như lúc còn là thủy thủ trên đại dương nên làm mọi người chú ý xì xào, nhất là lũ nhỏ bằng tuổi tôi.

"Này, đến đây, làm quen nhau đi. Đây là Hà, là bạn của các cháu đấy". Bố dượng tôi nói với đám trẻ thân mật và ngọt ngào như vậy nên cả bọn đã chạy đến bên tôi, hỏi cái này, hỏi cái kia và rủ tôi đi chơi.

Mùa đông đến, bệnh suyễn của bố dượng tôi tái phát và nặng thêm. Nhiều đêm không ngủ được, ông gọi tôi dìu đến bếp lò sưởi ấm. Trong cơn ho hen khó nhọc, ông kể cho tôi nghe câu chuyện về đại dương, về biển cả:

"Nước biển xanh, xanh như bầu trời, nước biển mặn, mặn như muối; biển rộng và sâu; dưới biển có cá, cá to,

cá nhỏ, trên biển có thuyền, thuyền lớn, thuyền bé...

Tôi bị cuốn hút vào câu chuyện của ông và hỏi nhỏ: "Con có thể nhìn thấy biển được không bác?"

"Được chứ con, khi nào con lớn, lớn đến 15 tuổi, bác sẽ dẫn con đi xem biển".

Mắt tôi bừng sáng, vì sẽ có một ngày tôi được nhìn thấy biển.

Tôi lớn dần theo năm tháng, hiểu nhiều điều, biết nhiều việc. Bố dượng bảo ban tôi mỗi ngày làm một việc gì đó giúp gia đình. Trường học không nhận trẻ em tật nguyền nên tôi đành ở nhà học với bố dượng, 5 chữ và 1 bài thuộc lòng mỗi ngày, còn lại là nghe ông kể câu chuyện về biển cả, câu chuyện về đại dương vô cùng vô tận: "nước biển xanh, xanh như..."

Cuối cùng thì mẹ tôi lại đi tiếp bước nữa, theo anh chàng thợ may đầu hẻm, vứt tôi và ông bố dượng sống nương nhờ vào nhau.

Sức khỏe của ông ngày một kém dần, nhưng ông vẫn đưa tôi đi chỗ này chỗ khác, động viên tôi một mình vào cửa hiệu hỏi mua vật dụng, bày vẽ cho tôi làm lụng trong nhà và học hành chữ nghĩa. Mỗi khi tôi làm được một việc nhỏ chả ra gì, ông đều mừng rỡ hân hoan như thể công tích lớn, và khen tôi:

"Hà, con giỏi quá, con làm được việc rồi đấy".

Hai chúng tôi hẹn nhau sẽ đi biển vào mùa hè sang năm, lúc đó tôi tròn 15 tuổi và từ đây ông nhắc nhở tôi chuẩn bị mọi thứ, ông thường nói: "Bác phải dạy cho con biết ứng xử mọi điều trước khi đi biển".

Mùa đông cuối cùng dài dằng dặc, bố dượng tôi nằm liệt giường, rũ rượi theo từng cơn hen suyễn, mình tôi xuôi ngược giữa tuyết lạnh trên các nẻo đường của thị trấn nghèo, mời thầy, mua thuốc và tất tất mọi việc nội trợ trong nhà. Chính trong những giờ khắc ấy tôi tự thấy mình như đang lớn lên.

Một buổi sáng vào xuân, bố dượng gọi tôi đến bên giường và chậm rãi nói:

"Hà con, bác không qua nổi rồi, có điều này bác phải nói thật với con, trước khi về hưu một năm ông bác sĩ dặn rằng: bệnh của bác phải xa biển con ạ, thế là hôm nay và mãi mãi sau này, bác không đưa con ra được đến biển Hà ơi, bác đã lừa con, con bỏ qua cho bác...".

Tôi vô cùng thất vọng vì bao năm chuẩn bị và hôm nay lại như thế này, tôi òa khóc như hôm nào đã khóc với ông: "Bác ơi", và chính đêm hôm ấy ông, người thân duy nhất của tôi đã ra đi, bỏ lại mình tôi côi cút.

Từ đó tôi tự làm lụng kiếm sống. Mỗi lần nhận được

tiền công, tôi đứng lặng trước bàn thờ bố dượng và càng thấm thía ý nghĩa "xem biển" của ông, và như muốn nói với ông: "Bác ơi, con đã nhìn thấy đại dương rồi, con đã nhìn thấy biển cả rồi, thật đấy, bác ơi!".

THÁI NGUYỄN BẠCH LIÊN *dịch*
(Theo ĐỘC GIẢ VĂN TRÍCH)

ÂU DƯƠNG TỬ

LƯỚI

Du Văn Cẩn[1] về đến nhà người mệt rã rời. Tấm gương lớn trên tường hiện lên khuôn mặt nhợt nhạt của cô. Tay đỡ trán, cô dựa vào cửa phòng đứng một lúc rồi buông tay xuống, khẽ nhún vai, đi thẳng vào phòng ngủ. Một chiếc giường đôi sang trọng xuất hiện trước mắt. Cô đứng ngẩn ra một lúc, như thể hai năm qua đây là lần đầu tiên nhìn thấy chiếc giường. Trong góc phòng có đặt một chiếc giường nhỏ, Bảo Bảo đang ngủ say, không một tiếng động. Văn Cẩn bước đến, ngắm nhìn Bảo Bảo hồi lâu, rồi thuận tay đặt bình sữa lên bục cửa. Sáng nay, khi cho Bảo Bảo ăn sữa, già Tần làm vỡ cái bình, Văn Cẩn phải vội ra phố mua cái khác. Đấy là một việc không hay. Đường Bồi Chi đã từng chú ý nhìn cái bình sữa. Cớ chi mình không báo cho anh ấy biết mình đã có con? Chính cô cũng không hiểu.

Xa nhau đã 3 năm, quan hệ đặc biệt giữa cô và Đường Bồi Chi chưa hề thay đổi. Hồi nãy họ lại tình cờ gặp nhau trên phố Hoành Dương. Văn Cẩn cơ hồ không còn tin

(1) Cẩn thuộc bộ ngọc, là một loại ngọc, Văn Cẩn là ngọc là hoa văn ND.

vào mắt mình nữa. Ngay lập tức, qua ánh mắt của anh, cô xác định được anh chưa hề thay đổi. Đường phố Hoành Dương người xe qua lại như thoi đưa, huyên náo vô cùng. Thế mà hai người đứng ngây ra nhìn nhau, xúc động thật sự, quên cả xung quanh. "Anh... anh đến Đài Bắc từ lúc nào vậy?" Văn Cẩn lắp bắp hỏi, cô sung sướng suýt ngất xỉu. Đường Bồi Chi thì lại như giật mình. "Từ bao giờ cơ?" Văn Cẩn lại hỏi, tự thấy có cái gì không phải. "Sao cơ, em chóng quên thật", Bồi Chi bật cười (tất nhiên là không được tự nhiên). "Anh viết thư cho em rồi mà". "Thư? Thư nào cơ? Chẳng có đâu! Sao... em...". "Em còn viết thư trả lời anh mà! "Bồi Chi nói, mặt đỏ lên: "Em đã trả lời, đúng thế mà? Em nói, em nói hôm ấy là ngày... của em, của vợ chồng em, cho nên..." "Bồi Chi bỗng ngừng bặt, mắt nhìn xuống đất. Mặt Văn Cẩn trắng bệch a. Hai người câm lặng hồi lâu. "Đúng, có thể... em đã nhận thư thật..." cô lúng búng định nói cái gì mà không nói tiếp được nữa. Cô vội vàng cáo từ Bồi Chi, lúc quay người bước đi, cô phát hiện ra vẻ mặt đau khổ của anh.

Cô biết nguyên nhân nào khiến anh đau khổ. Đúng thế, cả hai đều rất nhạy cảm, hơn thế đều quá hiểu đối phương. Nếu như người mà cô lấy làm chồng không phải Đinh Sĩ Trung mà là Đường Bồi Chi... Nhưng giả thiết ấy là thừa, cô hiểu rất rõ là Bồi Chi không thể cùng cô kết

hôn, trái tim hai người quá gần gụi, điều đó khiến họ vĩnh viễn không thể sống chung. Đinh Sĩ Trung thì khác, anh làm cho Văn Cẩn cảm thông vui sướng và an toàn - bởi vì anh vui lòng tiếp nhận mọi sự hy sinh của cô. Cô rất cảm kích về điều đó. Sĩ Trung là cái cột để cô dựa, cô ôm chặt lấy nó, cô vĩnh viễn cảm thấy an toàn, không bao giờ bị thác lũ nhấn chìm. Bắt đầu từ ngày cưới, cô giao phó tất cả cho anh, tất tần tật - bao gồm thân xác, suy tư và ý chí của cô. Sĩ Trung tiếp nhận hết, coi đó là quyền lợi đáng được hưởng. Văn Cẩn cảm thấy hoàn toàn thỏa mãn. Cảm giác thỏa mãn ấy cô không bao giờ có được từ Đường Bồi Chi. Cứ mỗi lần đến với Bồi Chi, không khí căng thẳng như cánh cung kéo căng, không làm sao chùng xuống được. Cả hai người ai cũng khao khát hy sinh, đồng thời ai cũng kiên quyết từ chối sự hy sinh của đối phương. Cô luôn luôn nói về âm nhạc, bởi vì anh thích âm nhạc, còn anh luôn luôn nói về văn học, bởi vì cô thích văn học. Rốt cục dẫn đến chỗ cả hai đều không hợp, chỉ còn cách chọn một đề tài vô can với cả hai. Mỗi một lời nói, mỗi một cử chỉ, họ đều không dám cẩu thả, chỉ sợ vô tình tổn thương đối phương. "Mình làm cô ấy bực mình?" "Mình làm anh ấy giận?" Họ thường lặng lẽ tự vấn lương tâm như vậy. Khi còn học ở trường, hai người ít khi ở một chỗ. Nhưng mỗi buổi sáng, Văn Cẩn vừa bước vào lớp là chắn chắn nhìn thấy nụ cười của Bồi Chi. Đôi mắt anh

phát ra những tia sáng êm dịu, như nói với cô: "Em đấy à, anh ở đây!" Thế là cô thỏa mãn, không còn cảm giác cô đơn nữa.

Cuộc sống sau ngày cưới của Văn Cẩn có thể nói là không chê vào đâu được. Cô yêu Sĩ Trung, cảm thấy nếu thiếu vắng anh thì không sống nổi. Có điều, cô cũng thừa biết là Bồi Chi vẫn luôn luôn ở trong tim cô. Xưa nay cô chưa hề cảm thấy như vậy là không chung thủy với chồng, bởi vì hai người trong con mắt của cô thuộc về hai thế giới hoàn toàn khác. Rất ít khi cô nghĩ về Bồi Chi như nghĩ về một người đàn ông. Cô yêu tâm hồn anh, yêu tinh thần anh; mà tâm hồn và tinh thần thì đâu có giới tính. Cô chưa hề ham muốn thể xác anh. Nếu Bồi Chi cầu hôn, cô biết chắc là mình sẽ đồng ý, nhưng cũng có thể sẽ vì thế mà thất vọng.

Bóng đen của hoàng hôn dần dà khỏa lấp cả căn phòng. Trong phòng tối om, mấy con muỗi kêu vo ve không ngớt, Văn Cẩn buông màn cho Bảo Bảo. Sĩ Trung sắp về rồi. Đồng hồ đã điểm 6 giờ 30.

Văn Cẩn bất giác cảm thấy một cái gì mờ ảo thức dậy trong cô - đó là tư tưởng của cô, đó là là ý chí của cô. Hai năm qua, cô chưa từng sống thực, Đinh Sĩ Trung thay cô suy nghĩ, sắp xếp mọi thứ. Anh ấy tinh thần khỏe khoắn, muốn che chở cô, không muốn để cô phải lo nghĩ. Anh

ấy yêu cô điên cuồng, muốn chiếm hữu mỗi một tế bào của cô, muốn được cô tất cả. Về mặt này anh đã thành công mỹ mãn, bởi vì cô hết lòng nương tựa vào chồng, điên cuồng muốn hiến dâng.

Thế mà giờ đây, Văn Cẩn bỗng cảm thấy cái ý chí đã ngủ say hai năm qua bỗng đột ngột thức dậy. Hồi nãy gương mặt Bồi Chi lộ vẻ đau khổ, anh nhìn xuống tránh ánh mắt cô. Cô hiểu là anh đau khổ vì cảm thấy mình làm cô tổn thương. Lời nói là dư thừa, giữa họ xưa nay lời nói và chữ viết không có tác dụng gì. Họ hiểu nhau vô cùng, ngay cả những việc nhỏ nhặt cũng không cách gì giấu được nhau.

Bỗng nhiên, ngoài cổng vọng vào tiếng mở cửa, rồi thấy bước chân vang trong phòng khách. "Văn Cẩn à!" một giọng đàn ông vui vẻ và rất vang. Văn Cẩn không trả lời. "Văn Cẩn ơi!" Lại một tiếng gọi nữa, giọng càng vang hơn. Cô vẫn câm lặng. Tiếng bước chân càng lúc càng gần. Sĩ Trung xuất hiện trước cửa phòng ngủ.

- "Sao em không bật đèn?" Sĩ Trung hỏi. Anh lặng lẽ nhìn cái bóng cô trong màn đêm.

Văn Cẩn bật đèn lên, "Em quên", cô nói, không nhìn anh. "Con vừa ngủ mà".

"Ôi, Bảo Bảo, Bảo Bảo của anh". Sĩ Trung bước nhanh tới bên cô, ôm lấy vai cô, áp mặt vào tóc cô. Anh vén

màn lên, sung sướng ngắm đôi má bầu bĩnh của con. "Ôi, Bảo Bảo xinh đẹp của chúng mình". Anh cười, tay vân vê làn môi Văn Cẩn.

Văn Cẩn muốn khóc. Cô yêu Sĩ Trung, yêu đến phát điên. Cô cần anh, cần đến phát điên. Nhưng cái ý chí vừa thức dậy trong cô lại nhìn ngó, đang đòi giải phóng.

Cơm tối xong, họ ngồi chơi trong phòng khách. Đinh Sĩ Trung vừa xem báo vừa chuyện phiếm. Anh ta là con người coi mình là trung tâm. Hễ cái gì anh thích, anh đều cho rằng mọi người cũng phải thích. Khi anh buồn phiền, anh không tin trên thế gian có người sung sướng. Khi anh vui thích, anh không hiểu nổi làm sao lại có người buồn bực. Văn Cẩn bên cạnh, câm lặng không nói năng chi. Sĩ Trung cảm thấy điều đó, nhưng anh không lấy làm lạ, anh biết rõ Văn Cẩn rất yêu anh, rất thích nghe anh.

- "Sĩ Trung này..." Văn Cẩn bỗng lên tiếng, giọng rất lạ. Sĩ Trung hơi giật mình, vội ngẩng lên: "Gì thế em?"

- "Em biết là anh đã bóc thư em".

- "Trời, thì xưa nay anh đã bóc hộ em bao nhiêu là thư. Sao vậy". Anh hỏi lại.

- "Thư của một người họ Đường gửi cho em".

- "Họ Đường à? Người này chắc là ngọt ngào lắm nhỉ".(1)

(1) Họ *Đường* đồng âm với chữ *đường* là kẹo ngọt - ND.

Sĩ Trung liếc nhìn nàng, "là con trai hay con gái hả em?". Anh làm ra vẻ ghen.

Văn Cẩn hờ hững nhìn anh. "Anh còn thay mặt tôi gửi thư trả lời nữa mà!".

- "Ồ, đúng, đúng. Anh nhớ ra rồi". Sĩ Trung như sực nhớ điều gì: "Họ Đường, phải rồi, tên Bồi gì gì ấy... Nhưng em hãy thôi cái bộ mặt đưa ma kia đi, để anh nói cho em nghe sự thể thế này này. Ấy là chủ nhật tuần trước, em không có nhà, người đưa thư chuyển đến bức thư của họ Đường, tên Bồi gì gì ấy. Anh ngồi rồi nên bóc ra xem, rồi thay em viết thư trả lời".

- "Anh phải bảo cho tôi biết chứ". Văn Cẩn lạnh lùng: "Thế thư để đâu rồi?".

- "Xin lỗi, anh làm mất rồi".

Ôi, xin lỗi, làm mất rồi! Anh ta trả lời thật nhẹ nhàng, thật đơn giản. Thế mà mình lại vì lá thư mà đau khổ, Bồi Chi vì nó mà đau khổ...

- "Đừng nóng nảy, anh còn nhớ lời lẽ trong thư". Sĩ Trung lạnh lùng: "Thư rất ngắn, trong thư nói anh ta vừa từ Bình Đông đến Đài Bắc - phải rồi, tại sao anh chưa hề nghe em nói có bạn bè ở Bình Đông? - Anh ta yêu cầu em chiều thứ 2 đến gặp ở nhà chị anh ta. Anh chàng này thật thiếu lễ độ, phải tự mình đi tìm em mới đúng!

Tất nhiên, anh trả lời hộ em là thứ 2 bận việc. Xin lỗi, anh viết thế này Thứ hai đúng là kỷ niệm hai năm ngày cưới của chúng tôi, không được đâu, chờ một dịp khác em sẽ đến thăm anh". Viết thế hay quá chứ gì nữa!"

- "Anh mạo chữ ký của tôi?"

- "Tất nhiên... Mà sao cơ, anh viết có gì sai nào?"

Văn Cẩn không trả lời. Thương thật Bồi Chi! Nhất định anh ấy phát hiện ra thư không phải mình viết mà là chồng mình viết. Chỉ có điều, chắc chắn anh không ngờ là mình không hề hay biết có bức thư, nếu không làm sao anh lại hỏi. Chờ đến khi anh biết là mình không biết gì cả thì muộn quá rồi, anh lại đau khổ vì sợ mình đau khổ. Anh hiểu cô biết bao! Anh cố tình tỏ ra không hề biết bức thư trả lời ấy không phải là của cô, thà tự hy sinh, cứ để cô nghĩ là anh không hiểu cô, chứ không muốn cô biết được anh đã phát hiện ra quan hệ không tốt giữa vợ chồng cô. Bồi Chi đáng thương ơi! nhất định là anh đã biết khát vọng hy sinh của Văn Cẩn này, và đó cũng là điều anh không thể làm em thỏa mãn.

Văn Cẩn ngẩng đầu lên: Sĩ Trung lại đã tập trung sức chú ý vào tờ báo rồi, điếu thuốc trong tay anh chỉ còn một nửa. Bỗng nhiên Văn Cẩn cảm thấy anh thật xa lạ. Lần đầu tiên cô thấy khuôn mặt anh hình vuông. Sự thực thì cả hai đều yêu nhau, không có anh thì cô làm sao sống

được. Tất cả những điều ấy thật là quá lạ! Sĩ Trung duỗn người ra gạt tàn thuốc, dáng dấp thật tự nhiên, trên thế gian này không mấy ai có dáng dấp tự nhiên như anh. Cô muốn lao vào lòng anh để nghỉ ngơi. Anh là sinh mệnh của cô. Chẳng cần cô phải lo toan, anh sẽ chu toàn mọi nhẽ. Còn Đường Bồi Chi. Bồi Chi chỉ làm cô đau khổ. Hai người cứ đau khổ vì sợ người yêu mình đau khổ. Nhưng cô lại yêu thương sâu sắc tâm hồn anh, trái tim của họ luôn luôn gắn kết với nhau.

- "Anh ấy còn nói gì không?" Văn Cẩn hỏi.

Sĩ Trung duớn mắt lên. Rõ ràng anh không hiểu cớ chi cô không buông tha câu chuyện này.

- "Anh quên rồi". Sĩ Trung trả lời, ra bộ không kiên nhẫn. "Có điều, anh nhớ cuối thư có một câu, một câu hỏi rất thú vị: Em có hạnh phúc không ?".

- "Em - có hạnh phúc không?" Văn Cẩn rên rỉ.

- "Bởi vậy, trong thư trả lời, anh thêm một câu như sau: Tất nhiên rồi, em rất hạnh phúc. Chúng tôi là những người hạnh phúc nhất trên thế gian: tôi, Sĩ Trung và bé Bảo Bảo của chúng tôi".

Sĩ Trung! Bảo Bảo của chúng tôi!... Văn Cẩn hơi rùng mình. Vậy ra, khi ánh mắt Bồi Chi dừng lại trên cái bình sữa trong tay cô thì anh đã biết cô có con rồi.

Bỗng nhiên, cô cảm thấy khó chịu, mất hứng.

"Thế nào, anh viết có đúng không?" Sĩ Trung mỉm cười, dướn lông mày lên, có phần đắc thắng. "Cô xem, tôi hoàn toàn hiểu được những điều sâu kín trong lòng mà cô muốn nói".

Những điều sâu kín trong lòng mình? Văn Cẩn nghĩ. Cô nhìn anh mỉm cười khổ sở. Nói ra cũng thật kỳ, từ sau ngày cưới, cô có bao giờ tự phân tích suy tư của chính mình đâu. Cô hoàn toàn tin cậy Sĩ Trung, đến mức phó mặc anh kiến tạo suy tư của cô, ngay cả việc cô có vui sướng không cũng do anh quyết định. Thế là không công bằng. Cái ý niệm "không công bằng" này, lần đầu tiên lóe lên trong đầu cô. Chính là nỗi đau khổ của Bồi Chi đã thức tỉnh cái "bản ngã" của cô. Em có hạnh phúc không? Em có sung sướng không? Tại sao Bồi Chi lại hỏi cô một câu khó trả lời như vậy? Nếu như tự cô - con bé Văn Cẩn này, viết thư trả lời anh, thì cô biết chắc mình cũng sẽ viết: "Có, em hạnh phúc lắm!" Có điều câu trả lời này nên để cô nói ra, không nên là Sĩ Trung. Đó là điều khác nhau rất lớn!

Văn Cẩn chống tay vào má, nhắm nghiền mắt lại. Cô cảm thấy khó khăn, không vui. Sĩ Trung là cột trụ của cô, cô không thể mất anh. Còn thần sắc đau khổ của Bồi Chi... Ôi! Cô nhớ thương Bồi Chi cũng chính là nhớ thương

chính mình; nhờ sự hiện hữu của anh cô mới có cái bản ngã hoàn chỉnh. Hai năm vừa qua, cô để cho Sĩ Trung khống chế tất cả, như vậy khác nào giao Bồi Chi cho Sĩ Trung chi phối. Mà Bồi Chi vốn rất tự trọng! Điều đó làm cho anh đau khổ dài dài. Bỗng nhiên Văn Cẩn cảm thấy mình ích kỷ, cô cảm thấy trước mặt Sĩ Trung mà cứ nghĩ về mình là có tội. Làm cách gì tìm lại cái mà ta đã hiến dâng? Huống chi cô vẫn yêu Sĩ Trung, cô cần anh, khát khao hy sinh vì anh. "Nhưng mà mình không thể không nghĩ!..." Cô vật vã đau khổ, "Bồi Chi, ôi Bồi Chi...". Xa cách ba năm, trong niềm vui gặp lại cô bỗng đột ngột rời xa anh, không che giấu nổi đau khổ anh dành cho cô. Bồi Chi đáng thương... ta có nên đến thăm anh ấy không? Cô bỗng lóe lên cái ý nghĩ ấy. Cô biết anh ở chỗ nào, nhà chị anh ấy cô từng đến một lần. Nhưng đến để làm gì? Để anh ấy nhìn ta, ta nhìn anh ấy, rồi sau đó ta sẽ nói: "Ôi, Đường Bồi Chi, em hiểu ra là em yêu chính mình hơn yêu anh ta".

... Anh ấy sẽ nghĩ sao? "Cô bé này lại muốn hy sinh vì mình đây, thật đáng thương... nhưng ta quyết không chấp nhận, quyết không chấp nhận". Anh ấy nhất định sẽ nghĩ như thế, nhất định. Ta sẽ làm thế nào đây?

- "Văn Cẩn em!" Sĩ Trung đang gọi cô giọng êm ru.

Văn Cẩn mở mắt ra, Sĩ Trung đang mỉm cười nhìn cô

say đắm. Rõ ràng là anh đã nhìn cô một lúc lâu, có thể anh nghĩ là cô ngủ rồi. Cô vừa tắm xong, cánh tay trắng hồng hào lộ ra trong ống tay rộng. Mái tóc dài đen nhánh, xõa nhẹ trên bờ vai nhỏ. Cô thật xinh xắn hấp dẫn. Bộ ngực mềm mại phập phồng trong tà áo ngủ. Xưa nay cô chưa hề đẹp như vậy, chưa hề mê hồn như vậy.

Điếu thuốc lá trong gạt tàn tỏa lên một làn khói cong cong; tờ báo đã rơi xuống sàn nhà.

Sĩ Trung đột ngột đứng lên. Anh đến trước mặt Văn Cẩn, bế xốc cô khỏi đi văng. "Văn Cẩn em!" anh gọi cô giọng êm như ru.

"Ồ, không!" Văn Cẩn nói, quay người định bỏ đi. "Chưa bón sữa cho Bảo Bảo đó".

- "Bón rồi, bà Tần bón rồi mà!". Sĩ Trung vừa nói vừa ngăn cô lại.

Anh đứng sau lưng ôm chặt lấy cô, cúi đầu xuống, hôn vào cổ cô, làn môi của anh nóng bỏng. Anh càng ôm càng chặt, chặt đến mức cô thở không được. Văn Cẩn giẫy giụa. Cô rất hiểu anh. Anh thường bắt đầu như vậy.

- "Ồ, không! Hôm nay, không..." Cô nói, giọng khẩn cầu. Tôi đang nghĩ... đang..."

Sĩ Trung giả vờ không nghe thấy. Anh nói áo ngủ của cô, áp miệng vào đôi vai trần của cô. "Ồ, ngoan nào... bây

giờ... đừng... đừng nghĩ..." Anh thầm thì, lẩm bẩm. Sau đó, anh đột ngột bế bổng cô lên, bước vào phòng ngủ.

"Buông - tôi - ra" Văn Cẩn hét to lên, hai tay cố sức đẩy ngực anh.

Sĩ Trung ngẩn ra. Anh thõng tay, buông cô, nhìn cô không hiểu. Xưa nay có bao giờ cô từ chối anh, đây là lần đầu tiên. Văn Cẩn đứng đó, mặt mũi nhòe nước mắt, một tay giữ lấy vạt áo ngủ bị lật ra.

"Tôi đang nghĩ..." Cô nghẹn ngào, như không thở được, "Chúng mình... có lẽ chúng mình... nên chia tay... ở riêng một thời gian...".

"Ở riêng" Sĩ Trung cau mày lại, "Cô nói gì vậy... là nghĩa làm sao?". Anh có vẻ giận dữ.

Văn Cẩn nức nở khóc, không trả lời.

"Ồ, tôi hiểu", Sĩ Trung lạnh lùng nói, "Thì ra cô không yêu tôi. Chả sao cả, tùy cô".

Nói đoạn anh quay người, nặng bước đi vào phòng ngủ, ôm lấy gối và chăn. Không hề nhìn cô, anh ôm chăn gối vứt lên đi văng.

"Cô yên tâm", Sĩ Trung nói, "Tôi ngủ ngoài này, cô cứ khóa cửa lại".

Văn Cẩn bỗng nín bặt, ngẩng mặt lên, mồm há ra, hai tay giơ về phía trước, ánh mắt hoảng hốt, như con thú

nhỏ bị kinh động, bỗng thốt lên tiếng kêu hoảng sợ, bổ nhào theo, quỳ xuống bên chân Sĩ Trung. "Ôi, Sĩ Trung". Cô nức nở khóc, ôm chặt lấy đầu gối anh. "Không, đừng bỏ em... Sĩ Trung... đừng bỏ em". Cô nghẹn ngào, giọng run rẩy, thê thảm và tuyệt vọng. Cô phủ phục trên sàn, áp mặt vào chân anh, mái tóc đen lòa xòa trên mặt sàn.

Sĩ Trung hơi khựng lại, rồi cúi xuống đỡ cô dậy. Anh biết mình có khả năng chế ngự, rốt cục thế nào cũng chiến thắng, nhưng anh đâu có ngờ cô lại đầu hàng một cách quái lạ như vậy. Văn Cẩn dựa hẳn vào người anh, hai tay ôm lấy ngực anh. "Đừng, đừng bỏ em". Cô vẫn không ngớt cầu khẩn, run rẩy bi thương. Sĩ Trung vỗ nhẹ lên vai cô. "Thôi mà, đừng khóc nữa, ngoan, đừng khóc". Anh an ủi cô: "Sao anh lại bỏ em được, Văn Cẩn à, em là con búp bê xinh đẹp nhất của anh!" Anh ôm cô vào lòng, cọ má vào má cô.

Anh phát hiện ra cô rất mềm yếu. Gương mặt nhợt nhạt không còn hạt máu. Vẻ ăn năn hối hận hiện trên mặt cô.

- "Anh thật không tốt, Văn Cẩn em!" Anh đột nhiên thốt ra, rồi nhìn cô vô vàn yêu thương, "Anh thật ích kỷ, chỉ biết có mình. Mặt em sao nhợt nhạt vậy, em mệt à? Phải không? Tối nay, anh nhất định phải để em ngủ thật ngon, anh đồng ý với em. Nhất định phải nghĩ đến em

trước tiên...".

"Ồ, không!" Văn Cần ôm chặt lấy cổ anh, lại khóc. "Em à, em mới ích kỷ, thật là ích kỷ... nhưng em yêu anh, em yêu anh... đừng xa em... Em chỉ định thử một chút xem, nếu không có anh thì em có sống nổi không, không, không thể... em biết... em biết từ lâu rồi, không thể được... đừng bỏ em, anh không được bỏ em...". Cô thở dốc, mệt ra rồi.

"Thôi mà, thôi, đừng khóc, ngoan nào, tất nhiên là em yêu anh, dù phải chết anh cũng không xa em". Anh vỗ nhẹ vào lưng cô, như thể vỗ về một đứa bé đi lạc đường. "Đúng là một cô bé" Anh lẩm bẩm.

Văn Cần bình tâm trở lại. Cô không khóc nữa, nhắm mắt lại, gối đầu vào vai Sĩ Trung. "Anh biết không, vừa rồi là em ghen". Cô nói, như nói mê, thỏ thẻ như thì thầm, "Bởi vì em cảm thấy, cảm thấy em yêu anh hơn cả yêu chính mình".

Sĩ Trung không trả lời, tay anh nhẹ nhàng ve vuốt mái tóc dài, rồi lại vuốt ve đôi má cô.

"Nhưng mà bây giờ em không ghen anh nữa đâu". Cô nói tiếp, "Em rất sung sướng, rất vui vì được yêu anh hơn cả yêu chính mình".

Gương mặt cô mỉm cười, nhưng cùng lúc một giọt nước mắt lại rơi vào tay anh.

"Ngày mai chúng mình nói chuyện tiếp", anh nói, êm như ru, "Còn bây giờ thì ngủ đi ngoan nhé!".

Văn Cẩn mở to mắt. "Anh, anh cùng em chứ". Cô hỏi "Tất nhiên". Sĩ Trung trả lời mỉm cười.

Anh ôm cô đi vào buồng ngủ. Văn Cẩn cảm thấy toàn thân mềm nhũn, nhưng cô không nói dối, quả thật cô thấy hạnh phúc.

(Hiện đại văn học Số 6 1961)
LƯƠNG DUY THỨ *dịch*

BÀNH BÁI

CÓ MỘT TÌNH YÊU NHƯ THẾ

Tôi mồ côi bố từ nhỏ, bằng thu nhập ít ỏi do lao động thủ công, mẹ và bà ngoại đã nuôi tôi khôn lớn. Năm 18 tuổi đi học nghề ở một tiệm buôn của thị trấn Lô Giang Nam, tôi có quen biết cháu gái một ông chủ cho thuê nhà. Hằng tháng đều đến nhà ông nộp tiền thuê nhà nên chúng tôi thường gặp gỡ, đi lại, xem ra tâm đầu ý hợp.

Chuyện này lọt đến tai bà và mẹ ở quê và thường được tô vẽ thêm. Tức tốc gửi thư lên, mẹ tôi báo ở nhà đã nhờ người làm mối dạm hỏi một đám rồi, con phải về cưới ngay. Tiếp đến có điện gọi về. Gọi điện xong mẹ tôi lại lò dò tìm đến. Vừa nhìn thấy con, mẹ tôi đã "xạc" cho một trận, rồi đưa cho tôi một cái thỏi xương trâu, một trong những công cụ chủ yếu của bà tôi dùng để dệt sợi, nguồn thu nhập chính để nuôi tôi trưởng thành. Mẹ tôi bảo: "Bà ngoại mù chữ, cái này coi như là thư bà gửi cho con".

Không thể cưỡng lại mẹ, cộng thêm đốc thúc của bà ngoại, hôm sau tôi khăn gói theo mẹ về quê.

Mọi việc ở nhà đã sửa soạn đâu vào dấy. Chọn ngày giờ tốt, kiệu hoa đến nhà. Tôi đón cô dâu từ kiệu bước xuống, cả hai cùng vái trời đất, vái tổ tiên, vái ông già bà cả rồi dẫn vào buồng cưới. Ba ngày tiếp theo, không phân biệt lớn bé, sang nghèo, họ hàng xóm làng đánh chén mừng cô dâu chú rể "động phòng". Sau đó vợ chồng sóng đôi vào bàn ăn cơm đoàn viên, trao rượu cho nhau cùng uống.

Cô dâu họ Liễu, tên là Ngọc Thục, cũng mồ côi bố từ nhỏ, được mẹ vất vả nuôi dạy nên người và bây giờ đã là vợ của tôi theo sự sắp xếp của mẹ hiền và của bà mối. Song trước đó cô ấy lo hơn tôi. Bởi vì khi mẹ cô nhận lời ăn hỏi có yêu cầu mẹ tôi cho xem một tấm ảnh. Hồi ấy kỹ thuật chụp ảnh tồi lắm, tấm ảnh của tôi bị đen một vài vệt dưới mũi. Cô ấy cứ lo tôi sứt môi, hay mang một cái sẹo to đùng. Cho nên khi trao cốc cho tôi uống rượu, cô ấy hồi hộp đánh bạo ngước nhìn thật nhanh. Thấy tôi không sứt môi, cũng chẳng có sẹo cô ấy mừng thầm và yên tâm. Tôi chẳng để ý gì tới chuyện đó. Để ý hay không cũng thế thôi. Số trời đã định, cứ phải vui vẻ chấp nhận, chứ biết tính sao (nếu tôi sứt môi thật, thì cô ấy cũng đành chịu). Ăn cơm đoàn tụ xong, khách khứa ra về, đã nửa đêm chỉ còn lại hai vợ chồng tôi trong buồng. Vậy mà khi vừa bước vào buồng, cô ấy cứ cúi đầu im lặng ở

góc nhà, mặt quay vào tường, lưng quay ra ngoài, chẳng khác gì người gỗ.

Thật ra mấy ngày này tôi cũng như một người gỗ, một con rối, bị giật dây làm hết động tác này đến động tác khác trong một thủ tục cưới xin rườm rà. Bây giờ bỗng được rảnh rỗi, cảm thấy toàn thân mệt mỏi, muốn được nghỉ ngơi. Song còn một thủ tục cuối cùng phải làm, đó là việc cởi áo dài đỏ sát nách cho vợ. Chuyện này được gọi là "Giải hoài" (cởi lòng), dứt khoát phải chờ chú rể tự tay cởi cúc, cô dâu mới được tiếp tục nới quần áo sửa soạn đi ngủ. Việc nới cởi áo này dứt khoát phải chậm, càng chậm càng tỏ ra tôn nghiêm, trang trọng. Đồng thời dứt khoát phải chờ chú rể lên giường ngủ đâu vào đấy, cô dâu mới từ từ buông màn, vén chăn ngả người vào cuối giường, nằm co ro bên chân chú rể. Chờ khi nào anh chồng ra hiệu, cô vợ mới nhích dần lên. Tất cả động tác này đều phải từ từ và càng phải nhẹ nhàng êm ái.

Tiếp theo việc cởi áo nới, tôi còn phải tháo đôi khuyên vàng đeo ở tai vợ đặt lên bàn trang điểm và lấy mũ cưới của mình úp lên. Bà ngoại và mẹ tôi nhắc đi nhắc lại, điều này vô cùng quan trọng. Chỉ có đậy mũ lên đôi khuyên tai, thì tôi mới sai khiến, đe nẹt được cô ấy trong cuộc sống chung sau này. Tôi cứ răm rắp làm theo. Nào ngờ sớm hôm sau thức dậy chợt thấy đôi khuyên tai đã để ra

chỗ khác. Thì ra, khi sắp sửa về nhà chồng, mẹ và ông bà cô ấy đã dặn kỹ, sau khi tôi tháo khuyên tai để lên bàn và đậy mũ lên, dứt khoát phải tìm cách len lén để đôi khuyên lên trên mũ. Điều này cốt tử lắm, có làm như vậy, cô ấy mới sai khiến đe nẹt được tôi trong cuộc sống chung sau này. Cô ấy đã ghi nhớ, chỉ có điều là làm theo ý mình. Cô ấy lấy đôi khuyên ra khỏi mũ, không đặt lên mũ, mà đặt song song với mũ trên bàn trang điểm. Làm thế có nghĩa là mong trong cuộc sống chung sau này không ai sai khiến đe nẹt ai, mà dựa vào nhau, cùng bình đẳng như nhau.

Tôi thấy thú vị chi tiết này lắm, quay người định hỏi xem sao, thì cô ấy đã ra khỏi buồng, dâng chiếc khăn vuông trắng vào buồng mẹ tôi.

Ngày xưa, có một loại "son trinh tiết". Từ thời còn bé, các cô gái đã lấy kim châm vào cổ tay rồi bôi máu con thạch sùng cho đỏ lựng lên, để có những chấm đỏ bằng nốt ruồi coi đó quý báu và trong trắng mãi mãi như trinh tiết của mình, cho đến khi lấy chồng mới xóa đi.

Sau khi cưới, buổi tâm sự đầu tiên giữa hai chúng tôi, tôi đã thật thà kể lại quan hệ giữa tôi với cháu gái ông chủ cho thuê nhà và trao cho vợ vật kỷ niệm duy nhất của cô ấy tặng tôi. Vợ tôi tin hoàn toàn và cẩn thận bỏ vật kỷ niệm ấy vào chiếc hộp nhỏ xíu xinh đẹp chuyên để

những thứ bản thân yêu thích.

Bắt đầu từ chuyện này, hai chúng tôi bước vào chặng đường đầu tiên của tình yêu - mối tình đầu. Đó là nắng sớm đầu xuân dịu ngát hương thơm. Đó là những giọt sương sớm long lanh trước gió. Một thời gian dài, cô ấy xấu hổ, sợ sệt, không nói to trước mặt tôi, cứ hé mồm là đỏ mặt, cúi đầu. Rửa mặt, rửa chân tay, lau người cô ấy đều gọi là "dùng nước", bao giờ cũng giấu người vào cánh cửa sau màn, không để một tiếng động nhỏ. Đi cùng nhau cô ấy tụt lại đến dăm bảy mét, gặp người quen cũng cứ lảng tranh... Còn tôi mua được thứ gì cho vợ cũng cứ nhờ bà, nhờ mẹ chuyển cho, dẫn vợ đi xem phim, xem kịch, luôn luôn tìm lối hẻo lánh vắng vẻ cùng đi. Khi vợ có thai thèm của chua, tôi đi bộ hơn mười dặm về thôn quê mua chanh, mua khế, len lén nhét dưới gối. Đấy không phải xa lánh, và nhạt nhẽo, mà chứa đựng một tình yêu kín đáo, dịu ngọt vô cùng.

Là mối tình đầu, không phải tuần trăng mật nên giai đoạn đầu sau khi cưới kéo dài những mấy năm, mấy năm, mấy năm vẫn ngọt ngào liên tiếp...

Sau năm 1949, đất nước giải phóng. Vì vụ án sai Hồ Phong năm 1955, hai vợ chồng tôi phải sống cách xa nhau 24 năm. Trong 24 năm ấy, tôi bị bắt, bị tù, bị lao động cải tạo, bị đẩy về làng quê. Vợ tôi phải nuôi năm con ở

nhà. Hai vợ chồng chỉ cách nhau có bức tường, hai cánh cổng sắt, mà xa xôi cách trở tựa trăm núi ngàn sông. Tuy không phải chân trời góc bể mà còn hơn chân trời góc bể, dù có "chân trời góc bể" cũng chẳng có sức mạnh nào ngăn được tình yêu của chúng tôi.

Tôi và Ngọc Thục tin nhau. Cô ấy tin tôi trung thành với nhân dân, với Tổ quốc, tôi tin cô ấy thủy chung, đức hạnh. Đồng thời chúng tôi còn tin mùa đông sẽ qua đi, ngày xuân tươi đẹp nhất định sẽ đến. Bởi vậy trong 24 năm xa nhau này vẫn coi là thời kỳ yêu nồng nàn được ghi vào lịch sử của gia đình. Thời gian đầu bị giam giữ trong trại giam, tôi chịu được mọi sự giày vò, chỉ sợ nhất là nỗi trống trải trong nhà giam sẽ gậm nhấm linh hồn, ý chí của tôi. Giữa lúc tôi cảm thấy không thể cưỡng lại được sự đổ vỡ, thì bỗng nhận được sách của vợ gửi đến. Một người đồng chí cùng trại giam được ra trước, báo cho vợ tôi tin ấy. Vợ tôi dăm lần bảy lượt tìm đường vào mà các cánh cửa vẫn đóng im im. Cuối cùng, trời chẳng phụ công người. Qua bao vất vả, cực nhục, vợ tôi đã gặp được một vị chức sắc hảo tâm cho phép vào gặp chồng và đã cứu được tôi khỏi nỗi cô đơn trống vắng. Từ đó cứ khoảng nửa tháng lại đưa vào một lần (chỉ cho đưa vào, không được trả về, sợ gửi lẫn cái gì đó kẹp trong cuốn sách). Vì vậy xung quanh tường buồng giam tôi đã chất đầy sách.

Còn tôi mỗi khi đọc một cuốn sách, đều thấy hình ảnh Ngọc Thục ẩn hiện giữa những trang in. Đó là tưởng tượng, là ảo giác, nhiều hơn cả là sự chuyển hóa các nhân vật trong sách. Thí dụ: Natasa trong "Chiến tranh và hòa bình" - những nhân vật ấy - Ngọc Thục của tôi luôn luôn sống bên tôi suốt một năm chín tháng.

Tiếp theo là lao động cải tạo, tôi có thể gặp vợ, song những cuộc gọi là gặp gỡ này thật ra còn chua xót cay đắng hơn không gặp gỡ. Ngọc Thục đến đem theo năm đứa con mà tôi thầm nhớ. Mỗi lần đi gặp chồng, cô ấy đều mượn quần áo mới của các chú, các thím, các anh, các chị hàng xóm láng giềng để mặc cho con, cho mình, cốt sao chồng khỏi lo nghĩ về đời sống gia đình. Ngọc Thục đến đem theo trứng luộc, mì, bánh rán, cháy cơm - những thức ăn nhiều chất bổ... Trước khi đi, phân phát cho mỗi đứa ít chút bỏ vào túi áo, chờ khi tôi nhận quà chia cho các con cùng ăn thì đứa nào cũng móc túi bảo "phần của bố đấy! Chúng con có rồi! có rồi!" Ngọc Thục đến, để khỏi ảnh hưởng đến tôi, luôn luôn kìm giữ bản thân và dặn các con khi thấy bố không được để nước mắt chảy ra. Đây cũng là quy định của chế độ gặp. Nhưng sau mỗi lần gặp gỡ thấy tôi đi khuất vào cửa sắt và tường vây, cô ấy không tài nào ghìm được lòng, dắt con chạy ra xa, ôm nhau òa lên khóc. Có lúc cố nín nhịn, lấy cái đau của

da thịt giảm bớt nỗi đau thương trong lòng. Đến tận bây giờ vai vợ tôi còn mang những vết cắn đó. Một hôm, Ngọc Thục đến một mình, thức ăn đem tới cũng đặc biệt lắm: một cái phích nước, trong phích là gà hầm. Vì miệng phích nhỏ, phải xé thịt gà cho vào. Tôi vừa bước đến, vợ tôi đã mở nút phích và đưa bát đũa mang sẵn rót cho tôi ăn: "Ăn đi cho nóng. Hôm nay sinh nhật anh tròn 35 tuổi, ở nhà làm bánh trường thọ, các con chúc lạy cho bố".. Sau này mới biết, nỗi cay cực của cô ấy còn nhiều hơn thế và sự yêu quý săn sóc chồng của cô ấy cũng đâu chỉ có thế. "Trai tài khó nuôi nổi ba miệng ăn", vợ tôi vốn là một người đàn bà có gia đình, đằng sau là 5 đứa con lau nhau đòi ăn đòi mặc, sống được đâu phải dễ, mặc dù vợ tôi đã kịp thời chạy chọt mọi việc, ban ngày đi kéo xe tay ở nhà ga, ở công ty vận tải, ban đêm cùng các con làm dịch vụ đan áo len, khâu đệm giày, găng tay, làm lòng gà lòng vịt, mà vẫn không đủ tiêu, vẫn nghèo túng triền miên. Bàn chân giẫm phải đinh máu chảy ròng ròng, không chịu nghỉ, làm việc quá sức ốm ho ra máu, vẫn cứ đi làm. Bác sĩ khám bệnh cho phép phải nghỉ việc cũng không chịu nghỉ. Cuối cùng phải bán máu nuôi con nuôi chồng. Trong khoản thu nhập do chảy máu, nôn ra máu và bán máu ấy, vợ tôi đã dành phần khá hơn tiếp tế cho tôi. Thậm chí trong ba năm hạn hán thất thu lớn, tôi vẫn được ăn cá tươi, mỡ lợn, táo tàu, nên vẫn khỏe không bị nhiễm dịch

lây lan ở nông trường cải tạo lao động. Khi tôi xa gia đình, con đầu mới 9 tuổi, con út mới 9 tháng. Mẹ phải đi làm, chị và anh đi học, để con út ở nhà một mình đỡ sốt ruột Ngọc Thục đã nuôi một gà con làm bạn chơi, dần dần con gà lớn, biết chạy, bèn lấy dây buộc chân gà cột vào chân giường. Không may gà bị chuột cắn đau quá nên chết. Ngọc Thục đã đem con gà ấy bỏ vào phích nấu cháo đưa đến trại giam nuôi tôi. Tôi đâu có biết những chuyện như thế, song nỗi nhớ thương Ngọc Thục cứ cộng lên không lúc nào nguôi. Chỉ có hai cách bày tỏ lòng thương nhớ ấy, một là viết thư, hai là nằm mơ, mà viết thư thì phải viết công khai và hạn chế số chữ, nên từng câu từng chữ tôi đã gửi gắm tất cả nỗi lòng. Nằm mơ thì chẳng ai gò bó được, song không hiểu sao đêm nào nằm mơ, thì kết cục vẫn là cảnh thê lương, đường trở về nhà rải đầy gai góc giữa cánh đồng hoang, và bao giờ cũng vậy, sắp sửa đến nhà, nhìn thấy cửa, nhìn thấy Ngọc Thục đang định chạy sà vào lòng vợ, dốc bầu nhớ thương, thì bỗng tỉnh dậy để lại toàn là nước mắt và lo âu...

Năm 1962, đơn vị cũ định đón tôi về định xét bố trí công tác, thì nửa chừng đứt gánh. "Chớ quên đấu tranh giai cấp", vì chủ thuyết đó mà tôi bị gạt ra rìa, tự tìm đường sinh sống. Lúc đầu ở nhà "đuổi gà", nấu ăn cho vợ cho con. Nhiều năm qua, Ngọc Thục một thân một mình

vất vả, việc nhà việc nước, bây giờ được chia sẻ một phần gánh nặng cho vợ con âu cũng là điều nên làm. Song công việc này chẳng có thu nhập gì cả, chẳng khác gì ăn gửi sống nhờ. Chẳng bao lâu tôi chuyển sáng giúp vợ kéo xe cho nhẹ bớt phần cô ấy. Hai vợ chồng, người lôi kẻ kéo, phối hợp nhịp nhàng từ sáng đến tối cặp kè rồng rắn bên nhau. Có cái vui của "vợ kéo chồng đẩy" song rốt cuộc vẫn là công việc phụ thuộc, chỉ có thể giảm chút cường độ lao động của người kéo, chứ chẳng làm ra của cải, chẳng thể cống hiến sức lực giải thoát cảnh nghèo đói cho gia đình. Vậy là tôi lại tìm việc khác, lúc đầu bốc vác thuê; sau chuyển sang kéo xe như vợ để kiếm thêm tiền. Kéo xe là việc nặng nhọc nhất thế giới này. Sau một ngày làm việc, hai chân cứ cứng lại, hai cánh tay tê dại, vai phải phồng rộp lên bằng nắm tay. Điều này khiến tôi càng khâm phục, kính nể Ngọc Thục đã bao năm kéo xe và làm những việc nặng hơn kéo xe. Để khỏi mệt mỏi, phục hồi sức khỏe, kéo xe chạy đều, tôi đã dần dà hám uống chút rượu mà xưa nay tôi không hề nhấm nháp bao giờ. Ngọc Thục không hề ca cẩm điều gì. Cô ấy biết tôi uống rượu để đỡ mệt và giải sầu. Cho nên thường đi làm về đặt càng xe xuống, lau vội mồ hôi, chưa kịp thở, đã huơ tay vào thùng đựng gạo, gạo chẳng còn một hạt, tiện tay nhấc chai rượu lên xem, rượu cũng chẳng còn giọt nào. Thế là ba chân bốn cẳng, vác cái mặt dày sang nhà hàng xóm,

vay chỗ này vài đồng, chỗ kia vài hào, về nhà giúi cái chai và bao đựng gạo vào tay con bảo: - Mau! Mua rượu xong rồi mua gạo!

Gạo mua về, ngoài những ngày lễ, tết, còn rất ít nấu cơm, thường là nấu cháo, nấu cháo rau, nấu cháo củ cải. Khi ăn cháo, bao giờ Ngọc Thục và đứa con cả cũng vớt nước nổi ở trên, dành chút sánh ở dưới nồi cho chồng và đứa con út. Khi ăn rau xanh, nếu Ngọc Thục gặp được cuộng rau là bỏ vào bát chồng. Bắt chước mẹ, mấy đứa con cũng cứ thế làm theo. Đại cách mạng văn hóa nổ ra, tôi bị liệt vào đàn "chó chết", song vẫn chịu quản chế và bắt phạt như trước. Một trong các hình phạt đó là quét dọn vệ sinh đường phố. Tôi được giao quét dọn vệ sinh dài khoảng 1000 mét đường phố, một mình tôi, quét dọn phải mất 5 tiếng đồng hồ mới xong. Cứ dạy sớm quét từ 3 giờ đêm cũng phải đến 8 giờ sáng mới xong, mệt mỏi khỏi cần nói, vấn đề là lỡ thời gian kéo xe, đến muộn ai người ta thuê. Chuyện này rầy rà to, Ngọc Thục đã cùng các con ra làm giúp mới giải thoát được. Tôi ngăn lại "Không được! Không được! Mình là nhân dân các con là những đóa hoa của Tổ quốc". Cô ấy nhất định không chịu:

- Nhân dân thì sao nào? Đóa hoa của Tổ quốc thì sao nào? Những việc bố nó phải làm, mẹ con em đều làm được!

Tôi bảo "Không! Không! Làm việc này nhục lắm! Cực lắm". Vợ tôi gạt đi: "Nhục cùng nhục, cực cùng cực, không thì vợ chồng, bố con làm gì" - Lao động cực nhọc và hình phạt khắc nghiệt chẳng thể cướp đi niềm vui của cuộc sống gia đình. Hôm nào trời mưa phải ở nhà gia đình tôi lại bày ra đủ thứ trò chơi, vật tay, thi chống tay, chơi cờ, hát, kể chuyện... Ngoài ra tôi còn trồng nho trước sân, trồng hoa sau vườn. Nho chín tôi hái rửa dành cho Ngọc Thục chùm to mọng nhất. Hoa vạn niên thanh quanh năm tươi tốt, tôi bất cành qua song cửa vào nhà cho bò lên đầu giường Ngọc Thục để vợ tôi lúc nào cũng say đắm trong mùi thơm của hoa lá. Năm 1969, để sạch đẹp thành phố của nhân dân, loại người bẩn thỉu như tôi bị thải về thôn quê bản quán để bần nông và trung nông lớp dưới giám sát cải tạo.

Công xã nguyên quán tôi cách thành phố chừng 20km. Ngọc Thục xin nghỉ việc, tiễn tôi. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng cô ấy bỏ việc. Chúng tôi cùng đi bộ về quê. Đằng đẵng mười năm qua đi. Trong mười năm đó có lần ngày quốc khánh, ngày Tết trung thu sát với sinh nhật của tôi. Trước đây, năm nào đến sinh nhật của tôi, dù tôi ở đâu Ngọc Thục cũng dẫn các con "chúc thọ" vắng mặt cho tôi. Lần này, nhân hai ngày lễ lớn cũng muốn làm bữa cơm đoàn tụ cho thật long trọng. Mọi việc đã sắp

xếp đâu vào đấy. Ngọc Thục cho con đi đón tôi về. Song cơ quan hữu quan không cấp "hộ khẩu tạm thời", họ bảo phải tăng cường giữ gìn trật tự trị an nhân ngày quốc khánh, những người như tôi không được ở lại thành phố. Tôi sợ rầy rà, Ngọc Thục cứ nằng nặc giữ lại. Thế là tôi lén lút ở lại. Khoảng 11 giờ đêm, tôi vừa chợp mắt thì chuyện xảy ra "Đội chuyên chính nhân dân" đến kiểm tra hộ khẩu. Những ánh đèn pin loang loáng, những cái roi to đùng. Những lời vặn hỏi nghiệt ngã: "Nhà có bao nhiêu người?" Ngọc Thục đáp to: "Có tôi và mấy cháu nhỏ". "Còn ai nữa không?". "Không!". "Chồng chị chẳng về là gì?". "Không được đăng ký hộ khẩu, đi rồi". "Thật chứ?". "Thật!". "Kiểm tra nếu có thì sao?" "Các người làm thế nào thì làm". "Chặt đầu nhà chị đấy!". "Chặt thì chặt!", Những người ấy soi đèn pin và thọc gậy vào góc tường, khe cửa, gầm bàn, gầm giường, sau bếp, chẳng bỏ sót một xó xỉnh nào. Bởi vì trước khi mở cửa, cô ấy đã kịp giúi tôi nằm vào giữa những đứa con trong cái giường bé nhỏ.

Năm 1979, tôi được sửa sai, trở lại làm việc ở đơn vị công tác cũ. Tôi và Ngọc Thục hai đứa trẻ mồ côi, hai con người gỡ được sợi tơ hồng cốt chặt với nhau, trải qua phong ba bão tố, nay đã tóc bạc hoa râm. Người đời thường bảo: "Cựu biệt như tân hôn", trải qua thời kỳ mối tình đầu, thời kỳ tình yêu nồng nàn say đắm, bây giờ lại một

lần nữa chúng tôi "vui đón tân hôn". Cuộc sống tình yêu thực sự thủy chung trong trắng đang đi vào thời kỳ nhuần nhuyễn và thăng hoa. Sửa sai xong, việc đầu tiên đơn vị sắp xếp cho tôi là đi thăm núi Hoàng. Tôi sắp xếp cho mình là xin cho Ngọc Thục nghỉ hưu. "Ai đã thăm Ngũ Nhạc về thì không cần xem Ngũ Nhạc nữa". Tôi hâm mộ cảnh quan kỳ diệu của núi Hoàng từ lâu, nhưng tôi đã từ chối. Không có Ngọc Thục cùng đi thì tôi không thể hưởng thụ một mình. Ngọc Thục nghỉ hưu phải qua nhiều thủ tục rầy rà và tốn kém công sức, song tôi quyết gắng làm, tôi không muốn vợ tôi bước thêm một bước nào nữa trên con đường đầy mồ hôi, máu và nước mắt. Mười năm của thời kỳ mới, trở lại con đường đúng đắn, vạn vật đã đổi mới. Theo đà cải cách mở cửa Tổ quốc, gia đình tôi cũng trở nên có sức phồn vinh. Con cái, cháu chắt bây giờ đã lên tới mười hai thành viên. Con cái đều lớn khôn, đã lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng cả. Hai vợ chồng già, dựa vào nhau, ở chung nhà to, nằm chung giường rộng. Tôi ngủ hay ngáy, ngáy đến rung nhà, rung cửa. Vậy mà chỉ khi nào nghe tiếng ngáy của tôi, Ngọc Thục mới ngủ ngon, ngủ kỹ. Còn tôi hễ đêm nào nằm mơ tỉnh dậy sờ tay thấy Ngọc Thục vẫn nằm bên cạnh, tôi mới vững tâm ngủ tiếp được. Tôi thích ăn thịt dê, thịt bò và lươn, mà Ngọc Thục thì từ ngày còn bé đã kiêng những thứ đó, song biết nó có nhiều chất bổ, bà ấy đã cố gắng nhắm mắt nhắm mũi

làm cho tôi ăn. Thường vì việc này Ngọc Thục bị nôn ọe. Ngọc Thục thích ăn táo ngọt không hạt, tôi tìm khắp chợ mua về, không bao giờ để chiếc hộp của vợ hết táo. Tôi bị đau mắt, chẳng thuốc nào chữa khỏi. Nghe người ta bảo chữa bằng nước bọt sẽ khỏi, Ngọc Thục mặc tôi từ chối nhiều lần, nhằm lúc tôi ngủ say đã dùng lưỡi liếm vào mắt đau của tôi và quả nhiên mắt tôi khỏi hẳn. Một lần vợ tôi bị đau ruột thừa phải vào viện mổ. Tôi đứng ngóng ngoài cửa một chút tưởng bằng một năm. Cứ thế "năm này qua đi, năm khác tới", tôi nghĩ bụng và quyết định: Vạn nhất có chuyện chẳng lành tôi sẽ chạy ra cửa đông nhảy xuống sông tự tử. Trong cuộc sống hằng ngày, vợ tôi giặt quần áo, tôi đem phơi. Vợ tôi nấu cơm, tôi nhặt rau. Vợ tôi tưới hoa, tôi xách nước. Tôi tắm, vợ tôi kỳ lưng cho, lần nào thấy tôi béo lên hoặc gầy đi cũng vui hay buồn theo. Mỗi lần tôi mua thêm áo mới cho vợ, vợ tôi cũng gắt yêu một câu: "Tôi đã bảo đừng mua, nhiều quần áo thế này mặc bao giờ cho hết". Tôi liền đốp một câu: "Bà nói hồ đồ thế, sao lại không mặc hết, đến năm 120 tuổi, còn những 50 năm, tôi còn phải tiếp tục may sắm cho bà". Khi ra đường, bà ấy chẳng còn tục lại sau dăm bảy bước như mối tình đầu ngày nào, mà sánh vai cùng bước. Dọc đường sợ ướt giày, tôi thường dắt vợ vòng qua chỗ lội. Sợ tôi cận thị không nhìn rõ, bà ấy thường hẩy hòn gạch, hòn đá ra xa để khỏi vướng vào chân tôi.

Thỉnh thoảng tôi có việc đi ra phố một mình, vừa ra khỏi cửa đã vội bước nhanh, đi mau rồi về. Về đến nhà mới tự hỏi sao mình vội vàng như vậy. Bởi vì để bà ấy ở nhà một mình. Có lúc bà ấy sang chơi nhà hàng xóm, sang phòng đọc sách lấy báo hay đi chợ mua rau, thời gian lâu một chút (thật ra chưa hẳn đã lâu) tôi đã thấy sốt ruột, trách vợ: "Sao lâu thế, lên Bắc Kinh chơi đấy à?". Có lúc bà cảm thấy oan gắt lên: "Tôi chẳng có chút tự do nào ư? Ông là bố mẹ tôi sao?". Nói xong đẩy tôi vào chỗ kín hôn tay tôi - Sắp 70 tuổi, bà ấy vẫn chẳng biết hôn. Biểu hiện cao nhất của yêu mến quyến luyến chỉ là khoác tay, thơm tay... Đương nhiên cuộc sống rất phức tạp.

Mãi đến lúc này tôi và Ngọc Thục không phải không có chút gì mâu thuẫn trong lòng. Mâu thuẫn của tôi là: Khi chết lên thiên đường hay xuống địa ngục, người muốn lên thiên đường nhiều quá, chen chúc quá, mà địa ngục thì u ám tối tăm quá, cả đời tôi đã sống quá nhiều tối tăm u ám. Mâu thuẫn của Ngọc Thục là chết trước chồng hay chết sau chồng, chết trước thì để ông ấy sống một mình không chịu nổi. Chết sau thì tiếc không muốn để ông ấy đi trước. Mâu thuẫn của bà ấy cuối cùng cũng được giải đáp: chết cùng giờ, cùng ngày, cùng tháng, cùng năm với ông ấy. Mâu thuẫn của tôi cũng được kết luận: Bà ấy lên thiên đường tôi cũng lên thiên đường, bà ấy xuống địa

ngục tôi cũng xuống địa ngục. Năm tháng trôi đi lạnh lùng và khắc nghiệt. Xem ra đã đến trạm cuối cùng. Song Ngọc Thục thì bái lạy Bồ Tát, tôi thì bái lạy hồn ông Mác trên trời mong các vị cho các trạm cuối cùng của chúng tôi lùi xa hơn chút nữa, lùi xa thêm chút nữa để tôi và Ngọc Thục được đi thêm một vài năm, đi thêm vài năm nữa.

VŨ CÔNG HOAN *dịch*
(Theo "Thế giới người tình".
NXB Ly Giang)

BẠCH TIỂU DỊ

TUYỆT CẢNH

Vong Vũ lắc vai mãi, tôi mới nhận ra anh. Chúng tôi là bạn học thời trung học với nhau, nhưng đã gần hai mươi năm trời không gặp mặt. Cảm xúc thì nhiều, có phần lại quá xúc động bởi tôi nhận thấy thần kinh anh hình như có gì không bình thường. Và vì vậy nên tôi mới nói chuyện một cách dè dặt. Anh lập tức kể cho tôi nghe anh đã gặp bao nỗi bất hạnh của nhân gian như thế nào.

Câu chuyện của anh quả thật rất ly kỳ. Mấy năm trước anh đưa vợ và em gái đi du lịch, họ đã bị lạc đường giữa một vùng núi. Chạy đằng đông đằng tây, cuối cùng hoàn toàn mất phương hướng, càng lọt sâu trong rừng. Đến nằm mơ cũng không thể nghĩ rằng gặp phỉ ở đây. Anh nghĩ như có ai đó đang đùa mình vậy, nhưng anh cũng hiểu ngay rằng không thể đùa với chuyện này được. Bọn chúng đưa bọn anh vào trong một sơn động. Tên trùm phỉ thấy bọn anh chả có thứ gì đáng giá nên rất tức giận. Hắn định giết một người trong bọn họ cho hả giận.

- Vậy hãy giết tôi đi! - Lúc đó Vong Vũ xin chúng giết

mình.

Tên trùm ngạc nhiên, rồi khâm phục và thấy mất thể diện. Hắn cười nói rằng anh ta là một người đàn ông chân chính:

- Làm sao tôi có thể giết anh được, giết anh đi chẳng hóa ra tôi tự xóa thanh danh của mình sao? Sự thành tâm của trùm phỉ càng làm anh khó xử hơn, anh phải chọn một trong hai người: vợ hoặc em.

Vong kể rằng khi đó anh im lặng không trả lời: Tên phỉ cho anh ba giây để suy nghĩ. Chỉ cần để lại một người, người kia lập tức sẽ được tha cùng với anh.

Vong cầu xin chúng hãy giết anh đi. Nhưng tên trùm dứt khoát không giết anh. Và Vong im lặng.

Tên Trùm chờ mãi, hắn nôn nóng bảo anh rằng nếu không chịu chọn một người thì hắn sẽ giết cả hai, Vong vẫn không chịu đáp. Hắn lệnh cho hai tên lâu la kề dao vào cổ hai người đàn bà, và hỏi lại lần cuối xem giết ai. Vong hết nhìn vợ lại nhìn em, đôi con ngươi muốn vọt khỏi tròng mắt, nhưng vẫn không chịu mở miệng.

Thế là bọn phỉ đem giết cả hai người.

Từ đó trở đi, gặp ai Vong cũng hỏi, nếu anh trong trường hợp ấy thì xử lý như thế nào? Và đương nhiên anh cũng hỏi tôi. Tôi im lặng nghĩ mãi, cảm thấy cũng chỉ có

thể làm như anh mà thôi.

- Họ đã chết hết rồi. Khi ấy đáng ra tôi có thể cứu được một người cơ mà! Nhưng tôi cứu ai bây giờ. Ôi, những đôi mắt của họ cứ rưng rưng nhìn tôi... Tôi thật sự không biết làm thế nào! Làm sao mà tôi không nghĩ ra cách nào kia chứ. Lẽ ra tôi nên giữ lại một người. Vậy mà tôi đã đánh mất cơ hội ấy rồi. Lẽ ra một trong hai người ấy có thể còn sống một...

Tôi bỗng nhận ra rằng người mình đẫm mồ hôi lạnh. Câu chuyện này quả thực quá khủng khiếp. Tôi cũng cảm thấy có gì thật trầm trọng.

Vừa khi ấy có một người phụ nữ đứng tuổi chạy tới kéo Vong đi. Tôi bực mình chạy ngăn lại, vặn hỏi bà ta vì sao lại đối xử thô bạo như vậy với một người tâm thần.

- Anh tin vào những lời nói nhăng nói cuội của ông ta à? Tôi là vợ ông ấy! Đi thôi, ông cứ để tôi chờ ở nhà một mình mãi à?

- Gì cơ? - Tôi quá kinh ngạc - Đừng đi vội, bà là vợ ông ấy à? Bà chính là người vợ bị giết ấy ư?

- Nói bậy, bị người ta giết rồi mà vẫn còn đây ư?

- Vậy là bà không chết phải không, thế còn cô em? Chỉ có em ông ấy chết ư?

- Cái con hồ ly tinh ấy đang còn sống rất đàng hoàng.

Nó mà lại chết được ư?

- Xin hỏi cuối cùng thì là chuyện gì vậy. Bà và cô em gái ấy?

- Em gái cái quái gì, con bồ nhí của ông ấy đấy! Nó làm cho ông ấy ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Từ trước đến nay lúc nào mà tôi chả ở bên ông ấy? Ông tin những lời quái quỷ ấy à?

Vong trầm trầm quay mặt lại phía tôi, giọng bi thảm: "Tôi hết rồi".

TRINH BẢO *dịch*

BÀNH BẠCH SA

KẺ KÉO CỐI

Có người đàn bà họ Triệu sống cùng đứa con 6 tuổi. Hai người mẹ góa, con côi sống rất vất vả. Gia cảnh bần cùng, có mỗi chiếc ghế dài ban ngày để ngồi, ban đêm dùng chẹn cửa. Hàng ngày bà Triệu làm vườn, trồng trọt. Tối đến phải gò lưng xay đậu tương làm đậu phụ, thường xuyên dậy sớm thức khuya, số mệnh thật khổ.

Nhiều năm làm lụng vất vả nên bà ốm yếu, hay đau nhức xương cốt. Mấy ngày nay, bệnh đau lưng lại phát. Bà xay xong thùng sữa đậu, hòa thạch cao vào rồi vào buồng nghỉ ngơi. Khi quay ra, bà phát hiện thấy thùng óc đậu đã vơi đi nhiều. Thật đáng ngờ, có ai vào nhà đâu?

Để tìm ra nguyên nhân, một tối, bà làm xong sữa đậu rồi nấp vào sau vách để theo dõi. Chừng hút hết nửa điếu thuốc, cánh cửa bếp từ từ mở ra không một tiếng động và không một bóng người. Bà Triệu đang ngạc nhiên thì vừa lúc ấy một bóng đen lăn ra. Nháy mắt, bóng đen biến thành một con ma trọc đầu, cao gầy tay chân đầy lông lá. Con ma xiêu vẹo đến bên thùng nước đậu, vục đầu xuống

uống hết bát này đến bát khác. "Té ra con ma này ăn trộm óc đậu của ta". Không biết sức lực từ đâu, bà Triệu lao ra, hai tay túm chặt lấy cổ nó. Đôi mắt con ma biến thành trắng dã. Nó cố sức dãy dụa. Nhưng đã là ma thì làm sao chống chọi được với người sống. Nó khóc lóc thảm thiết cầu xin: "Con xin bà tha cho! Con vốn là người tốt chỉ vì nghèo khổ không có gì ăn nên chết đi trở thành ma đói. Nào ngờ dưới âm gian càng thảm hơn, cũng chẳng có gì ăn cả. Con quá đói khát nên mới liều đi ăn trộm, xin bà mở lượng từ bi tha cho con". Bà Triệu không buông, nghiêm giọng nói: "Không, mày là ma quỷ, nhất định hại người. Ta sẽ nhốt mày vào thùng, đặt lên bệ thần rồi lấy đá đập nát, mày sẽ không bao giờ còn quấy nhiễu được nữa".

Con ma khiếp sợ, run rẩy kêu xin: "Xin bà thương đến thân phận hèn mọn của con, con xin hàng ngày đến xay đậu cho bà, bà tha cho con". Nói rồi khóc lóc thảm thiết.

Bà Triệu thấy thế mềm lòng, lại nghĩ đang cần người giúp việc. Nếu con ma này giúp được mình kéo cối thì cũng là điều tốt, thế là bà tha cho nó.

Bà cũng không ngờ rằng con ma lại giữ lời hứa đến thế. Ngay tối hôm sau nó đến thật. Bà dạy nó cách cầm càng kéo cối. Ma sợ ánh sáng nên bà vặn nhỏ đèn và để cách xa. Từ đó bất kể mưa to gió lớn đêm nào con ma

cũng đến giúp bà Triệu xay đậu. Nhờ có con ma giúp đỡ, việc buôn bán của bà cũng ngày một phát đạt. Nhà cửa cũng dần dần khấm khá. Con trai bà được học hành đến nơi đến chốn, 18 tuổi tài học đã nổi tiếng một vùng. Chẳng bao lâu sau nó thi đỗ ra làm quan.

Tối hôm ấy con ma lại đến, bà Triệu bảo nó:

- Này con ma, từ ngày mai mày đừng đến đây nữa!

Con ma kinh ngạc hỏi:

- Tại sao vậy?

Bà Triệu nở mày nở mặt bảo:

- Con trai ta đã làm quan lớn rồi, nó muốn đón ta lên kinh ở cùng.

Ma nghe thế đau khổ bật khóc. Nó không muốn bà Triệu đi đâu, hơn nữa bà đi nó sẽ lại đói khát. Nó quỳ xuống trước mặt bà cầu khẩn: "Xin bà hãy mang con theo, không có bà con sẽ bị đói khát". Bà Triệu thật khó xử. Mang đi ư? Nó là một con ma! Không đưa đi ư? Thật tội nghiệp!

Nhớ lại những năm qua, nhờ có con ma giúp sức, hai mẹ con bà mới có ngày hôm nay, làm sao mình lại có thể phụ nghĩa quên ân được. Ngẫm nghĩ trước sau bà chấp nhận đề nghị của nó.

Ma sợ ánh sáng nên bà phải nhét nó vào một cái hộp,

đưa lên thuyền cùng bà đến kinh thành. Con ma rất biết nghe lời. Ban ngày nằm im trong hộp, đến đêm mới chui ra giúp bà làm việc vặt, ăn cơm xong lại về nghỉ. Không bao giờ quậy phá, làm hỏng việc. Có một lần bà Triệu sắp cơm để trên bàn chờ nó ra ăn vừa khi con trai bà ở ngoài đi vào, thấy bà sắp cơm, ngạc nhiên hỏi:

- Mẹ dọn cơm cho ai?

Bà mẹ liền kể tường tận chuyện về con ma. Nào ngờ con trai nhát gan nghe thế sợ quá lăn ra chết.

- Trời ơi, làm sao đây hả trời! - Bà Triệu cuống cuồng kêu trời đất, than khóc thảm thiết.

Khi ấy con ma chui ra. Bà Triệu kể cho nó nghe con trai bà vì sợ nên lăn ra chết. Ma ngậm ngùi nghĩ đến bà Triệu phải chịu biết bao gian lao khó nhọc mới nuôi dưỡng con khôn lớn, giờ lại vì mình mà mắc họa, lòng cảm thấy bất nhẫn nên quyết tìm cách để cứu con trai bà. Nó mò mẫm chịu biết bao khổ ải mới đến được cung điện của Diêm vương. Nó định lấy trộm thuốc hoàn linh hồn trong hồ lô dưới gối Diêm vương, không ngờ bị bắt. Con ma đành kể sự thật, Diêm vương đang tức giận định trừng phạt nó thật nặng, nhưng khi nghe sự tình về mẹ con bà Triệu thì rất cảm động, cuối cùng đã cho con ma thuốc và giục nó mau mang về cứu người.

Có thuốc rồi, con ma không dám chậm trễ một khắc,

vội lao như gió cuốn về nhà bà Triệu. Nó lấy đũa cậy mồm cậu con trai nhét thuốc vào. Một lát sau cậu ta tỉnh dậy. Bà Triệu ôm lấy con ma mừng vui khôn xiết, định quay lại cảm ơn thì con ma đã biến mất. Từ đó trở đi, con ma không hề xuất hiện lại.

Bà Triệu luôn ghi nhớ công ơn con ma, thường xuyên cùng con trai nhắc đến nó. Mỗi khi năm qua tết đến, bà thường cúng lễ hoa quả và đốt tiền vàng cho nó.

TRINH BẢO *dịch*

BÀNH KÌNH PHÒNG

ĐẬU PHỤ

Khu nhà ấy là nơi "tàng long ngọa hổ". Hai mươi mấy tòa nhà cao tầng san sát thành hàng ngay ngắn chứa hơn ba trăm gia đình đạo quân "thiên binh vạn mã", có người đã từng nắm giữ chức danh tuyên giáo, tổ chức, bí thư... ở bộ máy lãnh đạo chóp bu. Khi còn tại chức, họ đã từng hét ra lửa. Bây giờ, người thì đã già, người thì chưa già nhưng yếu, người thì không già không yếu, chỉ vì một nguyên nhân nào đó nghĩ mà bầm gan tím ruột đành phải về vườn, họ đã lần lượt kéo về khu nhà dành riêng cho cán bộ hưu trí để nghỉ dưỡng thân.

Dời sống ở đây sang lắm. Theo cấp chức trước lúc về nghỉ, người thì bốn phòng một sảnh, người thì năm phòng một sảnh, người thì 6 phòng một sảnh. Mỗi căn hộ còn có đủ nhà bếp, nhà tắm, nhà xí và ban-công đằng trước đằng sau. Chiều chiều một chiếc ghế mây, một chén nước trà thanh ngồi vắt vẻo trên ban-công ngắm cảnh liễu rủ thuyền thoi ở bờ sông xa xa, và ánh nắng chiều ngả từ màu đỏ sang màu tím rồi nâu nhạt ở chân trời kể ra cũng

thú vị đấy.

Từ khi có đàn rồng bầy hổ của dĩ vãng về đây ở, mấy dãy phố lèo tèo dần dà trở nên ồn ào nhộn nhịp; tuyến xe ca mới được mở tận nơi, một cái chợ tự mọc ngay gần đó. Những anh nhà quê biết buôn bán chở đến nào quả tươi rau xanh. Cụ "rồng" cụ "hổ" đều sẵn tiền, sức mua mạnh hơn nhiều bọn thợ thuyền khu nhà máy, lại còn đời con đời cháu của các cụ nữa chứ (người thì là rồng là hổ tương lai, kẻ thì do các cụ ông cụ bà biết nhìn xa trông rộng, nhân khi còn chức còn quyền đã sắp đặt con cháu vào những chỗ có thể thành hổ thành rồng) cũng có sức mua dồi dào lắm.

Rồng, hổ nhàn rỗi liền đi phố, dạo các cửa hàng, nhân tiện ngó xem bảng giá và cảnh ăn uống của mấy quán cơm. Ngày trước họ bận bịu công việc, từ nhà đến cơ quan ai cũng có xe đưa xe đón, đi vội về vội làm gì đến được cái nơi dân quê chen chúc. Bây giờ mới bỗng dưng thấy giá cả làm sao mà đắt đỏ thế, một đĩa thịt rán nông choèn choẹt phải trả những hai, ba đồng. Trong ấn tượng của họ, thịt ăn ngày ngày thuở trước, kể cả những món còn ngon hơn thịt cũng dường như chỉ đáng vài đồng. Đương nhiên việc nội trợ của họ đều do các bà cai quản nên trước đây cũng chẳng để tâm tới giá cả làm gì.

Có loại rồng, hổ trước kia xem thường các tài năng văn

học, nay về vườn chẳng biết làm chi, nghe con cháu khuyên tìm đọc một số tác phẩm văn học. Lúc đầu còn xem thường không say sưa hào hứng bằng đọc chỉ thị, nghị quyết. Đọc thêm một số quyển nữa mới phát hiện rằng, ngoài cuộc đời binh nghiệp của mình, thế giới này bao la nhiều màu nhiều vẻ, thần bí và hấp dẫn biết chừng nào, dần dần họ không chỉ ham đọc sách mà còn muốn làm chút thơ tình và viết hồi ký. Họ cũng có chút hối hận trước kia chỉ đạo các "cuộc vận động", mình đã đối xử tàn tệ với các nhà văn để đến bây giờ chẳng có ai là bạn văn thơ. Có vị còn lôi ra một số sách báo cũ tập viết các kiểu chữ gọi là "luyện thư pháp", khi thì thích viết kiểu chữ mềm mại uyển chuyển, khi lại thích viết kiểu chữ rắn rỏi chân phương, cũng có vị học viết ngoáy kiểu chữ con dấu, đến nỗi mấy hôm sau xem lại, ngay đến bản thân cũng không nhận ra chữ gì nữa.

Có vị muốn thăm lại những nơi mình đã từng chiến đấu ngày xưa để sửa soạn viết một cuốn hồi ký rõ dày, chỉ hiềm một nỗi nay đã khác xưa, không có chỗ thanh toán công tác phí, không có đơn vị để điều xe riêng, càng không có ai là tú tài thay ngài chấp bút, thế là tất bật chạy lên chạy xuống đòi hỏi giải quyết. Tuy mệt lắm, bấn lắm, công việc cũng chẳng suôn sẻ hài lòng, song lại cảm thấy rất thích thú.

Có loại rồng, hổ sáng dậy đi chợ mua rau, buổi trưa tưới chăm chậu cảnh, buổi tối uống vài ly rượu, tự xưng là "Rau hoa rượu" xem ra cũng đắc ý lắm!

Trong số rồng, hổ ấy, có ngài Vũ Uy vốn là một bộ trưởng ngày xưa thuộc phái trẻ. Xét về tuổi đời, ngài mới năm lăm cộng thêm tám tháng, lên một chức nữa còn làm thêm được mười năm, chẳng hiểu sao, hôm ấy ngài đang dọn tiệc rượu để mừng đại thọ năm lăm tại nhà, bạn bè và cấp dưới tới tấp đưa rượu Mao Đài, Tập Thủy Đại Khúc và bánh ga-tô... đến chúc thọ. Giữa lúc náo nhiệt bỗng máy điện thoại réo vang, ngài Vũ đành buông chén rượu, ra cầm máy nói.

Người gọi điện cho ngài là anh bạn chí thân.

- Ông Vũ ơi, biết tin gì chưa?

- Tin gì vậy?

Nghe giọng nói của bạn đầy vẻ bí ẩn:

- Này, đã để Lưu Quân tiếp nhận cái ghế của ông rồi đó.

- Cái gì? Vị nào đã nâng đỡ hắn? - Ngài Vũ kinh ngạc, men rượu cũng vơi đi quá nửa.

- Điều đó sao nói được, đương nhiên là có người nâng đỡ.

Đối phương không muốn nhiều lời.

- Mình biết thằng cha ấy cách dây một tháng đã đi công tác với *sếp* chắc là đã làm nên công chuyện.

Đối phương cảm thấy không thể nói nhiều bằng điện thoại, nên chỉ nói:

- Đừng có đoán mò! Phải bình tĩnh mới được.

Ngài Vũ vội hỏi:

- Còn mình, có sự sắp xếp mới nào không?

- Vẫn chưa biết. Mình chỉ báo tin để ông biết. Này, không được tiết lộ trước cho ai biết đâu đấy!

Không đợi Vũ Uy trả lời, đối phương đã bỏ máy. Vũ Uy ngồi phịch xuống, đệm ghế xa-lông mềm nhũn cũng như có kim có gai đâm vào da thịt. Ngài Vũ có ngờ đâu sự việc lại đường đột đến thế. Tim ngài thắt lại đau điếng.

Khi đi ra nhận điện thoại, ngài Vũ không khép cửa nên người trong buồng tiệc ai ai cũng nghe rõ mồn một, họ nhìn nhau lúng túng, chẳng biết làm thế nào. Các món ăn trên bàn cũng dường như nguội hẳn đi, rượu ngon nổi tiếng cũng trở nên chua cay khó nuốt...

Sau đó Vũ Uy đã từng chạy vạy giữa một số vị lãnh đạo để kiếm một vị trí khác, song câu trả lời ngài Vũ là: "Tuổi đến hạn rồi, nên nghỉ thôi". Có vài vị muốn giúp đỡ Vũ Uy song vì thấy xếp số 1 không ưa anh ta lắm, nên đâu dám thọc tay vào. Đừng có đùa với lửa!

Vũ Uy tức đến ốm liệt giường, liệt chiếu, tóc ngài bỗng chốc bạc gần hết, trông càng tiều tụy. Lúc đầu ngài đóng kín cửa chẳng đi đâu, chỉ buồn phiền một mình tại nhà, may mà có bà vợ mách bảo:

- Ông còn ngồi lì mãi làm gì! Buồn phiền chẳng tích sự chi. Đã đến nước này mau mau ra khu nhà hưu trí mà giành lấy một căn hộ, kẻo trâu chậm uống nước đục, có căn nào tốt bọn chúng giành giật hết!

Lúc đó Vũ Uy mới như bừng tỉnh, vội vã đến Văn phòng cán bộ lão thành, túi bụi một chầu, cuối cùng mới được dọn tới khu nhà mới dành riêng cho cán bộ hưu trí.

Lương ngài không giảm, còn tăng hàng chục đồng. Diện tích ở rộng và mới hơn so với nhà cũ, chỉ có điều bỗng dưng từ vị trí quan trọng có chiều hướng phát triển bị tụt mất thì làm sao tránh khỏi buồn phiền cô quạnh?

Đi dạo phố, trồng hoa, đánh mạt chược, tập viết các kiểu chữ và viết hồi ký, ngài Vũ Uy đều không ưa thích. Điều mà ngài ao ước là cuộc sống ngày hôm qua tuy bận rộn song quyền thế bề bề, có thể "nhất hô bách ứng". Song cuộc sống đó đã như dòng nước trôi xuôi, đóa hoa lụi tàn, đi mãi không bao giờ trở lại.

Những ngày tháng ấy, trong nhà ngài, dù là sáng trưa chiều tối, lúc nào cũng khách khứa vào ra nườm nượp. Còn bây giờ nhà cửa vắng teo, dăm bữa nửa tháng cũng

chẳng có ma nào nhòm ngó. Sợ khách không tìm thấy nhà mình, vì các căn hộ ở đây có vẻ bề ngoài từa tựa như nhau, nên Vũ Uy đã tự tay viết lên cửa chính mấy chữ: "Nhà Vũ Uy ở đây". Toi công, vẫn chẳng thấy ai lui tới.

Đêm đêm Vũ Uy ngồi lặng lẽ trên ban - công nhìn mãi vào màn đêm như mực. Một ngôi sao băng bỗng lóe lên rồi vỡ vụn trong không trung khiến Vũ Uy thở dài.

Bà vợ Vũ Uy vẫn còn đi làm. Mỗi lần về nhà bà lại càu nhàu, hôm thì chuyện đi phố gặp người nọ người kia họ tránh mặt không chào, hôm thì ca cẩm tại ông về hưu nên tôi đi đến đâu người ta cũng thờ ơ lạnh nhạt...

Vũ Uy nghe vợ phàn nàn lại càng nẫu ruột. May mà một cậu ấm làm đại đội trưởng trong quân đội và một cô con gái rượu theo đại học đều ở xa nhà, nếu không chẳng biết con trai con gái ngài sẽ còn càu nhàu với bố biết bao nhiêu chuyện? Vũ Uy không ưa đi bách bộ trong sân, ngài không quen nhìn những khuôn mặt ghẻ lạnh.

Một hôm Vũ Uy đang tựa cửa sổ suy tư, chợt thấy một đám đông ra vào căn hộ thứ 3 nhà số 9, trong số đó có cả cán bộ nghỉ hưu và nhân viên quản lý khu nhà.

Lúc ăn cơm tối, ngài Vũ nói lại với vợ hiện tượng lạ đó. Bà ta quả là một bà vợ giỏi giang. Nghe qua bà nói ngay:

- Có gì là lạ đâu. Lý chủ nhiệm ở căn hộ thứ 3 nhà số 9, ông ta được Ban quản lý khu hưu trí ủy nhiệm giám sát quản lý công việc của đội xe. Giám sát quản lý và nắm quyền là có quyền. Khu nhà này có hàng chục ô-tô các loại, có cái phục vụ cán bộ lão thành, có cái chuyên chở hàng buôn bán. Ông bảo quyền lực không to à?

Ngài Vũ thở dài một cách thản nhiên, đường đường một cán bộ cấp sư đoàn mà rơi vào cái thế chỉ nắm giữ mấy cái ô-tô thì thật à "anh hùng mạt lộ"

Khuôn mặt béo núc ních của bà vợ vênh lên, bà nói như băm bổ:

- Ông ấy à! Cứ như kẻ từ trên trời rơi xuống, đúng là đồ ngu lâu. Ăn cây nào rào cây ấy có thế cũng không biết. Ông xem đấy, lão Lý nó sống đình huỳnh chẳng ai bì nổi đâu!

Vũ Uy ngại cãi vã với vợ đành cúi đầu và cơm. Bữa nay có măng xào thịt và cá rán đều là thức ăn ngon mà ngài Vũ chẳng buồn nuốt.

Vài hôm sau ngài Vũ gặp lại vị Lý chủ nhiệm về hưu nọ. Quả nhiên ông ta có vẻ mặt hồng hào béo tốt. Hai người vốn quen nhau, trước đây ngài Vũ đã có lần cưu mang giúp đỡ ngài Lý. Còn cách xa, Lý chủ nhiệm đã đon đả chào:

- Thế nào bác Vũ Uy, tới đây có đi điều dưỡng không?

- Đi đâu?

- Nghe nói phân phối cho khu ta mấy suất đi Thanh Đảo.

- Không có suất tôi?

- Ờ, có thể là ưu tiên chiếu cố mấy đồng chí tuổi cao chức to.

Vũ Uy cũng chỉ biết nói:

- Anh lại bận rộn thêm chứ gì?

Lý chủ nhiệm cười hể hả:

- Một chút nhiệt tình còn lại thôi mà!

Sau đó vài hôm Vũ Uy bỗng nhận được điện báo của anh vợ: sẩm tối sẽ đến thành phố này. Ngài Vũ bèn gọi điện cho đội xe xin điều một xe con đi đón. Người trực ban đội xe trả lời rất mềm mỏng:

- Thưa thủ trưởng, xe đi cả rồi, hôm nay nhiều người dùng xe quá!

Vũ Uy sốt ruột:

- Tôi phải ra ga đón người nhà mà.

- Chúng tôi rõ rồi. Quả thật là hết cách, giá thủ trưởng đăng ký sớm sớm tý nữa có hơn không!

Lời đáp vẫn rất từ tốn lễ phép.

Vũ Uy điên tiết bỏ máy (nếu như trước đây, ngài đã quăng máy đi, song bây giờ đã khác, không thể quăng được).

Vũ Uy cau có hỏi vợ:

- Làm thế nào bây giờ?

Bà vợ tức tối vênh mặt lên:

- Thế nào thì thế cũng không được để anh hai tôi xuống tàu chen xe ca đi về đây, xấu mặt lắm!

- Phải rồi! - Vũ Uy càng sầu não.

Bỗng mắt bà vợ sáng lên:

- Ông không biết gọi điện cho lão Lý à, Lý chủ nhiệm ấy mà! Ông ta quản lý đội xe.

- Ông ta ấy à?

- Ông hãy nghe tôi. - Bà quát như ra lệnh. Vũ Uy đành cầm máy gọi điện cho Lý chủ nhiệm.

Lý chủ nhiệm tiếp chuyện rất niềm nở, trả lời cũng rất nhẹ nhàng:

- Không sao! Không có xe tôi bảo họ đi mượn một chiếc ở khu hưu trí khác. Anh cần lúc mấy giờ?

Nửa giờ sau, một chiếc xe Von-ga màu tro bạc quả nhiên đã đến đậu ở dưới tầng nhà của Vũ Uy.

Hôm ấy, ngồi trong xe con, ngài Vũ Uy cứ thầm than

thở mãi:

- Ôi! Quyền lực! Quyền lực!

Ô-tô đi vào phố lớn. Sau cơn mưa, dưới ánh đèn điện xanh tím đỏ vàng, lá cây ngô đồng hai bên đường biến đổi màu sắc đến kỳ lạ. Tiếng mưa rào rào, tâm tư Vũ Uy cũng biến đổi như ánh điện đèn trên đường phố...

Lại bẵng đi hơn một tháng. Một hôm bà vợ hớt hải từ đâu chạy về. Vừa bước vào cửa, bà đã nói:

- Mau lên! Mau lên! Ban quản lý khu hưu trí sắp sửa mời một cán bộ lão thành giám sát quản lý bán đậu phụ.

- Bán đậu phụ! - Vũ Uy sa sầm nét mặt.- Bảo tôi giám sát quản lý một quầy hàng xén còn được. Ai lại đi làm đậu phụ.

Bà vợ cáu tiết, ngón tay chuối mắn của bà tưởng như chĩa thẳng vào trán ông chồng:

- Thế nào? Xấu hổ à? Còn hơn chán vạn cái cảnh nằm khuôn ở nhà rồi ốm lăn ra đấy. Tôi vừa gặp Lý chủ nhiệm. Người ta có lòng tốt báo tin cho. Đó là sự quan tâm của bạn chiến đấu cũ, ông lại phớt đi ư?

- Thôi! Cảm ơn lòng tốt của ông ta!

Vũ Uy nghĩ bụng: tôi dù có mất hồn đi nữa cũng không đời nào đi bán đậu phụ. Bà vợ nóng tiết:

- Ông có đi không thì bảo? Ông không đi tôi chẳng

tha đâu!

Mấy năm qua Vũ Uy có hai điều sợ. Một là sợ *sếp*, hai là sợ vợ. Bây giờ không còn *sếp*, song cái uy của vợ thì chỉ có tăng chứ không có giảm. Bởi vậy Vũ Uy đành cất tiếng.

- Tôi chưa từng làm đậu phụ bao giờ, biết làm thế nào!

- Ai bảo ông xắn tay áo lên làm. Giám sát và quản lý cơ mà, là làm lãnh đạo, là cầm quyền!

Tiếng đáp của bà vợ xỉa xói chát chúa nghe đến khiếp. Ông chồng nín thinh. Ông nghĩ bụng: Lão Lý nó đã coi trọng như vậy chắc là còn làm ăn được. Bà vợ lại giục:

- Ông hãy mau mau gọi điện cho trưởng ban quản lý đề nghị giao việc ấy cho ông.

- Còn phải gọi điện cho anh ta làm gì?

Trưởng ban quản lý khu nhà hưu trí vốn là một trợ lý nhãi nhép dưới quyền khi ông còn làm bộ trưởng, ông còn mặt mũi nào đi van xin anh ta.

Ngón tay chuối mắn của bà vợ lại xỉa xói vào mặt chồng;

- Này, đừng có làm bộ sĩ diện hão, bao nhiêu kẻ đang rắp tâm giành giật việc ấy đấy!

Thấy chồng vẫn ngồi im, bà vợ hầm hầm đến cầm máy điện thoại. Sau khi gọi được số máy trả lời, tiếng bà trở nên dịu dàng nhũn nhặn, thấy tỉnh hẳn lên.

- Trưởng ban quản lý đấy ư? Ông Vũ Uy nhà tôi chẳng có việc gì làm, ông ấy muốn trình bày với anh. Ông ấy sẽ nguyện cố gắng phát huy nhiệt tình còn lại để tìm một việc làm. Chẳng hạn như việc giám sát quản lý đậu phụ. Sao cơ? Còn phải chờ Ban quản lý nghiên cứu ư? Vâng, vậy thì trăm sự nhờ anh giúp đỡ. Dạ, xin chào anh.

Bỏ máy điện thoại, bà hằn học nói:

- Ông còn sĩ, làm bộ làm tịch. Chắc gì người ta đã để ông làm. Trước đây ông làm bộ trưởng thì đã sao nào. Đó là trước kia. Ông nên hiểu rằng: Phượng hoàng rụng lông chẳng bằng gà ri.

Biết tính vợ đã càu nhàu việc gì là dai như đỉa đói, ngài Vũ Uy đành phải mở đài nghe kinh kịch. Ngài ưa nhất là vở *Bá vương biệt thiếp* "Sức bạt núi, khí trùm đời, thời bất lợi, ngựa không ngơi..." Lời bi tráng thê lương thường khiến ngài mủi lòng thở vắn than dài.

Sau một cuộc vật lộn, tuy có nhiều tay cạnh tranh công việc giám sát quản lý đậu phụ, song do có Lý chủ nhiệm hết lòng giúp đỡ, cuối cùng việc bán đậu phụ đã vào tay Vũ Uy.

Đối với khu nhà đông tới một hai ngàn con người này thì một miếng đậu phụ cỏn con cũng đủ khuấy động thần kinh của từng gia đình, đậu phụ ở đây rẻ hơn nhiều so với thị trường tự do (một ki-lô-gam ở đây có chín hào,

ngoài chợ phải mua một đồng mốt, mà chất lượng còn kém hơn). Vì thế, gia đình nào cũng thích mua ở đây. Song cũng phiền toái lắm, người thì ưa mềm, kẻ lại thích rắn, người muốn mua sớm, kẻ lại thích muộn, có người lại tham mua nhiều. Hơi không vừa lòng là họ chau mày khó chịu, đến muộn hết phần thì cáu lên chửi đổng. Lúc đầu có một thợ chính và hai ba thợ phụ: làm việc này quả tình là bận túi bụi nên ban quản lý quyết định mời một cán bộ lão thành có uy tín cao đảm nhiệm việc giám sát quản lý.

Bà vợ sợ ông chồng "lâm trận" rụt rè, lại giảng cho một thôi một hồi đến quá nửa đêm. Bà vừa khuyên vừa đe: nếu không làm đến nơi đến chốn bà sẽ bỏ đi. Vũ Uy đành phải lao đầu vào chỗ nồng nặc mùi chua đậu phụ. Gắng hết sức một chầu, ngài mới chỉnh đốn được cái cơ ngơi nát bét ấy. Ngài quy định số lượng hàng ngày cho từng gia đình, lại hạch toán giá thành và bịt các lỗ rò ri tham ô lãng phí nên đã giảm giá mỗi ki-lô-gam đậu phụ từ chín hào xuống tám hào bốn xu. Đừng xem thường 6 xu đâu nhé! Cứ đặt con tính mà xem, mỗi ki-lô-gam giảm được sáu xu, một trăm ki-lô-gam sẽ là sáu đồng. Gia đình nào một năm chẳng dùng tới trăm ki-lô-gam đậu phụ? Hơn nữa từ rày đổ đi cán bộ hưu trí chẳng còn ai có hy vọng lên chức lên lương, nhà nào cũng phải tính chi ly từng xu

từng hào.

Đùng một cái tên tuổi Vũ Uy làm náo động cả khu tập thể. Nhiều gia đình tấm tắc khen Vũ Uy là người biết làm ăn. Có người giơ miếng đậu phụ ngon lên khen trước mặt Vũ Uy:

- Xem đây này. Vũ bộ trưởng có cừ không cơ chứ! Ôi, tiếc thay, tuổi chưa cao lắm đã về hưu...

Nhiều người trước đây gặp Vũ Uy cứ lơ lơ chẳng nói chẳng rằng thì bây giờ cũng gật đầu chào hỏi một cách khách sáo.

Vũ Uy cũng thấy lòng chộn rộn vui vui, làm có chút việc nhỏ nhoi mà cũng được tiếng thơm cơ đấy. Một hôm Vũ Uy dậy sớm ra kiểm tra quán làm đậu. Có anh lái xe tới gặp. Anh ta bảo gia đình cưới vợ cho em trai phải bày tiệc rượu cần mua vài ván đậu phụ. Giá vào lúc khác chỉ cần giúi vài điếu thuốc vào tay mấy chú thợ phụ là có thể bê đi liền, song hôm nay có mặt Vũ Uy, mấy chú thợ đâu dám nhận lời, đành phải đáp:

- Xin anh hỏi Vũ bộ trưởng.

Anh lái xe đến nài nỉ Vũ Uy.

Chỉ tính số lượng đậu phụ ít ỏi bán hôm nay mà bê đi vài ván thì ắt sẽ có nhiều người hết phần, rồi đâm ra sinh sự mè nheo, rước vạ vào thân. Vũ Uy thấy anh lái xe thuộc

đội xe con và việc cưới xin không thể để chậm trễ, nên quyết đoán liền. Ngài ra lệnh bảo mấy chú thợ lấy thêm đậu tương xay vài thùng đậu nước. Thấy mấy chú thợ mặt khó đăm đăm không muốn làm. Vũ Uy liền động viên:

- Đừng có iu xìu như thế, tôi sẽ trả lương cho các cậu theo quy định làm thêm giờ trong ngày nghỉ lễ.

Trước khi bưng đậu phụ đi, anh lái xe cảm ơn rối rít:

- Xin đa tạ, đa tạ Vũ bộ trưởng.

Vũ Uy nghe mà nở từng khúc ruột. Ông ta cũng cười đáp:

- Lấy vợ là việc vui lớn sao lại không giúp đỡ.

Một hôm, sau bữa cơm chiều, Vũ Uy sửa soạn đi thăm bạn. Xe ca chật quá, ngài phải cuốc bộ. Thầy thuốc bảo rằng người cao tuổi phải đi lại vận động nhiều. Vũ Uy không tập khí công, ngày thường chỉ đi bách bộ.

Vừa ra khỏi cửa vài trăm bước thì phía sau có một xe con lao tới rồi dừng trước mặt Vũ Uy độ chục mét. Đó là anh lái xe mua đậu phụ hôm nào.

- Xin chào Vũ bộ trưởng. Ngài đi đâu vậy?

- Mình tới đường Bắc Kinh thăm bạn.

- Mời lên xe, tôi đưa ngài đi.

- Ấy, không! Không! Mình đi bộ cũng được.

- Mời ngài cứ lên. Trưởng ban quản lý cử tôi lên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đón người, tiện đường ấy mà, mời ngài lên xe.

Vũ Uy đành phải bước lên xe. Chiếc xe lao vun vút, chẳng mấy chút đã đến nơi. Lúc xuống xe, Vũ Uy nói:

- Cảm ơn cậu! Xin gửi cậu mấy cây số xăng xe.

Anh lái xe huơ tay gạt đi:

- Vũ bộ trưởng, sao ngài cẩn thận thế? Cho qua, cho qua!

Rồi anh ta dấn ga cho xe lao nhanh vun vút.

Người bạn mà Vũ Uy đến thăm vừa đúng lúc ra khỏi nhà đi dạo mát. Nhìn thấy Vũ Uy đến vội reo lên:

- Hiếm có! Hiếm có! Đến nửa năm nay không thấy anh đến thăm.

Ngài Vũ đáp:

- Bận mà!

Bạn lại hỏi:

- Nghe nói dạo này anh làm đậu phụ cho khu hưu trí có phải không?

Vũ Uy gật đầu. Bạn ngài liền khuyên một cách thành thật:

- Ông ơi! Mình bảo nhé: Đã nghỉ hưu rồi, thì cứ việc

nghỉ ngơi cho thoải mái, làm đậu phụ làm gì, chẳng hay ho gì đâu!

Vũ Uy nhìn ráng chiều đang chuyển từ màu hồng sang màu tím ở chân trời, mỉm cười:

- Hay ho chứ! Rất hay ho là đằng khác.

VŨ CÔNG HOAN *dịch từ*
Tân Hoa văn trích - *tháng 4 - 1988*

BÀNH THỤY CAO

ĐẤT SAY

Ngôi nhà của Bạch Sâm lọt giữa những thửa ruộng mầu mỡ nối tiếp nhau, chỉ cách cánh đồng lớn một con đường đất. Con đường mọc đầy cỏ gà. Gió đồng mặc sức luồn vào mọi căn phòng của ngôi nhà cửa lớn, cửa nhỏ đều mở toang. Mùi bùn, mùi hoa, hơi nước hòa trộn vào nhau từng đợt, từng đợt ào vô, dễ khiến người ta say được.

Bách Sâm và Bách Lâm ngồi đối diện nhau, uống rượu. Thức ăn bầy trên chiếc bàn nhỏ, thứ nào cũng bóng nhẫy dầu rán và tương, có đủ rau, đậu, cá. Hai người ăn uống chậm rãi, chai rượu trắng đã vơi nửa.

Bách Sâm và Bách Lâm là hai anh em. Tiếng Trung Quốc chữ tượng hình, Sâm hơn Lâm một chữ mộc nên là anh. Hai người cách nhau sáu tuổi, nhưng cứ nhìn mặt thì người anh phải hơn em đến hơn mười tuổi. Cả hai đầu cắt cua, tóc người anh đốm bạc, tóc người em còn đen nhánh. Gương mặt khô khốc của người anh đầy nếp nhăn, gầy trơ xương. Người em thì ngược lại, da mặt láng bóng, lúc nào cũng như vừa rời bàn tiệc. Làng xóm coi sự khác

biệt này là do sự phân công khác nhau của xã hội: người anh từ trước tới giờ chuyên cày ruộng, người em thì chuyên giữ chức chủ tịch xã. Tuy nhiên, dù có thế nào họ vẫn là hai anh em, đối với nhau rất tốt, nổi tiếng trong làng. Hàng xóm láng giềng vẫn lấy anh em họ làm gương. Anh em nhà nào tranh chấp nhau, bà mẹ đều bảo: "Chúng mày cãi nhau cái gì! Hãy xem anh em nhà Bách Sâm, Bách Lâm đấy, chúng mày phải ngượng chứ! Anh em nhà người ta tuần nào cũng cùng nhau uống rượu, đến nay đã mười mấy năm rồi, thật là hòa thuận! Còn chúng mày, gà cùng một mẹ đá nhau, sao không chết đi!".

Mỗi tuần một lần cùng ăn uống chuyện trò, ai ai cũng thấy. Từ lúc anh em ra ở riêng, đến nay quả đã mười mấy năm thật. Tấm gương đó, khoan nói khắp huyện, thử tìm khắp vùng này xem được mấy nhà. Đâu cũng thấy anh chị em cãi cọ, đánh chém nhau. Ăn ở tốt với nhau cả đời như anh em Bách Sâm, Bách Lâm, không khiến người ta kính trọng sao được, không khiến người ta thèm muốn sao được.

Nồi cháo cạn nước sôi lục đục. Có mùi khét.

Người em nói:

- Mũi anh thính chứ?

Người anh nói:

- Chú nói cái gì?

Người em nói:

- Cháo khê rồi, hạ nhỏ lửa xuống.

Người em là chủ tịch xã, quen sai khiến mọi người. Người anh đi về phía bếp lò, dùng que cời vun than ướt vào giữa, giảm bớt ngọn lửa. Đưa mắt nhìn, thấy trong lòng bếp nóng hừng hực tối đi một chút, người anh đứng dậy trở lại chỗ ngồi, đôi mắt cũng chợt tối đi.

Người anh ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, cảm thấy nóng, bèn phanh cổ áo nói:

- Hừ, vừa mới qua lập hạ mà nóng không chịu nổi.

Người em nói:

- Nóng dữ thật, năm nay nóng sớm.

Người anh nói:

- Trời bắt đầu nóng, sâu bọ cũng ra nhiều. Tuần sau tôi bắt con rắn làm thịt mời chú ăn.

Người em nói:

- Thịt rắn em cũng đã ăn rồi. Hôm trước đội chăn nuôi mời, nhưng chúng nó nấu kém, thịt không mềm lại không tươi.

Người anh nói:

- Hỏng bét rồi. Giết và làm thịt rắn tuyệt đối không

được dùng dao hoặc các vật sắc bằng sắt. Phải dùng mảnh sành hoặc thủy tinh sắc.

Người em nói:

- Các bác sĩ cũng thừa nhận, ăn thịt rắn có nhiều cái tốt.

Người anh nói:

- Lại còn phải bảo, ăn thịt rắn nhiều phòng được bệnh mụn ngứa, bệnh phong, da dẻ tốt lắm. Phàm người mắc bệnh nhiệt ăn thịt rắn đều tốt.

Đôi mắt người em vốn sáng, rượu vào bốc lên biến thành mầu đỏ, nơi khóe mắt hắt ra cái gì đó khó hiểu. Anh ta nháy mắt phấn khởi hỏi:

- Thật anh bắt được rắn chứ?

Người anh nói:

- Sao lại không bắt được? Chú quả không đáng làm người làng nữa. Ngày xưa ruộng phá bờ, dùng thuốc trừ sâu, tôm cá, rắn lươn đều hiếm. Bây giờ chia ruộng rồi, vạn vật đẻ nhanh nhiều, kiếm con rắn có gì khó.

Người em hỏi:

- Rắn ráo chứ?

Người anh đáp:

- Tất nhiên là rắn ráo. Chú thích ăn nướng à?

Người em nói:

- Hôm qua đội chăn nuôi mời ăn, nhưng thịt không ngon. Cá cú thịt mới tuyệt vời.

Người anh giật mình hỏi:

- Chú ăn thịt cá cú, liều mạng nhỉ?

Người em nói:

- Đâu có. Lúc chưa gắp, quả có sợ.

Người anh cười cười, nói:

- Điều này chú nói thật. Chú là chúa sợ chết.

Người em nói:

- Bọn họ chuyên ăn thịt cá cú, bảo: đừng có sợ, cá cú moi hết ruột gan, sửa sạch máu thì chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Họ còn chuẩn bị sẵn cả rễ lau, nói chẳng may trúng độc có thể lập tức giải độc.

Đôi mắt sáng lên, người anh hỏi:

- Mùi vị thế nào, có ngon không?

Đôi mắt cũng sáng lên, người em lúc lắc đầu nói:

- Còn nói thế nào được nữa. Ăn cá cú rồi, các thức khác đều như rác cả. Cũng coi như mở rộng được kiến thức.

Người anh lườm em, nói:

- Chú hay đi ăn cơm khách, cũng mở rộng được kiến

thức đấy nhỉ?

Người em nhấp một hụm rượu, không giấu nổi tự mãn nói:

- Chẳng có cách nào khác, mình là quan phụ mẫu của cả xã mà.

Người anh nhăn mũi, nhìn người em gần như miệt thị. Anh ta chẳng bao giờ coi người em là quan phụ mẫu cả: Ngữ ấy mà cũng là Chủ tịch xã. Thuở nhỏ, học thì dốt đặc cán tàu, lưu ban mấy lớp, chữ viết cho đến bây giờ vẫn như gà bới. Láo thì thành thần. Buổi sáng đi học bị thầy giáo mắng, buổi tối đem chậu nước đái đặt ở cửa ra vào nhà thầy. Thầy mở cửa bước ra dẫm phải, mùi khai đeo cả buổi. Học mãi mà thi vào cấp hai không đỗ. Loại người như thế mà lại được chọn làm cán bộ. Nói về học vấn: đến tí, sửu, dần, mão cũng không hiểu, nói về làm ruộng thì không phân biệt nổi cày, bừa, cuốc, thuổng. Tóm lại và văn dốt, võ dát nhưng gặp vận đỏ cứ lên vùn vụt: Từ đội phó sản xuất lên phó bí thư hợp tác xã. Mấy năm trước đây được cử đi học một lớp bồi dưỡng chính trị kiếm được mảnh bằng dọa mọi người sợ hết hồn, thế là leo lên làm Chủ tịch xã. Người khác không biết tổ chấy ở đâu, còn ta là anh mi, chả lẽ ta lại không biết rõ mi. Một người như thế làm Chủ tịch xã hỏi dân xã trông mong gì được.

Chủ tịch xã thấy anh im lặng bèn đứng dậy bước ra

ngoài, vạch quần đái ngay cạnh cửa. Gió đầu mùa hạ mát rượi gợi lên cảm giác thỏa mãn khiến người em sung sướng muốn kêu lên. Người em ngẩng đầu phóng tầm mắt nhìn ra xa, ôm trọn cả xã và mấy cánh buồm trắng trôi chầm chập trên sông Hoàng Phố, càng thấm thía sức mạnh của một chủ tịch xã. Tiếng nước tiểu phóng xuống đất mạnh mẽ và vang xa khiến người em cảm thấy tự tin vào sức lực sung mãn của mình, miệng lẩm bẩm: "Dương khí còn vượng lắm!" Bất giác cười thành tiếng.

Người em vừa bước vào thì người anh ra thay.

Người anh hẳn có bệnh. Buồn đi tiểu là vậy, mà mãi không tiểu được. Chủ tịch xã lắc đầu cười nhạt. Anh ta cũng chẳng coi anh mình là gì. Năm mươi tuổi rồi vẫn chỉ xới đất, đầu óc cổ hủ, gàn dở. Kêu đi làm kế toán cho đội, một cơ hội tốt để thoát khỏi việc chân lấm tay bùn, mưa không tới mặt, nắng không tới đầu, lại không chịu đi. Nói nhà có một người làm cán bộ, đủ rồi, đi thêm người nữa dân làng lại bảo trục lợi. Dào ơi, trục lợi gì? Em thấy nhiều rồi. Lại bảo đi làm ở cửa hàng đại lý, bán thuốc lá, bán thực phẩm, việc nhàn nhã, cũng không đi, kêu sợ dính dáng đến tem phiếu. Gàn dở thế hỏi làm sao có đời sống tốt đẹp được. Chỉ độc trông vào cày mấy sào ruộng, nuôi vài con lợn lại muốn nhậu nhẹt hàng ngày! Sống suốt đời như thế thà chết còn hơn.

Tiếng tiểu ở ngoài cửa nhỏ, ngắt quãng, không liền mạch. Chủ tịch xã lại lắc đầu. Ôi, ông anh như mặt trời sắp lặn rồi. Nghe kiểu này chắc nước tiểu rớt ngay nơi chân. Thân xác yếu ớt vậy, sống còn có ý nghĩa gì nữa. Làm anh đàn ông phải như em đây, cuộc đời mới có hương vị chứ. Người em cười, cảm thấy mình hơn đứt người anh, sung sướng đến run lên.

Người anh bước vào, ngồi xuống, tợp một hụm rượu, khà một tiếng, nhắm mắt để cho rượu từ từ trôi qua miệng, thực quản xuống dạ dày, để cảm thấy cái nóng của rượu vẽ nên một đường cong dài, sau đó mới hé miệng, mở mắt. Ngụm rượu không những làm cho người anh khoái trá, mà kỳ lạ thay còn làm anh ta cảm động. Khi anh ta mở mắt thì nước mắt cũng ràn rụa.

- Em nghĩ anh phải cai rượu rồi.

Người em chợt cao giọng nói với anh.

Người anh giật mình nhìn chăm chắm vào em, giận dữ hỏi:

- Bảo anh cai rượu? Có thật chú nghĩ vậy không?

- Em thấy sức khỏe anh càng ngày càng yếu,- người em nói.- Rượu là thứ làm hại sức khỏe. Anh có đọc báo không? Cồn rượu làm giảm tuổi thọ. Uống rượu nhiều mắt cũng kém. Người vợ uống rượu cũng ảnh hưởng đến việc nuôi

con. Em nghĩ, đối với anh phải cấm rượu. Cấm có nghĩa là không nên uống hàng ngày. Mỗi tuần anh em cùng nhau uống một bữa thì chả sao.

- Nghe báo có ăn cám, - người anh nói.- Trung y thì lại cho rằng, uống chút rượu lưu thông mạch máu, chỉ có tốt, không có hại. Uống rượu hại mắt ư? Tại sao mắt anh không vằn đỏ mà mắt chú lại vằn đỏ. Còn nói ảnh hưởng đến con cái, thì anh đã qua tuổi ấy lâu rồi. Chú đừng nghe báo viết láo khoét. Chú đọc báo về nhà nói láo, lại còn nói láo khắp cả làng.

Người em khó chịu, rít liền mấy hơi thuốc, phát ho khan.

- Ngược lại, anh khuyên chú nên bỏ thuốc, - người anh nói. - Thuốc lá cũng là thứ có hại.

Đôi mắt người em đỏ lên, nhìn anh với vẻ thù địch, hai ngón tay kẹp chặt điếu thuốc như sợ bị cướp mất.

- Bảo em cai thuốc? - Giọng người em lạc đi. - Anh tưởng tượng ra đấy chứ?

- Anh thấy chú ho, ho dữ hơn trước. Thuốc lá có nhiều độc tố. Đài phát thanh nói, các nhà khoa học thí nghiệm, thấy chất độc trong một điếu thuốc lá có thể giết một con ngựa. Chả nhẽ chú chịu độc khỏe hơn ngựa ư?

Người em cười nói:

- Đài phát thanh mới đích thực là láo toét. Tại sao đến bây giờ em vẫn không bị chất độc thuốc lá giết chết?

Người anh nói:

- Hút thuốc không chết ngay, mà chết từ từ, gọi là tự sát dần dần.

Người em nói:

- Thôi đi, người ta sống đấy cũng có nghĩa là đang chết đấy. Em làm Chủ tịch xã, không hút thuốc lấy gì tiếp khách, lấy gì làm tư thế. Bỏ đi, sống chẳng còn mấy ý nghĩa nữa.

Người anh nói:

- Thì thôi, anh không khuyên chú cai thuốc nữa.

Người em nói:

- Thì em cũng không khuyên anh cai rượu nữa.

Vậy là hai người tiếp tục uống rượu, đầu cúi thấp, không nói một lời.

Một con mèo lượn đi lượn lại dưới chân hai người, kêu gù gù nhưng không đòi ăn. Lửa bếp cũng tắt ngấm. Căn phòng mát dịu đi.

Thời gian trôi qua, hai anh em đều lơ mơ. Nhìn ra như có hai người em, hai người anh. Mượn rượu say, hai anh em bắt đầu to tiếng.

Người em nói:

- Bách Sâm, anh nên bớt đi lại với cái mụ góa ngoài xóm, dân làng bàn tán ồn cả lên.

Người anh nói:

- Chú nói lăng nhăng cái gì đấy. Tôi chỉ những lúc đi đưa củi, đi gánh nước mới vào ngồi nghỉ. Chồng người ta đi làm cho xã, ngã từ tầng sáu xuống chết, chú không hỏi han giúp đỡ lại còn vấy bùn, có là người hay không?

Người em nói:

- Ai vấy bùn anh. Người dân có thư tố cáo gửi lên xã kia kìa.

Người anh nói:

- Thư của người dân nào, chú cứ thử nói tên ra coi, tôi thì vặn đầu nó đằng trước ngược ra đằng sau.

Người em nói:

- Người ta sợ anh báo thù, mới không ký tên. Mà dù có ký tên tôi cũng không nói với anh. Đó là kỷ luật Đảng.

Người anh nói:

- Thôi thôi! Kỷ luật Đảng, chú bôi xấu Đảng thì có. Người ta cưới nhau, chú đến đánh chén. Người ta mừng đầy tuổi con, chú đến đánh chén. Người ta dựng nhà mới, chú đến đánh chén. Nhà người ta có người chết, chú cũng

đến đánh chén, chú đánh chén ở đội chăn nuôi, ở nhà trồng nấm, ở xưởng cơ khí. Đều tay không đi ăn chạc, lại còn nói đến Đảng.

Mặt người em càng đỏ tợn:

- Anh đừng nói bừa.

Ngược lại, mặt người anh trắng bệch:

- Ai nói bừa?

Người em nói:

- Tóm lại anh đừng dan díu với người đàn bà góa ngoài xóm nữa. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi, cứ tiếp tục thì chỉ thân bại danh liệt mà thôi.

Người anh nói:

- Thôi thôi, chú cũng đừng ăn Đảng nữa, thật đấy.

Người em nói:

- Ái chà chà, Đảng mà ăn được à? Anh say rồi.

Người anh nói:

- Sao lại không ăn được? Chú không phải ba ngày hai bận ăn đó sao. Có mà chú say.

Có tiếng chân nhiều người. Một đám dân làng qua đường, thấy anh em Bách Sâm ngồi uống rượu liền tụm lại.

- Ông cả, uống rượu vui vẻ chứ?

- Vui, vui. Chúng tôi nhấm nháp một tý ấy mà.

- Chủ tịch, anh em đồng chí hòa thuận đến già đấy nhỉ?

- Ừ, ừ. Hòa thuận đến già.

- Mọi người được như anh em nhà đồng chí có phải đời tốt biết bao không?

- Vậy hả? Tốt lắm, tốt lắm.

- Ăn ngon nhé!

- Ăn ngon, ăn ngon. Các đồng chí lại cùng uống chút nhé?

Tiếng bước chân lại vang lên. Đám dân làng cảm kích, tản đi.

Hai anh em nhìn nhau, im lặng.

Lần nào cũng như vậy. Người ngoài không biết được. Anh em họ cũng chẳng để người ngoài biết. Bảo vệ danh dự của gia tộc cũng là sứ mệnh mà anh em họ ngầm thỏa ước với nhau.

Nghĩa là mỗi lần mọi người nhìn thấy anh em họ ngồi uống với nhau cũng là mỗi lần họ hoàn thành sứ mệnh đó. Đến lúc phải chia tay rồi.

- Tuần lễ sau lại đến nhé. Anh bắt con rắn làm thịt chú ăn.

- Vâng tuần lễ sau lại đến. Có bình rượu Cổ Tinh đội thủy sản biếu, em sẽ mang lại.

- Được rồi! Được rồi!

- Được rồi! Được rồi!

Lại một cơn gió mát thổi tới. Tiếng còi tầu trên sông Hoàng Phố ngân nga trong không trung. Mặt đất đầy hoa vàng sáng lên dưới ánh trăng làm cho người say càng thêm say.

HÀ PHẠM PHÚ *dịch*

BÀO XƯƠNG

CỎ CHI CHI

Người nằm mơ đều là mơ mơ hồ hồ cả.

Tôi rất thích nằm mơ.

Giấc mơ của người, có giả có thật. Giấc mơ của tôi thường là những hồi ức về người thật việc thật.

Hôm nay tôi lại nằm mơ về hai mươi ba năm trước. Năm ấy tôi lên năm. Lúc ấy tôi nhìn trần thế cũng chỉ là mơ mơ hồ hồ.

*

* *

Ba đón tôi đi.

Khi ấy tôi ở nhà cô Chương, kể từ khi tôi biết nhớ. Tôi đã ở nhà cô Chương. Tôi không có mẹ. Tôi gọi cô Chương là mẹ. Cô Chương cười nói:

- Trước kia con cũng có mẹ.

- Thế thì con phải đi tìm mẹ con!

Cô Chương không nói nữa, ôm tôi, hôn mấy cái liền.

Về sau tôi mới biết rằng, mẹ bỏ tôi đi mất. Từ khi ba tôi là phần tử "phái hữu", mẹ bỏ đi, không về nữa. Tôi chưa biết mặt mẹ. Nhưng "phái hữu" là cái gì? Tôi không hiểu.

Nhà cô Chương ở Bắc Kinh, một ngôi nhà lớn. Trong đó có năm gia đình, rất vui. Qua cổng lớn là tường hoa, trước tường hoa có bể thả sen. Bể thả sen không thả sen, mà nuôi cá. Tôi xin cô Chương mua cho mấy con cá vàng, thả trong bể nuôi. Về sau cá vàng bị Tiểu Hoa chén mất. Tiểu Hoa là con mèo, nó rất thân với tôi. Tôi ôm nó, nó gừ gừ. Vậy mà nó ăn trộm cá vàng! Hư thật!

Cả nhà cô Chương ai cũng tốt với tôi. Chồng cô Chương cũng giống như ba tôi, là "nhân viên địa chất" gì đó, đi miết. Bác là bạn học của ba tôi, cô Chương cũng là bạn học của ba tôi. Mỗi khi ba tôi về, tất cả đều vui lắm, quây lại uống rượu, ăn cá ăn cua. Tôi không thích ăn cua, mắc răng. Tôi thích ăn món cá cô Chương làm, thơm thơm, ngọt ngọt. Cô Chương bảo đó là "phong vị" của quê hương cô. Sao lại gọi là "phong vị", tôi chả hiểu.

Cô Chương có một người con gái, hơn tôi một tuổi, tôi gọi bằng chị. Cô Chương không có con trai, cô gọi tôi là con nuôi. Tôi nói:

- Con gọi cô bằng mẹ.

Cô cười, lại ôm lấy tôi, hôn một cái. Nhưng cô nói:

- Con ngốc nghếch, dại khờ lắm. Con chẳng khôn ngoan được bằng chị đâu!

Tôi không chịu.

Đá cầu, đá bóng, tôi đều thắng chị. Nhưng nhảy ô, tôi chịu, nhảy dây chun lại càng kém. Nhảy dây chun là trò của con gái, tôi chẳng thèm chơi.

Cô Chương rất bận, cô đi làm hàng ngày. Cô làm trong Bộ Địa Chất ở Thượng Tú. Mỗi khi ra khỏi nhà, cô đeo chùm chìa khoá vào cổ chị. Chúng tôi đi chơi, chơi mãi, chơi mãi, chị chơi đến mất cả chìa khóa, không vào được nhà, ngồi ở bậc thềm khóc.

Cô Chương đã từng đưa chúng tôi đi thăm phòng bảo tàng địa chất. Ở đấy, có đủ các loại đá, đủ màu sắc: Màu đen, màu trắng, màu hồng, màu lục, màu lam, màu vàng, màu bạc... màu gì cũng có. Tôi chẳng hiểu sao lại phải đặt nó vào tủ kính. Nó đáng giá gì? Mỗi khi Hội trường Bộ Địa Chất có biểu diễn, chúng tôi đi xem. Tôi được xem "Bạch Mao nữ", được xem "Náo Thiên Cung", lại được xem cả "Mã Lan hoa". Con thỏ trắng trong "Mã Lan hoa" còn ngoan hơn con tiểu Hoa bắt trộm cá.

Chúng tôi cũng được đi chơi Bắc Hải, Cố Cung, Di Hòa Viên, vườn thú. Tôi thích đi vườn thú nhất. Tôi khoái con gấu mèo, con khỉ con voi mũi to. Tôi chỉ không thích con trăn. Cô Chương bảo con trăn toàn ăn thịt thỏ con.

Tôi ghét nó. Tôi cũng rất khoái hươu sao. Cô Chương bảo: "Sau này vào rừng, tôi có thể nhìn thấy những con hươu đẹp hơn".

Chúng tôi còn ăn kem, ăn kem buốt lắm. Lại còn mua cả bóng bay. Chị với tôi, mỗi anh một.

Cô Chương đối với tôi thật tốt.

Cho nên tôi không muốn đi, không muốn dời khỏi nhà cô Chương. Tôi khóc. Tôi thấy ba tôi, cô Chương, chị đều khóc.

Nhưng không đi không được, mấy năm ấy đói kém to, nhà cô Chương cũng mỗi ngày một túng bấn, các gia đình khác trong khu nhà ấy cũng mỗi ngày một bần cùng.

Trước kia chúng tôi ăn uống ngon lắm. Gạo trắng, bột mỳ, cá, thịt, miến, rau, lại còn cả lạc nữa. Bây giờ chẳng có gì. Toàn húp cháo loãng, ăn dưa muối, màn thầu (bánh mỳ hấp), lại còn cả bánh đúc ngô trộn cám.

Ba cứ một mực cảm ơn cô Chương, nói:

- Đều là khó khăn cả. Tôi không thể chất thêm gánh nặng cho các bạn. Thôi cứ để cháu đi với tôi.

Như vậy là ba mang tôi đi.

Tôi chẳng hiểu thế nào là "gánh nặng"! Tôi nặng gì?

*

*   *

Ba đưa tôi đến thảo nguyên.

Chúng tôi ngồi xe lửa, ngồi ô tô. Đi xa lắm, xa lắm. Chúng tôi không được rửa mặt, người ngợm đầy bụi đất, ăn lương khô, uống nước trong bi đông sắt tây. Tôi mệt lắm. Ôtô dừng lại một cái là tôi lăn ra ngủ.

Cuối cùng chúng tôi cũng tới được thảo nguyên. Ôi! Thảo nguyên, rộng vô cùng, rộng lắm.

Mọi người đều ở trong lều bạt. Những người ở đây gọi là đội thăm dò, có rất nhiều cô chú, cũng có cả mấy bạn nhỏ như tôi. Chúng tôi gặp nhau một cái là quen ngay.

Có một số cô chú làm việc trong lều. Các cô chú ấy suốt ngày viết viết, vẽ vẽ, lại còn lấy tay quay quay những chiếc máy tính gì đó. Ba với các cô chú ấy đều là chỗ quen biết, nhưng ba thì "lao động", ba đi cùng với công nhân, trên lưng đeo những máy đo từ, máy trọng lực gì gì ấy, hàng ngày phải đi rất xa.

Có khi ba phải đi nhiều ngày, mang cả tôi đi theo. Tôi thích lắm, bởi tôi có thể dong chơi, chơi thỏa thích trên thảo nguyên. Thảo nguyên toàn là cỏ, các kiểu, các loại cỏ; còn có cả hoa, các kiểu loại hoa. Hoa và cỏ đều có hương thơm, tôi thích ngửi hương thơm ấy.

Các bạn có biết trên thảo nguyên có những con vật gì không? Chỉ vài ngày là tôi biết hết.

Trên thảo nguyên có loài chuột đất, nó làm tổ ngầm dưới đất, cái đuôi ngắn ngủn, nhưng lại thích ngồi trên mặt đất. Có thần lằn, đừng sợ, trông thấy người là nó chạy... Có cáo, có hoẵng, dê, lạc đà hoang, còn có cả nai vàng. Nai vàng chạy nhanh ra trò. Tôi đã trông thấy một con sói đuổi một con nai vàng. Bao nhiêu nai vàng như thế mà không đánh nổi một con sói, thật là kém quá. Tôi còn trông thấy cả hươu, không phải hươu sao. Chúng nó lẩn trong rừng. À! Trên thảo nguyên còn có những quả đồi nhỏ, cũng có cả cây cối. Những cây cối ấy, tôi chẳng biết tên gọi là gì. Có một loại cây có quả nhỏ màu tím, chua chua, ngọt ngọt. Chỗ nào có cây là có nước. Nước lớn gọi là biển. Chúng tôi đã đi qua một cái biển gọi là Ulongsu, có thiên nga rất đẹp. Những người công nhân đều mang súng, nhưng không ai bắn. Bảo thiên nga là do tiên nữ hóa thành, bắn nó phải tội.

Về sau chúng tôi đi rất xa, cuối cùng gặp được đồng bào Mông Cổ, những bác Mông Cổ, người cao, ngực rộng bế tôi, nói:

- *Sai in, sai in nao*! (Tốt, chào cháu).

Tôi chẳng hiểu gì.

Ở đó tôi ăn sữa khô, sữa đậu, lại uống cả một hớp sữa lên men. Mặt tôi đỏ bừng, nóng rực. Các bác Mông Cổ cười khà khà.

Buổi tối, vầng trăng vừa tròn, vừa đỏ mọc trên thảo nguyên, vầng trăng rất to, to hơn cả cái mâm.

Ba và các bác Mông Cổ rất vui. Họ đốt một đống lửa thật to kéo đàn đầu ngựa, ca hát. Họ hát bài gọi là Catanâylin. Ba bảo Catanâylin là người anh hùng của nhân dân Mông Cổ. Ba bảo tôi phải noi gương Catanâylin, sau này đi đánh giặc giúp dân, chết cũng không sợ.

Tôi rất yêu thảo nguyên mênh mông. Chẳng bao giờ tôi quên.

Cách vùng đó không xa, các bạn của ba tôi đã tìm thấy một mỏ sắt lớn. Dãy núi ấy màu tím, từ xa đã nhìn thấy. Đỉnh núi có một đống đá, trên cắm những cành cây, ba bảo đó là "aopao" của người Mông Cổ. "Aopao" là cái gì vậy?

Ba bảo cả dãy núi ấy là mỏ sắt, có thể khai thác lộ thiên, đem đi luyện gang, nấu thép, rồi làm ra xe lửa, ôtô, máy kéo. Trời ơi! Quả núi to như thế, khai thác đến mấy trăm năm mới hết được? Tôi lo thay cho người lớn.

Từ trước tới nay, tôi chưa bao giờ thấy ba vui sướng như thế. Ba cùng với công nhân cười đùa, nhảy múa, ôm chầm lấy nhau, rồi vật nhau theo kiểu Mông Cổ. Các bác Mông Cổ cũng tới, các bác cũng vui mừng. Các bác lấy ngựa đi chở về một con cừu nướng, mồm miệng nhờn những mỡ. Lại kéo đàn, lại ca hát. Ba đứng dậy, ngâm

một bài thơ, cánh tay múa múa... "Ôi! Tổ quốc ơi! Đất mẹ ơi!" Trông rất nhộn.

Sau đó lại tiếp tục đi, đi tới rìa sa mạc. Toàn là cát, tất cả. Gió thổi: Ào! Tất cả biến thành mù mịt. Những người bạn ba tôi nhào ra khỏi lều, hất cho sạch cát trên mái. Không hất sạch chúng tôi sẽ bị chôn sống. Ôi! Khiếp quá!

Mọi người không dám ở lại đó lâu, vội vội vàng vàng, đi ngay.

Đồ đạc chất hết lên lưng lạc đà. Gió rất mạnh, tưởng đến gãy mũi, tôi phải rúc đầu vào ngực ba. Ba chẳng sợ hãi gì cả. Cùng với tiếng lục lạc tinh tang của lạc đà, ba hát mãi một bài ca:

Ôi cát vàng mênh mang, chẳng thấy bến bờ

Đường đi, đi mãi, dài không hết...

Tôi trải mộng ước trên lưng lạc đà,

Vẫn bước những bước chân dẻo dai, mải miết...

Tôi không hiểu hết những ý nghĩa của nó, nhưng tôi cũng thuộc. Tôi nghe hát, tôi ngủ trong ngực ba.

Trong sa mạc không có cây cối, một cũng không. Chỉ có một giống cỏ, từng bụi, từng bụi, lá của nó rất cứng, có thể đâm tay chảy máu, mùa hè, nở ra lớp hoa tím. Nó không sợ sa mạc, nó cứ dần dà vươn dài trong sa mạc,

phủ lên cát, mở ra một miền xanh. Tôi hỏi ba: - Nó là cái gì?

- Nó là ba! - Ba đáp.

- Sao nó lại là ba? - Tôi hỏi.

Ba cười nói:

- Nó không phải là ba, nhưng ba giống nó. Tên nó là cỏ chi chi, rất kiên cường. Nó đi trước mở đường, chinh phục gió cát, đằng sau nó xuất hiện một vùng xanh. Ba là người thăm dò địa chất, tìm quặng ở phía trước, phía sau mọc lên những công trường. Con xem thế, ba có giống cỏ chi chi không? Và cỏ chi chi có phải là ba không?

Tôi cười, ba cũng cười. Từ đó, tôi biết: Cỏ chi chi là một giống cỏ có ích nhất, được việc nhất.

*

* *

Chúng tôi sống trên thảo nguyên được hơn một năm, rồi lại đi. Chúng tôi tới một dãy núi lớn ở tỉnh Tứ Xuyên. Núi lớn lắm, núi cao lắm, tôi chưa trông thấy bao giờ.

Chúng tôi không ở trong lều bạt nữa, mà ở trong một ngôi chùa lớn ở trên lưng chừng núi. Ngôi chùa to lắm, bên trong có một lớp điện thờ, bày rất nhiều tượng Phật. Cửa điện lúc nào cũng khóa. Tôi nhìn qua khe cửa sổ, chính giữa điện có một vị Đại Bồ Tát bằng vàng, nheo

nheo mắt cười với tôi, làm tôi sợ hết hồn. Lần sau, cạch, không dám nhìn trộm nữa.

Trong chùa trống tuềnh toàng, có một gia đình ở đó, đó là một nhà sư đã lấy vợ. Mọi người gọi ông là "sư phụ trong chùa", tôi gọi ông là bác sư, gọi vợ ông là cô sư, và gọi hai người con trai ông là anh sư. Bác sư béo tốt, tròn lu lu, lúc nào cũng cười tít mắt, giống như ông Phật Di Lặc ở tiền điện. Sáng ông dậy sớm lặng lẽ tụng kinh, sau đó vác cuốc đi làm, trồng ngô, trồng khoai, lại trồng cả rau nữa. Ông đối với tôi rất tốt. Mỗi khi gặp tôi, ông hay xoa cằm tôi:

- Này con, con khỏe chứ, sao mãi chẳng thấy lớn lên được tý nào? Đây, cho con cái này!

Ông rút từ trong túi áo ra, khi là củ măng tươi, khi là một chùm quả, khi là một vốc đậu rang. còn có một lần, - ôi, tôi sướng điên lên được. Ông bố đến cho tôi một chú khỉ con, nó mới lớn bằng con Tiểu Hoa. Tôi nuôi nấng nó, cho nó ăn ngô, ăn quả. Nó chẳng bỏ đi đâu.

Ở đây toàn là núi, xa núi, gần núi, càng xa màu sắc càng nhạt, cuối cùng nó lẫn vào màu mây. Ban ngày, tôi nhìn thấy núi ở xa, ban đêm núi lại ở rất gần. Bóng đen lừng lững, tôi cũng thấy sờ sợ.

Tôi muốn vào rừng, ba không cho. Ba bảo: Trong rừng có mèo rừng, có báo, ăn thịt người. Tôi không dám đi đâu,

đành ở nhà, chơi trong chùa với con trai nhỏ bác sư. Chúng tôi bắt sên, đào giun, rồi lấy que, làm nhà cho chú khỉ, để nó làm xiếc. Chú khỉ rất hư, nó cứ nhe răng ra với tôi, lại còn cãi nhau với tôi nữa. Có lúc tôi thấy nó chẳng ngoan bằng con Tiểu Hoa đâu.

Chúng tôi còn được ăn quýt, quýt do bác sư trồng. Tôi ăn nhiều lắm, nhiều đến phát chán.

Tôi rất thích vùng Tứ Xuyên này, vui lắm.

Ba cũng rất thích. Từ khi đến đây. Ba không đo máy đo từ nữa. Ba cũng giống như những người khác, lưng khoác ba lô vải bạt, tay cầm búa, đi "điều tra" khắp núi sâu, bãi bằng. Điều tra là cái gì? Dần dần tôi cũng hiểu, đó là đi chọn nhặt đá, trong ba lô vải bạt đựng đầy đá, đủ màu, đủ kiểu, giống như tôi đã xem trong bảo tàng địa chất. Mỗi ngày, mỗi đêm, họ vẽ địa đồ dưới ánh đèn dầu.

Người ở đây không nhiều, tất cả là mười ba. Một làm cấp dưỡng, một là đội trưởng, còn lại là nhân viên điều tra. Họ bận lắm, buổi trưa không về ăn cơm. Chỉ chủ nhật, nghỉ nửa ngày, giặt giũ quần áo, vá víu chăn màn. Quần áo giặt ở phía sau chùa, chỗ đó có một lạch nước chảy từ trong khu núi ra, tụ lại thành vũng. Có khi thấy cá bơi trong vũng, động một cái là chúng tụt vào trong khe đá. Cá ở trên núi rất tinh khôn.

Nhưng ba mệt sinh bệnh, ho suốt. Cô sư tốt bụng, lo

lắng sắc thuốc cho ba. Loại thuốc lá mọc trong rừng.

Bệnh của ba không bớt, người gầy, mặt vàng. Tôi thấy các cô các chú khuyên ba nghỉ ở nhà vài ba hôm. Khi đó ba đang đọc báo, ba chỉ vào tờ báo cười nói:

- Bây giờ mọi người đang học cách lột xác, một người như tôi lại càng cần phải học.

Thế là ba vẫn đi làm, leo núi, chọn nhặt đá, buổi tối về nhà vẽ bản đồ.

Chúng tôi ở trong núi hơn một năm, bỗng nhiên có tổ kiểm tra tới. Người đứng đầu tổ kiểm tra ấy là cán bộ cốp, thường thích dạy đời. Tôi không ưa lão.

Lão triệu tập các đội viên vào nhà họp. Tôi nghe trộm ở ngoài.

Lão nói với mọi người:

- Các anh làm ăn ra sao hử? Có cái bản đồ địa chất một phần năm ngàn đến bây giờ vẫn chưa xong. Các anh định kéo đến bao giờ?

Đội trưởng điều tra trả lời:

- Núi ở đây cao chót vót, rất khó trèo, so với dự kiến ban đầu thì khó khăn hơn nhiều.

Lão nói:

- Bây giờ có nhiệm vụ mới. Nếu thấy khó khăn thì các

anh giải tán đi.

Đội trưởng đáp:

- Tốt nhất là không nên giải tán. Trong vòng non ba tháng nữa, chúng tôi nhất định sẽ hoàn thành.

- Được! - Lão cầm đầu tổ kiểm tra nói - Cho các anh một kỳ hạn ba tháng nữa, nhất định phải hoàn thành nhiệm vụ...

Đội trưởng hứa:

- Xin bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Chúng tôi sẽ lập công dưới cờ!

Như thế là đội điều tra địa chất còn lưu lại ở đây. Tôi thấy đội trưởng là người rất cù, như người lính, không hoàn thành nhiệm vụ không xong.

Việc đó coi như yên. Lão cầm đầu tổ kiểm tra nói:

- Thượng cấp cần rút một người ở đây, chi viện cho vùng Đại Tây Bắc. Các anh, ai tự nguyện xung phong?

Mọi người ngẩn cả ra, nhưng ba lại giơ tay:

- Tôi xung phong, tôi xin đi chi viện cho vùng Đại Tây Bắc!

Đội trưởng hỏi ba:

- Sức khỏe của anh gần đây suy sụp như thế, liệu có đi nổi không?

Tôi thấy ba mỉm cười nói:

- Chẳng sao đâu. Tôi nghĩ chỉ có tôi đi là hợp lẽ.

Họp xong lão cầm đầu tổ kiểm tra bảo ba:

- Tốt lắm, anh vừa được xóa tội[1], cần phải có những biểu hiện tích cực. Anh chuẩn bị hành trang mai đi!

Thế là buổi tối ba thu xếp hành lý, các cô các chú đều đến gặp, ba bảo tôi:

- Con đem con khỉ đi trả bác sư đi. Mai ta phải đi rồi.

Tôi khóc, nói:

- Con không đi, các cô các chú chẳng ai phải đi cả, sao ba lại phải đi một mình.

Ba đáp:

- Ngoan nghe con! Ba đi làm cây cỏ chi chi. Con đã chẳng bảo rằng cỏ chi chi là có ích nhất, được việc nhất là gì?

Thế là tôi đành vậy. Sáng hôm sau chúng tôi đi. Các cô các chú, cả bác sư, lại có cả anh sư con đưa chúng tôi xuống tận ngã ba dưới núi. Bác sư nói:

- Này con, mai này con sẽ lại đến đây nhé.

Tôi cúi gằm, khóc. Tôi nghĩ: Tôi chẳng phải là nhân viên điều tra, làm sao tôi có thể trở lại đây?

1. Nguyên văn là bỏ mũ.

Ôi! Bác sư của tôi! Anh sư của tôi! Chú khỉ bé bỏng của tôi! Con sên và những con giun...

*

* *

Lại đi không biết bao nhiêu ngày, chúng tôi mới tới được Tân Cương. Trước tôi cứ tưởng thảo nguyên là to lớn nhất, bây giờ mới biết Tân Cương còn lớn hơn nhiều, hơn nhiều.

Chúng tôi đi qua các vùng các kiểu đất: Núi cao, vực sâu, đầm lầy, thung lũng, lại còn cả sa mạc, sa mạc Gobi. Bên rìa sa mạc, chúng tôi lại gặp cỏ chi chi.

Ôi! Cỏ chi chi mở lối cho người ở khắp nơi. Cỏ chi chi sao mà lợi hại thế.

Trên đường, chúng tôi đi ôtô. Vào sa mạc đi lạc đà. Ba lại bế tôi trên lưng lạc đà, hát bài hát quen thuộc.

Tôi trải mộng ước trên lưng lạc đà,

Vẫn bước những bước chân dẻo dai, mải miết...

Bây giờ tôi đã hiểu bài hát này. Trên lưng lạc đà là nơi thích hợp nhất cho những giấc mơ, cho nên tôi ngủ ở trên đó. Ngủ mãi, ngủ mãi, ngủ mê mệt.

Sau đó tôi lại đi ôtô, đi mãi, đi mãi cuối cùng chúng tôi tới được nơi cần tới. Ôi! Ở đây thích thật. Núi phía xa, đội mũ tuyết, núi ở gần, mọc đầy những cây thông

thấp, xanh thẫm một màu. Thảm cỏ trên sườn núi mượt như nhung, nở đầy những bông hoa vàng, hoa đỏ. Đàn cừu chạy trên sườn núi giống như dòng suối chảy. Tôi thấy bầu trời nơi đây xanh hơn bất cứ nơi nào.

Người ở đây mặc quần áo thật đẹp. Trên đầu phụ nữ cài rất nhiều hạt ngọc. Ba bảo họ là người Kadăc, người anh em tốt với người Hán.

Ở đây lại có một đội thăm dò. Mọi người ở trong những ngôi nhà gỗ làm bằng gỗ thông, vừa rộng rãi, vừa sạch sẽ, hơn hẳn nhà cô Chương ở Bắc Kinh.

Thật chẳng ngờ tôi gặp cả gia đình cô Chương ở đây. Việc đó ba cũng lấy làm lạ. Bác Chương nói với ba:

- Bọn tôi bị cắm cờ trắng, nên bị bắt về đây.

Tôi không hiểu nên hỏi bác:

- Ở đây toàn cờ đỏ, cháu có thấy cờ trắng đâu ạ?

Tôi làm tất cả người lớn bật cười khanh khách.

Đội thăm dò này rất lớn, dựa trên mấy dãy nhà ở, nhà làm việc, nhà ăn, nhà bếp, lại còn có cả một trường tiểu học nữa. Mùa thu, khai trường, tôi vào học lớp một, chị học lớp hai. Học trò có hơn hai chục đứa, có cao, có thấp, chia làm năm lớn. Chỉ loáng cái, tôi đã quen tất cả.

Trường tôi chỉ có một hiệu trưởng, một giáo viên, khi giáo viên thiếu thì rút các cô chú bên đội thăm dò sang

dạy. Cô Chương cũng đã đến đây dậy chúng tôi. Cách dậy của cô hay lắm. Cô đưa chúng tôi ra ngoài lớp, chỉ trời xanh trên đầu, rồi dạy: "trời", chỉ mây trắng trên đầu, rồi dậy "mây". chúng tôi rất vui, chỉ cần tôi chịu khó một tý là đuổi kịp chị.

Chúng tôi khoái nhất là những ngày nghỉ hè. Nghỉ một cái là thầy giáo đưa chúng tôi vào núi. Chúng tôi cắm trại trong rừng vân sam, hái nấm, bắt bướm. Có khi các bác Kadăc chuyển trại chăn nuôi về đây, chúng tôi vào các căn lều thảm của các bác "làm khách". Các chị lớn Kadăc mặc những bộ áo liền váy bằng vải kẻ sọc, những chiếc áo gilê nhung kim tuyến, và đội những chiếc mũ thêu hoa trông rất xinh. các anh Kadăc, đánh trống, kéo đàn, hát rất nhiều bài hát. Các anh hát về các núi tuyết, các sông băng, về những đàn cừu trắng, còn hát cả về những con ngựa Hải Lưu sắc hồng. Chúng tôi nghe say đến chết mê, chết mệt. Chẳng hiểu sao, các cô, các chú Kadăc rất mến tôi. Họ bảo mắt tôi vừa đen vừa sáng như nước sông Khasoka. Họ bảo tôi giống người Hán lại giống cả người Kadăc. Có lần tôi bị ốm, họ bế tôi về lều thảm nằm nghỉ. Một chị Kadăc nhân lúc tôi mơ màng đã đến hôn tôi. Tôi biết hết, người tôi nóng bừng bừng...

Tôi yêu mến biết bao những ngày tháng từ lớp ba về trước. Tiếc thay những ngày tháng như thế không dài.

Những ngày tôi sắp bước vào lớp bốn, thì nổ ra cuộc "Đại cách mạng văn hoá".

Tôi thấy mọi thứ đều đảo lộn hết cả. Các cô các chú không ra ngoài làm việc nữa. Tất cả ở nhà hội họp, hô khẩu hiệu, căng biểu ngữ, dán báo chữ to. Một tổ công tác tới đó, bị đả kích, rồi thành lập một đoàn "tạo phản", chống lẫn nhau. Trường tiểu học chúng tôi đành đóng cửa. Nhiều bạn tôi nhân đó vào rừng, hái nấm, bắt chim đùa nghịch thoải mái.

Tôi không đi, tôi nhìn thấy mấy tờ biểu ngữ lớn "bêu" tên ba. Ba cũng bị đấu tố với những người "đi theo đường lối tư sản", mấy lần ngồi "phản lực". Sau mấy tháng, hai người giải phóng quân, áp giải ba đến công trường Công Cai để "lao động cải tạo".

Tôi khóc thảm thiết, đòi đi "lao động cải tạo" với ba.

Ba cau mày bảo tôi:

- Đừng khóc, nơi ba đến cấm mang trẻ con đi theo. Trên lãnh đạo đã sắp xếp rồi. Con ở lại với cô Chương. Con phải biết vâng lời cô. Ba sẽ về luôn.

Ba ngồi xe cam nhông ra đi, đến công trường Công Cai trồng rừng, đốn củi. Cứ già nửa tháng ba lại đưa một xe củi về. Tôi thấy ba đen nhèm, râu ria tua tủa, mặc chiếc áo vải xanh, vá chằng vá đụp. Nhưng ba có vẻ phấn chấn, lần nào gặp tôi ba cũng dặn dò:

- Con không phải lo cho ba, ở đó rất tốt, ba chẳng muốn trở lại đây làm gì. Con nhớ phải nghe lời cô Chương. Nếu như trường học ở đây không dạy tiếp, chưa biết chừng ba sẽ đón con lên đó.

Sang đông, hai ba tháng liền ba không về. Tôi lo lắng hỏi chú Giải phóng quân chở củi đến:

- Sao ba cháu không chở củi về?

Chú Giải phóng quân nói:

- Ba cháu không thích về. Ba cháu bận lắm. Đốn xong củi là đi khắp nơi chọn quặng, vẽ bản đồ. Ba cháu bảo, khi nào núi bị tuyết phủ kín, sẽ về thăm cháu.

Ba chỉ nhắn cho tôi có thế, nhưng lại gởi cho cô Chương, bác Chương những bức thư rất dầy. Bác Chương, cô Chương đọc xong, cuống quýt xoa tay nói:

- Trời đất ơi! Sao mà cứ túm tụm lại ở đây mà mù quáng đấm đá nhau mãi thế này. Tốt nhất là hãy đi vào lâm trường Công Cai đi.

Đúng vậy. Lúc ấy mấy người ở đoàn tạo phản đấu đá càng hăng. Đến cả bộ phận nhà bếp cũng chia làm hai phe. Chúng tôi ăn uống chẳng còn ra làm sao nữa, toàn những màn thầu khô, hoặc khoai muối với canh củ cải. Cái món khoai muối thật khốn nạn, nuốt vào cứ mắc cứng lấy cổ họng.

Những người Kadắc không đến đây để trú đông nữa. Tôi không bao giờ còn được nghe tiếng trống tiếng kèn năm trước.

Khi đó tôi nhớ ba lắm, nhớ lắm.

Ba đã chẳng bảo khi nào núi bị tuyết phủ thì ba trở về là gì? Tôi mong trời có tuyết. Tôi bấm đốt ngón tay, tính từng ngày.

Lễ Quốc Khánh đã qua, ở đây tuyết đã rơi. Tôi mừng vô cùng. Suốt ngày tôi đứng trước cổng trại, vọng nhìn vào nẻo đường núi. Tôi mong chờ từ con đường ấy xuất hiện một điểm đen ngày càng gần, càng gần. Đó là xe ô tô chở củi của ba.

Có một buổi chiều, tôi nhìn thấy một điểm đen ở đầu con đường núi. Điểm đen ấy lớn dần, lớn dần, rồi vụt đến trước mặt tôi. Đó không phải là xe chở củi. Chiếc xe trống không. Người trên xe không phải là ba, chỉ là chú Giải phóng quân chở củi hôm trước...

- Ba cháu đâu? - Tôi hét lên hỏi.

Chú Giải phóng quân trả lời tôi, chú bế tôi lên các bin, cho xe chạy thẳng tới cửa nhà cô Chương. Chú ôm chặt tôi nói: - Cháu ơi, cháu đừng khóc. Có chuyện với ba cháu rồi...

Bác Chương và cô Chương chạy ra, mọi người khiêng

ba từ thùng xe xuống. Ba được bọc trong hai tấm khăn trải giường, người dầy máu me, đã cứng lại. Bác Chương cởi áo bông cho ba, làm hô hấp nhân tạo mãi mà chẳng ăn thua gì. Bỗng nhiên cô Chương gào lên khóc.

Chú Giải phóng quân nói:

- Một mình anh ấy trèo lên mỏm núi chọn đá, trượt chân, ngã lộn từ trên mỏm núi xuống...

Mắt tôi tối sầm lại, chẳng còn biết gì thêm nữa, khi tỉnh lại trên giường cô Chương, cô ôm tôi nhè nhẹ vỗ về.

Tôi gào lên hỏi cô Chương:

- Ba đâu? Ba đâu?

Ba được chôn bên bìa rừng Vân Sam. Không quan tài, không bia mộ. Một nấm đất con con, bốn xung quanh là một màu vàng của hoa dại mùa đông đang nở rộ.

Tôi gục xuống nấm mộ khóc ròng, giống như một con hươu non giãy giụa. Tôi không làm sao bới được nấm mộ lên để có thể nhìn thấy mặt ba một lần nữa.

Bác Chương bế tôi lên, ứa nước mắt nói:

- Con ơi! Con nín đi. Kể từ hôm nay các bác đón nhận con, nuôi dưỡng con, cho đến khi khôn lớn thành người.

Tối, bác bế tôi lên giường bác, nói nhỏ với tôi:

- Con ơi, con không đọc sách của Mao Chủ tịch sao: "Chết vì lợi ích của nhân dân thì cái chết đó nặng hơn

núi Thái Sơn". Ba con tuy đã chết rồi, nhưng ba con đã tìm ra cho nhân dân một núi quặng. Cái chết của ba còn nặng hơn núi Thái Sơn.

Nói rồi, bác lấy một phong thư, vung vẩy trước mặt tôi, đây là thư của ba gửi cho bác và cô Chương. Lúc ấy bác không cho tôi đọc, nhưng về sau này tôi đã được xem.

"Mình vô cùng cảm ơn cuộc sống "lao cải" ở lâm trường Công Cai này. Không có ai ngờ rằng, điều đó đã mở ra cho mình một cơ hội điều tra địa chất. Bây giờ mình xin báo cho các bạn biết một tin động trời. Mình đã phát hiện ra một vỉa S lộ thiên ở khắp các ngọn núi Khapol, Iếchtao, Phanhtăc... Thật tuyệt vời, chỉ bằng những vỉa lộ thiên này, mình đã tính được trữ lượng của nó, thuộc cấp C, không dưới 7 con số. Mình đã chọn một mẫu quặng, giấu ở dưới tấm phản nằm của mình. Vì mình là "phạm nhân lao cải", không thể báo cáo trực tiếp với lãnh đạo được, (nếu không, mình sẽ bị mất sự tự do tương đối ở đây, và bị khép vào tội "lơ là nhiệm vụ"), cho nên tất cả công lao này, mình nhường cho các bạn, (đừng cười), mong các bạn "Dò tìm phương hướng", chờ đợi thời cơ, nhanh chóng đưa người tới thăm dò, xác định sản lượng cấp B + C.1. Vì lợi ích của nhân dân, càng nhanh càng tốt. Càng nhanh càng tốt!".

*

*   *

... Tôi đã tỉnh mộng. Tôi đã trở lại đây, hai mươi ba năm sau... Bây giờ tôi cưỡi trên lưng lạc đà, đi trên sa mạc mọc đầy cỏ chi chi.

Tôi hai mươi tám tuổi rồi, đã lấy vợ. Vợ tôi chính là "chị tôi" xưa.

Chúng tôi cùng lớn lên trong một đội thăm dò, cùng vào học Địa Chất Vũ Hán, học chuyên tu hai năm. Bây giờ đều là những người làm công tác địa chất có nghề.

Hài cốt của ba tôi đã được đưa về an táng tại quê nhà. Mỏ quặng Người phát hiện đang được xây dựng. Bác Chương và cô Chương tuổi tác đã cao, nên đều trở về Bắc Kinh làm việc. Còn chúng tôi vẫn lấy xe Jeep, những lều bạt, những lều thảm, lưng lạc đà của đội thăm dò địa chất làm nhà của mình.

Người nào có chí hướng của người ấy. Chí hướng của con người được tạo ra bởi sự từng trải trong cuộc sống. Nếu như ngạn ngữ của người Arập nói: "Niềm vui của con người nằm trên lưng ngựa", thì chúng tôi có thể nói: "Hạnh phúc của con người nằm trên lưng lạc đà của đội thăm dò".

Tôi trải mộng ước trên lưng lạc đà

Vẫn bước những bước chân dẻo dai, mải miết.

Tôi không bao giờ quên bài hát ba tôi đã hát.

Tôi không bao giờ quên cỏ chi chi đã mở trên sa mạc những miền xanh.

LÊ BẦU *dịch*

BĂNG TÂM

HẠ GIÁ

Bà giúp việc cho gia đình chúng tôi phải về quê là An Huy để cưới vợ cho con. Trước khi về, bà nói với tôi:

– Bà giáo ạ, lần này tôi về có lẽ không lên được nữa đâu. Giúp việc ở nhà ta đây, tôi cảm thấy thoải mái, nhàn nhã lắm, thật tiếc là tôi lại phải về. Tôi có con cháu gái hôm qua mới tới thăm tôi. Cháu vừa tốt nghiệp cấp hai thì mẹ cháu mất. Bố cháu đi bước nữa nhưng mẹ ghẻ cháu không thương nó, mọi việc từ việc nhà đến việc ngoài đồng một mình cháu phải quán xuyến hết. Tôi nghe cháu kể mà thương đứt ruột nên mới nhờ người cùng quê đưa cháu lên đây, muốn xin với bà cho cháu thế chân tôi. Cháu biết làm đủ việc, lại có văn hóa, hơn đứt tôi đấy bà giáo ạ.

Nói xong bà kéo từ phía sau lưng ra một cô gái chừng đôi mươi, da dẻ vàng vọt, quần áo xuyềnh xoàng nhưng tên rất hay là Ngọc Phượng. Bà giúi cô một cái:

– Mau đến chào bà giáo đi. Bà là chủ của cháu đó!

Ngọc Phượng ngượng ngùng cúi xuống vái tôi một cái thật dài.

Hồi ấy tôi chưa về hưu, con gái tôi là Tiểu Trân vừa tốt nghiệp đại học, cũng đang dạy cấp hai. Trong nhà, việc lớn việc nhỏ cũng nhiều. Tôi rất mừng là có Tiểu Ngọc đến giúp việc.

Tiểu Ngọc tuy gày yếu nhưng rất nhanh nhẹn tháo vát. Giúp việc chưa được một tháng mà cả nhà tôi đều thích cháu. Cũng do đã lâu không được hưởng sự êm ấm trong gia đình nên khi tới sống trong một gia đình giản dị hòa hợp như nhà chúng tôi, cô bé dường như tìm lại được tình cảm đầm ấm. Con gái tôi đem quần áo của mình chia cho cô bé, bốn mùa đủ thay đổi. Hai đứa thân nhau như chị em gái. Tối nào Tiểu Trân cũng dạy toán và Anh văn cho cô bé, động viên cô sau này đi học thêm trung cấp chuyên nghiệp.

Hai năm trôi qua. Bỗng một hôm, Tiểu Ngọc lúng túng thưa chuyện với tôi rằng có một người cùng quê giới thiệu cô làm chân bán hàng cho một tiệm ăn, tiền công mỗi tháng vài trăm, chưa kể tiền thưởng. Cô rơm rớm nước mắt nói:

- Con thật sự không muốn xa gia đình ta, nhưng nếu con muốn học tiếp thì phải để dành được một khoản tiền...

Lúc này tôi đã nghỉ hưu, thấy có thể lo liệu việc nhà được nên tôi và Tiểu Trân đều nói ngay:

- Chúng tôi thông cảm với em và cũng mừng thay cho em. Em cứ yên tâm mà đi, có rảnh thì đến thăm chúng tôi.

Thế rồi, như về thăm gia đình, chủ nhật nào Tiểu Ngọc cũng tới. Trong hai năm ở nhà chúng tôi, cô đã đỏ da thắm thịt hơn nhiều lúc này lại mặc váy liền áo màu sắc tươi tắn nên càng xinh đẹp. Chúng tôi đều cười mà bảo suýt nữa chúng tôi không nhận ra cô.

Lần nào về, Tiểu Ngọc cũng mang ít hoa quả, nhất là món nam đậu phụ mới làm thì cô hay mang đến. Cô nói:

- Con xem sách thấy nói người già xương cốt lỏng lẻo, tốt nhất nên ăn những thứ có chứa chất canxi. Ngoài sữa và trứng gà ra tốt nhất là những thứ chế từ đỗ. Bà và chị có đi mua thức ăn cũng khó mà gặp lúc có đậu phụ mới làm.

Tôi định từ chối không nhận thì cô gái nháy mắt với Tiểu Trân, cười nói:

- Lương con bây giờ cao hơn cả bà và chị, chút quà này có đáng là bao!

Chúng tôi đành chiều theo cô.

Một hôm, cô gái còn mang đến cho chúng tôi một cái đài hình chữ nhật màu trắng điểm xanh. Cô đặt trên bàn làm việc của tôi bảo:

- Cái đài này mua chưa tới một phần mười tiền công của con. Sáng dậy bà nghe mục Trích yếu tin tức và điểm báo chẳng hơn đứt đi mua báo hay sao? Dạo trước mỗi lần phải tới bưu biện đặt báo này báo nọ cho bà, con cảm thấy lãng phí hết sức! Thực ra những tin cần đưa lên báo thì đâu cũng như nhau cả thôi.

Tôi vừa ngắm nghía chiếc đài xinh xắn vừa cười nói:

- Trên báo không phải toàn là tin mà còn nhiều mục cần đọc khác nữa. Vả chăng báo đọc xong xếp vào một chỗ, lâu lâu bán cho hàng đồng nát cũng chẳng thu lại được một ít tiền là gì?

Ngọc Phượng ngắt lời tôi nói:

- Bà không biết đó thôi, đồng nát thì được mấy đồng? Bây giờ người ta ai cũng nói mọi thứ lên giá hàng ngày, chỉ có hai thứ rẻ đi, một là đồng nát, hai là trí thức... - Nói đến đây, chợt cô im bặt.

Tim tôi chợt thót lại, tự nhủ:

- Trí thức rẻ như đồng nát, điều này ta cũng biết từ lâu!

PHẠM TÚ CHÂU *dịch*

BÍCH THỤC MẪN

"MỘT CENTIMET"

Thông thường khi đi xe buýt, Đào Ảnh rất ít khi mua vé. Vì sao lại cứ nhất định phải mua vé nhỉ? Nếu không có cô thì trạm nào xe cũng vẫn đỗ cơ mà. Và cũng không phải vì chẳng có lái xe hay người bán vé thì cũng tiết kiệm được chút nào đâu? Đương nhiên cô biết rằng khi gặp những người bán vé nghiêm túc thì tốt nhất là mua vé ngay đi cho rồi. Chỉ có những người lười biếng thì cô mới trừng phạt họ và cũng tiết kiệm luôn cho mình một chút tiền.

Đào Ảnh là cấp dưỡng của một nhà máy. Thông thường chị nấu cơm 2 bữa cho công nhân.

Chị dắt Tiểu Dã đến bến xe, bồng nó lên trước rồi bước lên theo. Cửa xe sập sau lưng, kẹp cả tà áo của chị làm cho mảnh áo ấy bay lật phật ngoài xe. Phải khéo léo lắm chị mới gỡ được ra.

- Mẹ ơi, mua vé đi! - Tiểu Dã nhắc mẹ. Thằng bé coi trọng hình thức hơn cả người lớn. Nếu chưa cầm chiếc vé trong tay, nó coi như chưa được đi xe.

Trên khung cửa mầu sẫm có một vệt ngang mờ mờ, đề

1m10. Tiểu Dã đứng áp vào đấy, mái tóc xù rậm rạp của nó rối tung ram ráp chứ không được mượt mà. Đào Ảnh rất tiết kiệm, nhưng việc bảo đảm đủ dinh dưỡng cho con thì chị rất chu đáo. Chỉ có điều bồi bổ thế nào chăng nữa thì các chất dinh dưỡng cũng chẳng lên đến mái tóc. Nhưng bé Tiểu Dã rất thông minh.

Chị ẹp ẹp mái tóc thằng bé xuống. Cảm giác như là một đám cỏ cứng quèo. Lớp da đầu mềm mại như làm bằng chất dẻo vậy. Trên lớp da mềm mại ấy có một vết gồ lên. Đó là khớp nối của hộp sọ. Nghe nói ai cũng bị thế. Nếu vết khép không khít thì đầu sẽ bị gồ lên, còn nếu khít thì đầu sẽ tròn trịa mịn màng. Nhưng cũng phải mất nhiều năm. Đó là cánh cửa tiếp xúc với bên ngoài, nó nửa khép, nửa mở. Thế giới bên ngoài như một dòng nước nhập vào một con người theo lối đó. Mỗi khi xoa lên vết gồ ẩn hiện ấy chị thường cảm nhận được trách nhiệm lớn lao của người mẹ.

- Tiểu Dã, con chưa đến 1m10 đây này. Còn thiếu 1cm. - Chị dịu dàng nói.

Đào Ảnh xuất thân bình thường, chẳng phải tầng lớp quí tộc gì mà chị cũng không được học hành nhiều nhưng bao giờ chị cũng nói năng nhẹ nhàng lịch sự, nhất là tạo thành một thói quen khi cư xử với con mình. Và trong những lúc ấy chị cũng thấy mình như chững chạc hẳn ra.

- Con cao rồi, con đủ chiều cao rồi mà!

Thằng bé kêu váng xe, nó kiễng chân lên - Lần trước mẹ chả bảo là đến lần sau đi ôtô là con sẽ đủ chiều cao để mua vé cơ mà? Sao mẹ lại không mua cho con? Mẹ nói mà không giữ lời! Thằng bé ngước lên, nài nỉ.

Đào Ảnh nhìn con. Hai hào một vé, mà chị thì rất quý hai hào bạc. Chừng ấy tiền cũng mua được cân dưa chuột hay hai cân cà chua. Nếu khéo ra thì mua được ba bó cà rốt hoặc bó rẻ cũng đủ rau ăn cho ba ngày.

Thằng bé lại ngước mặt lên. Khuôn mặt thơ ngây mà trang nghiêm. Chị đành đồng ý.

- Vào trong đi, đừng có chắn cửa thế. Đây không phải là xe hỏa trạm nào cũng có khách lên xuống. Lại sắp tới trạm nữa rồi. Người bán vé nói giọng đầy vẻ khó chịu. Theo lôgic thông thường, với thái độ ấy, tốt nhất là chị không mua vé. Nhưng hôm nay trái lại, chị bảo:

- Cho tôi hai vé.

Nét mặt đanh, người bán vé cau mày bảo:

- Thằng bé này còn nhỏ, không phải mua vé. Lập tức, thằng bé như thấp hẳn đi mấy phân. Có vé hay không vé quả là ảnh hưởng rất lớn đối với một đứa trẻ. Chỉ với hai hào bạc mà có được sự đàng hoàng cho một đứa trẻ. Chả có bà mẹ nào nỡ cự tuyệt con điều ấy.

- Cho tôi mua hai vé - Đào Ảnh kiên quyết, thằng bé dính tấm vé của mình lên khoé miệng, thổi phù phù vẻ rất thỏa mãn.

Hai mẹ con chuẩn bị xuống xe. Người đàn ông thu vé đứng ở cửa giữa. Đào Ảnh hơi có vẻ bực vì hình như anh ta chẳng để ý gì cả. Có người mẹ nào đem theo con mà lại không mua vé? Tuy nghèo thật đấy, nhưng trước con chị luôn ngẩng cao đầu. Chị từ tốn đưa vé cho anh ta.

- Có thanh toán không?

- Không cần đâu - Chị đáp.

Thực ra cũng nên giữ lại vé để sau này nếu có đi họp hay công chuyện gì của nhà máy, chị đi xe đạp sau đó lấy vé này thanh toán. Phụ nữ bao giờ cũng là người biết tính toán. Những gì tiết kiệm, tận dụng được thì đều làm. Nhưng Tiểu Dã là một đứa trẻ rất thông minh. Nó dồn mẹ:

- Vé mình đi chơi thì không được thanh toán hả mẹ?

Trước mặt con, chị không muốn nói dối. Cũng giống các ông bố bà mẹ mà chị đọc được ở sách, Đào Ảnh luôn tự tạo cho mình một vẻ ngoài đàng hoàng nhưng quả thật là mệt. Lúc nào chị cũng phải để ý đến mọi điều, và như luôn có một đám người ở quanh mình. Có điều lúc nào chị cũng thấy tràn đầy tình cảm ấm áp. Ngay cả khi ăn

dưa hấu, nếu như có thằng bé bên cạnh thì chị luôn tự nhắc nhở mình không được gọt vỏ dưa quá mỏng. Thực ra thì ruột và cùi dưa cũng có khác nhau là mấy. Đều ăn được cả. Chỉ có điều màu đỏ của dưa nhạt dần đi nhưng tác dụng giải khát vẫn như nhau. Ấy mà cái cùi xanh còn là một vị thuốc nữa. Cũng có ngày chị chợt nhận thấy thằng bé giống hệt mẹ, nó cắn miếng dưa ngập đến tận cùi xanh, lộ rõ từng vết răng, mấy cái hạt đen nhánh còn bám cả ở má ở miệng thằng bé. Đào Ảnh chợt bực mình.

- Ai bảo con ăn đến tận chỗ cùi ấy hả? Vỏ dưa chỉ dùng để rửa mặt thôi, con hiểu không? Bị mẹ mắng, mặt thằng bé xị xuống, nhưng đôi mắt to trong của nó lại ánh lên vẻ bất phục. Từ đó, Đào Ảnh hiểu rằng, dù với hoàn cảnh hiện tại chị vẫn phải dạy con cho đàng hoàng như những người có điều kiện khác, phải dốc hết sức ra và điều đó thật khó. Giống như dùng tiểu liên chống lại đại bác. Nhưng điều đó không có nghĩa là không làm được. Khi làm những việc ấy chị cảm thấy cuộc sống quan trọng và có ý nghĩa hơn.

Hôm nay chị cho con đến thăm một khu đền chùa nổi tiếng tham quan. Thằng bé lớn bằng chừng này rồi mà vẫn chưa từng được đến chùa, đền để lễ phật. Trong lòng Đào Ảnh cũng không thật tin là có phật. và chị cũng sẽ không cho con lạy. Bởi làm như vậy chỉ là mê tín thôi.

Ngày nay đền chùa cũng có giá lắm. Chiếc vé này là Bác Chương cho. Vé có đề ngày tháng và hôm nay chính là hạn cuối cùng. Bác Chương là người giao thiệp rộng, ai bác cũng quen. Đào Ảnh rất phục bác, cũng vì sự nể phục ấy nên bác mới cho chị chiếc vé này "Chỉ có một chiếc thôi ạ?". Sau phút cảm động, chị cảm thấy chưa hài lòng lắm. "Cha nó thì thôi, cô đưa thằng bé đi xem cho biết. Mà nó chưa cao đến mét mốt thì chưa phải vé đâu! Nếu không thích xem thì mang vé đến cổng khu tham quan mà để lại cũng mua được quả dưa đỏ đấy" - Bác Chương dặn dò cẩn thận. Chờ mãi hôm nay chị mới có ngày nghỉ để dẫn Tiểu Dã đi chơi.

Trong phố khó kiếm được nơi nào có bãi cỏ xanh và rộng như ở đây. Chưa tới nơi mà đã cảm nhận được bầu không khí trong lành mát dịu khiến người ta tưởng như đang đứng trước một vùng núi non. Thằng bé giật chiếc vé trên tay mẹ, nhét vào miệng rồi chạy như bay vào cổng chùa. Chiếc cổng sơn son thiếp vàng lộng lẫy.

Đào Ảnh bỗng lo lắng. Không biết có phải tại cái chùa này không mà đến mẹ nó cũng chẳng muốn chờ nữa, nó lao như bay ấy! Nhưng đưa con đến đây cốt để nó vui vẻ thoải mái mà. Tay gác cổng là một thanh niên mặc áo đỏ quần đen. Trong tưởng tượng của chị thì đó phải là một người mặc bộ đồ cán bộ màu vàng. Cách ăn mặc thế này

làm người ta nghĩ rằng đây là một khách sạn hay nhà hàng. Tiểu Dã nhanh nhẹn chạy tọt vào trong, ùa theo dòng người. Tay gác cổng giật lấy chiếc vé trên miệng như giật một búp trà trong tiết thanh minh. Đào Ảnh nhìn con, dõi theo bước chân thằng bé, ánh mắt chị vấn vít như sợi tơ con tằm quấn lấy thằng bé.

- Vé! Tay thanh niên áo đỏ ngăn chị lại. Câu nói bật ra như một cái hột táo. Đào Ảnh trìu mến chỉ tay theo Tiểu Dã. Chị cứ nghĩ là ai cũng phải thích đứa con của mình.

- Tôi hỏi vé của chị! - Tay gác cổng nói giọng lạnh lùng.

- Cháu bé kia vừa đưa anh rồi mà! - Đào Ảnh bình tĩnh giải thích.

Tay thanh niên này còn trẻ, chắc chưa thể làm bố. Hôm nay cho con đi chơi, Đào Ảnh rất vui nên chị muốn mọi sự suôn sẻ từ đầu đến cuối.

- Nó là của nó, chị là của chị - Tay kia đáp; phải ngẫm nghĩ một lát Đào Ảnh mới hiểu thế là thế nào: Hai mẹ con chị cần phải hai vé.

- Trẻ con không phải vé mà? - Chị không hiểu.

- Mẹ ơi, nhanh lên đi - Ở tít phía trong, thằng bé gọi với ra. - Mẹ đến ngay đây, ngay đây! Chị vội đáp. Mọi

người đã tụ lại xung quanh như đàn cá bắt đèn. Đào Ảnh cuống lên, chị muốn cho việc này chóng kết thúc. Con chị đang đợi mẹ.

- Ai nói không cần vé - Tay gác cổng hất hàm. Anh ta khoái người ta túm lại càng đông càng tốt.

- Ở trên vé ghi thế!

- Ghi thế nào? - Anh ta làm như chả hiểu điều gì.

- Trên vé có ghi, trẻ dưới mét mốt không phải mua vé vào tham quan. Cháu nào cao hơn mới phải mua vé. - Đào Ảnh rất tự tin. Chị định thò tay vào thùng nhặt lấy một cuống vé để đọc lên cho mọi người cùng nghe.

- Đừng có động vào! - Tay kia bỗng nghiêm giọng.

Chị cũng chợt hiểu ra mình làm thế là không đúng. Chị co vội tay lại như bỗng gặp lạnh.

- Bà đã hiểu chưa? - Anh ta chuyển giọng gọi chị bằng bà, vẻ cố ý - Con của bà lại cao hơn một mét mốt.

- Đâu có, cháu chưa đủ chiều cao mà! Chị nói và tủm tỉm. Đúng là trên đời này chỉ có người mẹ mới tuyệt vời như thế.

- Nó chạy qua đây, tôi nhìn rõ mà! - Tay kia khẳng định.

Theo tay chỉ của anh ta, mọi người thấy trên tường có vạch một vạch đỏ, trông như vết bò loằn ngoằn của con

thạch sùng sau khi mưa.

- Mẹ, sao mẹ vẫn chưa vào? Suýt nữa thì con làm lạc mẹ đấy. - Tiểu Dã chạy đến bên chị, giọng nũng nịu làm như mẹ chỉ là món đồ chơi của nó vậy. Mọi người đứng quanh đấy cười ồ lên. Không khí đôi bên có vẻ dịu lại. Tay gác cổng có vẻ căng thẳng. Nhưng anh ta là người đang thừa hành công vụ và anh ta nhìn rõ mà. Ấy thế mà cái bà trốn vé này lại không giống như những người khác. Thật quá dở. Anh ta nghĩ bụng.

Quả thật Đào Ánh rất trấn tĩnh, thậm chí có vẻ rất tự đắc nữa. Con trai chị cũng thích sự huyên náo, thích được mọi người để ý. Cái chuyện lôi thôi này thằng bé chắc rất khoái.

- Cháu lại đây - Hắn ta gọi. Mọi người xung quanh im lặng chờ đợi. Thằng bé nhìn mẹ, thấy mẹ gật đầu cổ vũ, nó ho khẽ, xốc lại quần áo như lấy một tư thế thật hùng dũng để chạy 100 m trước sự cổ vũ của khán giả. Và ai cũng nhìn thấy cái vạch đỏ ngoằn nghèo kia nằm kề ngang tai thằng bé.

Làm sao lại có chuyện ấy được! Đào Ánh như một mũi tên lao đến, chị đập bốp một cái vào đầu con. Tiếng kêu nghe khô khốc như tiếng đập của quả bóng bàn. Thằng bé nhìn mẹ nhưng không hề khóc. Nó quá ngạc nhiên. Từ trước đến giờ nó chưa từng bị mẹ đánh đau thế.

- Đánh đau thì đánh chứ ai lại đánh vào đầu con thế!

- Thế mà cũng đòi làm mẹ!

- Có tiền thì mua lấy một cái vé, sao lại nỡ đánh con thế!

- Có đúng là mẹ đẻ không? Xem cái kiểu ấy thì chưa chắc.

Đào Ảnh sững người. Chị không định đánh con mà chỉ nghĩ rằng cái bờm tóc xù của nó làm cho nó bị tăng chiều cao. Nhưng chị cũng phải cay đắng nhận ra dù có trọc đầu thì thằng bé vẫn cao hơn cái vạch đỏ ấy.

- Tiểu Dã, con đừng nhón chân nữa! Chị nói.

- Không ạ, mẹ ơi con có kiễng đâu. Thằng bé rơm rớm nước mắt.

Đúng, nó đâu có kiễng, cái vệt đỏ tàn nhẫn vẫn vắt ngang tầm lông mày thằng bé.

Tay thanh niên vặn mình như vừa ngủ dậy buổi sáng, ánh mắt sắc lẹm như muốn tóm gọn cả lũ trốn vé ở quanh đó.

- Mua vé đi, mua vé đi - Anh ta rao to. Bao nét nho nhã lúc trước đã bị con thằn lằn đỏ ấy nuốt sạch đi rồi.

- Nhưng cháu nó chưa đến mét mốt thật mà! - Chị bỗng thấy thật cô độc. Chị chống đỡ gượng gạo.

- Ai trốn vé mà chả nói thế. Tin bà hay tin tôi bây giờ. Đây là thước đo theo chuẩn thế giới. Thước chuẩn quốc tế được đặt ở Pari, làm toàn bằng bạch kim đấy, bà có biết không bà?

Đào Ảnh há mồm ra. Chị chỉ biết may một bộ váy áo hết 2m80. Chị không biết thước chuẩn quốc tế được đặt tại đâu. Chị chỉ khâm phục thánh thần ở khu này, vì trong nháy mắt đã làm cho con chị cao thêm mấy cm.

- Nhưng vừa rồi trên ôtô cháu nó cũng chưa cao đủ thế mà?

- Khi sinh ra nó cũng không cao thế đâu! Tay kia cười nhạt, giọng khiêu khích. Mọi người xung quanh cười rộ lên. Mặt Đào Ảnh xanh tái như chiếc vé.

- Mẹ ơi, mẹ sao thế! - Bé Tiểu Dã vụt chạy ra khỏi bức tường. Bàn tay nhỏ bé ấm áp của nó ấp lấy tay chị.

- Không sao đâu! Mẹ quên mua vé cho con.

Đào Ảnh đáp yếu ớt.

- Quên á? Dễ nghe thế. Làm sao quên được con mình chứ. - Tay thanh niên áo đỏ còn nhớ sự trấn tĩnh lúc nãy của chị nên quyết chưa buông tha.

- Anh còn muốn gì nữa? - Chị cố nén sự bực bội trước con, nói giọng ôn tồn.

- Hãy còn cứng mồm cứng miệng nhỉ? Tôi chẳng cần

gì mà chỉ cần phải nhận là mình sai không biết kiếm đâu được chiếc vé dó dẩn ấy chứ cũng chả chịu mất tiền đâu. Lại còn định lậu một người nữa. Chắc nghĩ là trốn vé cũng dễ phải không? Đừng có hòng. Tốt nhất thì mua vé sớm đi. - Anh ta dựa lưng vào tường, quay ra nhìn mọi người.

Tay Đào Ảnh run lên như một viên đạn sắp vọt ra khỏi nòng. Làm thế nào bây giờ? Cãi nhau chăng? Chị đâu có sợ nhưng chị không muốn cho con nhìn thấy cảnh ấy. Vì con, chị cố nhịn.

- Mẹ đi mua vé đây. Con đứng yên ở đây chờ đừng có chạy lung tung nhé. - Đào Ảnh cố bình tĩnh mỉm cười. Thật không dễ có dịp để đưa con đi chơi. chị không muốn hỏng hết mọi việc. Hãy để cho bầu trời trở lại sáng sủa.

- Mẹ ơi, mẹ.chưa mua vé thật à? - Thằng bé hỏi, khuôn mặt thơ ngây đầy vẻ ngạc nhiên, ngơ ngác, khiến người ta thấy thật kinh khủng. Tay chị như cứng lại. Chiếc vé ngày hôm nay không nên mua, nếu mà mua thì vĩnh viễn chị sẽ không bao giờ giải thích được.

- Mình đi đi - Chị kéo mạnh Tiểu Dã. Nếu không phải là đứa bé trai khỏe mạnh, chắc thằng bé sẽ bị trật khớp mất. Hai mẹ con đến một công viên khác dạo chơi. Đào Ảnh muốn cho con vui vẻ, nhưng làm mọi cách thằng bé vẫn cứ lẳng lặng. Hình như nó lớn lên rất nhiều rồi. Chị đi qua một quầy kem, đột nhiên nó bảo:

- Mẹ ơi, cho con tiền - Nó cầm tiền chạy ra sau quầy bán kem.

- Bà ơi, bà đo xem cháu cao bao nhiêu. Lúc ấy Đào Ảnh mới nhìn thấy một bà cụ ngồi bên một chiếc thước đo bên quầy kem. Bà lão móm mém run run chỉnh chiếc. Từng nấc nâng cao lại hạ xuống.

- Một mét mốt một phân. - Bà cụ ghé sát vào nhìn.

Chị thấy hết sức kỳ quái. Chẳng lẽ thằng bé lớn nhanh như măng tre vậy? Đôi mắt Tiểu Dã sáng một tia nhìn lạnh như băng. Nó chả để ý đến mẹ, nó ngoắt người chạy lên phía trước. Nó bỗng ngã nhào. Trong tích tắc ấy trông nó giống như con chim non dang cánh ra tập bay, rồi loạng choạng ngã xuống. Đào Ảnh vội chạy đến để đỡ con. Đúng lúc chị vừa tới nơi, thì nhanh như cắt, Tiểu Dã nhỏm dậy và lại lao lên phía trước. Chị đứng sững người. Chị nghĩ nếu mình chạy theo con thì Tiểu Dã sẽ lại vấp ngã lần nữa. Nhìn bóng con chạy xa dần chị nói theo. "Tiểu Dã, con cũng không cả quay lại nhìn mẹ nữa sao". Chạy được một quãng xa thằng bé mới ngoái đầu lại tìm mẹ. Nhìn thấy rồi nó lại quay mình chạy tiếp. Đào Ảnh thấy sự việc có gì không đúng lắm. Chị quay lại tìm bà cụ.

- Bà ơi, chiếc thước của bà...

- Chiếc thước này làm cho chị vui đấy. Chị rất mong con mình lớn hơn một chút có phải không?

- Đừng phải lo lắng gì nữa. Thằng bé đã lớn rồi. Làm mẹ ai chả thế - Bà lão móm mém nói.

- Chiếc thước của bà...? Chị hỏi lại.

Bà lão trông hiền từ ấy thế mà không chịu nói rõ ràng gì cả.

- Chiếc thước này non hơn thước thường một chút, để ai đo cũng cao hơn. Ai mà chả thích cao ráo đẹp đẽ phải không chị? Đây là chiếc cân "kiên Mỹ" đấy. - Khuôn mặt hiền từ ấy lúc này lộ vẻ giả dối. Hóa ra là như thế. Làm thế nào để thằng bé nghe được những lời này? Tiểu Dã đã chạy xa. Hơn nữa nó đâu hiểu được sự ngoắt ngoéo này.

Đôi mắt Tiểu Dã cứ lơ đi chỗ khác, dường như mẹ nó là một người xa lạ. Về đến nhà, chị lôi cái thước cuộn ra định đo lại cho con

- Con không đo... Ai cũng nói con cao rồi. Chỉ mỗi mẹ nói là con chưa đủ chiều cao. Mẹ không muốn mua vé cho con. Mẹ đừng nghĩ là con không biết. Nếu mẹ lại đo, dứt khoát con vẫn chưa đủ cao, con không tin mẹ, không tin mẹ.

Cầm chiếc thước thép mà chị thấy như đang cầm một con trăn lạnh toát trong tay:

- Chị Đào ơi, cơm hôm nay làm sao ấy! Một người

khách bảo chị. Đúng thật, cơm nhão nhoét chẳng ra sao cả. Đào Ảnh vốn là người cẩn thận, nhưng hai hôm nay tâm trí chị để đâu đâu ấy. Nhất định phải làm cho sự việc rõ ràng.

Đêm đến, Tiểu Dã đã ngủ say. Chị duỗi thẳng đôi chân con ra. Chị lấy thước đo từ chân đến đầu con. Chỉ được có một mét linh chín. Chị quyết định sẽ viết một bức thư gửi cho ban lãnh đạo của tay thanh niên áo đỏ kia. Nhưng cầm bút lên rồi mới không biết nên viết như thế nào. Nhìn vẻ đăm chiêu khổ sở của vợ, chồng chị bảo:

- Có viết cũng chắc gì có tác dụng? Phải, chị cũng không hiểu có tác dụng gì, nhưng để giải tỏa được ánh mắt lạnh lẽo của thằng bé, chị cần phải làm một cái gì đó. Cuối cùng chị cũng viết xong.

Trong nhà máy, có một người được mệnh danh là nhà văn. Nghe nói anh đã viết nhiều bài báo. Đào Ảnh cung kính đến tìm anh, đưa bức thư của mình nhờ xem.

- Đây giống như một bức thư thông báo, chẳng sinh động gì cả "Nhà văn" gõ ngón tay vàng khè khói thuốc lên bức thư chị định gửi cho báo.

Chị không hiểu "Thư thông báo" là cái vẻ gì mà chi biết kể ra như thế. Rõ ràng là bức thư chưa đạt. Chị gật đầu theo nhịp gõ tay của anh.

- Chị nên viết thế này. Mở đầu phải trang trọng, làm sao để cho mọi người phải ngạc nhiên. Khiến cho người biên tập vừa đọc đã bị cuốn hút vào. Điều quan trọng nhất là phải thể hiện thật cảm động và là lạ, chị có hiểu không?

Đào Ánh gật đầu lia lịa. "Nhà văn" như được tiếp thêm sức mạnh, lên cao giọng!

- Chẳng hạn, chị có thể bắt đầu thế này: "Phật pháp vô biên, một đứa trẻ 5 tuổi vừa bước qua cửa miếu đã lập tức cao hơn một tấc. Phật pháp hữu hạn, vừa trở về nhà lại trở lại chiều cao như cũ. Tuy nhiên, câu ấy cũng chưa phải là tuyệt tác. Chị về suy nghĩ thêm.

Đào Ánh cố sức để nhớ lại những điều ấy, nhưng chị không thể nhớ hết được mọi lời của "Nhà văn", chị cũng có sửa lại đôi ba chỗ, sau đó dán tem vào và gửi đi. Khi anh "Nhà văn" đến ăn cơm, chị bảo:

- Anh chờ cho một chút - Khuôn mặt chị ló ra sau khung cửa đưa thức ăn trông như một bức tranh thật nghiêm trang.

Hóa ra để cảm ơn sự giúp đỡ của anh, chị biếu thêm chút ít thức ăn - Đó chính là cách biểu đạt sự cám ơn duy nhất của một người đầu bếp.

Và sau đó là một sự chờ đợi đằng dẵng. Ngày nào chị

cũng đọc báo. Tất tật các mục, kể cả quảng cáo chị cũng không bỏ sót. Chị còn nghe đài. Chị nghĩ rằng vào một buổi sớm nào đó, giọng đọc rành mạch của người phát thanh viên sẽ đọc to bức thư của chị lên. Chị còn đến phòng phát thư xem có thư gửi đến không vì chị cho rằng nơi chịu trách nhiệm quản lý khu tham quan chắc sẽ gửi thư đến.

Chị hồi hộp xem chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng chờ mãi chờ mãi vẫn chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Ngày tháng lặng lẽ trôi qua, không có gì đặc biệt Tiểu Dã cũng đã trở lại bình thường, nhưng Đào Ảnh nghĩ rằng trong lòng nó vẫn còn thất vọng.

Cuối cùng thì chị cũng được nghe câu nói mà chị hằng mong đợi.

- Nhà đồng chí Đào Ảnh ở đâu nhỉ?

- Cháu biết đấy, để cháu dẫn các bác đi - Tiểu Dã nhanh nhẹn dẫn hai người mặc bộ đồ cán bộ vào trong nhà.

- Mẹ ơi, nhà mình có khách này!

Đào Ảnh đang giặt quần áo, bọt xà phòng bám đầy hai cánh tay. - Chúng tôi ở Ban quản lý chùa chiền tới đây. Tòa soạn báo đã chuyển bức thư của chị cho chúng tôi nên hôm nay chúng tôi đến để làm rõ thực hư. Đào Ảnh

thấy hồi hộp và hơi lo lo, bởi vì nhà cửa đang bề bộn quá. Chị chưa kịp thu dọn gì cả. Chị sợ người ta nghĩ chị là một người đàn bà lười biếng và vì thế sẽ không tin chị.

- Tiểu Dã, con ra ngoài chơi đi!

Đầu tiên chị định để con ở nhà cho nó biết rõ mọi chuyện. Nhưng đến phút này chị lại ngài ngại, không biết rồi sẽ thế nào? Nhỡ những người này cũng giống tay thanh niên áo đỏ kia thì sao? - Chúng tôi cũng đã gặp người cán bộ hôm đó để điều tra rồi; Nói chung chuyện là đúng. Chị không phải bảo cháu ra ngoài đâu. Chúng tôi muốn đo lại xem thực sự thì cháu cao bao nhiêu - Người trẻ tuổi nói.

Tiểu Dã nghiêm trang đứng nép vào tường. Bức tường trắng hiện rõ hình thằng bé như một bức tranh, nó áp chặt lưng vào tường.

Hai người cán bộ đo thước lên tường, phân từng vạch nhỏ. Chiếc thước sắt loang loáng bên họ. Đào Ảnh đã lấy lại được bình tĩnh.

- Cao bao nhiêu? - Chị hỏi.

- Vừa đúng mét mốt - Một người đáp.

- Không phải là vừa đúng! Một tháng chín ngày rồi các anh mới đến. Một tháng trước thằng bé chưa cao thế này. Đào Ảnh bình tĩnh phản đối.

- Đúng, đó là một lý do xác đáng.

Họ đưa ra một phong bì 5 nghìn đồng. Họ đã có chuẩn bị ở nhà và họ có đo con giun đỏ ngoằn ngoèo ở trên tường ấy và biết bị thiếu 2 cm.

- Dù sao thì hôm ấy chị cũng không vào tham quan, nên chúng tôi bồi thường cho chị chút ít này. - Người cán bộ có tuổi nói từ tốn. Xem ra ông có vẻ là một lãnh đạo. Đào Ánh không nhận. Niềm vui hôm ấy đã mất rồi. Tiền nào có thể mua lại được.

- Nếu chị không nhận tiền thì đây là đôi vé để tham quan. Xin mời chị và cháu đến. - Người cán bộ trẻ nhã nhặn nói.

Đó cũng là một đề nghị hấp dẫn. Nhưng Đào Ánh lắc đầu ngay không chút do dự. Nơi ấy đối với chị với Tiểu Dã sẽ vĩnh viễn không bao giờ đem lại niềm vui nữa.

- Vậy chị muốn thế nào ạ? - Cả hai người cùng hỏi.

Phải, giờ đây chị cũng đang tự hỏi mình. Chị là một người phụ nữ bình thường. Nếu không phải là hai người đàn ông xa lạ đến để xin lỗi mà chính tay thanh niên áo đỏ kia đến thì chị cũng không thể làm khó dễ cho anh ta được. Cuối cùng chị muốn gì đây? Chị đẩy con đến trước hai người đàn ông:

- Thưa bác đi con.

- Thưa bác. - Tiểu Dã nói giọng ngoan ngoãn.

- Thưa hai vị lãnh đạo. Tiền xin các vị cầm về cho. Vé cũng xin giữ lấy. Còn anh soát vé hôm ấy xin đừng làm khó dễ cho anh ta. Chẳng qua anh ta cũng vì công việc.

Thấy Đào Ảnh nói bình tĩnh, hai người cán bộ cũng không phản ứng gì. Đào Ảnh kéo con lại gần hai người hơn một chút:

- Chỉ cần hai bác đây nói rõ sự việc hôm ấy phải trái ra sao để cháu biết mẹ nó không sai là đủ rồi!

TRINH BẢO *dịch*

BỐC VĨNH THUẬN

HẺM SON PHONG LƯU

Bạn đừng chỉ nhìn vào cái tên của hẻm mà cho rằng nó sang. Hẻm Son rất bình thường. Từ xưa nó vẫn thế, không rộng rãi lắm. Sau khi nhân khẩu phình ra, nhà này vẩy ra cái mái, nhà kia che thêm góc chuồng lợn, cái hẻm lại càng chật hẹp khúc khuỷu. Những cái hẻm kiểu ấy có vô thiên lủng ở cái thành phố Lâm Giang này. Người sống ở đây thuộc những tầng lớp bình dân. Có người là thợ đốt lò trong nhà máy, có người làm nghề khuân vác, người đội than, người bán hàng rong. Tức là không có một ai làm ngạch hành chính và mang chức "Trưởng" một tổ chức gì cả. Ở đây cuộc sống rất tự nhiên vui vẻ. Ngày ngày, cứ chiều xuống là người ta bày một bàn rượu, thịt chung ở đầu hẻm, ai cũng tới chuyện trò thoải mái, nhưng trong lòng họ đều có chút chạnh lòng: Cả hẻm Son chả có lấy một nhân vật, một người nào có "máu mặt" cho dân hẻm hãnh diện, tự hào ư?

Cho đến năm tám mươi mấy, mong ước bao lâu mới được thoả nguyện. Một nhân vật đã xuất hiện. Đó là Vương Tú Lan, con gái độc nhất của ông lão gác cầu đã

về hưu. Từ nhỏ cô đã rất dễ thương, ai thấy cũng thích. Khi lớn lên càng xinh đẹp. Nếu so với ảnh các cô in trên bìa tạp chí điện ảnh thì quyết không kém phân nào. Vì thi đại học bị rớt nên cô xin vào làm nhân viên phục vụ trong khách sạn ba sao Lâm Giang, là khách sạn hợp tác với nước ngoài. Cô chẳng phải có chút "máu mặt" đó sao? Suốt ngày làm việc với các thủ trưởng, các quan khách cao cấp, với khách nước ngoài mắt xanh mũi đỏ, đôi lúc lại còn ngồi trên xe con mang những dòng chữ mà dân hẻm chịu không đọc nổi để về nhà nghỉ ngơi, ăn uống, trò chuyện. Lúc nào người cô cũng thoảng mùi ngoại quốc. Chỉ ngần ấy thôi cũng đủ cho dân hẻm Son hâm mộ, ghen tị và tự hào rồi. Có ai đó còn bốc lên nói rằng cô là con phượng hoàng của hẻm.

Con gái lớn thì đi lấy chồng. Việc hôn nhân của Tú Lan tự nhiên trở thành mối quan tâm nhất của mọi người. Dập dìu mãi cuối cũng cũng có một chàng trai đậu lại ở nhà cô. Anh ta là Trần Kiến Quốc, người cao ráo đẹp trai, trông ra con nhà tử tế. Anh đã tốt nghiệp đại học, hiện đang làm việc ở phòng kỹ thuật của một nhà máy, tương lai rất sáng sủa. Nghe nói sau ngày cưới, anh sẽ về đây ở rể, như vậy thì hẻm Son này lại có thêm một "người Nhà nước" nữa rồi.

Chàng rể của hẻm Son đã xuất ngoại. Dường như điều

đó làm hồng thêm cho khuôn mặt của mỗi người ở đây. Dù không hoan hi ra mặt thì ai ai cũng tự nhiên cao giọng lên khác thường. Hoá ra họ chậm làm lễ cưới là vì vậy, thật là những con người tuyệt vời. Dân hẻm lại có chuyện để nói, để hể hả với nhau.

Sau khi nhận được 2 bức thư của Trần gửi về, báo sang đó bình an và rất mong nhớ người yêu, thì Tú Lan chỉ còn nhận được những tấm ngân phiếu mà thôi. Thời gian gửi về của ngân phiếu không ổn định, lượng tiền cũng lúc nhiều khi ít. Nhưng Tú Lan rất yên tâm, không có thư cũng chẳng có gì phải lo lắng, có tiền tức là rõ cả rồi.

Hai năm trôi qua, thời gian chậm mà cũng thật nhanh. Trần Kiến Quốc đã mạnh khỏe trở về. Sau khi liên hệ lại việc làm ở cơ quan cũ, anh đã cưới Tú Lan.

Thật là đông vui, thật là hạnh phúc. Một dãy xe con bóng loáng chở họ hàng, bè bạn. Đương nhiên có cả bà con hàng xóm Hẻm Sơn. Xe lướt êm như ru đến khách sạn Lâm Giang. Phòng cưới rực rỡ lộng lẫy. Khách dự tiệc được đãi no say, ai cũng vui vẻ phấn khởi. Đến tiệc cưới vua chắc cũng chỉ thế này là cùng! Dân hẻm rất đắc ý, tự hào.

Sau khi mọi người ra về, Trần và Tú Lan đưa nhau về nhà mới. Đêm động phòng mới ngọt ngào kỳ diệu làm sao. Tú Lan xúc động vô cùng, mọi việc xảy ra như mong

muốn, tất cả đều toại nguyện. Giây phút này lời nói thành vô nghĩa, cô ôm choàng lấy anh, dịu dàng, nồng thắm. Trần không vồ vập, dường như anh đang lo lắng đối phó cái gì đó. Đến thời điểm trang trọng quí báu nhất ấy của lễ cưới, anh lại tỏ ra lãnh đạm và cứng nhắc.

- Anh làm sao thế?

- Anh... hơi mệt.

Tú Lan ngớ ra. Suốt mấy năm ròng anh ấy vất vả, vừa làm vừa học, lại phải lo chắt bóp tiết kiệm dành cho việc lớn thì mệt mỏi quá còn gì nữa, người cũng gầy đi thế kia. Cô âu yếm:

- Thế nghỉ sớm đi anh!

Chuyện đêm tân hôn ấy, dân hẻm Son làm sao mà tưởng tượng được. Họ vẫn vui vẻ sống.

Sau đám cưới, cuộc sống hẻm Son mau chóng trở lại bình thường. Dần dần mọi người mới nhận thấy rằng anh Trần có ý không thích khi có người hỏi về những ngày sống ở nước ngoài. Làm sao mà anh ấy kiếm được nhiều tiền thế nhỉ. Ai cũng tò mò muốn biết.

Người ngoài không biết đã đành, ngay đến Tú Lan vợ anh cũng thắc mắc không hiểu nổi anh đi Nhật ra làm sao. Những khi trò chuyện với nhau, hễ cứ nhắc đến chuyện ở nước ngoài là anh lại lặng thinh. Tú Lan có hỏi đến thì

anh đều né tránh không chịu trả lời hoặc lảng sang chuyện khác. Tú Lan cũng không để ý lắm, có lẽ tại hồi ở Nhật anh ấy phải làm những công việc nặng nhọc không được như ý lắm như chuyên chở xác người chẳng hạn? Dù sao việc đó cũng đã qua rồi, anh ấy đã mang về được một khoản tiền khá lớn, điều đó mới quan trọng. Hiện giờ hai người rất hạnh phúc và mỹ mãn. thế là quá đủ rồi.

Một hôm sau ngày cưới chừng ba tháng, có một chiếc xe con sang trọng đến đỗ ở đầu hẻm. Một phụ nữ thật sang trọng, lộng lẫy bước ra đi vào hẻm. Trông bà ta có vẻ khác thường, bởi cách trang điểm cầu kỳ và kỹ lưỡng, rất khó đoán tuổi. Có lẽ bà chừng ngoài bốn mươi tuổi chăng? Có bao nhiêu ánh mắt nhìn vào, họ nghe thấy bà ta nói giọng cưng cứng:

- Xin hỏi ông Trần Kiến Quốc ở đây phải không ạ?

Quả thật, ngoài Trần ra, ở cái hẻm Sơn này ai mà lại có khách sang đến như vậy. Lập tức người ta dẫn bà ta vào nhà ông già Vương.

- Tôi là Tín Tử vừa từ Nhật đến. Tôi là bạn của ông Trần, đến để thăm ông ấy - Bà ta tự giới thiệu.

Ồ, bà ấy là người Nhật, từ nơi xa đến thăm con rể mình. Ông Vương rất niềm nở, vội vàng:

- Tôi đi gọi anh ấy về ngay. Bà ngồi chờ một chút.

- Thôi, không cần đâu ạ! - Bà ta xua tay, rồi lấy từ trong chiếc ví nhỏ một cái hộp màu tím xinh xắn, bên trong là một chiếc dây chuyền lấp lánh vàng. Bà ta nâng hai tay nói:

- Mừng ông Trần mới lập gia đình, tôi muốn tặng bà ấy chút quà mọn, xin cụ cầm giúp!

Nhìn món quà quí, ông Vương lúng túng:

- Cái này... Cái này...

Tín Tử dúi chiếc hộp và tờ giấy vào tay ông lão, cười nói:

- Cảm ơn cụ! Còn đây là địa chỉ và số điện thoại nơi cháu ở, phiền cụ đưa giúp ông Trần. Chào cụ!

Bà ta lại cúi mình xuống chào cụ rồi bước ra ngoài.

Trời nhập nhoạng tối, Tú Lan trở về nhà trước. Ông Vương đưa chiếc hộp, kể chuyện Tín Tử đến thăm và để lại địa chỉ.

Tú Lan xem giấy. Hóa ra Tín Tử ở ngay khách sạn cô làm việc, nhưng không ở tầng cô phục vụ.

Cô ngắm nghía chiếc dây chuyền kiểu mới, có lẽ phải đến hai chỉ chứ chẳng ít, cô đeo thử rồi xoay đi xoay lại trước gương vẻ hoan hỉ.

Ông Vương hỏi:

- Bà Tín Tử đó là bạn thế nào với anh Trần mà tặng món quà lớn vậy!

Tú Lan cũng không biết:

- Chắc cũng là bạn thường thôi. Họ không nghèo như mình ở đây đâu. Những người giàu có ấy tặng một món quà như thế thì có thấm tháp gì. - Cô bỗng nghĩ đến điều gì đó, chợt hỏi:

- Bà ta bao nhiêu tuổi hả bố?

- À, trông chừng quãng ba mươi, bốn mươi tuổi gì đó.

- Thật chừng ấy tuổi chứ?

Ông Vương gật đầu:

- Nếu bà ta không trang điểm quá kỹ thì bố đã nhìn rõ.

Vừa khi ấy, Trần về tới nhà. Tú Lan kể luôn chuyện Tín Tử. Trần bỗng thất sắc.

- Bà ta đến có việc gì?

Tú Lan vẻ không bằng lòng:

- Anh thật là... Người ta ở xa đến thăm anh, lại tặng em món quà như thế này. Thế không phải bạn bè của nhau à?

Trần vội vã:

- À có, có chứ. Anh bỗng nhiên quên hẳn đi.

Tú Lan không thôi:

- Làm sao anh quen bà ta?

- À, cùng là nhân viên phục vụ của một cửa hàng. Bà ta có giúp đỡ anh! - Trần quay sang ông Vương.

- Bà ấy còn nói những gì nữa hả bố?

Ông Vương lắc đầu.

Trần định hỏi nữa nhưng bị Tú Lan cắt ngang:

- Thôi đừng hỏi nữa. Mình đi ăn cơm sớm rồi đến thăm bà ấy. Em muốn được trực tiếp cám ơn.

Trần vẻ bối rối:

- Tối nay thì không được rồi, anh có việc ở nhà máy. Thôi để mai đi.

Anh và vội vàng mấy bát rồi đi luôn.

Tú Lan bị hẫng. Bao nhiêu câu hỏi tự nhiên nảy ra: Sao thái độ anh ấy lạ thế, bạn thân gì mà lãnh đạm vậy? Chưa kể đến những người sang ở nước ngoài, ngay đến người chỉ đi du lịch, thăm bạn bè thôi khi về cũng đã bao nhiêu là chuyện rồi. Đây lại ở Nhật những hai năm vậy mà không bao giờ đả động đến chuyện ấy. Tại sao anh ấy chỉ gửi ngân phiếu mà không viết thư? Đến những lời âu yếm nhớ nhung mình cũng chẳng có? Chẳng có lẽ bận đến nỗi không có lúc nào để viết? Sau bao xa cách, tại sao đêm tân hôn anh ấy lại ngủ một mình? Bình thường

nhà máy có việc gì làm ban đêm đâu, tại sao hôm nay anh ấy lại phải đi?

Càng nghĩ Tú Lan càng nghi ngờ. Những chuyện bình thường cô không để ý, đến lúc này bỗng trỗi dậy đầy nghi ngờ. Càng giải thích càng rối. Càng rối lại càng cố hiểu. Cô ra khỏi nhà, tìm máy điện thoại công cộng gọi điện đến nhà máy tìm anh. Người ta trả lời rằng anh không có ở đó.

Anh ấy đi đâu? Tú Lan quyết tìm bằng được. Cô về nhà lấy xe, đạp đến nhà bạn bè mà anh thường tới, nhưng đều không thấy. Cô nghĩ mãi rồi quyết định đến khách sạn Lâm Giang.

Sự xuất hiện đột ngột của Tú Lan làm Tín Tử và Trần sững người, họ vội buông nhau ra. Tín Tử giận dữ:

- Mày là ai? Ai cho phép mày vào đây? Phải báo cảnh sát ngay! - Nói rồi bà ta lao đến bàn điện thoại. Trần kéo giật Tín Tử lại:

- Không, không được. Đó là vợ tôi.

Tín Tử thoáng giật mình, rồi mụ ta cười như hóa dại:

- A hay đấy. Vợ anh đấy à? Chỉ có điều cô ta đến không đúng lúc.

Tú Lan thấy ghê tởm. Cô nhìn thân thể không có chút quần áo, son phấn của mụ sao mà nó thảm hại đến lợm

giọng, nhưng cô không thèm để ý. Chỉ thẳng vào mặt Trần đang run rẩy mặc quần áo, cô hét:

- Anh, anh thật là dơ bẩn, vô lương tâm.

Trần vội vã đẩy Tú Lan ra ngoài, cố kìm nén nói:

- Tú Lan, anh sẽ kể hết cho em!

*

* *

Những ngày tháng ấy quả là một giấc mộng, một cơn ác mộng thực sự.

Cát Điền, người bạn Nhật Bản giữ lời hứa, ông ta ra tận sân bay đón Trần, chở anh về nơi đã sắp xếp trước. Công việc và nơi học thêm cũng đã xin được. Đó là một nhà hàng cỡ trung bình. Vì chưa biết tiếng nên Trần cũng chỉ làm một số việc vặt như rửa bát... giống một số đồng hương ở đó. Công việc tuy vất vả nhưng thu nhập rất khá. Việc học hành cũng thuận lợi, nên Trần càng miệt mài chăm chỉ. Nhiều bạn bè tuổi sinh viên đều mừng cho anh vì mới sang mà đã ổn định, coi như gặp số may. Điều ấy khiến Trần càng cảm kích trước tình cảm của Cát Điền. Những khi rỗi rãi, anh thường đến thăm gia đình họ. Cát Điền đi vắng luôn, bà vợ biết nói tiếng Hoa rất nhiệt tình với anh. Bà hỏi thăm công việc, sinh hoạt của anh, thân thiết như người trong gia đình.

Một hôm, Tín Tử, vợ Cát Điền gọi điện đến mời anh đi ăn cơm tối. Trần đến đúng hẹn. Tối ấy Tín Tử trang điểm thật lộng lẫy, trông rất trẻ trung, không thể nghĩ bà ta đã ngoài bốn mươi. Bộ áo váy dạ hội tuy hơi hở hang một chút nhưng ai cũng phải mê.

Cô phục vụ báo là đã chuẩn bị xong. Tín Tử bèn mời Trần vào. Anh rất ngạc nhiên hỏi:

- Ông Cát Điền vẫn chưa đến cơ ạ?

- Ông ấy đi Ung Châu rồi, thôi chúng ta vào ăn đi! - Bữa ăn thật thịnh soạn, lại có mấy món ăn đặc sản Trung Quốc rất hợp khẩu vị Trần. Đã lâu không được ăn món đó nên anh ăn rất ngon miệng. Tín Tử lại hầu như không đụng đũa, chỉ chăm rót rượu tiếp thức ăn cho Trần, nhiệt tình quá mức. Uống vào mấy chén rượu, đôi mắt bà ta như bốc lửa. Trần bỗng cảm thấy có cái gì đó không ổn, anh lấy cớ sắp thi nên xin phép về chuẩn bị bài vở. Tín Tử đời nào buông, bà ta quài tay kéo, Trần bị bất ngờ, ngã luôn vào người bà ta. Được thể, Tín Tử ghì chặt lấy, hôn lia lịa như điên. Trần vội vã vùng ra:

- Thưa bà, không nên như vậy, ông Cát Điền mà thấy thì không ra làm sao cả.

- Xì, chắc lão ta lại đang ôm con nào ngủ rồi! Anh yêu đừng sợ, hôm nay ở đây với em.

Đời nào Trần dám làm một việc bất kính như vậy.

Anh nén nhịn nói:

- Xin bà hãy tự trọng một chút, tôi về! - Nói xong bước luôn ra ngoài.

Hôm sau Tín Tử lại gọi điện đến mời đi, Trần đã từ chối. Ngày thứ ba khi anh đến nhà hàng làm việc, ông chủ cười cười rất khó hiểu, đưa anh một tập tiền và bảo anh nghỉ việc. Anh gọi điện tìm Cát Điền nhưng ông lại đi Châu Âu rồi.

Đang trong lúc tiến thoái lưỡng nan ấy anh nhận được cú điện thoại từ một nhà hàng dịch vụ gọi đến. Họ đang cần tuyển nhân viên, và mời anh đến làm.

Bà chủ tiếp anh rất lịch sự, bà ta vừa trò chuyện vừa ngắm nghía, sau đó đồng ý nhận anh vào. Họ đã ký hợp đồng làm một năm. Đó là nhà hàng dịch vụ chuyên phục vụ phụ nữ.

Việc đầu tiên Trần gặp là có một cô khách hàng béo ị, rất xấu xí nhưng cực giàu, cô ta bị vị hôn phu lừa cuỗm một món tiền lớn rồi biến mất. Bực bội giận hờn không biết trút vào đâu, cô ta muốn đánh Trần năm cái tát. Trần không chịu "phục vụ" kiểu ấy. Cô béo kia gọi bà chủ. Hợp đồng đưa ra, anh phải chịu.

Chả có cách nào khác, Trần nhắm mắt lại nhận năm

cái tát nẩy đom đóm của cô ta. Hả giận, cô ta vứt lại một tập tiền rồi về. Mặt Trần đau nhức còn trong lòng rớm máu, nước mắt không cầm được cứ tuôn rơi.

Người khách thứ hai đòi Trần phải phục vụ lại chính là Tín Tử: Nhìn thấy Trần, bà ta đắc ý cười:

- Ôi, anh yêu. Chắc anh chẳng thể nghĩ rằng chúng ta sẽ gặp nhau ở đây?

Trần vừa kinh ngạc vừa sợ hãi:

- Bà muốn gì?

- Hì hì. Tìm anh chơi thôi. Bây giờ thì anh chẳng từ chối tôi được nhé.

- Bà muốn làm gì vậy?

- Hì hì. Anh vẫn không hiểu à? Em rất yêu anh, đến đây đi anh - Nói rồi bà ta lần cởi cúc váy.

Từ đó ngày nào Tín Tử cũng đến đòi hỏi Trần. Mụ ta quả là một con qui cái ăn đêm, không bao giờ thỏa mãn. Trần đau khổ chịu đựng qua ngày.

Mãi đến ngày hết hợp đồng, Trần như được đại xá. Anh muốn về ngay, không chậm trễ ngày nào, trở về với Lâm Giang, với hèm Son. Có người vợ tuyệt vời với một tổ ấm hạnh phúc như thế Trần đã phần nào nguôi ngoai đi được nỗi thống khổ ấy. Anh muốn trốn hẳn những ngày bất hạnh sống kiểu không ra người ra qui ấy, cứ nghĩ đến

chuyện ấy là anh thấy đau đớn xót xa. Anh hổ thẹn với Tú Lan, âm thầm chịu đựng. Chỉ mong thời gian trôi đi, cơn ác mộng ấy sẽ nhạt dần và tiêu tan.

Ai ngờ con mụ qui ác Tín Tử ấy vượt cả đường xa biển lớn, mò đến tận hẻm Son này...

Trần đâu còn sợ Tín Tử, nhưng còn Tú Lan? Anh sợ nếu cô biết được mọi chuyện thì sẽ mất hết nên vội vã đi một mình đến khách sạn.

Trần đau khổ cúi đầu.

Nghe câu chuyện đẫm máu và nước mắt ấy, Tú Lan ngó người.

- Tú Lan! Anh không xứng đáng với em. Quả thật anh chẳng còn cách nào khác. Bây giờ tất cả tùy em.

Tú Lan không thể tưởng tượng được người chồng yêu quí của cô lại trải qua những ngày khủng khiếp như thế. Những tấm ngân phiếu thấm đầy đau khổ, nhục nhã. Cô sợ hãi, đau đớn, hối hận, phẫn nộ. Cô lắc đầu lia lịa:

- Không, Kiến Quốc. Em mới có lỗi với anh. Tại em muốn anh đi, em đã hại anh!

Tú Lan kéo Trần trở vào phòng Tín Tử:

- Anh ấy là chồng tôi. Trước kia tôi yêu anh ấy. Bây giờ càng yêu hơn. Nói cho bà biết, đây là Trung Quốc, chớ có nằm mơ, hãy cút mau!

Cô giật tung sợi dây chuyền ném trả...

Một thời gian sau, Tú Lan và Trần không mang theo đồ đạc gì, rời khỏi hẻm Son dọn đến nơi ở khác. Họ muốn tạo lập nên tất cả bằng chính đôi tay của mình. Dân hẻm Son không biết thêm chút gì về đôi vợ chồng ấy. Hẻm Son vắng đi những người mà họ vẫn tự hào. Những khi rỗi rãi họ vẫn thường luyến tiếc kể cho nhau nghe chuyện anh Trần đi nước ngoài và đám cưới thật tưng bừng và hạnh phúc của họ...

TRINH BẢO *dịch*

CHU ĐẠI TÂN

VẾT XE CŨ

Cái buổi sáng chó sủa inh ỏi, chim tra ly hót véo von ấy, Phí Bính Thành đang đứng trên căn gác xây bằng gạch đỏ lợp ngói xanh oai vệ, đẹp đẽ của nhà mình. Khi Hầu Tú, người phụ trách việc mua bán nhà đất báo tin Diêu Thịnh Phương cần bán nhà, Phí Bính Thành không hề chú ý. Bởi vì lúc đó hắn đang quát bảo tay xế chở bột cho xưởng mì của hắn. Cái xe bị tắt máy đứng ì ra giữa đường. Chỉ liếc mắt, hắn đã nhận ra nguyên nhân chết máy: bánh xe chệch ra ngoài vết xe cũ. Con đường chưa rải đá, mặt đường đất lún xuống thành hai vệt rất sâu từ nhiều năm qua, bánh xe chở bột trượt lên đám đất xốp bên trên.

- Đồ ngu! Theo lối cũ có dễ đi không! - Bính Thành gắt lên.

Một lần nữa người lái xe lại mỉm cười bẽn lẽn khởi động máy, cẩn thận đưa xe vào vệt đường cũ, rùng rùng lái xe đi. Bính Thành liếc nhìn lối mòn trơn nhẵn rồi mới quay đầu lại nhìn Hầu Tú, chợt nhớ ra người này hình như vừa nãy có nhắc đến Diêu Thịnh Phương. Bính Thành vừa nghĩ tới Thịnh Phương thì người đàn bà xinh đẹp, ngực nở, mông đầy, lưng thon mềm mại ấy dường như

đang trừng mắt ngạo nghễ nhìn hắn. Hắn rùng mình, bất giác mở miệng hỏi:

- Ông vừa nói cái gì đến Diêu Thịnh Vượng?

- Bán nhà mà! Chị ấy cần bán hai gian nhà mặt đường.

- Thế à? - Bính Thành cố không để lộ niềm vui qua giọng nói, song hình như vẫn hơi lộ ra. Đến bao giờ mày mới biết ghìm nén hở Bính Thành? Hắn đưa tay cấu mấy cái vào vế.

- Ông chủ chưa biết à? Mấy hôm trước chồng chị ta chở đậu xanh lên Tây Hiệp bán, cái xe ô tô thuê ấy đâm xuống ngòi. Xe hỏng, người bị thương, nợ lút đầu.

- Ờ, ờ, ra thế đấy! - Bính Thành gắng làm cho giọng nói của mình có vẻ thờ ơ, Thịnh Phương ơi, rốt cuộc cô sa chân đến thế nhé!

- Chị ta cần tiền gấp để trả nợ, nhờ tôi lo liệu giúp, không biết ông chủ có định mua hay không. Nếu ông chủ ưng mua thì tôi... hà hà hà! - Hầu Tú nháy mắt.

Bính Thành nhón mày lên nhưng ngay sau đó thong thả lắc đầu:

- Tôi ấy à? Thôi khỏi.

"Dính dáng với người đàn bà ấy làm chi nữa" - hắn nghĩ.

- Nếu ông chủ không mua, trưa nay tôi cho treo bảng bán đấu giá.

- Cứ việc đấu giá - Bính Thành ném cho Hầu Tứ một điếu thuốc, hắn cũng ngậm một điếu, bật lửa đánh tách một cái...

Bữa ăn sáng, Bính Thành ăn mà hồn cứ đâu đâu. Thỉnh thoảng trên mặt bát cháo lại hiện ra khuôn mặt xinh đẹp của Thịnh Phương, khiến lòng dạ hắn nôn nao. Quẳng bát xuống, định tới quán nhậu nghe nghệ nhân hát tích truyện nhưng đôi chân hắn ma xui quỷ khiến thế nào lại đi tới phố Nam là nơi Thịnh Phương ở. Thôi cũng được, thì xem cái nhà ấy bán đấu giá được bao nhiêu tiền!

- Ông chủ, ăn rồi à?

- Ông đấy à, ông chủ?

Hai bên đường luôn có người chào hỏi Bính Thành rất nồng nhiệt, hắn cũng quay qua quay lại gật đầu với họ. Lối gọi "ông chủ" này trước đây dân Liễu Trấn chỉ dùng để xưng hô với những người giầu như địa chủ, chủ hiệu v.v... mấy năm gần đây, lại được khôi phục, Bính Thành không nhớ rõ người ta gọi hắn bằng cái tên đó từ khi nào, nghe quả cũng khoái.

Diêu Thịnh Phương, chắc cô không ngờ có ngày hôm nay?

Hồi ấy, nếu cô nghe lời tôi, nếu cô không xé mảnh giấy tôi gửi cho cô, nếu cô đi theo tôi, làm sao cô sa sút đến nỗi phải bán nhà trừ nợ được? Cô còn nhớ buổi tối hôm ấy không? Tôi ngăn cô lại trên bờ ruộng ngoài bờ sông Trại, mặt đỏ bừng, tay run rảy, tôi đưa mảnh giấy ấy cho cô, trên đó chỉ viết một câu: "Thịnh Phương, hãy đi với anh, thế nào anh cũng khiến em được no ấm, ở nhà xây!". Mảnh giấy ấy tôi suy nghĩ mười mấy ngày mới viết được nên, vậy mà cô chỉ liếc một cái đã xé toạc ra ngay. Cô xé dứt khoát và phách lối biết mấy! Xé xong, cô tiện tay vứt đám giấy vụn ấy đi. Cô không thấy tôi vội vàng giơ tay hứng lấy chúng. Hai mắt cô cứ ngước lên trời, lạnh lùng bảo tôi: "Anh đừng theo đuổi tôi nữa. Nói thật để anh biết, anh béo lùn, tôi không ưng. Tôi đính hôn với Phùng Thanh Thái rồi". Nói xong, cô chẳng thèm ngoảnh mặt lại, rảo bước đi luôn. Cô đi vội vàng, thật nhanh, lòng cô thư thái mà ngạo mạn, chẳng thèm biết tôi lúc đó lảo đảo ngã sấp xuống. Cô càng không biết tối hôm đó tôi cứ lê lết ở chỗ cô ném vụn giấy đến nửa đêm mới đứng lên. Cô...

- Đồ con hoang, gớm thật! Mày có đứng lại không?

Tiếng quát tháo của một người đàn ông làm Phí Bính Thành giật mình dừng bước, người loạng choạng.

Một thằng bé choai choai tay cầm hai quả lựu, chạy

vụt qua như tên bắn, người đàn ông chừng ba mươi tuổi đuổi đằng sau.

- Đứng lại, đồ con hoang!

Bất giác Bính Thành rùng mình, đưa vội tay giữ lấy trán. Hắn lại cảm thấy chóng mặt như mọi khi. Dường như cùng lúc với cơn chóng mặt, mặt hắn cũng méo đi trông rất khó coi. Hắn khàn khàn gào lên với người đàn ông:

- Đồ chết toi!

Người đàn ông đang đuổi bắt kẻ trộm nghe thấy chững lại, toan nổi đóa. Chừng nhận ra người quát mình là ông chủ giàu có nổi tiếng toàn thị trấn, anh ta mới ấm ức phân bua:

- Ông chủ, em mắng cái thằng bé ăn trộm lựu đấy chứ!

- Ai cũng không được chửi bừa bãi như thế!

Bính Thành hầm hầm trừng mắt, mặt tái đi. Anh chàng kia đâu có ngờ câu chửi kẻ trộm của mình phạm vào một điều cấm kỵ nhất của Bính Thành. Bất kể lúc nào, hễ nghe thấy mấy tiếng "đồ con hoang" là hắn phản xạ có điều kiện, rùng mình, chóng mặt, nhớ đến quá khứ mà hắn lâu nay nén tận đáy lòng.

Đồ con hoang! Trước kia, lâu lắm rồi, cha hắn thường chửi hắn như thế. Hắn nhớ lần đầu tiên hắn ghi sâu câu

chửi ấy là một tối khi ăn cơm hắn vô ý đánh vỡ bát. Cha hắn xông tới véo tai hắn, vừa chửi "đồ con hoang", vừa đá đít. Hắn sợ quá, bật khóc. Hắn không hiểu vì sao cha chỉ căm một mình hắn. Thường ngày anh chị và các em hắn có đánh vỡ bát, cha không đánh cũng không chửi như thế. Hắn tuy nhỏ tuổi xong dần dần cũng nhận ra cha âu yếm với anh chị và các em hắn, không yêu hắn. Hắn không hiểu vì lẽ gì, chỉ biết làm gì cũng phải cẩn thận, đừng khiến cha hắn bực tức. Song đến như vậy rồi mà đâu có được yên! Ngày nào cha hắn cũng kiếm cớ trừng mắt chửi hắn "Đồ con hoang!". Một lần nghe cha chửi, hắn ấm ức sà vào lòng mẹ, vừa khóc, vừa hỏi: "Mẹ ơi, sao bố lại chửi con là con hoang". Mẹ hắn không trả lời, chỉ ôm chặt hắn vào lòng. Hắn cảm thấy mẹ hắn run rẩy cả người, nước mắt mẹ làm ướt cả đầu hắn. Hắn thôi khóc, không dám hỏi nữa để mẹ phải đau lòng. Từ ngày hôm ấy, hắn căm thù câu chửi đó.

Mình không nên mất bình tĩnh như thế! Đi được mươi bước, hắn lại véo một cái vào bắp vế. Hắn lo ngại quay đầu nhìn người đàn ông kia: thằng cha chắc không nghi ngờ đoán mò đâu!

Bính Thành chậm rãi bước đi, cố gắng lấy lại vẻ bình tĩnh lúc trước.

Còn cách rất xa, Bính Thành đã nhìn rõ mấy chữ viết

bằng mực đen trên tờ giấy trắng: Bán hai gian nhà mặt đường. Khi hắn bước đến gần đám đông, Hầu Tứ đang gân cổ lên reo:

- Hay lắm! Liễu Bắc Châu trả năm ngàn rưởi, còn vị nào muốn ra giá mới không? Xin nói thật, nhà ở ngay mặt phố, mở cửa hàng buôn bán thì hết ý. Nhà Thịnh Phương nếu chẳng cần gấp một khoản tiền thì không khi nào chịu bán đâu. Vị nào sẵn tiền nên quyết định kêu giá mới ngay đi, nếu không, nhà này sẽ thuộc về Liễu Bắc Châu...

- Năm ngàn bảy! - Trong đám đông bỗng vang lên một giọng khê đặc.

- Hay lắm! Trần Toàn Quế kêu giá mới năm ngàn bảy trăm! Còn vị nào bằng lòng ti thí không ạ?

Bính Thành đứng ngoài đám đông, không lắng nghe lời rao của Hầu Tứ mà nhìn chằm chằm vào Diêu Thịnh Phương đang đứng bên cửa. Cô vẫn trắng trẻo như xưa, chẳng thấy già đi, ngực vẫn căng phồng, mông vẫn còn mẩy riêng mắt vẫn đỏ, thâm quầng. Cô mất ngủ, khóc nhiều. Khóc là đáng kiếp lắm! Nếu không, bao giờ cô mới biết chọn người đàn ông? Cô chọn thằng Phùng Thanh Thái làm chồng là mù! Cô tưởng thằng ấy cao, mặt không đen, lông mày thanh tú, biết kéo nhị thì thế nào hắn cũng lo cho cô được ăn sung mặc sướng hay sao? Con c...! Chỉ dựa vào ba cái đó, vợ chồng cô trở thành giàu có ở Liễu

Trấn này ư? Bây giờ Thanh Thái nằm liệt giường cô chẳng những phải trả nợ cho hắn mà còn phải hầu hắn nữa! Trước kia, nếu cô chịu làm vợ tôi, bây giờ cô đã được ăn ngon, có bia, có rượu, mặc toàn lụa là! Hàng ngày chẳng phải mó tay vào bất cứ việc gì. Cô trở thành người đàn bà sung sướng nhất, giàu có nhất Liễu Trấn! Bây giờ cô cứ việc khóc đi...

- Năm ngàn chín!

Một ông già đứng bên cạnh hắn chợt gào to làm Bính Thành rung động cả người.

- Hay lắm. Ông Sáu Tần trả năm ngàn chín trăm. Còn vị nào kêu giá mới không?

Hầu Tú vung bàn tay gầy guộc, lúc này hắn mới nhận ra sự có mặt của Bính Thành. Thoạt đầu hắn sững người, sau đó gửi một nụ cười - năm ngàn chín.

Bính Thành cảm thấy tim đập dồn dập. Ý muốn giấu tận đáy lòng trước đây chợt bùng lên: mua lấy cái nhà này! Chẳng vì cớ gì khác mà chỉ muốn mở mắt cho Thịnh Phương thấy bản lĩnh và sự giàu có của ông đây! - Sáu ngàn rưỡi! - Bính Thành điềm tĩnh thờ ơ nói.

Giá đó làm đám người xúm xít ồn ào bàn tán trước cửa chợt ngoảnh cả đầu lại. Hắn thấy Thịnh Phương cũng liếc nhìn hắn.

- Hay lắm! Ông chủ họ Phí trả sáu ngàn rưởi! Còn vị nào kêu giá mới nữa không? - Hầu Tứ lớn tiếng rao.

Đám người lặng ngắt và cứ lặng ngắt như thế. Không ai dám đọ cao thấp với ông chủ họ Phí. Mọi việc buôn bán ở thị trấn này, hễ nghe nói ông chủ đã chạm tay vào thì ai nấy đều tự động rút lui. Ai cũng biết Phí Bính Thành có cả một xưởng làm mì, một nhà làm đậu phụ và một cửa hàng bán rượu, thuốc lá. Gia sản có đến mấy chục vạn.

- Không ai trả giá mới, vậy nhà này thuộc về ông chủ họ Phí rồi - Hầu Tứ lớn tiếng nói, rồi vẫy tay về phía Bính Thành - Mời ông chủ vào nhà điểm chỉ! - Đám đông bắt đầu tản đi. Khi điểm chỉ xong vào văn tự, cả Hầu Tứ cũng nhận tiền thù lao ra về, hai gian nhà mặt đường trống trải, chỉ còn lại có Bính Thành và Thịnh Phương.

- Lát nữa tôi sẽ bảo người đem tiền đến cho cô - Bính Thành nhả một vòng khói thuốc, ung dung đi đi lại lại trong nhà.

- Cảm ơn ông chủ! - Thịnh Phương lí nhí nói, đôi mắt đau buồn từ từ nhìn khắp căn nhà thân thuộc, hai tròng mắt dần dần đỏ lên, cánh mũi phập phồng nhè nhẹ.

Cô đau lòng lắm nhỉ? Buồn lắm nhỉ? Nhà của cô đã trở thành nhà của tôi rồi! Cô hãy nếm mùi mặn của nước mắt đi! Song cô đừng khóc òa nhé, khóc như thế mặt cô

sẽ khó coi. Tôi thích nhất nhìn đàn bà rưng rưng nước mắt, khuôn mặt họ như hoa lê ngậm sương dễ động lòng người. Cô chẳng già đi, cô nhìn bụng cô mà xem, chẳng sồ sề tẹo nào, có đâu như mụ đàn bà ở nhà tôi, bụng xổ cả một đống như núi. Đàn bà già đi trước hết ở cái bụng...

Suốt ngày hôm ấy, Bính Thành ngập mình trong niềm hưng phấn không thể kể sao cho xiết. Trưa nay khi từ nhà Thịnh Phương đi ra, hắn tạt về nhà bảo người đem tiền đến cho cô rồi tới quán nhậu, ở đấy vừa nhâm nhi vừa nghe gánh hát kể chuyện, cho tới lúc mặt trời xế bóng mới ra về, nằm ườn trên cái ghế xích đu mà hàng ngày hắn vẫn nằm nhắm mắt dưỡng thần.

Gió nhè nhẹ man mát lọt vào sân, lay động mấy cây hoa nguyệt quế đang nở rộ, thế là từng làn hương thơm ngát tràn ngập khắp nơi, không ngừng chui vào mũi Bính Thành khiến hắn càng thấy khoái.

Căn nhà trống vừa mới mua di chuyển tới trước mắt hắn. Hắn bắt đầu tính toán nên xem lợi dụng hai gian nhà mặt đường ấy ra sao. Làm cửa hàng thu mua lâm sản? Mở quán nhậu? Quán bán sách? Hay tiệm trà? Nhất định phải tận dụng thật tốt! Phải cho Thịnh Phương biết, ở trong tay chồng cô, hai gian nhà ấy sa sút đến mức phải bán đi, sang tay tôi, chúng hái ra tiền! Tôi phải làm cho cô nhớ kỹ sức lực của hai bên.

Trong bếp choang một tiếng, dường như bát đĩa gì đó rớt xuống đất, nhưng Bính Thành vẫn nhắm mắt, tiếp tục dòng suy nghĩ. Bất đồ của bếp lúc này vang lên tiếng vợ hắn chu chéo:

- Ối trời ơi, cái chậu men sứ của tôi! Đánh chết đồ con hoang ấy đi!

Bính Thành mở bừng mắt, con ngươi hắn đứng sững trong giây lát, mắt nổ đom đóm. Hắn lại cảm thấy cơn nóng mặt quen thuộc. Vợ hắn vô tình chạm phải dây thần kinh mẫn cảm nhất của hắn:

- Đồ thối thây, chu chéo cái gì? - Cơn choáng váng qua đi, hắn đập tay vào tay vịn xích đu, rống lên.

- Tôi, tôi đuổi con mèo hoang ăn vụng - người vợ béo sưng béo xia sợ hãi trước cơn tam bành của chồng - Đồ con hoang ấy làm vỡ... trong bếp...

- Cút ngay, đồ thối thây! - Bính Thành dậm chân giận dữ. Vợ hắn lại khiến hắn nhớ đến câu chửi "đồ con hoang" của cha hắn năm nào. Hồi đó, mấy tiếng này suốt ngày vang bên tai hắn. Hắn còn nhớ rõ mùa thu năm hắn mười hai tuổi, cũng vào một buổi tối, hắn kiếm củi vừa vào đến cổng, cha hắn thấy bó củi trên lưng ít ỏi bèn lớn tiếng chửi: "Nhặt được có thế thôi à? Đồ con hoang!". Hồi đó qua câu chuyện của đám đàn ông ở thị trấn, hắn đã hiểu

hai chữ con hoang có nghĩa là thế nào rồi, nên tức giận đỏ bừng cả mặt, óc căng ra, người run bắn. Hắn đốp chát lại:

- Đứa nào là con hoang? Tại sao cha bảo tôi là con hoang?

Nghe hắn cãi, cha hắn ngẩn người ra, thở hồng hộc không sao nói được. Nửa đêm hôm ấy, hắn bỗng thức giấc khi nghe mẹ cố kìm nén tiếng núc nở. Nằm trên giường, hắn lắng nghe mẹ van nài qua tiếng khóc:

- Cha nó... con đã lớn rồi... cha nó đừng chửi con như vậy nữa.

Tiếp theo đến tiếng cha hắn lạc đi vì giận dữ:

- Ông cứ chửi đấy!... Mày làm chuyện đẹp mặt nhỉ! Con mẹ thối thây nhà này!

Mẹ hắn vẫn sụt sùi:

- Ông oán trách tôi ư? Nếu tôi không vì ông, vì các con thì ...

Hắn vội vàng bịt chặt hai tai không nghe tiếp nữa...

- Ông hung hăng cái nỗi gì? Tôi đuổi con mèo thì can có gì đến ông - Vợ Bính Thành vô có bị chồng chửi vừa khóc vừa làm toáng lên - Ông tưởng tôi không biết gì đấy à? Ông thấy tôi béo ông chán tôi! Sao trước kia ông không

chán? Sao lúc ấy ông ôm lấy tôi gọi tôi là cục cưng mãi thế? Bây giờ ông có tiền rồi, có thể kiếm một đứa xinh đẹp rồi, hu hu...

Nhìn bộ mặt xấu xí vì nước mắt nước mũi và tấm thân phì nộn rung rung của vợ, trước mắt Bính Thành lại hiện ra thân hình xinh đẹp của Thịnh Phương. Hắn lắc mạnh đầu một cái để xua đuổi bóng dáng thanh tú đó đi, sau đó hạ thấp giọng bảo vợ:

- Thôi đi bà ơi!

- Thôi cái gì mà thôi! Tôi là lợn là chó à? Ông muốn chửi là cứ chửi à? Ông đi kiếm con đĩ ở bên ngoài, về nhà còn làm dữ như thế, có định cho tôi sống không chứ? - Người vợ không có ý bỏ cuộc.

Nỗi bực dọc rộn lên trong lòng hắn. Hắn muốn chửi toáng lên một trận nhưng hai đứa con đi học về đã vào đến sân, hắn đành dẹp nỗi bực dọc ấy rảo chân ra cổng. Hắn đi nhanh đến quán nhậu cách đó một quãng. Trời đã xẩm tối, hắn lại đi vội, không nhìn xuống đất. Bất chợt chân thụt xuống rồi cả người hắn đổ vật ra. Nhìn lại, hắn mới biết mình thụt chân xuống vết bánh xe. Mẹ nó! Hắn tức giận chửi rồi lồm cồm bò dậy...

*

* *

Chỉ sau hai ngày, căn nhà Diêu Thịnh Phương bán đi đã thay đổi hẳn. Cửa sơn xanh, tường quét vôi trắng, một quầy kính ngăn nhà ra làm đôi, một dãy giá bày hàng đứng sau quầy kính. Cuối cùng Bính Thành quyết định: mở hàng bán quần áo may sẵn thật mốt. Hắn thuê người sửa chữa cửa hàng với mức nhanh nhất.

Chiều muộn, Bính Thành đến cửa hàng xem xét. Khi hắn ngắm nghía một vòng quanh nhà, bước đến bên cửa sổ phía sau, bất chợt thấy Thịnh Phương đang bưng một bát cơm bốc khói ra khỏi căn bếp lụp xụp, bước vào nhà sau. Hắn để ý nhìn. Căn nhà phía sau này mái quá thấp, tường một nửa là gạch mộc chất thành, kém xa hai gian nhà phía trước. Bây giờ nhà Thịnh Phương chỉ còn lại hai gian nhà phía sau và cái bếp lụp xụp, hai vợ chồng, hai đứa con, lại còn bà mẹ chồng, ở thế nào cho đủ? Một sự tò mò vui sướng xui khiến hắn mở cửa sau gian hàng bước tới căn nhà kia.

Hắn gõ cửa. Thịnh Phương thưa rồi cửa mở. Mùi thuốc sắc và mùi lạ riêng có ở những người ốm lâu ngày xộc vào mũi, hắn cố nén để không chau mày.

- Rồi đây hai nhà là hàng xóm của nhau nên hôm nay tôi tới thăm - Vào tới trong nhà, hắn cất tiếng nói.

Căn nhà quá nhỏ, tuy thu dọn sạch sẽ nhưng liếc mắt đã thấy ngay cảnh chật chội. Bằng ánh mắt người trên,

Bính Thành ngắm nghía mớ đồ đạc cũ bày trong nhà, giấu cái nhìn giễu cợt xuống đáy mắt.

- Mời ông chủ ngồi! - Thịnh Phương nhỏ nhẹ, mặt vẫn buồn bã.

Ha ha, con bé họ Diêu kia! Thì ra làm vợ Thanh Thái sống như thế này đây! Cô không cảm thấy chua xót à?

- Phí Bính Thành! - Gian trong bỗng vang lên tiếng gọi yếu ớt, không thiện cảm.

Hắn hơi sững sờ. Từ ngày hắn trở nên giàu có nhất thị trấn, ai cũng kính trọng gọi hắn là ông chủ, rất ít người dám gọi thẳng tên hắn. Nghe ra đó là tiếng Thanh Thái nằm trên giường bệnh gọi, bèn đáp:

- Thanh Thái gọi đấy à?

- Anh vào đây! - Tiếng bên trong vẫn rất lạnh nhạt.

Mẹ nó! Đến bây giờ còn làm bộ với ông cái gì? Mày dám ăn nói với ông thế à? Bính Thành miễn cưỡng bước vào bên trong - Nghe đây! - Phùng Thanh Thái ốm o vàng vọ nằm trên giường run run ngóc dậy, tiếng yếu ớt nhưng rõ ràng - Hai gian nhà trước của tôi, anh chỉ được sử dụng chứ không được sửa chữa tùy ý. Ít nữa thế nào tôi cũng chuộc lại. Nếu anh dám hủy hoại nó, coi chừng tôi tính sổ với anh đấy!

- Tất nhiên rồi! - Bính Thành khoan dung, thương hại

gật đầu. Mẹ nó, bây giờ mà còn nói cứng! Bản lĩnh như mày mà còn muốn mua lại căn nhà ấy sao? Chịu thua chịu nghèo đi thôi! Bảo cho mà biết, ông đã mua thì nhà ấy là của ông, ông muốn sao thì sửa vậy!

- Ông chủ, xin ông đừng để ý. Ốm lâu ngày nên tính khí nóng nẩy - Thịnh Phương nhỏ nhẹ xin lỗi khi tiễn hắn ra cửa.

- Có gì đâu! - Bính Thành lắc đầu, rảo bước về cửa hàng.

- Trổ thêm một cửa về đàng trước cho tôi - Vừa bước vào cửa, hắn dõng dạc ra lệnh cho đám thợ thuê sửa cửa hàng.

- Trổ cửa làm gì ạ?

- Cần lắp một cái loa thùng cho máy ghi âm để thu hút khách hàng.

Phùng Thanh Thái ơi, ông cứ trổ cửa trên tường đấy! Thịnh Phương ơi, tôi muốn cô biết rằng lời chồng cô chẳng đáng cục c...

Hai người thợ bắt đầu đục tường phía trước.

Bính Thành mồm ngậm thuốc dạo quanh phòng. Một người thợ từ trên xà nhà thòng xuống hai cái thòng lọng chuẩn bị treo biển quảng cáo có viết "Đủ cỡ áo quần các kiểu. Hoan nghênh vào hàng lựa chọn". Bính Thành vui

vẻ nhìn theo động tác của người thợ ấy. Tới chừng người thợ xuống thang lấy tấm biển quảng cáo, hai cái thòng lọng treo trên xà đu đưa. Thoạt đầu hắn còn mỉm cười nhìn, nhưng chỉ nháy mắt, mặt hắn trắng bệch, mắt hắn tỏ vẻ hoảng sợ. Cảnh tượng tương tự cách đây hai mươi mốt năm hiện ra trước mắt.

Tối hôm ấy, trên xà nhà nơi cha mẹ hắn ngủ cũng treo hai cái thòng lọng như bây giờ. Cha mẹ hắn đã cho cổ vào hai cái vòng thừng đó để rời bỏ cõi đời. Hắn nhớ rõ sự việc hôm đó lắm. Một toán học sinh tay đeo băng đỏ xông vào cổng, đứng trước dân hô to: "Lôi con đĩ của thằng địa chủ Bảy Liễu ra đây!". Hô xong, xông vào bếp, điệu mẹ hắn đang sợ hết hồn ở cửa bếp đưa đi. Cha, anh, chị và hắn xúm vào giành lấy mẹ song đều bị Hồng vệ binh xô ngã. Cuối cùng mẹ hắn bị điệu lên bục cao ở ngã tư thị trấn, hai bóng đèn trăm oát chiếu vào mảnh giấy đen cài trước ngực. Trên đó viết: "Con điếm nhà địa chủ". Dưới bục vây kín những người đeo băng đỏ. Hắn chỉ được đứng xa xa nhìn người mẹ run rẩy qua nước mắt. Sau một loạt tiếng hô "thành thật khai ra" của Hồng vệ binh, hắn nghe thấy mẹ nức nở khai: "... năm đó, cha các cháu bị bệnh thương hàn, nhà chẳng còn gì bỏ vào nồi... tôi phải đến xin làm việc vặt ở nhà Bảy Liễu... thổi cơm... Một tối,... Bảy Liễu ôm choàng lấy tôi từ phía sau... tôi đá,... tôi cắn,... vẫn không buông tay bịt miệng tôi, bảo nếu

không nghe... trừ tiền công, đuổi đi. Tôi cần tiền...".

Bính Thành không nghe tiếp được nữa, hắn quay người, cắn chặt răng chạy thục mạng tới nghĩa địa chôn lão Bảy Liễu ở bên ngoài thị trấn, dùng hai tay cào bới như điên đám đất trên đầu mồ chôn lão cho đến lúc hai bàn tay rớm máu mỏi nhừ. Khoảng nửa đêm hắn mới lê bước về nhà. Khi đó anh, chị hắn đã đi ngủ, mẹ hắn hai mắt ngây dại, mặt trắng bệch nằm trong nhà, cha hắn đang buộc hai cái vòng thừng lên xà nơi họ ngủ. Thấy hắn trở về, cha hắn sững sờ giây lát, sau đó lẩm bẩm nói như giải thích, lại như tự nói một mình: "Làm cái thòng lọng này để treo đồ". Lúc ấy hắn chỉ liếc qua hai vòng thừng đang đu đưa rồi chui vào chỗ ngủ của mình. Hắn không muốn nghĩ ngợi, chỉ muốn chìm vào giấc mơ lộn xộn thật nhanh để quên đi hết thảy những gì hắn nghe thấy tối hôm đó. Trời vừa rạng, tiếng người chị kêu thét đánh thức hắn. Theo tiếng kêu, hắn chạy vào chỗ bố mẹ ngủ thì họ đã treo người trên hai cái thòng lọng.

- Bỏ xuống, bỏ xuống ngay! - Mặt nhợt nhạt, Bính Thành chỉ hai vòng thừng treo trên xà.

- Sao ạ? - người thợ bê tấm biển quảng cáo ngỡ ngàng.

- Không treo nữa, đồ ngu! - Hắn rống lên như điên.

*

* *

Năm ngày sau, cửa hàng quần áo may sẵn mốt mới Phi Ký đã bày biện xong xuôi. Trên giá hàng, trên mặt quầy, trên dây thép treo chỗ nào cũng là quần áo may sẵn đủ màu, đủ cỡ mốt mới. Bính Thành quyết định hôm sau mở hàng. Chiều hôm đó hắn đến hiệu xem xét lần cuối. Cửa hiệu này hắn đã giao cho một người cháu bên ngoại phụ trách kinh doanh cụ thể nhưng hắn không yên tâm lắm. Hắn phải kiểm tra cẩn thận từ cách bày biện đến sổ sách nhập hàng một lần nữa mới hài lòng thở phào. Đúng lúc đó có người gõ cửa. Người cháu đẩy cửa ra, Thịnh Phương ăn mặc giản dị đứng ở cửa.

- Ô, cô đấy à? Xin mời vào - Bính Thành rất vui khi thấy Thịnh Phương tới xem cửa hiệu của hắn vào lúc này.

Thịnh Phương bước vào. Cô ngạc nhiên và bất ngờ khi thấy căn phòng quen thuộc thay đổi hẳn. Hai tay cô bất giác mân mê chéo áo, mắt rụt rè nhìn xung quanh. Thấy vẻ khép nép, bàng hoàng của cô, bất giác Bính Thành lại nhớ đến bộ dạng cao ngạo khi cô xé lá thư tỏ tình của hắn năm nào. Ha ha, Thịnh Phương ơi, sao hôm nay không làm cao nữa đi!

- Tìm tôi có việc gì? - Hắn đắc ý song không để lộ qua ánh mắt.

- À - Sau khi khẽ đáp như thế, Thịnh Phương bỗng đỏ bừng mặt - Tôi định hỏi, sau khi mở hàng, nhà ta có cần

người giúp việc không.

Ồ, thì ra là thế! Cuối cùng cô đã phải cầu cứu tôi.

- Người giúp việc ấy à, tất nhiên cần rồi! - Hắn cố ý kéo dài giọng.

- Nếu cần, tôi đến làm có được không? - Thịnh Phương ngẩng đầu lên, mắt tỏ vẻ van nài - Không sợ ông cười mới nói, tiền bán nhà còn chưa đủ trả nợ, đến nay thiếu đến hơn hai ngàn nữa. Thanh Thái ốm nằm đó, các cháu còn đi học, đều cần tiền, biết kiếm đâu ra? Mấy thứ trồng ngoài đồng chỉ đủ đỡ miệng, tôi chẳng còn biết làm thế nào. Nếu ông nhận tôi vào giúp việc vặt ở cửa hàng, mỗi tháng trả cho ít tiền công, cũng là giúp đỡ tôi nhiều lắm...

Bính Thành đâu có nghe những lời thì thầm thổ lộ đó? Mắt hắn cứ dán vào bộ ngực phập phồng của Thịnh Phương. Lòng hắn rộn lên một tình cảm lộn xộn, phức tạp. Năm ấy ngực cô ta chưa nở như thế này mà đã khêu gợi hắn biết bao ước muốn kỳ lạ. Khi ấy đêm nào nằm mơ, tôi cũng mơ thấy mình cởi từng cái cúc một trên ngực áo cô, nhưng hầu như lần nào sắp cởi đến đến cái cúc cuối cùng thì lại tỉnh mộng. Tôi mong ước sớm muộn giấc mộng kia cũng thành hiện thực. Nào ngờ cô lại ưng cái thằng khốn kiếp Phùng Thanh Thái. Cô bằng lòng cho hắn cởi cúc áo trên ngực cô, bằng lòng cho hắn sờ mó khắp người cô! Con mẹ nó Phùng Thanh Thái! Mày có

biết không! Vợ mày hiện đang cầu cứu ông! Ông chẳng những có quyền cải tạo nha của mày mà ông còn có quyền chi phối vợ mày nữa! Nghĩ đến đây, tim Bính Thành nhảy bật lên một cái, một ý nghĩ thầm kín vụt qua óc hắn: xem xem bầu vú cô ta thế nào!

- Ông chủ, có được không ạ! Vẻ van nài tăng lên trong mắt Thịnh Phương.

- Được, tất nhiên được mà! - Bính Thành vội gật đầu - Cửa hiệu này tôi định giao cho ba người kinh doanh. Một thằng cháu trai, một con cháu gái và một người làm công. Cô muốn làm thì tôi khỏi phải thuê người khác. Còn tiền công, hai người kia bao nhiêu, tôi trả cô bấy nhiêu, không để thiệt cho cô đâu. Nếu Thanh Thái có cần việc gì, cô có thể tùy lúc về trông nom, ban đêm cũng không cần cô gác cửa.

- Cảm ơn! - Thịnh Phương cảm động, mắt hoe đỏ.

- Khách sáo làm gì, có phải người ngoài đâu! - Bính Thành dõi mắt theo người đàn bà ra cửa, ánh mắt dồn vào cặp mông tròn đầy. Một tia lửa loé lên trong mắt hắn rồi đột ngột lặn đi.

Chiều tối hôm ấy trên đường về nhà hắn thấy vui. Hắn gặp một bé trai sáu bảy tuổi đang đánh vòng sắt. Khác hẳn lệ thường, hắn tiến lai, nhẫn nại dạy đứa trẻ đánh vòng lăn theo vết xe cũ trên đường, như thế đánh một cái

mà lăn được rất xa. Hắn còn nhiệt tình làm thử, cầm lấy cái vòng sắt trên tay đứa trẻ, đánh cho lăn mấy lần theo vết xe nhẵn thín, khiến đứa trẻ thích quá vỗ tay hoài. Cho đến khi cha đứa trẻ gọi nó về ăn cơm, niềm vui của hắn mới đột nhiên bị phá tan. Thì ra cha đứa trẻ ấy là cháu địa chủ Bảy Liễu. Thấy đối phương Bính Thành căm tức đứng sững, quẳng cái vòng xuống đất, quay người bỏ đi. Bao nhiêu năm qua hắn chưa bao giờ bắt chuyện với người nhà Bảy Liễu.

Đi được mấy bước, hắn cảnh giác nhìn lại xung quanh. Còn may, không có ai. giả sử ai đó bắt gặp hắn kiên nhẫn giảng giải trò chơi cho cháu chắt nhà Bảy Liễu, không chừng người ta lại nghi ngờ.

*

* *

Ngày đầu tiên khai trương, hiệu quần áo may sẵn Phi Ký đã rất đắt hàng. Trong khi pháo đang nổ, nhiều đợt khách đã ùa vào cửa hàng. Thịnh Phương cùng hai người cháu Bính Thành luôn tay luôn miệng giới thiệu, nhận tiền, lấy quần áo. Rõ ràng Thịnh Phương cũng xúc động trước cảnh tượng khách mua đầy nhà này. Khuôn mặt thường ngày lo âu sầu não thì nay vui vẻ tươi cười. Hôm ấy cô mặc cái áo vải nền xanh hoa đỏ đã cũ, vẻ nghèo nàn nổi bật trước những bộ quần áo thời trang đẹp đẽ

chất đầy cửa hiệu, song khuôn mặt xinh đẹp trời cho và thân hình mềm mại của cô vẫn thu hút ánh mắt của nhiều khách hàng. Phí Bính Thành lẳng lặng ngồi ở đầu quầy đằng kia nhận thấy số đông khách nam giới đứng tuổi vào mua hàng, trước tiên đều dừng mắt trên người cô, sau đó mới xem hàng, hỏi giá. Hắn lau qua mặt, nhè nhẹ xóa đi nụ cười mỉm nhiều hàm nghĩa trên đó.

Sau một ngày, tính ra tiền bán hàng có đến hơn hai ngàn tám trăm đồng, lãi gần ba trăm. Bính Thành cố ý lớn tiếng tuyên bố kết quả đó. Tới chừng thấy Thịnh Phương thoáng ngạc nhiên khâm phục, hắn rút ra sáu tờ mười đồng, đưa cho Thịnh Phương và hai người cháu, mỗi người hai tờ bảo:

- Đây là tiền ăn mừng. Nếu ngày nào cũng bán được như thế này thì lương mỗi người hai trăm một tháng.

Khi Thịnh Phương tỏ vẻ cảm kích quay người ra khỏi cửa, hàm răng trên của Bính Thành cắn nhẹ vào môi dưới, hai bàn tay không rõ vì có gì nắm chặt vào nhau. Sau ngày khai trương chừng nửa tháng, sẩm tối, Bính Thành đến cửa hàng bảo cậu cháu trông cửa hàng:

- Tối nay chú ở đây xem sổ sách rồi trực ban luôn thể. Cháu về nhà mà ngủ!

Người cháu vừa đi khỏi, hắn mở cửa sau lớn tiếng gọi Thịnh Phương đang lượm củi ở sân:

- Cô Phương này. lát nữa có rảnh lên giúp tôi bày lại hàng nhé!

Đợi cô trả lời xong, hắn kéo tất cả rèm cửa lại, ngả người trên cái giường thường ngày người cháu vẫn ngủ, thong thả châm thuốc hút.

Không biết thời gian trôi đi bao lâu trong cái cảnh tịch mịch đó thì cửa sau có tiếng gõ. Bính Thành nhanh nhẹn nhổm dậy mở cửa:

- Xin lỗi, tới muộn quá. Tôi vừa thu xếp cho Thanh Thái, bà cụ và các cháu đi ngủ xong - Thịnh Phương bước vào đã xin lỗi.

- Không sao, không sao! - Bính Thành vừa cài cửa vừa lắc đầu.

- Bày những hàng gì? - Để tôi làm - Cô vừa nói vừa xắn tay áo.

- Có chút việc vừa nãy cô chưa lên, tôi làm xong rồi. Ngồi xuống đây, luôn thể có việc bàn với cô - Hắn chỉ vào mép giường, tay run run.

- Thế này này. Tôi có cô em họ con bà cô, nghe nói mở cửa hiệu bán quần áo may sẵn cứ đòi cho được chân bán hàng. Nói hai ba lần rằng, đã có người, vẫn cứ đòi đến. Chẳng có cách khác đành đề nghị cô ... Hắn nói rất từ tốn.

- Thế ư! - Thịnh Phương tự nhiên bật dậy, hai má nóng bừng, giọng nói gấp gáp - Ông chủ, ông biết đấy, không có số tiền tôi kiếm được đây cả nhà tôi không sống nổi. Ngày mai Thanh Thái lại phải bốc thuốc, cháu bé phải nộp tạp phí cho trường, tôi đang lo không biết có vay ông chút ít được không. Nếu không tôi cũng nghỉ suông ở nhà, thì...

- Đừng vội lo - Bính Thành thong thả đứng lên tới bên Thịnh Phương, giơ tay vỗ nhẹ lên vai cô an ủi - Nếu thực sự cô có khó khăn, tôi cũng không thể an tâm.

Nói rồi, bàn tay kia của hắn cũng vỗ nhẹ lên vai cô.

- Ngồi xuống, đừng lo, còn có tôi kia mà!

Khi Thịnh Phương hoang mang lại ngồi xuống mép giường, hai tay hắn vỗ trên vai cô bắt đầu từ từ chuyển xuống. Đang đắm mình trong nỗi lo lắng, Thịnh Phương chưa nhận thấy sự di chuyển của hai bàn tay kia, chỉ chăm chăm nhìn vào phía Bính Thành, chờ hắn trả lời. Tới chừng cảm thấy hai bàn tay hắn khe khẽ nắn núm vú ngoài lần vải áo, cô mới giật nảy mình. Đôi mắt vốn đầy vẻ hòa nhã van nài bỗng trở lên sững sờ. Cô đứng bật dậy, đẩy mạnh Bính Thành lảo đảo lùi lại, phẫn nộ kêu lên:

- Ông làm gì thế?

- Có làm gì đâu? - Bính Thành ngượng ngùng cười. Con mẹ nó, giả bộ đứng đắn! Nên hiểu biết mới phải.

- Ông... - Thịnh Phương nghiến răng, nước mắt rưng rưng từ từ ứa ra. - Ông tưởng tôi nghèo dễ bắt nạt hả? Nói cho ông biết từ nay về sau ông còn dám thế, cẩn thận kẻo tôi đi thưa đấy - Nói xong, cô quay ngoắt đi luôn.

- Đồ thối thây! - Mặt Bính Thành sa sầm

- Ngày mai, cô không phải đi làm. Tiền công mấy ngày vừa rồi tôi sẽ cho người đưa đến - Tiếng hắn thong thả, ghê rợn.

- Bà không cần tiền của mày! - Thịnh Phương giận dữ ném lại một câu, mở cửa chạy về nhà.

Bính Thành đứng sững nguyên chỗ cũ, mắt đăm đăm nhìn cô người mẫu bằng nhựa mặc áo cánh dơi đứng bên quầy. Mẹ nó! Bản lĩnh chinh phục đàn bà của mình vẫn chưa ổn. Đồ thối thây! Đợi đấy! Tao sẽ đánh gục hoàn toàn thói ngạo mạn của mày. Hắn tiến dần từng bước đến trước người mẫu, soạt một cái giật tuột cái áo cánh dơi, hầm dầm thụi một quả vào ngực.

Liền mấy ngày Thịnh Phương đến xưởng của nhà nước và cửa hiệu của tư nhân ở quanh đấy tìm việc làm. Có hai nơi bằng lòng nhận cô, nhưng sau đó một buổi lại khéo léo từ chối. Cô nằm mơ cũng không nghĩ được rằng Bính Thành vẫn để mắt theo dõi cô. Chỉ cần cô đến xưởng nào, cửa hàng nào ngay sau đó hắn cũng đến thăm hỏi chủ

nhân những nơi đó. Trong lúc chuyện vãn hắn chỉ thuận miệng nói:

- Bà hàng xóm ở sau cửa hàng quần áo của chúng tôi tay chân không sạch sẽ lắm đâu. Giúp việc ở cửa hàng có mấy ngày mà tôi đã mất khối thứ, rốt cuộc đành phải thải.

Chẳng ai muốn thuê một người phụ nữ như thế.

Sau đó Bính Thành lại hỏi thăm đến các chủ nợ của Thịnh Phương. Hỏi được rồi, liền đến nhà từng người. Trong lúc chuyện trò về công việc buôn bán, bao giờ hắn cũng tiện thể báo cho họ biết: nghe nói nhà Phùng Thanh Thái gần đây kiếm được một món, chuẩn bị chung lưng mở cửa hiệu với mấy người khác. Thế là vài ngày sau, các chủ nợ nối tiếp nhau tìm Thịnh Phương đòi nợ. Qua khe cửa sau, Bính Thành nghe được hết những lời cô van xin họ.

Hắn cười tủm tỉm. Đồ thối thây! Kiêu ngạo lắm vào!

Khoảng hai tháng sau, một tối Bính Thành đến cửa hiệu bàn với người cháu về việc mua hàng. Hắn ngồi chưa lâu, bỗng cửa bị đẩy ra, người bước vào là Thịnh Phương. Hắn ngẩn người ra. Đang suy nghĩ xem cô đến về việc gì thì Thịnh Phương bình tĩnh nói:

- Ông chủ, tôi có chút việc muốn thưa riêng với ông.

- Ờ - Bính Thành xua tay về phía người cháu - Cháu về đi!

Khi cánh cửa khép lại, Thịnh Phương bước lại đến bên hắn, nói rất thản nhiên.

- Xin báo với ông, bây giờ tôi bằng lòng rồi!

- Bằng lòng cái gì? - Trong vài phút đầu, Bính Thành còn chưa kịp phản ứng, mắt hắn trố ra.

Thịnh Phương lặng lẽ giơ tay cởi cái cúc áo trên cùng. Bính Thành cảm thấy thái dương giật lên mấy cái, một cái gì nóng bỏng cuộn lên ở bụng dưới của hắn. Ha ha! Đồ thối thây! Cuối cùng mày đã chịu tao chinh phục! Hắn cầm cốc nước trà trên bàn lên, thong thả uống một ngụm.

- Tôi muốn hỏi xem mỗi lần ông chi cho bao nhiêu? - Đôi mắt Thịnh Phương nhìn dán vào hắn, như hỏi một việc rất bình thường.

- Tiền ấy à, dễ ợt! - Hắn kéo ngăn bàn đánh soạt, lấy ra một sấp tiền 10 đồng dày cộm ném lên mặt bàn, mỉm cười - Cô có thể bỏ túi ngay xấp tiền này! - Đồ thối thây, bây giờ mày mới biết sức mạnh của tao, hắn nghĩ.

- Vậy tôi... cởi ngay bây giờ à? - Cô nhìn dán vào mắt hắn. Một màu đỏ rực phủ lên mặt hắn, hắn hoảng loạn đổi chân đứng cho nhau, thậm chí bối rối quay đầu nhìn nhanh cái giường. Nhưng hầu như cùng lúc hắn lại thầm gắt lên: Mình sợ cái gì nhỉ? Thằng Trần Cửu Long mở cửa hàng ăn ở phố ĐÔng chẳng có con bồ là gái góa đó

sao? Còn lão Ba Lâm ở xưởng bột giặt phố Bắc không ngầm lấy hai vợ là gì? Mình nhiều tiền như thế để một chỗ được cái gì? Định đem xuống mả chắc? Phùng Thanh Thái, mày không chịu thua cơ mà? Mày xem, tao chẳng những cải tạo nhà mày mà còn ngủ với vợ mày nữa!

- Cởi đi - Hắn nghe hai tiếng này bật ra từ miệng hắn. Hắn toan đứng lên, cởi từng chiếc cúc áo một trên ngực áo của Thịnh Phương như hắn từng cởi nhiều lần trong những giấc mơ năm ấy, nhưng cuối cùng hắn tự kiềm chế: để cô ta phải làm lấy. Tao biết, mày còn muốn trinh tiết với thằng chồng mày, chẳng còn biết cách nào mày mới buộc phải đến đây. Tao quyết bắt mày phải tự tay xé toạc niềm kiêu hãnh của mày. Thịnh Phương tay cứng nhắc chậm rãi cởi từng chiếc cúc áo, đôi mắt xa vắng nhìn dán vào quầy hàng gần đó.

Hắn bất giác cầm chặt cốc nước trà, mắt mở to, cảm thấy tim đập nhanh hơn, thần kinh căng thẳng, hai má nóng bừng, hai bên thái dương giật nhoi nhói.

Thịnh Phương cởi hết áo.

Hắn nín thở, hai tay như sắp bóp vỡ cốc nước. Khi tấm thân trắng bóc của Thịnh Phương để lộ hoàn toàn trước mặt hắn, hắn không nén nổi bật cười. Ô, cuối cùng tao đã thấy! Cái của núp dưới quần áo khiến tao mơ tưởng bao nhiêu năm nay. Bây giờ tao đã thấy.

Thịnh Phương bước từng bước đến bên giường.

Hắn đứng bật dậy hai tay vẫn bóp chặt cốc nước trà.

- Tôi không muốn có con đâu! - Cô lạnh lùng ném lại một câu.

- Ô! - Hắn cười. Câu ấy kích thích thần kinh hưng phấn đến cùng cực của hắn. Tim hắn đập dữ dội, nghe rõ cả tiếng đập của mạch máu hai bên thái dương. - Có một đứa càng hay, nếu cô đẻ được một đứa cho tôi, tôi cho cô bốn chục ngàn!

Thịnh Phương bỗng ngoảnh lại nhìn thẳng vào mắt hắn, môi để buột ra một câu:

- Tôi không muốn nuôi một đứa con hoang! Con hoang!

Choang! Cốc trà từ nãy vẫn nằm cứng giữa hai tay hắn tuột rơi xuống đất.

Hai mắt hắn chợt mở lớn cực độ, khuôn mặt cha mẹ hắn cùng hai cái thòng lọng bằng dây thừng vụt treo trước mặt hắn. Đồ con hoang, đồ con hoang nhà này... Đồ điếm nhà địa chủ... Con hoang... Lão Bảy Liễu... Tôi cần tiền... Đồ con hoang!... Một mớ âm thanh lộn xộn cuồn cuộn đập vào tai hắn, một mớ đốm sáng lơ lửng xoay tròn táp vào mắt hắn, một đợt run rẩy dữ dội từ chân dâng lên, lan tỏa. Hắn nghe rõ ràng trong người hắn ở đâu đó gãy "cách" một cái.

Thịnh Phương nét mặt kinh hoàng nhìn hai tay Bính Thành quơ quơ cái gì đó trên không rồi nặng nề đổ vật cả người xuống đất.

Từ đó hắn ốm mãi không dậy được.

Ba tháng sau, khi dân thị trấn lại nhìn thấy hắn thì hắn tóp teo trông đến sợ, mái tóc đen nhánh trước đây bạc quá nửa.

Không ai trông thấy hắn đến hiệu bán quần áo may sẵn nữa. Hiệu ấy cháu hắn kinh doanh, Thịnh Phương là người làm ở đó.

Bính Thành bắt đầu phải chống gậy. Một hôm, mấy đứa trẻ thấy hắn chống gậy đi qua đường, khi đi qua vết bánh xe ở giữa đường, cây gậy bị vướng, hắn lảo đảo rồi ngã lăn ra. Hắn phải ngồi trên vết bánh xe thở một hồi rồi mới run run đứng dậy được...

PHẠM TÚ CHÂU *dịch*

CHU ĐÔNG BỒI

BA NGƯỜI ĐIÊN

Đêm tháng ba, trời cuối xuân, bản làng im ắng. Tôi nằm một mình trong căn nhà khách nhỏ của đại đội Bình Trại dưới gốc Tam Tinh hẻo lánh, lắng nghe tiếng xa quay êm êm của các cô gái bản, hòa với tiếng hát "lượn" du dương như tiếng chi dạ oanh, trằn trọc mãi chưa ngủ được. Chợt từng hồi dài tiếng chiêng và tiếng rao nhắc nhở "phòng hỏa" kéo giật tôi ra khỏi cơn mơ màng:

- Phèng phèng! Phèng! Chú ý phòng hỏa vớ-ơ! Đừng ai quên vớ-ơ! Phèng.

Bản làng dân tộc Đồng, nhà sàn ở xúm xít, từ xưa vẫn có lệ khua chiêng rao nhắc dân bản phòng hỏa. Tiếng chiêng và tiếng rao ấy, tôi nghe đã nhiều, nhưng không hiểu sao đêm nay nghe lại thấy lòng trĩu nặng. Đặc biệt là cái tiếng "vớ-ơ" kéo dài, xé rách trời đêm yên tĩnh, như thổi vào bản làng êm đềm của người Đồng một luồng khí thê lương rờn rợn. Tôi đang suy nghĩ mung lung thì tiếng "Đừng ai quên vớ-ơ!" đã đến gần, lướt qua dưới mái nhà sàn, bất giác nhớ lại tấn "trò" rôm rả mà tôi được chứng kiến ban chiều.

*

* *

Chiều nay, tôi vừa xuống xe, đi vào nhà khách, ghi tên nơi bà chủ nhiệm, nhận một căn phòng nhỏ đầu nhà trông ra đường. Bỗng thấy một đám ồn ào huyên náo nổi lên cuốn hút tôi. Qua cửa sổ nhìn xuống, chỉ thấy một lũ trẻ choai choai đang vây lấy một ông già mà réo cười ầm ĩ. Ông già ngồi xổm dưới đất, trước mắt trải một tấm bao tải vừa bẩn vừa nát, trên bày ngay ngắn mấy chục viên sỏi vàng khè to bằng ngón tay cái. Lũ trẻ nhao nhao tranh nhau hỏi:

- "Vàng" của bác bán thế nào đây? Ngân hàng đã cho giá chưa?

- Yên nào! Yên nào! Chờ có giá đã, lão bán được tiền sẽ mua kẹo cho chúng mày ăn. Mua kẹo ăn! Mua kẹo ăn!

Ông già cười hềnh hệch, đôi mắt đờ đẫn, không rõ nhìn vào cái gì.

Rõ ràng là một ông lão điên. Ông trạc ngoài năm mươi vóc người cao lêu đêu, mặt luõi cày đầy cáu bẩn nhưng mái tóc lại rẽ ngôi, trên mình mặc một chiếc áo bông đen loại áo cứu tế, cài lệch khuy, vạt cao vạt thấp, dưới là chiếc quần ta thấp đũng, rộng thùng thình, cáu bẩn như sơn dầu, đúng dáng vẻ một gã nghiện thuốc phiện. Tôi

thấy ông già như quen quen ở đâu mà thoạt đầu không nghĩ ra. Mãi hồi lâu, sực nhớ đúng là ông chủ lầu treo chân tôi đã đọc ở truyện dài "Trấn Phù dung".

Lũ trẻ trêu chọc nhộn nhạo hồi lâu, rồi thình lình mấy đứa tinh quái bốc luôn một nắm "vàng" của ông ta, co cẳng chạy biến. Ông ta nhổm dậy đuổi theo. Chợt thấy lũ trẻ xúm quanh đó bỗng kêu lên: "Kia rồi! Kia rồi!". Ông lão sững người lại rồi vội vàng quỳ xuống đất, phủ phục khấu đầu, không dám đứng lên nữa.

Tôi ngớ người ra trước cử chỉ buồn cười đó. Đến lúc tôi định thần lại thì thấy một thanh niên cao to vạm vỡ từ bên kia phố đi tới. Anh ta ăn mặc rất chững chạc: trên đầu quấn một chiếc khăn cao cao kiểu người dân tộc Đồng, chiếc sơ mi trắng bỏ vào trong chiếc quần gabađin xanh, ngoài khoác một chiếc áo quàng chéo vạt kiểu dân tộc Đồng. Trên gương mặt hồng hào, dưới hàng lông mày rậm, đôi mắt to long lanh. Mồm ngậm một cọng cỏ gì đó, tay cầm một chiếc roi tre chăn bò rất nhiều cành gai, anh ta tủm tỉm cười liếc nhìn mọi người. Lũ trẻ lập tức giạt ra nhường lối. Anh ta bước thẳng về phía ông già. Ông già khấu đầu lia lịa, như người giã tỏi, mắt không dám nhìn thẳng vào anh thanh niên, mồm lắp bắp:

- Tôi xin nhận tội, tôi xin... xin nhận... nhận tội với cậu!

Anh này thì cứ như người diễn kịch, chân co chân duỗi theo tư thế cưỡi ngựa, tay giơ chiếc roi tre lên cao quá đầu, hát một câu không ra Kinh kịch cũng không ra Quế kịch:

- Ngã thủ chấp cương tiên tương nhĩ á-a đả-à...

Chính là câu trong "AQ chính truyện". Xem ra anh ta là người đã có đọc tác phẩm Lỗ Tấn cơ đấy. Đoạn, anh ta quay ngoắt người rồi quật thẳng roi tre gai xuống đầu ông lão hóa rồ kia. Ông lão chịu không nổi đòn roi, vớ lấy cái bao tải cắm đầu chạy.

Anh thanh niên kia như một vị tướng quân đắc thắng, lại vung roi quất ngựa đuổi theo, không nhanh, không chậm, vừa đuổi vừa hát: "Ngã thủ chấp cương tiên...".

Lũ trẻ cũng ùa theo.

Giữa lúc đó, ông cụ đánh chiêng không biết từ đâu chạy tới ông cụ này cũng vừa đuổi vừa gõ chiêng: "Phèng! Phèng! Đừng ai quên vớ-ơ...".

Tôi từ trên gác chạy xuống, muốn biết sự thể cuối cùng ra sao. Vừa xuống đến cổng thì mọi người đã rẽ vào một lối ngoặt phía xa rồi, nên đành thôi. Tôi quay lại nhà khách, bấy giờ mới phát hiện ra bà chủ nhiệm nhà khách đeo cặp kính lão, đang ngồi khâu vá. Bà chép miệng thở dài: "Rõ tội nghiệp! Tội nghiệp quá!".

Như đoán được nỗi tâm tư của tôi, bà bèn chủ động kể cho tôi nghe lai lịch đầu đuôi tấn "trò" nhộn nhạo vừa rồi.

Thì ra, cái tấn "trò" như hôm nay, diễn ra nhiều rồi. Ông già điên kia là lão Lam La, còn anh thanh niên là A Hưng, cả hai người đều bị gieo mầm oan gốc họa từ mười lăn năm về trước. Lão Lam La, người cao to khỏe mạnh, nhưng khờ khạo, ngờ nghệch, khác nào một con chó của người đi săn rừng, ném hòn đá vào lùm cây nào là lao đầu ngay vào lùm cây ấy mà sủa mà sục. Nhưng lại siêng ăn nhác làm, vợ cũng không lấy nổi, chỉ cứ mồm miệng đỡ chân tay, phong trào nào cũng tích cực đi đầu, hô khẩu hiệu suông để "kiếm ăn". Hồi "bốn diệt", chỉnh đốn hội bần nông, bố đẻ A Hưng có phê bình lão mấy câu. Hồi đó, lão Lam La dựa vào "cách mạng văn hoá"; kéo bè kéo cánh, ngoi lên thành một ông chóp bu con con, oai vệ ra trò. Hôm ấy, công xã họp đại hội, đánh phủ đầu bọn "hung thần ác ôn". Ông bố A Hưng vốn là cán bộ công xã, chỉ vì "đứng nhầm bên", trở thành một "hung thần ác ôn", kết quả là bị lão Lam La thượng cẳng chân hạ cẳng tay đấm đá đến chết. Thế là hai nhà kết mối oán thù từ đó.

Về sau, lão Lam La lên huyện làm cán bộ, mẹ A Hưng lên huyện kiện mấy lần, nhưng kiện không đổ. Vô phương hết phép, hàng năm cứ đến tết Thanh Minh, bà ta lại dắt

A Hưng đi tảo mộ cho bố, rồi ngồi ôm lấy ngôi mộ vừa khóc vừa kể lể:

- Con ơi là con ơi! Thằng "Lăm Le" kia nó đánh chết bố con đấy! Con phải nhớ lấy, con lớn mau lên mà trả thù cho bố, bố con mới nhắm được mắt, con ơi là con ơi!

Bấy giờ A Hưng mới lên bảy tám tuổi gì đó.

Sự đời vẫn quay tròn như cái guồng nước ngoài suối kia. Ông Trời có mắt. Năm kia đây, lão Lam La ăn hết bao nhiêu tiền quỹ công, lại còn sờ soạng con gái nhà người ta, bị đuổi cổ về nhà, thật là ác giả ác báo. A Hưng đã hai mươi tuổi, to khỏe như con trâu mộng. Một hôm, gặp lão Lam La giữa đồi, bèn dí tay vào mũi hắn mà quát:

- Thằng "Lăm Le" kia, mày có nhận ra tao không?

Lão Lam La trông thấy A Hưng thì như bị ma hút hồn, quay đầu bỏ chạy. A Hưng đuổi theo túm được đánh suốt dọc hai phố. Nếu không có người trong bản ra can thì lão đã bị A Hưng dìm chết dưới ruộng t'ìn kia rồi.

Chẳng bao lâu, lão Lam La phát điên. A Hưng đánh người phạm pháp bị bắt giam, lúc ra tù cũng bị điên nốt.

Ba năm rồi! Cứ mỗi mùa cây thay lá, cả hai đều phát cơn điên. Lão Lam La lên cơn điên thì lên đồi bày "vàng" ra bán. Người ta bảo, cả đời y siêng ăn nhác làm, quen ăn bẩn ăn thiu những của không ngon nên đến cả trong

cơn điên cũng chỉ ao ước phát tài. Còn A Hưng thì có điên nhưng vẫn cắm đầu cắm cổ hùng hục làm ăn không đánh bậy ai bao giờ, nhưng cứ hễ trông thấy lão Lam La là xông vào đánh, cứ y như là gà trống trông thấy rết vậy. Cái chứng điên kể cũng lạ.

Nghe đến đây, tôi không kìm được, hỏi chen vào:

- Vậy chú cụ đánh chiêng kia cũng điên sao?

- Chú hỏi cụ Tốn ấy à? Ông cụ ấy thì không điên chút nào. Cụ là người ở bên Quý Châu, hồi sắp giải phóng sang bên này gác lầu trống, rao nhắc dân bản phòng hỏa. Ông cụ trơ trọi một thân một mình, vô lo vô lự, thật vui tính. Việc gì ở đâu, cụ cũng để mắt tới, làng bản có chuyện gì cụ cũng chen vào. Chú bảo có buồn cười không cơ chứ. Cứ mỗi bận hai người điên kia ẩu đả, ông cụ lại theo sau khua chiêng ầm ĩ lên. Ngày trước ông cụ là bạn thân của bố A Hưng. Cái năm A Hưng suýt dìm chết lão Lam La ngoài ruộng, lại cũng chính cụ Tốn cứu sống đấy chú.

"Phèng! Phèng! Phèng!" Cụ Tốn đã khua chiêng quay về, đầu trần, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Cụ đi qua trước cửa nhà khách miệng cười hể hả, phơi cả hai hàm đã rụng hết răng cửa. Tôi lên tiếng chào cụ:

- Cụ Tốn ơi, ban nãy cụ hô "Đừng ai quên vớ-ơ"! là nghĩa thế nào ạ!

- Nghĩa thế nào ư? Nghĩa là phải chú ý phòng hỏa, chớ có ai quên!

- Sao mới giữa buổi chiều mà cụ đã rao nhắc phòng hỏa sớm thế?

- À, lão rao là rao nhắc phòng cái "cón hỏa" cách mạng văn hóa cơ, phải luôn luôn cảnh giác đề phòng, đừng ai quên vớ!

Ra thế! Nhớ lại tấn "trò" vừa được xem ban nãy tôi chợt tỉnh ngộ. Ông cụ ngụ ý sâu xa thật. Cao!

*

* *

Tối hôm đó, trong tiếng rao rờn rợn "Đừng ai quên vớ-ơ" tôi trằn trọc mãi rồi mới thiếp đi, và dường như còn phải trải qua mấy cơn ác mộng, cho mãi tới trời sáng, lại thức giấc trong tiếng rao nhắc-"Dừng ai, quên vớ-ơ!", lòng thảng thốt không yên.

Quảng Tây văn học số 11 năm 1983

PHAN VĂN CÁC *dịch*

CHU KHẮC CẦN

LỤC HỒNG ĐẬM NHẠT

Chính vào lúc mặt sông đang tỏa ánh vàng lấp lánh dưới nắng chiều, thì trời đổ mưa. Mưa mau hạt làm vỡ vụn những dòng sóng ánh vàng của cả dòng sông.

Sau đó thì sao nhỉ?

Đúng rồi, sau đó thì là lấm tấm màu trắng hoa lau. Lá lau cứa lên má, lên mặt ngứa thật khó chịu. Người anh trai kéo cô chạy qua bãi lau. Cát lún không sao chạy nhanh được. Anh trai nói, lần sau một mình chớ có ra sông. Lại nói, cố chạy nhanh, mưa to ướt, lạnh dễ bị cảm... Anh trai còn nói rằng, anh không thể cứ ru rú ở nhà như kẻ tội phạm, anh phải trở lại trường ngay. Tiền đồ của đám thằng Phong Oa Tử chắc không dài, bọn chúng chỉ cậy có đông người, còn chúng ta đường lối đúng đắn. Cô không chạy nhanh bằng anh, nhưng cứ chạy thí mạng. Người anh nắm chặt tay cô. Cô cảm thấy anh trai thật mạnh mẽ. Cô nói, anh Phong trước nay vẫn thường qua lại nhà, hai anh lại là bạn tốt, đừng thù nhau như thế. Anh trai bảo, chạy nhanh lên, em đừng ngu như vậy. Đây là cuộc đấu tranh

về đường lối, bạn bè là cái gì, cách mạng không phải là một bữa tiệc... Đột nhiên anh trai la to: "Bọn chúng tôi kìa!" Cô dừng lại bên cạnh anh, ngước mắt nhìn thì thấy một đám người vọt ra từ bãi lau. Họ đều là học sinh trung học của công xã. Người anh đẩy cô ra sau, ra lệnh: "Quay lưng lại phía anh!" Cô không sợ, nhưng cô cảm thấy lúc này phải hành động như một hồng tiểu binh. Cô quay mặt, liền nhìn thấy sông. Những giọt mưa rơi trên mặt sông làm rọn lên những chấm trắng hoa lau, những vụn vàng phản quang của mặt trời càng rờn rợn lên. Cô không hiểu những người sau lưng mình nói gì, hình như đang tuôn ra những lời chửi bới thật khó nghe. Nhưng sau đó đột nhiên im lặng. Muốn xem đám đấu sĩ thế nào rồi, cô liền quay lại, chỉ kịp thấy anh trai cố che mặt vốc cát ném về phía trước, cùng lúc, như có vô vàn chiếc kim sắt đột ngột xuyên vào mắt. Trời sập xuống tối om, bất giác cô hét lên một tiếng, hai tay bưng lấy mặt. Một nỗi đau đớn khủng khiếp. Hai bên lập tức ngừng tấn công nhau. Người anh trai vội quay lại, gào lên tên cô: "Tiểu Thanh! Tiểu Thanh!".

Các đối thủ rút chạy vào bãi lau, chỉ còn duy một tay đen gầy là ngơ ngác đứng lại. Cậu ta lảo đảo tiến đến gần, lập bập hỏi: "Tiểu Thanh, không hề gì chứ?...". Không để cho cậu ta nói tiếp, người anh trai đứng thẳng dậy, giáng một quả thôi sơn trúng ngực. Ngã bổ chửng trên cát, nhưng

cậu ta không tìm cách đánh lại mà lồm cồm bò dậy, lủi thủi chuồn đi.

- Thằng Phong kia, nhớ lấy, bố mày sẽ tính sổ với mày! Người anh nhìn hút theo bóng Phong Oa Tử, nghiến răng nói.

Tiểu Thanh kêu lên:

- Anh ơi, em không nhìn thấy nữa, em bị mù rồi...

Một đôi mắt đẹp, sáng long lanh, nửa năm sau thì mù thật. Mọi người đều nói đáng tiếc, đáng tiếc. Thật ra vào những năm động loạn đó, lo chạy ăn cho khỏi chết đói đã khó, còn sức đâu mà lo cho đôi mắt của một cô bé.

Trước nhà có một cái dốc nhỏ. Chân dốc có một con đường lát đá chạy qua. Đá đã mòn vẹt nhiều, không rõ được làm từ đời nào. Bên kia đường có một dải ruộng mầu mỡ. Xa ngoài kia, bị ngăn cách bởi một bãi lau là con sông lớn. Ngồi ở cửa có thể nhìn thấy người qua lại trên đường, mùa màng, bãi sông mọc đầy lau, những con thuyền gỗ nhỏ trôi trên sông. Nhưng Thanh thì không nhìn thấy gì hết. Sau nhà có một quả núi lớn. Cả đội sản xuất đều cất nhà ở chân núi, nhưng đều cách nhau rất xa, không ai ở gần ai được. Núi rất cao mà không có cây. Dọc núi có khá nhiều mỏ đá. Đá ở đây cứng có thể cho thành phố xây dựng nhà cửa, hoặc cho công xã xây hồ chứa nước. Đá nhiều, khai thác không hết. Suốt ngày tiếng đục đá

chan chát vang lên thật náo nhiệt. Từ khi ra đời, Tiểu Thanh đã nghe quen. Những âm thanh đơn điệu này dẫn cô đi suốt cả thời thơ bé buồn nản. Bây giờ, khi cô không còn nhìn thấy gì nữa, thì những tiếng đục đá chí chát ấy lại càng không thể thiếu được.

Cha Tiểu Thanh là một thợ đá giỏi, nhưng nghiện rượu, không kiếm được tiền. Khi không có tiền, ông thường nói đợi kiếm được tiền sẽ đưa cô đi bệnh viện lớn chữa mắt. Nhưng hễ cuối tháng lĩnh được tiền ông liền gửi vào quầy rượu, uống say đến không biết trời đất, ngay họ mình là gì cũng quên. Ông say là đánh người, đánh vợ, đánh con, chỉ riêng Thanh mù là không đánh. Đánh nhau với thợ đá, bao giờ ông cũng đánh người ta bị thương, phải bồi thường viện phí. Hình như không như thế, ông không sống được. Tóm lại, ông không phải là người chí thú gia đình. Nhà sống thật chật vật, mẹ làm việc ở đội sản xuất, ngày nghỉ thì bện giầy cỏ. Giày cỏ bà bện chắc đẹp, bán cho thợ đá. Đôi lúc bà còn nhận vá thuê cho họ, kiếm thêm.

Những người thợ đá dưới xuôi lên đều không có gia đình, quần áo luôn rách thủng lại vừa bẩn vừa hôi. Nhưng mẹ không ngại, đem giặt sạch, vá phẳng phiu rồi giao trả, công xá tùy họ cho bao nhiêu thì cho. Làm dịch vụ cho thợ đá cũng không ít, già có, trẻ có, thanh nữ có, nạ dòng có, bện giày cỏ, giặt vá quần áo, bán lương thực, hoa quả,

nước giải khát. Đầu năm đó, chỉ chưa có quán cơm bình dân và quán rượu tư. Ở những nơi có mỏ đá, người ta mở cửa hàng cung tiêu, bán cơm, bán rượu chuyên doanh. Cũng có thể có người bạo gan bán rượu chui, cơm chui. Đồ ăn ở cửa hàng cung tiêu không ngon, không nóng, nhiều người bèn tìm đến ăn ở các cửa hàng tư nhân. Đều là những người không có ý chí, thích ăn thì ăn, kiếm được tiền thì kiếm, không thì thôi. Một số thợ đá không có tiền gửi về nhà, các bà vợ liền tìm lên kêu khổ. Các bà vợ đến, mỏ đá không có phòng riêng, kéo nhau vào lán tập thể ở. Mấy anh chồng thì chẳng sao, các bà vợ thì xấu hổ, ở vài ngày tiền không lấy được đành phải quay về. Mỏ đá là thế giới của đàn ông. Một số có bồ bịch. Vùng này vốn rất phong kiến, từ khi mở mỏ đá, thợ đá kéo đến hàng đoàn, phong kiến cũng ít đi. Có phụ nữ làm bồ của thợ đá, qua cả mặt bố mẹ, phản bội lại chồng. Ở đời dù là chuyện tốt, chuyện xấu, sợ nhất là khi đã thành quen, nhìn không thấy chướng mắt nữa. Mẹ cũng có một ông làm bồ. Bà vốn là người có nhan sắc, mặt trái xoan, mắt to, tính tình hiền dịu. Có mấy anh thợ đá trẻ tìm cách cặp bồ với bà nhưng không được. Bồ của bà là một ông sắp năm mươi tuổi, cao gầy, da vàng, ho ra máu. Chính bà chủ động tìm tới ông. Mấy năm rồi không thấy ông về qua nhà một lần, ngày lễ ngày tết ở tịt mỏ đá. Ông ta đã bị đưa đi lao động cải tạo, tay nghề thấp. Ông không có

vợ con, suốt ngày lặng lẽ, không hút thuốc lá, lúc nào cũng mang bên mình một cái niêu đất để sắc thuốc. Bà tìm đến ông ta, lặng lẽ giúp ông sắc thuốc, đôi lúc đưa đến cho ông một ít đồ ăn, gặp dịp lễ tết còn mời ông về nhà. Ông cho bà tiền, bà không lấy. Bố Tiểu Thanh không nói gì. Ông là người nghĩa khí, người kia cũng không phải hẹp hòi, thường cho ông mượn tiền để uống rượu, đặc biệt đối với cô rất tốt. Cả nhà chỉ có anh trai là không thích, luôn nhìn ông ta bằng cặp mắt thù nghịch, không chào hỏi, càng không nói chuyện.

Ngày tháng cứ thế miễn cưỡng trôi đi.

Tiểu Thanh học bện giầy cỏ. Đầu tiên học xe sợi cỏ. Cỏ áo tơi do anh trai cắt ở núi đem về. Mẹ dạy cô. Sau rất nhiều lần thất bại, cô đã tự mình làm được. Giá bện giầy đặt trong lòng, cô ngồi lì suốt ngày trong phòng. Dần dần, những đôi giầy cỏ do cô bện đẹp chẳng kém gì giầy của mẹ, chỉ không chắc chắn bằng. Sức lực cô không bằng mẹ. Nhưng rồi giầy của cô bện ngày càng chắc chắn. Cô lớn vổng lên, cao hơn mẹ, chân tay có da có thịt.

Suốt ngày cô ngồi bện giầy cỏ ở nơi cửa có ánh mặt trời. Cô không nhìn thấy gì cả, không cần ánh sáng để giúp cô bện giầy. Nhưng cô thích ánh nắng. Mỗi ngày qua đi, ánh nắng bò ra khỏi cửa, cô nhận biết được, tim lại đập thình thịch. Cô không thích bóng đêm. Cô nằm đợi

hôm sau. Trời sáng, cô lại ngồi ở cửa bện giầy, nghe những tiếng chí chát đục đá từ những mỏ đá xa xăm vọng lại.

Hình ảnh cuối cùng của thế giới còn lưu lại trong cô là mặt sông lóng lánh vàng dưới ánh nắng chiều, là những giọt mưa rơi trên mặt sông làm vỡ tan dòng vàng lấp lánh, là những chùm hoa lau trắng bạc dập dờn trong mưa, là những nắm cát được ném ra từ trong bãi lau... Từ sau khi hai mắt bị mù, tuy không đau nữa nhưng nhiều năm rồi cô vẫn nhớ cái nhức buốt nghẹn tim, và lúc bấy giờ cô vẫn cho rằng vết thương không có gì đáng kể. Mẹ lau sạch những hạt cát trong mắt là khỏi. Ai ngờ lại nặng đến thế, mắt bị hỏng vì cát lau không sạch.

Phong Oa Tử có lại thăm cô. Sau khi xẩy ra vụ đó, mấy ngày liền, ngày nào anh ta cũng đến. Cô nghe anh ta nói chuyện với cô, xin lỗi cô, còn nói muốn bồi thường gì đó. Mỗi lần Phong Oa Tử đến, anh cô đều đuổi đi. Sau đó không lại nữa. Anh trai coi Phong là kẻ tử thù. Trước đây hai người là bạn rất tốt của nhau, không cùng một đội sản xuất, nhưng biết nhau từ khi học trung học cơ sở, sau đó ít lâu, do khác quan điểm nên chia thành hai phái đánh nhau. Nhưng nếu không vì đôi mắt của cô bị hỏng chắc anh trai chẳng thù Phong Oa Tử đến như vậy. Ngày ấy cô còn bé, không hiểu nổi vì sao anh ta lại đến thăm cô. Có lẽ cũng chẳng vì sao cả, chỉ vì phép cư xử buộc phải

như thế. Nhưng sau này, cô cảm thấy dường như có cái gì đó hơn thế, cứ mong ngóng anh ta đến thăm, nói để cô nghe. Nhưng anh ta không đến, có đến thì anh trai cô cũng đuổi. Lớn lên, mỗi lần nhớ đến chuyện này, cô lại thở dài.

Rồi anh trai cô lên huyện học trung học. Nghỉ hè cũng ít về nhà. Anh tìm được việc làm thêm để có tiền ăn học. Anh không chỉ hút thuốc mà còn uống rượu. Một ít tiền nhà gửi cho làm sao đủ. Anh mua cho cô cặp kính đen. Cô rất thích đeo nó để bện giày cỏ. Bện mệt thì đứng lên đi dạo, đi xuống dốc, đi dọc theo con đường lát đá. Có lúc cô còn đi đến sau mỏ đá. Cô đi chầm chậm. Con đường quá quen thuộc. Không cần dùng gậy. Đám thợ đá thấy cô đều trố mắt nhìn, quên cả làm việc vì cô gái đẹp mang kính đen. Nghe tiếng đục đá chợt ngừng, cô hiểu rằng mọi người đang nhìn cô, lòng thấy vui vui. Nhưng cô không bao giờ ngừng lại lâu. Cô quay về bện giày cỏ, thấy người nhẹ lâng lâng.

Bố lại đánh nhau với người ta. Lần nay ông bị thương rất nặng, phải khiêng về nhà. Mẹ chẳng đi thưa kiện. Thưa kiện cũng chẳng làm gì. Thợ đá thích đánh nhau giành hơn thua. Cán bộ lãnh đạo cũng chẳng giải quyết được việc này. Mẹ mời thầy lang đến chữa. Thầy lang xem, bảo chấn thương nội tạng, cứ ba ngày đến cho thuốc một lần.

Hai tháng không khỏi phải đưa đi viện. Đưa đi viện, sau một tháng thì chết. Tiêu tốn không ít tiền. Mẹ chẳng còn cách nào khác, phải mượn tiền tiết kiệm của người tình. Ít lâu sau người kia lại ho ra máu, không thể đi đục đá được, mẹ đưa về ở trong nhà, ngủ ở giường bố ngày xưa vẫn ngủ. Anh trai tốt nghiệp về nhà vào một buổi chiều, thấy người nọ ngủ trên giường mẹ thì làm um lên, cơm cũng không ăn, bỏ đi và nói sẽ không trở lại.

Một hôm Thanh đang ngồi không ở cửa, hướng đôi mắt hỏng ra phía bãi sông, bỗng cảm thấy chợt tối. Hóa ra có hai người vừa đi từ dưới dốc lên, chắn hết cả cửa. Một giọng lạ hoắc hỏi:

- Đây có phải là nhà Phùng Học Hải không?

Thanh vội đáp:

- Phải ạ.

- Cô là Phùng Học Hải...

- Là anh trai tôi. Anh ấy làm sao?

- Hắn bị khép tội lừa đảo. Cô là Phùng Tiểu Thanh, em gái hắn? Chúng tôi là công an của công xã, hôm nay nhận được thông báo của huyện, đến thông báo cho gia đình...

Họ còn nói gì nữa, Tiểu Thanh không còn nhớ. Tim cô như ngừng đập, người xỉu đi.

Anh trai là chỗ bấu víu duy nhất của cô. Không biết bao nhiêu lần anh trai nói, đợi khi tốt nghiệp xong, có công việc, anh sẽ đưa cô đến trường mù để học. Bao nhiêu năm cô mong chờ ngày ấy. Anh trai nói, ở thành phố người mù cũng có thể kiếm được việc làm. Bây giờ thì hết...

Trời tối, mẹ và người kia mới trở về. Bà đưa ông ta đi khám bệnh ở trạm xá. trên đường bà đã nghe tin con trai bị giam ở huyện. Bà nói với Tiểu Thanh, hôm sau sẽ đi lên trại giam, đem chăn màn cho anh trai. Bà nói với giọng bình thản, cũng không có một giọt nước mắt.

- Mẹ, con cũng đi! Tiểu Thanh nói.

Hình như mẹ không nghe thấy, cất tiếng thán: "Thật là oan nghiệt!".

Nhà bên cũng họ Phùng. Nhà chỉ có mẹ già với hai cô con gái. Cô con lớn không lấy chồng, cặp bồ với một anh thợ đá trẻ, sống ngay trong nhà. Anh thợ nuôi cả nhà này. Cặp bồ bịch này rất "điên", bà mẹ già không quản nổi, sợ cũng sẽ làm hư cô gái nhỏ, nên tối tối gửi sang ngủ chung với Tiểu Thanh. Tên cô bé là Man Man, hơi đần, nhưng cô bé biết nhiều chuyện mà Tiểu Thanh không biết. Cô bé vô tình kể cho Tiểu Thanh về những chuyện yêu đương, tình ái. Cô kể chị cô tháng trước lén đi bệnh viện nạo thai, trở về cáo ốm xin nghỉ phép. Nhưng chị cô không nghe lời mẹ lấy anh thợ đá. Chị bảo không thể dựa vào bọn thợ đá, hết đá là họ vù, lại đều thô bạo.

Tiểu Thanh cảm thấy không thể xa được Man Man. Đêm nào Man Man không tới là cô không ngủ được. Cô gái lớn lên trong bóng tối này, ngoài đôi mắt mù, còn tất cả đều như những người bình thường. Bây giờ thì cô mới cảm thấy một cách sâu sắc nỗi bất hạnh của mình. Thân thể cô có lúc nóng rực, hận không thể đập vỡ một cái gì đó, hoặc lao ra ngoài, phóng lên đỉnh núi, nhẩy ào xuống sông. Cũng có lúc lạnh ngắt, đầu óc trống rỗng. Cô không làm sao hiểu rõ tại sao lại như thế. Cô chỉ biết cô cần một cái gì đó, rất cần. Nhưng là cái gì, cô không thể trả lời được. Cái đáng buồn hơn là cô không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả khát vọng ấy, vả chăng, nếu được cô đã hỏi Man man. Lúc có Man Man ở bên, cô chỉ có thể ôm lấy cô ta mà khóc. Ngay khi khóc cô cũng khổ hơn người thường, vì không có nước mắt.

Cô lớn lên y như một con rắn, một con mèo hoặc một con hổ lớn lên. Không những thế, cô còn không nhìn thấy thế giới xung quanh, trước mắt cô nếu có một khe sâu ngàn trượng cô cũng sẽ bước xuống.

Mẹ chẳng để ý gì đến Tiểu Thanh, trái tim bà suốt ngày chỉ hướng về người thợ đá cao gầy, mặt vàng và lắm bệnh tật. Những ngày người thợ đá ốm, ruột gan bà như lửa đốt, lo chạy ăn uống thuốc thang cho ông. Khi ông khỏe, đi làm kiếm tiền được, thì bà lại đắm đuối vào

chuyện tình ái. Một người đàn bà yêu đương ở tuổi bốn mươi đã hoàn toàn quên đi cô gái lớn ở bên cạnh. Tiểu Thanh không nhìn thấy đã đành, ngay bà cũng coi cô là một người tàn phế, vô dụng, phải nuôi báo cô mà thôi.

Một hôm Tiểu Thanh hỏi bà: "Năm nay con mười tám phải không?" Bà nghĩ hồi lâu rồi trả lời: "Hai mươi rồi". Sau đó không nói gì nữa. Đối với bà, hai mươi cũng giống như mười, chẳng hàm một ý nghĩa nào hết.

Tiểu Thanh thực tình không nhớ rõ tuổi mình. Cô hồ đồ rồi. Mấy năm trước, mỗi khi trời lạnh không ngủ được, cô biết một năm đã qua, thầm tính thêm cho mình một tuổi. Sau này, số đếm cô không thuộc, những đêm không ngủ được ngày càng nhiều, vì thế càng đếm càng lẫn lộn.

Hai mươi. Đúng rồi. Man Man nói là cô ta mười chín. Cô bé được phân đi làm việc ở mỏ đá. Đám thợ đá mất dạy trêu ghẹo, nhìn tròng trọc vào ngực cô. Man Man nói, bọn họ là lũ người no con bụng đói con mắt, muốn kiếm bạn gái không chịu tốn công, vừa nói chuyện với nhau mấy câu đã vận dụng tay chân, làm như là của họ vậy. Không muốn giống như bọn họ, để giữ mình, Man Man không đi làm ở mỏ đá nữa. Cô nói, trong đội sản xuất có mấy chị lớn tuổi cũng không muốn đi. Mặc dù làm việc ở mỏ đá, công điểm được nhiều hơn lại có chút tiền tiêu. Nhưng chỉ sau đó ít lâu, Man Man và mấy chị kia lại đi

làm. Cô ta nói với Tiểu Thanh rằng, chẳng rõ vì sao cô lại đi. Không đi rồi lại đi, đối với Tiểu Thanh chẳng có ý nghĩa gì. Vào một buổi chiều, mẹ đem về một đống quần áo rách, ném vào chiếc chậu ở chân tường để sớm mai giặt. Tiểu Thanh bỗng cảm thấy một thứ mùi, từ trước đến giờ chưa hề ngửi thấy xộc vào mũi. Bất giác cô quì xuống bên chiếc chậu, cầm những bộ quần áo đưa lên mũi ngửi. Nhìn cô làm những động tác ngu ngốc, mẹ chợt sợ hãi kêu lên: "Cái mùi mồ hôi hôi rình ấy có gì mà ngửi! Hai mươi tuổi rồi, suốt ngày không làm việc, lại còn ngu đến vậy. Thật là oan nghiệt...". Nghe vậy đột nhiên cô cảm thấy như mình phạm tội, vội lùi lại. Lên giường rồi mãi không ngủ được, cái mùi ấy như thấm vào cô.

Cái mùi ấy cứ cuốn lấy cô. Đồng thời, nỗi xấu hổ và cảm giác phạm tội dày vò cô. Sau đó ít lâu bầu má vừa mới đầy đặn liền gầy sọp đi. Việc đó làm cho "cha dượng" chú ý. Ông ta nói với mẹ cô: "Cô bé này bệnh nặng rồi, cần đưa đi bệnh viện".

Mẹ Tiểu Thanh nói: "Cần! Ai không biết. Cần đi khám bệnh, cần mua thuốc uống! Tôi làm sao gánh được hai bồ thuốc?".

- Bệnh tôi chữa cũng không thể chữa khỏi, không chữa cũng không chết. Tôi nói là hãy cho Tiểu Thanh đi khám bệnh.

- Ông kiếm được bao nhiêu tiền? Ông tưởng mấy chục đồng ông đưa tôi mà lớn à? Tháng này...

- Thôi, đừng nói nữa. Tôi đã làm phiền các người.

- Thật là oan nghiệt! Chết đi cho rồi.

Không biết bà chửi ai. Nghèo mà muốn sang. Nhưng bà vẫn đồng ý đưa Tiểu Thanh đi bệnh viện.

Một buổi sớm, Tiểu Thanh một tay giữ đòn gánh, một tay nắm áo mẹ đi lên bệnh viện. Cô không quên mang đôi kính đen anh trai đã cho. Đi đường mệt đứt hơi, nhưng cái mùi ấy cứ xộc vào mũi. Đến bệnh viện lấy số, chờ nửa ngày mới được vào khám. Bác sĩ kiểm tra đi, kiểm tra lại, cuối cùng nói: Cô không có bệnh, mọi thứ hoàn toàn bình thường. Chỉ có mắt là không bình thường, nhưng vô phương cứu chữa.

Cái tiếng chí chát vang lên bao nhiêu năm nay ở cái đất có nhiều mỏ đá này chẳng ai để ý đến. Nhưng thử nghĩ xem, nếu vắng những tiếng này thì tình hình sẽ ra sao? Mọi người sẽ thấy rằng hình như tai có vấn đề, rằng cuộc sống vốn nhạt nhẽo trước đây sẽ trở thành khô khan và tẻ lạnh biết chừng nào.

Do bản thiết kế hồ chứa nước thiết kế sai, chọn nhầm địa điểm, sau ba năm thảo luận, giờ quyết định ngừng thi công. Đã không làm hồ chứa nước thì đá cũng không cần,

đá khai thác rồi cũng không chuyển nữa. Đám thợ đá không còn nơi làm việc, dỡ lều bạt, người tìm về quê, người đi kiếm kế sinh sống khác, cuốn xéo tất cả.

Bện giày cỏ, lẽ tất nhiên không cần bện nữa. Bán cơm, bán rượu cũng thôi luôn. Nhưng lo lắng nhất là đám phụ nữ làm bồ bịch của cánh thợ, nếu là chồng thì theo đi, còn không phải thì đành gạt lệ mà đưa tiễn họ, hẹn gửi thư về. Chờ một hai tháng không có thư, rồi cũng nguôi. Có thư thì khó xử. Những người phụ nữ này không biết chữ, loại thư đó chẳng lẽ lại đi nhờ đọc. Quả đáng buồn cười. Chị gái Man Man có người làm mối, lấy chồng bên kia núi. Man Man mừng vì mình còn trong sạch. Riêng Tiểu Thanh, lòng cứ nao nao. Cái tiếng chí chát không còn, cái mùi dễ ngửi cũng không còn, giầy chẳng bện nữa, cuộc sống của cô trở nên đen tối như đôi mắt của cô vậy.

Bồ của mẹ không bỏ đi. Ông già mặt vàng, cao gầy (thực sự ông ta đã trở thành một ông già rồi) tự xưng mình là người có lương tâm, không thể bỏ người đàn bà có số phận hẩm hiu lại. Đương nhiên ông không còn sức để đi đập đá, không thể kiếm sống bằng nghề đó, đi đâu được. Tốt nhất là ở lại, và để thể hiện quyết tâm ở lại, ông đi làm giấy đăng ký kết hôn với mẹ cô.

- Đá ở đây rất tốt, tôi không tin không có người cần - ông ta nói - Tương lai sẽ cần đá, tôi sẽ lại đập đá.

Nhưng cán bộ xã nói:

- Chúng tôi không thể cấp giấy đăng ký kết hôn cho ông. Ông không có đăng kí hộ khẩu ở chỗ chúng tôi, ông từ đâu tới? Ông là ai? Lịch sử của ông có trong sạch không? Chúng tôi đều không biết. Hơn nữa ông bệnh đến mức này, không còn sức lao động, sống nhờ một bà quả phụ nghèo, ông không thấy xấu hổ sao? Bà ta còn phải nuôi một cô gái mù nữa.

Ừ, người ta nói nghe cũng có lý! Thử nghĩ tới tình cảnh sống ấy, đã thấy sợ. Ông ta chợt tỉnh ngộ, muốn ở lại vì mối thâm tình với người đàn bà góa, nào ngờ lại làm khổ thêm. "Ăn là đại sự thứ nhất" mà. Tình cảm không thể nuôi sống người ta. Chết là hơn, ông già mặt vàng bủng nghĩ, và vào lúc nửa đêm ông lặng lẽ trở dậy, bỏ đi.

Không thể chết trong nhà. Dùng dây thừng thắt cổ, dùng dao cắt mạch máu, uống thuốc sâu, đều không được. Ông đã nghĩ rồi. Chết trong nhà sẽ làm cho hai người phụ nữ sợ hãi, hơn nữa mai táng cũng tốn tiền. Ông rời nhà, đi thẳng ra bãi sông. Ông ra đi rất chậm như cố níu lại thời gian, hoặc như đợi ai đó tới khuyên can vậy. Bãi sông lờ mờ trắng dưới ánh trăng. Còn cách dòng sông khá xa, người đàn bà đã đuổi kịp, đầu tóc rối bời, quần áo xộc xệch, níu chặt tay ông ta lại.

- Tôi không thể làm khổ bà, ông ta cứ một mực nhắc đi nhắc lại câu đó.

Bà nhìn gương mặt da xám như da người chết, bộ râu khô vàng mọc lưa thưa, hai hốc mắt tối om. Đôi mắt lương thiện, tinh nhanh không còn nữa. Bà thở dốc, đôi tay lỏng dần, lỏng dần. Bà rất mệt. Cánh tay ông gầy nhỏ, có cảm giác như một đoạn xương khô. Trước đây nó rắn chắc và mạnh mẽ. "Tôi không muốn làm bà khổ...". Ông ta chỉ có một câu ấy. Trước đó bà muốn mắng ông một trận để khích dậy chí khí của người đàn ông, bây giờ chẳng còn nghĩ đến nữa.

- Về đi! Bà chỉ nói có thế.

Hai người ngồi nhìn nhau qua ánh đèn dầu. Gà gáy lần thứ hai, cuối cùng ông ta nói trước:

- Vậy thì cuối cùng tôi... tôi vẫn phải đi.

Bà nói:

- Không được! Tôi không để cho ông đi - Ngừng một lúc lâu bà nói tiếp - Để Tiểu Thanh đi kiếm tiền. Cái đồ oan nghiệt ấy... Đành phải vậy thôi, tôi còn biết làm thế nào nữa.

Thì ra, chiều nay ở ngoài chợ, bà nhìn thấy hai đứa bé gái do một bà già ngoài 50 tuổi điều khiển, đi hát rong để xin tiền. Bà đứng ở vòng ngoài, chẳng hiểu hai đứa trẻ

hát gì, nhưng lại nghĩ đến Tiểu Thanh. Cô có thể kiếm ăn bằng cách này, đỡ phải nuôi không.

Sau một đêm trằn trọc, bà quyết định thực hiện. Buổi sáng hôm đó bà ra chợ, đi tìm đám hát rong, vừa may, những kẻ hát rong ở trong một quán cơm bình dân, chuẩn bị đi. Bà đến gặp người cầm đầu, nói rõ mình muốn gì. Bà lão hỏi:

- Bao nhiêu tuổi?

Bà mẹ thật thà đáp: - Mới hơn hai mươi.

- Hơi lớn. Nó có giọng không?

Bà lão làm ra vẻ khó khăn, rồi nói:

- Ngày mai dẫn nó đến xem, rồi bàn. Chúng tôi chờ chị buổi trưa ở đây.

Bụng đói sôi lục bục. Suốt dọc đường, tim Tiểu Thanh dập thình thịch. Biết đâu số phận của một cô gái mù sẽ có cơ thay đổi. Vừa mới dừng lại trước quán ăn ở chợ, lập tức một đám đông bu lại nhìn. Dân chúng ở chợ chưa bao giờ nhìn thấy một cô gái lớn đến chừng này lại ăn mặc rách rưới đến vậy. Mọi người nín thở nhìn cô. Bà lão hát rong luôn mồm tặc lưỡi, bước lên gỡ chiếc kính đen của cô, nhìn ngó đôi mắt, sau đó đeo trả lại, vẻ do dự. Tiểu Thanh nắm chặt tay áo mẹ, tim đập phập phồng. Cô có cảm giác, xung quanh cô có rất nhiều người. Họ đang

nhìn cô. Cô hi vọng mọi người có ấn tượng tốt với cô. Cô không biết khuôn mặt, thân thể cô đẹp đến mức nào. Nhưng cô hiểu rằng, hôm nay cô không thể không đẹp. Nghĩ thế cô liền thấy vui vẻ lên. Cánh mũi phập phồng, cô ngửi thấy mùi thơm của dầu rán quẩy, thèm ăn quá. Cô cảm thấy, đứng bên cạnh cô nhất định là một thanh niên, hơi thở nóng rực của anh phả vào gáy, ngưa ngứa. Bất giác cô nép mình về phía mẹ.

- Không được. Bà lão hát rong chậm rãi nói - Con gái bà trắng trẻo... đoan chính... Thời buổi bây giờ lộn xộn, chúng tôi bươn bả bốn phương, nguy hiểm lắm. Hơn nữa tuổi lớn, học hát khó, tôi sợ không dạy cô ta được...

Nghe thế, Tiểu Thanh thất vọng quá. Nhưng mẹ còn thất vọng hơn.

Mùi thơm của quẩy rán lại bay đến. Tiểu Thanh lén nuốt nước bọt. Đã không được thì thất vọng cũng chẳng để làm gì. Cô nghe thấy bà lão thở dài. Những người xung quanh cũng vậy. Cô thấy họ có gì đấy hơi buồn cười. Có gì đáng thở than kia chứ. Lúc này, cô nghĩ,, có một cái quẩy ăn thì tốt.

- Các người chưa ăn cơm trưa phải không? Bà lão hát rong hỏi.

Tiểu Thanh nghe mẹ đáp "Ăn... ăn trưa rồi".

- Tốt rồi, các người về đi. Cẩn thận nhé.

Mọi người rẽ ra, nhường đường cho hai mẹ con. Tiểu Thanh nắm chặt tay áo mẹ. Cô thực không muốn quay về. Cô nghiêng nghé bên này bên kia, như muốn tìm một ai đó.

Chị gái Man Man lấy chồng bên kia núi, nửa năm đã sinh được một đứa bé bụ bẫm. Dân bên núi bàn tán xôn xao về "trái cây chín sớm" này. Anh chồng rồi cũng cảm thấy xấu hổ, khó mà ngẩng mặt lên được. Gia đình Man Man cũng thấy không ổn. Vậy là li hôn. Người đàn bà về nhà mẹ đẻ, mang theo đứa con hoang. Tuy nhiên, đứa trẻ lớn lên, đẹp đẽ. Lâu dần, mọi người quen đi. Hàng ngày Man Man ôm đứa bé sang nhà Tiểu Thanh chơi. Cô thích nhất là được bế nó, để đứa trẻ mũm mĩm quẫy đạp trong lòng mình, Tiểu Thanh không nhịn được, bật cười lên khanh khách. Man Man kể, có người giới thiệu cho cô ta một đối tượng là bộ đội. "Chị đoán xem là ai? chị cứ nghĩ, nhất định sẽ nhớ được". Tiểu Thanh lắc đầu, không thể nhớ nổi. "Anh ta cán bộ cấp trung đội. Em không dám với cao. Em không có văn hóa. Loại người như chúng mình chọn một anh thợ đá có khả năng kiếm tiền là tốt nhất". "Người ấy là..." Tiểu Thanh tiếp tục đoán. Man Man nói: "Chị có còn nhớ Phong Oa Tử không?".

Phong Oa Tử! Làm sao Tiểu Thanh không nhớ chứ?

Mưa rơi trên mặt sông lấp lánh vàng, những đốm bạc lấm tấm hoa lau, những cảnh sắc cuối cùng mà cô nhìn thấy, đọng mãi trong trí não cô. Phong Oa Tử, chính anh ta hại cô bị mù, làm hỏng cuộc đời của cô. Anh ta đã đến nhà cô mấy lần, bị anh trai đuổi đi. Cô biết anh ta đến thăm cô để xin lỗi cô, vì thế cô không còn thấy hận anh nữa.

- Nghe nói quê hương chúng mình sắp nhộn nhịp, mỏ đá mở lại, sẽ có nhiều nhiều thợ đá đến... Chị vẫn chưa biết tin này sao?

Không biết thật. Tiểu Thanh không biết tin này. Dù sao thế cũng tốt, cô nghĩ, rồi mỗi sáng trở dậy, tiếng đập đá chí chát sẽ giúp cô quên bớt nỗi cô quạnh. Hơn nữa, cô còn nhớ, những người thợ đá hình như rất vui nhộn, rất thích nói chuyện với cô, nếu cô đi ra bãi sàng đá, dừng lại với họ chút ít. Hình như họ thích như vậy.

Người dân nơi đây không có yêu cầu gì thật cao, chỉ mong thợ đá trở lại, để kiếm việc làm thêm, để mở quán, nhặt thêm ít tiền mong làm cho cuộc sống đỡ vất vả hơn. Bởi vì những người thợ đá đều là những người ăn to nói lớn, càng kiếm được nhiều càng tiêu nhiều.

Họ bàn tán, chờ đợi để thực hiện những hy vọng nho nhỏ ấy. Đơn giản là họ không dám tin: Cái sẽ đến với họ, so với cái mà họ mong đợi còn lớn hơn nhiều, quan trọng hơn nhiều.

Những người dân chất phác hiền lành, không dám ấp ủ tham vọng gì lớn, mong mỗi một điều cuộc sống hàng ngày có bữa ăn no, chỉ sau khi nghe tin ở những vùng lân cận, ruộng đất được giao đến từng hộ, và họ cũng được hưởng một chính sách như vậy, mới như chợt tỉnh ngộ. Như vậy cuộc đời sẽ thay đổi thật sao? Đúng là sự thật rồi. Một hôm bố dượng của Tiểu Thanh nói với mẹ cô: "Tôi phải về quê một chuyến xem tình hình ở đó thế nào". Mẹ cô nói: "Tôi biết. Bây giờ thời thế thay đổi, bọn các ông bị kế tán đều có hi vọng được xem xét lại. Không chừng còn được về thành phố làm cán bộ. Cũng được, ông đi đi. Sức khỏe ông không tốt, như vậy ông có thể sống thêm. Ông cũng không phải lo cho chúng tôi, dù sao tôi với ông cũng chưa có đăng ký kết hôn, không phải vợ chồng". Người kia nói: "Bà nói cái gì thế? Tôi rất biết ơn bà đã cho tôi mái nhà để ở. Tôi về, nếu được hưởng chính sách, phục hồi công tác, tôi sẽ gửi tiền cho bà". "Ai cần những đồng tiền ấy của ông. Giao khoán đất rồi tôi sẽ trồng rau. Mỏ đá mở rồi, hai mẹ con tôi sẽ giặt quần áo, bện giầy cỏ, sẽ có tiền tiêu". Bà nói thật dứt khoát, còn người kia nghe ra có vẻ đau buồn, cuối cùng rất là cảm động. Ngay lúc ấy, ông nói chắc chắn: "Nếu thật có ngày tôi được xóa án, tôi sẽ về đón bà và Tiểu Thanh đi. Lúc đó tôi sẽ chính thức làm lễ thành hôn với bà". Lời ông làm bà xúc động, giờ đây hai người thấy thật sự thương nhau.

Đất được giao cho từng hộ. Mẹ và Tiểu Thanh được nhận hai phần. Vùng này người đông, đất hiếm, vì vậy đất thật sự quí. Mẹ Tiểu Thanh tìm cán bộ hỏi: "Thế còn phần của con trai tôi?" Cán bộ đáp: "Con trai bà ra tù từ lâu, không trở lại, coi như người làm ăn ở ngoài, chưa chia đất". "Tôi sẽ đi tìm nó trở về". "Bà đi tìm đi. Vì sao anh ta bỏ đi, bà quên rồi à?" "Cái đó...". Bà nghẹn lời. Từ buổi tối người con trai tốt nghiệp trở về, nhìn thấy ông thợ đá ốm yếu nằm ở cái chỗ, nguyên là chỗ của bố trên giường mẹ, cãi cọ một hồi rồi giận dữ bỏ đi một mạch cho đến giờ. Sau khi con trai vào tù, bà chỉ đến thăm một lần rồi thôi... Có lẽ là do nguyên nhân cũ chăng? Bà bỗng thấy nhớ con trai vô cùng, đứa con do chính bà sinh ra. Bà lại nhớ lại thời trẻ của mình, thật là hoang đường biết bao. Vì một người đàn ông mà bà yêu, bà đã tiêu hao vào đó sinh lực của một nửa đời người, đến nỗi con trai, con gái mình cũng không lo nổi. Oán trách ai? Chỉ có thể trách kẻ đã chết. Ai buộc ông ta suốt tháng suốt năm chỉ uống rượu, không lo đến gia đình, không quan tâm đến vợ trẻ! Mà nghĩ đến điều ấy để làm gì?

Đất đã giao rồi, nhà không có đàn ông, tốt nhất là đi tìm con trai về. Bà hỏi thăm khắp nơi, được biết: Con trai bà là Phùng Học Hải đã cắm chân ở Thạch Mã Trường, một vùng ngoại ô thành phố. Đã lấy vợ. Vợ đi buôn, còn

con trai thầu xây dựng. Phát tài to, gần xa đều biết tiếng. Mới đầu được tin con trai bà vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ. Nhưng ngay lập tức bà liền gạt bỏ ý định đi tìm con trai. Bà vô cùng đau buồn. Bà tự nhiên thấy hổ thẹn, không còn mặt mũi nào đến gặp con trai nữa. Đương nhiên, nếu như con bà không giầu có, mà ngược lại lại nghèo khó, túng thiếu thì có thể bà sẽ đi tìm con, dù nó không muốn gặp bà, bà cũng đi tìm. Bây giờ còn mặt mũi nào mà đi. Dù thế nào bà cũng không có gan để đi.

Bất ngờ có một lá thư. Bà vội vàng đến trường tiểu học nhờ thầy giáo đọc giúp. Không phải thư của con trai mà là thư của ông ta. Bà vừa nghe đọc, vừa thất vọng. Cái người mà bà đã bỏ tất cả vì hắn, nay được nhận trở lại đơn vị cũ, cái án trước đây đã được xóa bỏ, nhưng vì ốm đau, phải nằm viện, lương thấp mà tiêu pha lại nhiều, nhà cửa được chia rất chật chội. Về việc làm, nhất thời chưa thể sắp xếp được. Trước đây, ông ta giữ chức phó trưởng phòng, nay người ta không thể giao cho ông ta chức đó, vì đã có năm người đang nắm giữ rồi. Còn bản thân ông ta ư? Đang cố tranh thủ cấp trên. "Đợi mọi thứ ổn định hẳn, tôi sẽ về đón bà. Hãy thông cảm cho khó khăn của tôi...". Nghe xong bà nhét bức thư vào túi áo. Khi sắp về đến nhà, bà móc bức thư ra vò nát rồi ném xuống ruộng nước. Và đến lúc bước vào nhà, thì bà không

còn vương vấn gì nữa.

- Tiểu Thanh, con lại đây - Đối với Tiểu Thanh, chưa bao giờ bà dùng giọng ôn hòa, thân thiết - Lại đây, nhanh lên. Mẹ nói với con điều này, chúng ta được chia ruộng, con xem nên trồng gì thì tốt? Mẹ nghĩ thế này, trồng nhiều rau dễ bán. Ruộng nước trồng lúa, có thể thu được bốn năm trăm cân, ruộng mầu có thể trồng ngô. Như thế có tốt không, cái gì mẹ con mình cũng có, không còn thiếu...

- Mẹ, nhưng con...

- Có gì cứ nói với mẹ đi, con gái.

- Con... con không thể làm được gì cả.

- Thôi, đừng nói chuyện đó. Mẹ có thể làm được... Mẹ sẽ nuôi con.

Đột nhiên, bà ôm lấy Tiểu Thanh, bật khóc. Tiểu Thanh cũng khóc. Hai người đàn bà ôm nhau khóc ròng.

Nhưng rồi cơ hội cho Tiểu Thanh làm việc cũng đến. Cô lại bện giầy cỏ.

Mỗi buổi sáng trở dậy, cô lại ngồi ở nơi mặt trời chiếu vào tại cửa lớn. Tuy cô không cần đến ánh sáng, nhưng cô thích cái ấm nóng, cái cảm giác mong manh do luồng ánh sáng mặt trời tạo nên, cũng như cô thích cái ngọn gió nhè nhẹ từ sông thổi tới. Cô thấy buồn, nhưng không còn

bi thương, không còn sợ hãi. Cô đã trải qua mọi gian nguy của những năm thơ trẻ đói khát. Có lúc cô rất lấy làm vui vẻ. Ngồi mỏi rồi, cô đứng lên đi dạo. Con đường lát đá ngày xưa bây giờ đang được sửa lại thành đường ôtô. Cô yêu những tiếng chí chát, yêu tiếng cười, tiếng nói chuyện oang oang của đám thợ đá. Thỉnh thoảng cô còn nghe thấy có người thợ đá cất giọng ồ ồ hát dân ca, hô khẩu hiệu. Tất cả những cái đó đều làm cô thích. Bị tiếng hát thu hút, cô lần đến một ngôi nhà ở gần mỏ đá, ngồi lại trò truyện với đám thợ trẻ một hồi. Cái gì cô cũng muốn nghe, cũng thích. Tất cả đám thợ đá đều yêu mến cô, coi cô như em gái. Khi cô ngồi chơi ở đó, đám đàn ông không dám nói chuyện tục tĩu, nhảm nhí nữa. Mùa xuân đến, cô đi càng nhiều, càng thích ra đó chơi. Một hôm cô đi chân trần, bị mảnh đá đâm chảy máu. Đám thợ đá sợ quá. Một anh vội vàng chạy lại băng bó cho cô. Cô cảm thấy anh ta quì trước mặt cô, đôi tay thô ráp run run, không sao băng cho cô được. Cánh tay rắn chắc của anh chạm vào gối cô. Cô nghe rõ hơi thở của anh ta. Anh ta hỏi: "Cô đi được không?". Cô lắc đầu. Anh bế cô về nhà. Mẹ đi vắng. Anh ta muốn đi. Không hiểu sao cô lại nói: "Anh ngồi chơi một lát, em không phải là kẻ ăn thịt người...". Cô lại nói: "Em tặng anh đôi giầy cỏ, anh lựa lấy một đôi vừa chân...". Cô cảm thấy mình sắp đứt thở. Thật xấu hổ. Cô tự mắng mình. Nhưng miệng vẫn nói: "Anh chọn được

chưa? Để em xem, loại này à? Chân anh quá lớn. Được rồi, để em bện riêng cho anh mấy đôi, anh sẽ đến lấy nhé... à... anh họ gì... Họ Vương... Vậy thì... anh Vương, anh người ở đâu,... năm nay bao nhiêu tuổi?... A, A,... Vậy anh đi nhé". Anh ta dùng dằng. Hai người đứng rất gần nhau, mỗi người cầm một đôi giầy cỏ mới bện. Cả hai đều không nói. Không hiểu sao tay cô lại đặt lên vai người thợ đá, làm anh ta hoảng quá, vùng bỏ chạy.

Từ đó người thợ đá hay đến nhà Tiểu Thanh lấy giầy cỏ, phần lớn đều đến vào lúc mẹ cô đi làm. Cũng có lúc anh ta đến có mẹ ở nhà, mẹ chẳng nói gì còn chào hỏi lịch sự và giữ anh ta lại ăn cơm. Lĩnh lương xong anh ta đến trả tiền cơm, mẹ kiên quyết không lấy. Anh ta mua tặng Tiểu Thanh một đôi giầy đế bằng. Cô thử rất vừa chân, nhưng lại không đi mà cất ở đầu giường.

Vùng quê náo nhiệt hơn lúc nào hết. Thợ đá kéo đến từng đoàn. Người ta mở thêm mấy mỏ đá nữa ở chân núi. Tiếng người, tiếng búa loạn xì ngầu, ôtô máy kéo đến chở đá cuốn bụi mù mịt. Lều bạt dựng la liệt, cạnh các gia đình nông dân. Ăn uống lu bù. Dân chúng địa phương lẽ dĩ nhiên mừng rơn, cung cấp cho cánh thợ đá tất cả các loại dịch vụ. Đám đàn bà con gái ăn mặc xanh xanh đỏ đỏ. Kiếm bồ bịch vẫn kiếm, chẳng sợ đau khổ khi phải chia tay. Chị gái Man Man cũng lại tìm được một người.

Riêng Man Man còn do dự. Cô muốn tìm một người để nương tựa suốt đời, cô không thích vui vẻ một lúc như chị gái. Người ta tụ tập với nhau, bàn tán về tương lai của mỏ đá. Đá ư? Khai thác cả năm không hết, nhưng liệu có giống năm nào sửa hồ chứa nước, bất ngờ dừng lại, thợ đá vù đi? Có người phân tích nói: Không thể. Đó là vì hiện nay bốn hiện đại hóa mở ra... xây dựng nhà máy, sửa đường sắt, nơi nào chả cần thật nhiều đá. Hơn nữa chất lượng đá ở đây tốt, những người hiểu biết quyết không bỏ loại nguyên liệu này. Ngày nay không còn dốt nát như xưa nữa, vùng này đã được xã cho một công ty bao thầu, giám đốc công ty lẽ dĩ nhiên phải có mục tiêu hành động. Người làm công cũng có thu nhập, có tiền người ta càng làm hăng. Vùng quê này sẽ thịnh vượng là điều không phải bàn... Tiểu Thanh cũng nghĩ đến vấn đề này, người ta bàn với nhau, cô ngồi bên nghe. Cô nghĩ điều quan trọng nhất là đám thợ đá đừng đi. Mẹ không quan tâm đến chuyện đó, lăn lộn với đất đai. Một mùa làm ruộng, ngoài cái ăn mặc ra, còn dành dụm được ít tiền để theo mấy bà hàng xóm đi lễ phật tận núi Nga Mi, ăn ngủ dọc đường tiêu hết sạch. Người ấy còn gửi thư đến, nhưng mẹ không chạy đến trường tiểu học nhờ thầy giáo đọc, mà ném vào bếp lò. bà vấn khăn như những bà già, nhưng kì thực chưa già, mới hơn bốn mươi.

Một hôm, sau khi xong việc ở ngoài ruộng, bà vội vã về nhà. Nắng trưa gay gắt. Đột nhiên một chiếc xe con xịch đỗ ngay lưng bà. Một người trẻ tuổi từ trong xe nhảy ra gọi: "Bác Phùng!". Lại một người nữa nhảy ra sau, gọi: "Mẹ!". Bà ngẩng mặt lên nhìn, một người là Phong Oa Tử, còn người kia là Học Hải, con trai bà.

Thì ra, sau khi phục viên về xã, Phong Oa Tử được cử làm giám đốc công ty khai thác vật liệu xây dựng, vì vậy những mỏ đá ở đây thuộc quyền quản lý của anh ta. Anh ta lên thành phố tìm đối tác liền gặp nhà thầu xây dựng tiếng tăm như cồn là Phùng Học Hải. Hai người gặp nhau ở một nhà hàng lớn, những bất hòa của thời niên thiếu đã sớm bị ném vào quên lãng, nên bắt tay liên kết khai thác đá. Phong khuyên Phùng nên về quê xem xét, điều kiện bảo đảm cho sự liên kết chính là nguồn nguyên liệu dồi dào. Phùng hỏi:

- Cái lão thợ đá khốn kiếp kia có còn ở với mẹ tôi không?

- Cút từ lâu rồi. Lão được phục hồi đã về đơn vị cũ.

- Thế còn em gái tôi?

- Tiểu Thanh ư, cũng khá. Mình vẫn thấy cô ta dạo chơi ở bãi sàng đá, mang kính đen.

- Con bé... chưa lấy chồng à?

- Lấy chồng? Có ai tình nguyện lấy một người mù.

- ...

- Có lẽ cô ấy sống cũng vui vẻ, không phải lo cái ăn, bện giầy cỏ cũng kiếm được tiền. Có một tay thợ đá thường hay đến nhà, coi chừng nó làm hỏng cô bé.

- Thật hả? Thằng ấy dám làm hỏng em gái tôi, tôi không giết nó không xong. Về coi thế nào.

Bà mẹ dẫn con trai và ông giám đốc về nhà. Ngậm miệng không nói. Trước mặt con trai, bà cảm thấy xa lạ biết bao. Cái kẻ mặc âu phục, đi giầy da kia, liệu có phải là con bà không?

Nghe nói đó là anh trai, tất nhiên Tiểu Thanh rất vui. Nhưng sao giọng anh lại lạ thế?

- Tiểu Thanh, em có muốn ra thành phố cùng anh không? Anh sẽ tìm thầy dạy em học nghề, học văn hóa.

- Không, em không đi - Cô vui vẻ và dứt khoát đáp - Em không đi, em sống thế này là tốt lắm rồi.

Đương nhiên người anh không thích nghe giọng điệu ấy của em gái. Anh ta chợt nhận ra dưới lần áo của em gái bụng đã to ra như người có mang. Anh ta bỗng thấy trào lên một nỗi uất hận, y như nỗi hận lúc thấy người đàn ông lạ hoắc nằm trên giường mẹ mình... Anh ta nhìn mẹ một cách giận dữ, dường như mẹ phải chịu trách nhiệm

về tất cả những cái đó. Nỗi tức giận khiến anh ta lập tức bỏ nhà đi.

- Thật là xúi quẩy! Thật là mất mặt tổ tiên!

Anh ta vừa đi vừa rủa thầm. Bà mẹ ngỡ ngàng, đứng nhìn hai người thanh niên ra đi.

- Họ đi rồi hả mẹ? Sao thế hả mẹ?

Bà mẹ lạnh lùng đáp:

- Nó đi rồi, đừng để ý đến nó nữa.

Buổi tối, anh chàng thợ đá họ Vương tới. Đến để chia tay. Anh ta nói, đã bị chủ thầu xóa tên, chỉ còn cách đi kiếm việc làm ở nơi khác. Vừa nghe thế, Tiểu Thanh đã kinh hãi đến tắc thở. Mẹ thì không. Bà nghiến răng nói: "Thật là loài thú vật!". Bà lạnh lùng hỏi tay thợ đá "Vậy là cậu định đi thật?". Tay thợ đá run rẩy trả lời: "Họ buộc đêm nay phải đi". "Nếu không đi thì sao? - Bà mẹ vẫn lạnh lùng hỏi - Nếu không đi bọn chúng có thể làm gì cậu?". Tay thợ đá ngắc ngư, không trả lời được. Bà giận quá, bước tới túm cổ áo tay thợ đá, dằn giọng nói: "Nếu cậu là người thì ở lại, đợi đứa con của cậu ra đời. Còn là loài súc sinh thì cút. Ngay lập tức cút khỏi mắt bà!". Bà hẩy mạnh và gã thợ đá bắn văng vào tường. Người đàn bà này chưa bao giờ nóng giận như vậy. Dường như bà đem nỗi hận của cả một đời mình, nỗi hận chồng, hận con,

hận người tình trút lên người gã thợ đá trẻ.

Lúc đó, người bình tĩnh nhất lại là Tiểu Thanh. Nỗi kinh hãi của cô chỉ thoáng qua. Cô bình tĩnh đến mức như là tê dại, khiến hai người kia rùng mình. Cô mò mẫm đi lại phía giường nằm, lấy trúng ngay đôi giầy mới mà gã thợ đá đã tặng cô, rồi đi thẳng đến trước mặt gã, nhét vào chiếc túi đựng đầy những đục và búa. Dường như cô đã đi một chặng đường rất dài, cuối cùng đã đến đích. Cô đã trải qua nỗi sung sướng nhất cũng như nỗi đau khổ nhất của đời người. Đối với cô, cuộc chung đụng ngắn ngủi với gã thợ đá xem như dài cả cuộc đời. Cái sinh mệnh bé nhỏ trong bụng mà cô vô cùng thương yêu khỏe mạnh thế là đủ, chẳng có gì thiệt thòi nữa...

- Anh đi đi. Anh trai em không tha anh đâu. Trước đây, đối với mẹ anh ta cũng vậy. Thôi anh đi đi.

Cô đã trải nếm đủ thứ, nhưng chẳng thứ gì cô nhìn thấy. Thế giới còn lại trong cô chỉ là ánh sáng chiều, dòng sông láng vàng, những giọt mưa làm vỡ vụn những tia sáng, lấm tấm trắng hoa lau, đung đưa trong gió trong mưa.

Ngày hôm sau, anh trai trở lại, mặt mày hớn hở. Cùng đi còn có tay giám đốc Phong và vị trưởng thôn. Người con trai nói với mẹ và em gái - hai người phụ nữ đáng thương - với giọng răn dạy: - Tôi đã sai người đuổi cái

thằng thọ đá chó đẻ ấy đi rồi. Cũng định nện cho nó thừa sống thiếu chết, nhưng thôi. Thế là được rồi. Mẹ, mẹ lập tức đưa em Thanh lên bệnh viện nạo thai. Xe con của tôi đợi ngoài cổng, đi ngay bây giờ. Họ Phùng nhà tôi rất cần giữ thể diện...

Trưởng thôn nói thêm:

- Đúng đấy, sai lầm của các người không nhẹ đâu! Đồng chí Phùng Học Hải là đại biểu của các hộ triệu phú nổi tiếng, là nhà doanh nghiệp nông dân, tên đã đăng lên báo, sắp là ủy viên ủy ban chính trị hiệp thương huyện rồi... Đi nhanh đi, tôi đã nói trước với bệnh viện rồi, họ đang chờ!

Giám đốc Phong cũng nói xen vào:

- Tiểu Thanh, đừng cố chấp, anh cô và chúng tôi đều muốn điều tốt lành cho cô mà.

Tiểu Thanh đứng đó, hai tay vô tình giữ lấy bụng, cô nói:

- Các người làm phúc một lần cho tôi nhờ! Đôi mắt của tôi... nếu không phải do các người đánh nhau...

Bà mẹ mặt tối sầm, bước tới, túm lấy ba gã đàn ông đẩy ra khỏi cửa, nói:

- Cút đi, cút đi! Việc của chúng ta, không phiền đến các ngươi. Cút nhanh lên! Thằng họ Phùng kia, mi nhớ

lấy, bà đây không phải họ Phùng. Tiểu Thanh từ nay mang họ bà. Tránh cho họ Phùng nhà mi khỏi mất mặt. Từ nay ai đi đường nấy... Coi như đứa con bà sinh ra đã chết rồi. Mi đi mà phát tài, đi mà ngoi lên, đi mà làm quan, chúng ta không có quan hệ gì với mi hết. Chúng ta có ngồi tù cũng chẳng liên lụy gì đến mi...

Chiếc xe con nổ máy phóng đi, để lại một cột bụi.

HÀ PHẠM PHÚ *dịch*
(*Rút từ tuyển tập truyện ngắn* **"Lương thực thời khốn khó"** *do NXB Văn học Trung Quốc - 1994*)

CHU THƯỢNG QUỐC

BỐ TỪ RA TỈNH

Mấy năm vừa rồi, nhờ nuôi lợn, bố Từ đã giàu lên, chẳng còn lo ăn lo mặc, cuộc sống khấm khá, bố dự định ra tỉnh chơi một chuyến. Bố hỏi cậu con trai:

- Phú Quý này, ngày có mấy chuyến ôtô ra tỉnh?

Cậu con trai đáp:

- Một chuyến 8 giờ sáng, một chuyến 3 giờ chiều. Bố hỏi làm gì?

- Chẳng làm gì. Bố định ra tỉnh chơi một chuyến.

- Ô! Sao bố chẳng bảo trước. Ra tỉnh chơi không phải chuyện dễ. Người nước ngoài ai cũng thích đi du lịch. Bố ơi! Hay con thuê cho bố chiếc xe con.

- Đừng! Đừng! Thuê xe con đắt lắm, đi ôtô khách thôi!

Hôm sau, bố Từ dậy sớm sửa soạn tinh tươm, lại còn nhét hai bắp ngô non luộc tối qua vào túi xách. Một là muốn ăn tươi, già rồi gặm món này chẳng bao lâu nữa, hai là cũng để tiết kiệm chút tiền. Bây giờ cuộc sống đã khá lên, bố Từ cũng chẳng thể quên những ngày nghèo túng ăn cơm cám lá khoai.

Ra đến tỉnh, bố Từ mới thật sự mở tầm mắt. Những tòa ngang dãy dọc cao ngất, đằng trước đằng sau trông đến chóng mặt. Ra chợ, vào cửa hàng bách hóa, bố còn mua cho thằng cháu nội hai bộ quần áo trẻ con cỡ vừa và cỡ rộng.

Gần trưa, nghe những tiếng cá cược từ nhà hàng Duyệt Lai dồn dập vọng tới, bố Từ mới cảm thấy đói bụng. Giở túi xách, bố định lấy hai bắp ngô ra ăn, song bố lại nghĩ ngay: giữa nơi trống trải, người xe qua lại này, một ông già răng vẩu còn gặm bắp ngô thì còn gì là thể diện. Không có tiền hay vì sao? Dào, đã ngần này tuổi đầu, tiêu thì tiêu, vào nhà hàng Duyệt Lai đánh một chầu cho "đã", cả đời mới có một lần này.

Định bụng rồi, bố Từ cất bước đi đến nhà hàng Duyệt Lai đối diện. Nào ngờ, vừa vào đến cửa, một chàng trai ra dáng phục vụ đưa tay chặn lại:

- Đây không phải nơi ăn xin. Ra ngay! Ra ngay!

Nghe vậy, bố Từ cáu tiết lên vung tay cho anh ta một cái tát.

Trong chốc lát, cửa nhà hàng xúm đen xúm đỏ, kẻ khuyên can, người chỉ trích, ầm ĩ cả lên. Nơi đây đã trở thành "công đường" xét xử ngay thẳng, phải trái.

Bố Từ bực lắm, sống già nửa đời, hôm nay mới có một lần ra tỉnh: Bực thật đấy, hôm nay lão phải vung tay cho

biết. Bố thọc tay vào túi xách, móc ra một xệp tiền có đến một ngàn nhân dân tệ, giơ cao khỏi đầu, tuyên bố hôm nay dứt khoát phải ăn một bữa hiếm có ở nhà hàng Duyệt Lai.

Sự việc đến tai giám đốc nhà hàng. Thấy bố Từ giơ xếp tiền khỏi đầu, giám đốc chỉ còn biết đứng ra xin lỗi:

- Thưa ngài, mong ngài bớt giận. Chỉ tại thường ngày chúng tôi giáo dục không đến nơi đến chốn, rất mong ngài tha thứ. Xin mời ngài vào! Xin mời!

Giám đốc ngoái đầu ra lệnh cho chàng trai:

- Tiểu Lý, đứng đấy làm gì, không ra xin lỗi khách đi à! Bố Từ được dẫn đến ngồi cạnh bàn tròn giữa buồng ăn. Giám đốc tự tay đưa bảng kê món ăn:

- Mời ngài chọn món ăn. Nhà hàng chúng tôi tuy kinh doanh vốn nhỏ, song cũng có một số món đặc sản nổi tiếng Đông Tây Nam Bắc như óc khỉ, yến sào, tay gấu...

Bố Từ đặt xếp tiền lên bàn, bảo:

- Những món này đâu có hiếm. Thời trai trẻ lão đã ăn chán. Hôm nay cứ bày một đĩa... "gặm ngang".

Thật ra, bố Từ muốn gọi món tay chân gấu gì đó, song không nhớ tên, mà kể cũng lạ, bí quá hóa khôn, lão nói cứng dọa người. Trò này cũng "thánh" thật, giám đốc vừa nghe đã ngẩn người. Mười mấy năm quản lý nhà hàng,

chưa bao giờ ông nghe nói đến món này. Rầy rà đây, nói không có, thì nhà hàng còn mặt mũi nào. Nói có thì rút cuộc là thứ gì? Đúng rồi, hãy cứ tìm các vị đầu bếp hỏi cái đã. Nghĩ vậy, giám đốc vội thưa chuyện với bố Từ:

- Xin ngài vui lòng chờ đôi chút, sẽ có món ăn đưa ra, sẽ có món ăn dưa ra.

Nói xong, biến vào bếp.

Khi giám đốc đi hỏi các đầu bếp, nhà ăn náo nhiệt hẳn lên. Khách hàng vây kín bố Từ tíu tít hỏi "gặm ngang" là món ăn như thế nào. Bố Từ chỉ cười không trả lời. Bố cười hì hì, móc bao thuốc lá ngon mác "Thạch Lâm" sáng nay cậu con trai nhét vào túi bóc ra mời một lượt. Mặc dù ngày thường chẳng bao giờ hút thuốc, bố cũng ngậm một điếu và châm lửa.

Một lúc sau, giám đốc từ nhà bếp đi ra, với vẻ mặt tiu nghiu, nói với bố Từ:

- Thưa ngài, hết sức mong ngài thứ lỗi, Trương sư phụ, người duy nhất làm được món này của nhà hàng chúng tôi vừa xin phép về thăm nhà. Người khác không ai thay được. Thành thật xin lỗi ngài, xin ngài cho gọi món khác được không?

Bố Từ vung tay đáp:

- Miễn, đã không ai thay thế được, thì tôi cũng không phiền các người nữa. Thôi nhá, tôi đi chỗ khác vậy.

Nói xong, bố thu lại tiền, bước đi liền.

Giám đốc nhà hàng thở phào nhẹ nhõm, vừa tiễn khách vừa nói:

- Thành thật xin lỗi, đã làm mất thì giờ của ngài. Mong ngài lần khác lại đến.

- Không sao. Không sao!

Bố Từ xua tay nói:

- Có điều là từ nay trở đi, bảo cậu bé ấy học tập Lôi Phong nhiều hơn. Kể ra, hôm nay tôi cũng hơi nóng, không nên tát anh ta.

Bố Từ vui vẻ rời khỏi nhà hàng Duyệt Lai. Nhìn đông ngó tây, bố đều cảm thấy mới mẻ và có ý nghĩa. Nhưng bụng bố đang réo ùng ục. Bố định tìm quán ăn khác làm một bữa thật ngon, song lại e sinh chuyện rắc rối. Thôi thì, cứ tiêu diệt hai bắp ngô mang theo cho chắc ăn. Hơn nữa, cậu con trai Phú Quý chẳng đã nói, năm tới phải mở rộng chuồng trại, làm thức ăn nuôi lợn thịt, tiền thiếu sao được? Tiêu ít tức là làm được nhiều tiền. Nghĩ đến đây, bố Từ yên tâm, rút một bắp ngô ra khỏi túi xách, vừa thư thả dạo bước ngắm nhìn thế giới tươi mới xa lạ này, vừa gặm ngô một cách ngon lành.

Bỗng một tiếng gọi từ sau lưng vọng tới, khiến bố Từ giật nẩy mình.

Giữa tỉnh thành không họ hàng, không bạn bè thân quen, biết đâu anh chàng bị tát đến bao thù? Bố Từ quay đầu lại:

- Ông anh ơi, xin dừng bước, xin dừng bước.

Thì ra một đầu bếp mặc tạp dề.

- Ông em gọi tôi phải không?

Cho dù không phải chàng trai bị đánh, song trong túi có tiền. Bố Từ cũng cứ phần nào cảnh giác.

- Đúng! Ông anh ơi! Xin hỏi món ăn ông anh gọi ở nhà hàng Duyệt Lai, ông anh đã từng ăn ở đâu?

Chẳng còn sai vào đâu được, đây đúng là ông đầu bếp ở nhà hàng Duyệt Lai chạy theo để hỏi món "gặm ngang", chứ chẳng có ác ý gì đâu.

- Ồ! - Bố Từ nghe vậy, nhẹ người như trút được gánh nặng. Bố cười hì hì, gặm thêm một miếng ngô, đáp.

- Ông em, nhìn kỹ mà xem, cái trò này phải gặm ngang, gặm dọc sao được?

- Ừ! Phải! - Người đầu bếp vỡ lẽ: ha! ha! Được một mẻ rối tinh cả lên, ông anh thật là...

VŨ CÔNG HOAN *dịch*
Theo "Hội kể chuyện" tháng
7-1992. Nhà xuất bản *Văn nghệ*
Thượng Hải).

DƯƠNG HÙNG CHÍ

ÔNG GIÀ VÀ CON CHÓ

Trưa hè. Mặt trời đứng bóng. Dưới cây ngô đồng râm mát cạnh đường cái huyện ở Quan Trung, một cái hòm gỗ vuông vắn viết hai chữ to đập vào mắt mọi người: Quyên Góp. Hai cô gái trẻ xinh đẹp, trông coi hòm. Một cô tóc chấm vai, một cô tóc ốp. Bên cạnh còn một chàng trai đeo kính râm, tay cầm loa pin đang diễn thuyết: "Thưa các đồng chí, các bạn cùng toàn thể bà con anh chị em, thưa các thầy cô giáo cùng các em học sinh. An Huy và Triết Giang bị nạn lụt, đồng bào hai tỉnh đang đau khổ, hoạn nạn. Một nơi khó khăn, tám nơi chi viện, mọi người chúng ta hãy phát huy tinh thần hiệp tác cộng sản chủ nghĩa, tích cực đóng góp, năm xu một hào cũng được, tám đồng mười đồng cũng hoan nghênh, tự nguyện tự giác là chính, số tiền không hạn định, nào xin mọi người đóng góp, mau mau góp tiền làm điều lành việc thiện".

Nghe lời tuyên truyền cổ động của chàng trai, người qua đường xúm lại góp tiền. Bà cụ nhà quê bán trứng gà đến góp. Ông cán bộ nghỉ hưu tóc bạc phơ đến góp. Các em học sinh có mấy xu ăn kem cũng bớt lại cho vào hòm

đóng góp. Dòng người đến góp mỗi lúc một đông, khí thế đã nhộn nhịp, lại nghiêm trang.

Chàng đeo kính, cô tóc chấm vai và cô tóc ốp là phân đội nhỏ quyên góp ủng hộ đồng bào vùng bị nạn dưới sự lãnh đạo của văn phòng ủy ban huyện. Chàng đeo kính là phân đội trưởng. Anh là trợ lý thông tin của văn phòng ủy ban huyện, là sinh viên khoa văn, từng được đăng mấy bài thơ nhỏ trên báo chí. Điều này làm cho hai cô gái xinh đẹp đang chờ việc phục sát đất, vui vẻ làm nghĩa vụ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của anh. Chàng đeo kính cũng vui vẻ kết bạn với hai cô gái đẹp mê hồn. Bạn gái cũ của anh tuy cũng là người tài, tiếc rằng không xinh lắm. Chàng đeo kính cảm thấy dẫn dắt các cô gái xinh đẹp trở nên thông minh dễ hơn dẫn dắt các cô gái thông minh trở nên xinh đẹp. Bởi thế, anh nhiệt tình với hai cô gái.

Chẳng mấy chốc đã xế chiều. Chàng đeo kính bảo hai cô gái sửa soạn thu dọn. Hai cô mở hòm kiểm kê tiền. Bỗng cô tóc chấm vai reo lên "mau lại xem này". Nói rồi cô đưa tờ giấy cho chàng trai. Chàng trai cầm xem. Thì ra một tờ phiếu gửi tiết kiệm mức cao 2 vạn tệ. Chủ hộ là "lão Hoàng". Cả ba ngẩn người. Nghĩ mãi cũng không tài nào nhớ ra người nào có cử chỉ đặc biệt trong dòng người đến góp tiền. Cá nhân góp hai vạn tệ là chuyện có một không hai trong cả huyện. Chàng kính râm ba chân

bốn cẳng phóng thẳng về văn phòng báo cáo chủ nhiệm. Chủ nhiệm hăm hở báo ngay lên chủ tịch huyện. Chủ tịch huyện lập tức chỉ thị: "Đi phỏng vấn lão Hoàng, phát thanh biểu dương trong toàn huyện, xem ra tình hình làm ăn kinh tế huyện nhà khấm khá lên trông thấy".

Đương nhiên, nhiệm vụ "phỏng vấn" được giao cho chàng đeo kính. Anh vừa là trợ lý thông tin, vừa là người có mặt tại chỗ. Viết bài biểu dương lão Hoàng là nghĩa vụ không thể từ chối, là trách nhiệm không thể gạt cho ai. Vậy là, không để chậm trễ, đã nói là làm, chàng đeo kính dẫn hai cô gái cùng đi.

Hôm sau, đem theo giấy giới thiệu của ủy ban huyện dựa vào đầu mối ghi trên phiếu gửi tiền, ba người đến ngân hàng trước. Sau khi nói rõ đầu đuôi sự việc, họ dễ dàng tìm ra địa chỉ của lão Hoàng ở ngân hàng: thôn Đông Doanh, phố Đông, thị trấn Thành Quan. Cô tóc ốp bảo biết nơi đó, ở phía sau tòa nhà gia đình ủy ban huyện. Chàng đeo kính liền giao cho cô tóc ốp dẫn đường, ba người kéo thẳng đến thôn Đông Doanh.

Đầu thôn Đông Doanh có đám đàn bà con gái giặt quần áo đang trò chuyện vui vẻ. Chàng đeo kính vượt lên trước, lễ phép hỏi:

- Thưa các thím, các chị, các em, xin phép cho hỏi nhà đồng chí Lão Hoàng ở đâu?

Trong đám người có một chị béo tốt vui vẻ:

- Cậu khéo mồm khéo miệng lắm, thảo nào còn mang theo hai người đẹp. Thôn này không có ai họ Hoàng.

Chàng đeo kính rất ngạc nhiên. Trong lúc phiền lòng, có một người đứng tuổi vác cuốc đi đến, nhìn chàng đeo kính, hỏi:

- Anh hỏi thăm Lão Hoàng?

Chàng trai vội đáp:

- Vâng! Tôi hỏi thăm nhà đồng chí Lão Hoàng.

Người đàn ông đứng tuổi rất phân vân:

- Sao Lão Hoàng lại là đồng chí của anh nhỉ? Nhưng anh muốn tìm nhà thì kia.

Nói rồi, giơ tay chỉ, chàng đeo kính nhìn theo, thấy ở mạn nam của thôn có một ngôi nhà nhỏ riêng biệt, tường trắng mái đỏ, cây cối um tùm, trông cũng xinh đẹp yên tĩnh. Anh cảm ơn người đàn ông đứng tuổi, dẫn hai cô gái đi. Từ sau lưng, chị béo tốt ném theo một câu:

- Lão Hoàng thế nào nhỉ?

Chàng đeo kính quay đầu đáp:

- Lão Hoàng làm việc tốt.

- Cái gì? - Chị béo cười, đứng dậy - Lão Hoàng biết làm việc tốt à?

Cả đám đàn bà con gái cười hơ hớ, cười ầm ĩ, cười đến mức chàng trai và hai cô gái chẳng hiểu thế nào cả.

Ba người bước vào căn nhà nọ, chàng đeo kính cất tiếng gọi: "Lão Hoàng..." Chưa dứt lời, không biết từ chỗ nào, bỗng một con chó xộc tới, nhe hàm răng nhọn hoắt xông vào cắn. Cô tóc chấm vai và cô tóc ốp sợ hết hồn, kêu toáng lên. Chàng đeo kính cũng mất vía đứng ngây. Giữa lúc gay cấn, may sao chủ nhà đã ra, huýt một tiếng sáo, con chó thay đổi ngay thái độ, vẫy đuôi mừng ba người khách lạ. Cô tóc chấm vai và cô tóc ốp vừa nhìn, cùng "a" lên một tiếng. Thì ra các cô đã gặp chủ nhà. Hôm qua, lúc quyên góp tiền chủ nhà này cũng có mặt trong dòng người, tuổi đã cao, đội chiếc mũ nan rách, tay dắt con chó lấm láp. Lúc ấy, nhìn thấy ông lọ mọ bên chiếc hòm đựng tiền, hai cô gái còn quát: "Đồ ăn mày, ra ngoài kia". Lẽ nào hai vạn đồng quyên góp lại là ông? Ông kiếm đâu ra ngần ấy tiền. Có tiền sao ông ăn mặc như vậy? Bỗng chốc cả ba đờ người.

Chỉ thấy ông già "hầy" một tiếng, con chó theo lệnh vào nhà lôi ra ba cái ghế đẩu, lần lượt đặt cạnh chiếc bàn đá dưới gốc cây trong sân, sau đó lấy đuôi lau bụi trên ghế, rồi giơ một chân trước lên ra vẻ mời ba người khách ngồi. Chàng đeo kính cảm thấy là lạ. Hai cô gái cảm thấy ngượng ngùng vì hôm qua trót mắng ông già. Ông già hình

như vẫn chẳng để tâm tới việc ấy, cười hi hi mời khách ngồi. Cô tóc chấm vai đỏ mặt, thưa:

- Ông ơi! Chỉ tại chúng con có mắt mà chẳng nhận ra Thái Sơn, trưa hôm qua trót gọi ông là đồ ăn mày, mong ông tha lỗi cho chúng con.

Cô tóc ốp cũng bẩm:

- Con cũng xin lỗi ông. Không ngờ ông là hộ chuyên siêu vạn đồng, tư tưởng giác ngộ rất cao.

Ông già cười đáp:

- Không! Không! Không! Tôi đâu có phải là hộ chuyên vạn đồng.

Chàng đeo kính râm nói:

- Ông khiêm tốn quá, hộ chuyên vạn đồng là đại biểu của lực lượng sản xuất ở nông thôn rất vẻ vang đấy.

Ông già trịnh trọng giãi bày:

- Tôi đúng là ông lão độc thân nằm trong 5 đối tượng giúp đỡ của nhà nước. Nếu không được chính quyền cứu tế, cũng sẽ thành kẻ ăn mày thật. Chính sách của Đảng Cộng sản tốt đấy, anh chị em xem, ngoài trợ cấp ăn, mặc, dùng, thôn còn dựng nhà cho tôi, mua cho hẳn một cái ti-vi. Tôi chẳng phải lo nghĩ, vướng víu gì sất, sống rất tự do thoải mái. Ngồi xuống! Mời ngồi xuống nói chuyện.

Chàng đeo kính, cô tóc chấm vai và cô tóc ốp ngồi vây quanh bàn đá. Chàng đeo kính thắc mắc:

- Thưa ông, ông không phải là hộ chuyên vạn đồng, vậy hai vạn đồng ông góp ủng hộ vùng mắc nạn...

Ông già cười hà hà:

- Ồ! Anh hỏi hai vạn đồng ấy ư? Có đấy! Có đấy. Chàng đeo kính rút giấy bút ra thúc giục:

- Vậy xin ông cho biết những suy nghĩ khi góp tiền ủng hộ vùng bão lụt. Có phải ông nghĩ đến nhân dân vùng bị nạn là những anh em ruột thịt của chúng ta? Tinh thần hiệp tác cộng sản chủ nghĩa của ông đã được phát huy dưới sự gợi mở động viên của chủ tịch huyện có phải không? Chủ tịch huyện bảo tôi viết bài biểu dương ông trên đài truyền thanh huyện. Xin ông hãy nói lại sự tích tiên tiến của mình, không nên khiêm tốn, không ngại gì cả, bụng nghĩ thế nào ông nói thế.

Ông già véo một điếu thuốc cho vào tẩu châm lửa hút, vừa chậm chạp hút, vừa lạnh lùng nói:

- Tôi chưa được nghe báo cáo động viên của chủ tịch huyện. Giác ngộ của tôi cũng không cao. Chủ tịch huyện có muốn biểu dương thì bảo ông ấy biểu dương con chó.

Không khí trở nên bế tắc. Các lần phỏng vấn trước đây, chưa lần nào chàng đeo kính gặp trường hợp gay cấn

như thế này, bỗng chốc anh thấy không biết xoay sở ra sao. Cô tóc chấm vai và cô tóc ốp thấy ông già này bí hiểm quá, tính nết kỳ cục quá, vừa nãy còn trời quang mây tạnh, sao bỗng nhiên sấm chớp đùng đùng? Dù sao chàng đeo kính râm vẫn là sinh viên có nghiền ngẫm sách vở. Anh nhớ có một quyển sách viết: "Mỉm cười là ngôn từ tốt nhất". Vậy là anh cố mỉm cười, lễ phép nói:

- Thưa ông Hoàng, xin ông bớt giận.

Ông lão ngạc nhiên hỏi:

- Ông lão Hoàng ư? Anh gọi lão Hoàng là ông ư?

Chàng đeo kính tiếp tục mỉm cười đáp:

- Vâng, đúng vậy! Ông không phải là ông Lão Hoàng ư?

Ông già nhăn nhó nói:

- Râu ông nọ cắm cằm bà kia rồi. Lão Hoàng là con chó của tôi, con chó của tôi tên là Lão Hoàng. Vừa nói, ông vừa gọi ra ngoài: "Lão - Hoàng, về đây, con chó này mày tốt số lắm".

Nghe tiếng gọi, con chó chạy lại sà vào lòng ông già. Vừa vuốt ve con chó, ông vừa khoe:

- Đây là con chó lông vàng, người trong thôn gọi nó là Lão Hoàng...

Nghe đến đây, hai cô gái không nín được cười, liếc nhìn chàng đeo kính, hỏi:

- Còn hỏi Lão Hoàng bằng "ông" nữa không nào?

Chàng trai ngượng nghịu lắc đầu, tự giải thoát:

- Lầm lẫn là chuyện thường phải không nào?

Hai cô gái càng nghĩ càng thấy hay, càng nghĩ càng cười không dứt, lây sang cả ông già. Không khí lại trở nên hòa nhập.

Nhằm trúng thời điểm, chàng trai lái câu chuyện đi vào chủ đề chính:

- Thưa ông Lão Hoàng - ấy chết xin lỗi, thưa ông Lão Thường, vậy tại sao phiếu gửi tiền, ông lại viết tên Lão Hoàng?

Nghe hỏi vậy, ông lão tỏ vẻ nghiêm túc trang trọng, đứng dậy bảo cả ba người:

- Xin anh chị đi theo tôi.

Ba người theo ông già đi vào bếp, thấy một đống hộp giấy đóng gói rất đẹp, sặc sỡ ở góc tường. Ba người lật xem nào là hộp bánh điểm tâm, nào là hộp bánh nướng trung thu, nào là hộp bánh ga-tô sinh nhật, toàn loại "xịn" hoa cả mắt. Chàng đeo kính chẳng hiểu ra sao, những hộp bánh này có liên quan gì tới tấm phiếu gửi tiền tiết kiệm. Cô tóc chấm vai và cô tóc ốp đầu óc giản đơn hơn, cứ xuýt xoa hâm mộ:

- Mức sống của ông cao thế này, còn bảo không phải hộ chuyên vạn đồng?

Ông già nhăn nhó cười:

- Nào có phải của tôi, tôi làm gì có diễm phúc được hưởng những thứ sang trọng ấy.

- Thế là thế nào?

- Toàn là những thứ từ nhà tầng gia đình ủy ban huyện vứt xuống, vứt vào đống rác, con vàng lôi về từ các đống rác về cho tôi ăn. Tôi dỡ ra xem thì đã mốc, biến chất cả. Người xơi chẳng được, tôi cho con vàng ăn. Chỉ như vậy chẳng kể làm gì, khốn nỗi trong những hộp ấy có cả tiền! Toàn tiền to năm mươi, một trăm đồng, khiến tôi run lên như nằm mê. Đem giả lại người ta? Không biết là ai. Giữ để tiêu ư? Tôi lại không biết tiêu, tiếc không tiêu và cũng không dám tiêu! Kệ xác nó, tiền con vàng tha về, thì cứ gửi với cái tên của nó. Sau này tôi và con vàng chết đi, không ai lĩnh, đương nhiên là của chung. Mấy ngày vừa rồi, xem vô tuyến truyền hình thấy An Huy, Triết Giang bị nạn lụt, đang buồn chưa tìm ra cách nào gửi khoản tiền này đi, thì thấy các anh các chị tổ chức động viên quyên góp trên chợ, tôi đã thay con vàng góp số tiền ấy. Điều tôi nói toàn bộ là việc có thật, tin hay không do các anh các chị.

Nghe ông già nói, hai cô gái luôn mồm xuýt xoa, chàng đeo kính thì suy nghĩ lung lắm. Anh nghĩ bụng con vàng

thì chẳng thể nào biểu dương, ông già Thường cũng không thể biểu dương công khai. Bởi vì đóng góp tiền ông già đâu có thăng hoa về tư tưởng, lời lẽ cũng đâu có hùng hồn mạnh mẽ giống như các nhân vật tiên tiến. Vấn đề lúc này không phải là biểu dương mà dường như là khiển trách. Song khiển trách ai? Đồ ăn cao cấp bị mốc, biến chất là do chất lượng sản xuất kém, hay do chủ nhà để quá lâu? Ngay chuyện để quá lâu cũng phải mổ xẻ ra, do để quên hay ăn chẳng hết? Do chủ nhà mua nhiều quá còn thừa, hay do người ngoài biếu cho quá nhiều? Quà biếu sao đút cả tiền mặt? Do ngấm ngầm học Lôi Phong trợ giúp, hay hối lộ người ta? Nếu là hối lộ thì kẻ hối lộ là ai? Chủ nhân đổ tiền hối lộ với bánh mốc vào đống rác chứng tỏ chủ nhân không nhận hối lộ. Ngày xưa Dương Tử "quyên" tiền ngoài đồng, còn bây giờ có kẻ "quyên" tiền trong đống rác. Không thể đánh lộn sòng chuyện này...

Càng suy nghĩ, chàng đeo kính càng mụ mị, bế tắc... Xưa nay anh luôn tự cho mình "đầu óc phát đạt, trí lực cao siêu", vậy mà lúc này anh cảm thấy thiếu thốn trí thức vô cùng. Anh hàm hồ nói với ông già:

- Thưa lão Thường, tình hình ông cung cấp rất có giá trị tham khảo. tôi sẽ phải viết về "Lão Hoàng". Nó sẽ xuất hiện trong thơ ca hoặc tiểu thuyết của tôi.

Đến thăm ông già trở về, chàng kính râm cảm thấy vấn đề hóc búa, liền báo cáo toàn bộ tình hình với chủ nhiệm. Nghe xong, chủ nhiệm thở dài liên tục:

- Có chuyện này à? Có chuyện này à?

Chàng kính râm hỏi:

- Có viết bài biểu dương nữa không?

Chủ nhiệm đáp:

- Không viết nữa.

Chàng kính râm lại hỏi:

- Vậy chủ tịch huyện hỏi thì nói thế nào?

Chủ nhiệm đáp:

- Không báo cáo với chủ tịch huyện nữa, mỗi ngày chủ tịch huyện có hàng chục chỉ thị, biết đâu đã quên mất. Chúng mình phải giữ kín chuyện này, không được để loang ra. Loang ra chúng ta chẳng đẹp mặt gì đâu. Gọi chó là "đồng chí", là "ông" người ta sẽ cười cho thối mũi.

Nói xong, chủ nhiệm lại thở dài thườn thượt.

Chàng kính râm im lặng suy tư...

VŨ CÔNG HOAN *dịch*

ĐẶNG KHAI THIỆN

TẤM BIA

Sương đêm, chẳng phải nước mắt của cây Bách cổ? Cứ từng giọt, từng giọt rơi trên lá nhọn, rơi xuống tấm bia đã vỡ. Tấm bia, chỉ còn một nửa nhỏ, hầu như bị vùi trong cỏ dại rậm rạp.

- Người anh em, mình đây, mình đến thăm cậu! Tướng quân lấy tay gạt đám cỏ, lau bùn đất bám trên tấm bia vỡ, thầm nói trong lòng. Một nửa thế kỷ cuộc đời chinh chiến đã phai mờ ký ức của tướng quân. Trong rừng thông hiếm có bóng người, ông đã tìm được tấm bia chỉ còn một nửa này. Trên tấm bia, chỉ còn lại ba chữ mờ mờ, có thể đọc được: Chiến sĩ Hình.

Tên người là gì? Người không biết, vĩnh viễn không biết. Nửa tấm bia đã bị bọn phái "tả" quá khích đập vỡ. Một nỗi ân hận còn lên trong trái tim tướng quân. Ôi! Mình đã để liên lụy đến cậu!

Tướng quân bảo chú lính cảnh vệ:

- Này anh bạn nhỏ, hãy rời khỏi đây một lát.

Từ túi áo choàng, tướng quân đã lấy ra một nắm gì đó.

Ồ! Thuốc lá. Những lá thuốc vàng suộm. Tướng quân đặt thuốc lá trên tấm bia, nghẹn ngào nói một tràng dài.

- Người anh em, hút một điếu nhé. Mình đã từng hứa, hàng năm đến viếng và tảo mộ một lần. Nhưng trong những năm tháng không phân biệt rõ ai là người ai là ma, suýt nữa mình cũng bị vào mồ. Hãy thông cảm với mình!

- Trong lúc đang nói, hai hàng nước mắt đùng đục của vị tướng già rơi xuống, thấm ướt thân bia, không phân biệt rõ sương đêm hay nước mắt?

Cây bách già đung đưa trong gió sớm rì rào, trang nghiêm như một ông lão dầy dạn gió sương đang nói với ánh nắng mai: lá cờ và vó ngựa; nỗi giần vặt và niềm tin.

- Thưa thủ trưởng! - Người chiến sĩ cảnh vệ tháo vát đã đứng nghiêm sau lưng tướng quân, lau nước mắt trên gò má, hỏi: Thưa thủ trưởng, có cần dựng một tấm bia không ạ!

- Không cần! Tay tướng quân vuốt ve tấm bia vỡ, hết lần này đến lần khác, rồi thở dài:

- Mình trăm tuổi cũng không cần dựng bia!

Tướng quân ngước lên, ngắm mãi đám mây hồng như lửa ở đằng đông, thầm nghĩ: Không cần dựng bia! Khắc lên đá chưa phải đã để lại tiếng thơm. Tướng quân cúi

xuống, bốc nắm đất đen, ngẩng lên than dài:

- Công tội sẽ có người đời sau phán xét!

VŨ CÔNG HOAN *dịch*

(Theo "Tập bình chọn những truyện ngắn cực hay toàn quốc" và "Truyện một ngàn chữ văn học trong và ngoài nước")

ĐẶNG NHẤT QUANG

RƯỢU

Chủ nhiệm Lưu, thế này là thế nào? Hội nghị vừa mới khai mạc, sao lại đã đến giờ ăn rồi? Các cuộc hội nghị bây giờ đều thế này cả: Giấy mời ghi 8 giờ khai mạc, 8 giờ mọi người mới đến đủ, chào hỏi, chuyện con cà con kê độ nửa giờ, lãnh đạo đọc diễn văn khai mạc xong thế là ban tổ chức thông báo nghỉ ăn cơm. Chẳng trách quần chúng nhân dân có ý kiến. Có người bảo tình hình Trung Quốc bây giờ là thế này, trên Trung ương thì lo, dưới quần chúng thì tất bật, chỉ có cấp trung gian thì đủng đỉnh như beo ăn no. Hình như chúng ta cái gì cũng thiếu, chỉ thừa có mỗi thời gian. Việc này mà không giải quyết xong, tình hình đất nước e không ổn.

Thôi được, ăn thì ăn. Chúng ta không chủ trương tuyệt thực. Tuyệt thực cũng chẳng giải quyết được vấn đề. Nếu giải quyết được, thì tôi xin nhịn ăn nhịn uống 3 ngày. Đừng nói 3 ngày, đến 30 ngày, 3 tháng, 3 năm liệu vấn đề có giải quyết được không nhỉ? Không giải quyết được, vẫn cứ phải theo thế mà làm thôi. Ăn có giải quyết được vấn đề không? Tôi thấy không thể. Ăn chỉ có thể giải

quyết vấn đề đói khát của những người như chúng ta, chứ không giải quyết nổi những vấn đề của nhân dân. Chủ nhiệm Lưu, tôi xin nói trước, ăn cơm là ăn cơm, không phô trương lãng phí, theo nguyên tắc 4 và 1, tức là 4 món ăn cùng với canh. Không có rượu. Nhất quyết không thể có rượu. Có rượu tính chất sẽ thay đổi hẳn. Tôi có thể nói thẳng với các anh rằng, tôi theo chủ nghĩa cai rượu. Các anh có thể không cai, được. Các anh uống cái gì cũng được. Đừng nói là rượu, đến cồn công nghiệp, các anh có uống tôi cũng mặc xác. Đó là việc của các anh. Nhưng có một điều kiện, các anh về nhà mà uống, ở đây dù là ai cũng không được uống.

Thế này là thế nào? Tôi vừa nói gì nhỉ? Tôi vừa nói nguyên tắc 4 và 1 phải không? Tôi đã nói rồi phải không? Tại sao không nghe, tại sao lại làm nhiều thế này? Này, anh định dọa ai đấy? Chẳng lẽ chúng ta ở đây, có ai chưa từng ăn, chưa từng thấy. Chúng ta đến đây họp, thảo luận và giải quyết vấn đề, không phải đi dự tiệc. Trong các anh có ai là người đến đây để ăn không? Tôi thấy không có. Tôi không tin mọi người lại giác ngộ thấp đến thế. Chúng ta đều là cán bộ lãnh đạo. Chẳng lẽ chúng ta không phải là cán bộ lãnh đạo sao?

Tại sao lại có rượu ở đây? Thế này là thế nào? Chủ nhiệm Lưu, anh làm cái gì thế này? Lúc nãy tôi nói thế

nào? Tôi đã nói, không được uống rượu. Các anh không nghe tôi, đích thị các anh không nghe tôi. các anh nghĩ thế nào đây? Tôi không nghe anh giải thích. Tôi biết "Ngũ lương dịch" là danh tửu. Tôi biết bây giờ khó mà tìm mua được "Ngũ lương dịch" chính cống. Anh đừng có tưởng đến việc đó tôi cũng không biết. Tất nhiên là tôi biết, còn biết gấp trăm vạn lần anh. Ngày trẻ, tôi đã từng uống rượu ở trong Trung Nam hải, uống "Mao đài" nhé. Tôi đã từng chạm cốc với X.X., còn chạm cốc cả với X.X.X. Lúc đó quan hệ hoàn toàn là tình cảm giai cấp, chứ không như bây giờ, rượu thì lên giá, còn tình cảm giai cấp thì xuống giá. Chủ nhiệm Lưu, anh đừng có giải thích. Giải thích mà làm gì. Khi thì giấu sao được đuôi. Thôi được rồi, đã bầy ra rồi thì thôi, mọi người uống một chút, uống một chút thôi để vui, không được uống nhiều. Có điều là tôi không uống. Tôi đã nói rồi, không muốn nói lại nữa. Tôi là người theo chủ nghĩa cai rượu, một giọt cũng kiên quyết không uống.

Làm sao thế này, tôi đã nói rồi, tôi không uống rượu, tại sao lại rót cho tôi? Tôi cai rồi. Tôi đã cai rồi. Các anh đừng có nài ép. Nài ép cũng vô dụng thôi. Nói cho các anh biết, tôi không sợ rượu. Tôi uống được, uống rất được. Mười năm trước đây, một lần tôi có thể uống hết một bình rượu "Nhị qua đầu". Các anh, ai có được bản lĩnh ấy? Tôi xem ra chẳng có ai cả. Ngày trước chúng tôi uống

rượu là vì công việc, tất nhiên bây giờ cũng vậy, nhưng tình hình không giống như trước nữa. Phức tạp thêm nhiều rồi. Tôi biết "Ngũ lương dịch" ngon hơn "Nhị qua đầu", không thể so sánh được. Nhưng "Ngũ lương dịch" chẳng lẽ không phải là rượu ư? Vẫn là rượu mà. Không rõ các anh có ý thức được vấn đề này không? Đó là vấn đề triết học. Chủ nhiệm Lưu, anh cất rượu của tôi đi, cho tôi nước khoáng. Nước khoáng gì cũng được, trong sinh hoạt tôi là người không ưa xét nét.

Các anh đặt tôi vào thế khó xử quá. Các anh đã chiếu tướng tôi. Chủ nhiệm Lưu, mọi người đã bầy đặt trước phải không? Không ư? Tôi nghi ngờ lắm. Những vấn đề của Trung Quốc, có đến 90% cần phải nghiên cứu phân tích, không thể vội vàng kết luận ngay. Tất nhiên tôi không làm ra vẻ quan cách. Các anh thấy tôi quan cách ở chỗ nào? Trước cuộc họp tôi đã ngó qua rồi, phần lớn xe của các anh tốt hơn xe tôi mà. Tôi không so kè với các anh, không ghen tị với các anh, chẳng qua đó chỉ là một cách so sánh để mà so sánh. Tôi không giấu diếm, tôi có thể nói với các anh rằng, xe tôi vẫn dùng chung đấy. Lãnh đạo chúng tôi thay nhau dùng, không có ai dùng riêng. Tôi không như các anh cố chạy vạy kiếm xe tốt. Tôi nói cho các anh biết, nếu muốn, tôi cũng làm được. Nhưng tôi không làm.

Các anh làm kẹt cho tôi quá. Các anh biết rằng, phàm những vấn đề không phải nguyên tắc, bao giờ tôi cũng nhường nhịn các anh. Vậy là các anh bức tôi. Tất nhiên đây không phải vấn đề nguyên tắc. Tôi hiểu các anh. Các anh bạn đồng chí bầy trò mượn gió bẻ măng. Một kiểu thông minh vặt. Các anh chỉ biết thông minh vặt, sao không thông minh ở những vấn đề to lớn, cần phải làm rõ phải trái. Tôi có lúc ân hận một nỗi, sắt không luyện được thành thép. Nhiều khi lo việc mất ăn, mất ngủ. Thôi bây giờ không nói chuyện ấy nữa, đợi lên hội nghị nói. Bây giờ đáp lại mong muốn của các anh, tôi chạm với các anh một ly. Nhưng tôi xin nói trước chỉ một ly thôi. Chủ nhiệm Lưu, anh ghi giúp tôi điều tôi vừa nói, nhờ anh giám sát, nếu có ai đến chúc rượu tôi, xin anh mời đi cho.

Chào anh Âu Dương! Không phải tôi không nhận ra anh. Chỉ vì lúc đó vừa mới khai mạc, không khí còn đang nghiêm túc. Sức khỏe anh vẫn tốt chứ? Anh vẫn tập khí công phải không? Bộ trưởng Trọng mới đây gọi điện cho tôi, nhắc tôi phải quan tâm đến anh nhiều hơn nữa. Quan tâm đó là trách nhiệm. Anh là tài sản quý báu của chúng tôi, là nguồn vốn không dễ kiếm được. Con người là vốn liếng quý giá, điều đó không phải do tôi nói mà là chính Mác nói. Anh có thể tìm thấy nguyên văn trong Các Mác toàn tập. Đúng, anh nói rất phải, có lúc chúng ta đã lãng

phí khá lớn nguồn vốn này, kho vốn của chúng ta quá lớn mà. Chủ nhiệm Lưu, anh ghi nhớ lời anh Âu Dương. Tôi thay mặt lãnh đạo cám ơn lời góp ý thẳng thắn của anh. Việc đó chúng tôi đang nghiên cứu, chúng tôi sẽ nghiên cứu cẩn thận. Khỏi phải cám ơn, đó là trách nhiệm của chúng tôi. Nhiệm vụ của chúng tôi là nghiên cứu, nếu không Đảng và nhân dân cần đến chúng tôi làm gì. Rượu tôi không uống nữa đâu. Lúc nãy tôi đã nói rồi mà, anh không thể bắt tôi nuốt lời. Tôi không có ý nói thế, thật không có ý nói thế. Tất nhiên không thể để cho anh nghi được. Có thật tôi tôi đã nói để cho anh nghi không? Anh Âu Dương, anh vẫn giữ được tác phong trẻ trung, anh làm cho tôi nhớ lại những cuộc đấu tranh hừng hực khí thế ngày nào. Tôi cảm động lắm. Cứ nghĩ đến những ngày đó là tôi lại xúc động. Điều đó nói lên tại sao tôi quý trọng các đồng chí già. Đó là truyền thống tốt đẹp của Đảng chúng ta. Truyền thống tốt đẹp thì cần phải giữ gìn. Tôi thấy tôi chỉ có thể uống được ly này. Có lúc vì đại cục ta phải hy sinh lợi ích nhỏ bé của cá nhân. Tôi nghĩ mọi người chắc sẽ nhận thấy như vậy. Nhưng chỉ nhận thức chưa được, còn phải hành động. Chỉ nói không làm thì là con số không.

Cậu Chu, cậu không tới thì tôi cũng tới tìm cậu. Tôi biết cậu một mực chờ ở ngoài, khi hội nghị khai mạc rồi,

mới vào. Tôi không phê bình cậu. Từ trước tới nay, tôi không phê bình ai một cách tùy tiện. Phê bình không phải là phép thần thông, không thể tùy tiện đem dùng. Phê bình dùng để làm gì? Chúng ta đã phê bình mấy chục năm, nghiên cứu ra cả một thứ lý luận về phê bình, dùng để làm gì? Có những việc anh càng phê bình, càng phát triển nhanh, giống như cỏ dại. Đối với cỏ dại, phê bình thì có tác dụng gì? Phải có thuốc diệt cỏ. Cậu đừng có đánh lạc vấn đề. Trên hội nghị tôi đâu có nhắc tên cậu, nhưng tôi có thể nói cho cậu biết, tôi nói chính là nói cậu đấy. Tôi không thích nghe hứa hẹn, hứa hẹn có ích lợi gì. Cái chính là hành động. Tôi không thể tin được cậu ở trong đảng đến ngần ấy năm, ngay đến làm một anh trí thức cũng không xong. Tất nhiên cậu đã tốt nghiệp đại học, là phần tử trí thức, nhưng đầu tiên cậu là một cán bộ lãnh đạo. Bất cứ lúc nào cậu cũng cần phải nhớ điều đó. Nếu cậu không nhớ cậu sẽ phạm sai lầm. Sai lầm không sợ, chỉ sợ không dám sửa sai lầm. Vấn đề này cậu phải quyết tâm sửa chữa. Tất nhiên tôi tin cậu, nếu không mọi việc tôi đã tự mình làm. Tôi không phải phật nghìn tay, cái gì cũng làm. Đó là vấn đề phân công, thuộc về phạm trù quản lý. Tôi nghĩ chúng ta làm cán bộ lao động rất nên học một chút về khoa học quản lý. Anh không học khoa học, không nắm được khoa học quản lý thì anh sẽ lạc hậu, sẽ bị đào thải. Tôi tất nhiên tín nhiệm và hiểu

cậu. Chả lẽ tôi không tín nhiệm và không hiểu cậu sao? Tôi đâu có đánh chó để dọa chủ, hơn nữa cậu cũng chưa đến nỗi nào. Nếu cậu hư hỏng thì tôi sẽ trị cậu, trị thẳng tay không thương xót. Nam nhi phải cứng rắn. Cậu hãy nhớ lấy. Tôi sẽ uống với cậu một ly, để tỏ rõ lòng tin và sự thông cảm của tôi với cậu. Tấm lòng đau đáu của tôi gửi trong chén rượu này.

Cậu Cao lại đây nào. Chúng ta không uống rượu thì chúng ta nói chuyện. Cậu ngồi xuống đây. Tôi ngồi bên cạnh cậu. Cậu đừng học theo bọn họ. Cậu là đơn vị tiên tiến. Cung cách của họ cậu không học được, có học cũng không thể dùng, vậy học để mà làm gì? Liệu có nói lên được cái gì không? Chẳng nói lên được cái gì cả. Tôi không nghĩ rằng thành tích của các cậu là do uống rượu mà nên. Cậu thấy tôi nói vậy có đúng không? Tôi trưởng thành từ cơ sở lên, tôi hiểu rõ tình hình bên dưới, không gì có thể qua mắt tôi được. Này Cao, cậu bỏ ly rượu xuống, tôi không thích cái kiểu cầm ly của cậu. Không nên học cầm ly rượu mà nên học nâng cúp tặng thưởng. Cúp có thể đựng được bao nhiêu rượu, cậu thử coi, được một cân rưỡi, không vơi, không tràn. Tôi đã thử rồi. Tất nhiên tôi không đòi hỏi cậu lấy cúp để đong rượu. Tặng thưởng đó là vinh dự, không thể so sánh với rượu được. Rượu thịt trôi qua họng rồi biến, vinh dự thì khắc sâu vào tim. Cậu

có thể uống hết 10 cân rượu, rồi thì sao? Cậu chẳng qua cũng chỉ là một con sâu rượu. Cậu nhận một cúp danh dự, cấp trên để ý đến cậu, đồng nghiệp trân trọng cậu, nhân dân hoan nghênh cậu. Chúng ta làm việc để làm gì, chẳng phải để nhân dân hoan nghênh? Tôi không có ý nói, chúng ta cần sự hoan nghênh của nhân dân. Đó không phải là mục tiêu cuối cùng của chúng ta. Mục tiêu cuối cùng của chúng ta đã được ghi trong điều lệ Đảng, tất cả chúng ta ở đây đều thuộc. Hoan nghênh cũng cần phải phân tích, cũng cần phải phân biệt đối xử. Có hoan nghênh chân thành, có hoan nghênh giả dối. Vì vậy chúng ta luôn phải giữ cho đầu óc mình tỉnh táo, đừng vì một vài lời khen ngợi mà siêu lòng. Người lãnh đạo phải nắm những vấn đề vĩ mô, cũng giống như người lái xe cần nắm vững tay lái. Tôi nói lái xe không phải là nói lái xe làm công việc kỹ thuật đơn thuần. Lái xe không phải là lãnh đạo. Lãnh đạo không thể vơ hết vào mình. Lãnh đạo phải đứng đằng sau, phải thẳng cánh từ chối những sự ca tụng, phải nâng đỡ, đề cao những đồng chí làm những công việc cụ thể. Điều đó có nghĩa là gì? Cậu Cao, thế là thế nào? Từ trước đến nay, tôi luôn ủng hộ cậu. Lẽ nào tôi lại không ủng hộ cậu? Không những ủng hộ mà còn khuyến khích mạnh mẽ. Được rồi, tôi với cậu cạn với nhau một ly, tôi có thể tuyên bố một cách thật rõ ràng, thật hùng hồn rằng, đối với những cán bộ hết lòng vì sự nghiệp, bao giờ

chúng tôi cũng có một sự đối đãi đặc biệt. Nào, chúng ta cạn.

Anh Đói, anh đừng khách khí thế. Anh khách khí mà làm gì. Anh là khách của chúng tôi. Khách có nghĩa không phải là chủ. Vấn đề này quyết không được làm lẫn lộn. Chúng tôi mời anh đến là để học tập các anh, là mong các anh đem đến cho chúng tôi những kinh nghiệm quý báu. Những kinh nghiệm tốt của các anh chúng tôi sẽ học, những bài học thất bại của các anh chúng tôi sẽ lấy đó làm răn. Cẩn thận trước đầu xe. Người trước ngã, người sau tiếp. Ý tôi muốn nói là, sự nghiệp mà chúng ta đang theo đuổi là sự nghiệp vĩ đại của người trước ngã, người sau tiếp, chúng ta phải luôn luôn tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm. Anh khiêm tốn quá. Anh cẩn thận quá. Anh kín đáo quá. Điều đó làm cho tôi rất cảm động, làm tôi giác ngộ rất nhiều. Chỉ riêng điều đó cũng đáng để cho chúng tôi học tập rồi. Tôi không chạm cốc với anh. Tôi biết anh uống được. Anh Đói, anh uống được. Về mặt uống rượu anh có tiếng mà. Tôi không nói những mặt khác anh không có tiếng. Tôi cũng không nói danh tiếng của anh ở những mặt khác là giả. Tôi muốn nói là, uống rượu vào anh càng rất là anh. Tôi không nói hàm hồ, tôi không gây trò cười. Tôi có tình báo. Tình báo của tôi là loại tình báo chính cống. Anh Đói, ở điểm này anh

dừng có khiêm tốn. Anh càng khiếm tốn lại càng không khiêm tốn. Anh đã lên gân rồi đấy. Việc nhỏ đừng nên quan trọng hóa, một khi quan trọng hóa thì nó trở thành vấn đề nguyên tắc. Uống rượu không phải là một vấn đề nguyên tắc. Nó căn bản không phải là một vấn đề. Tôi đã hiểu, công việc của các anh được tiến hành như thế nào. Các anh luôn luôn lên gân. Các anh đi trên dây thép. Nhưng điểm này thì chúng tôi không học. Tôi có thể nói thẳng với anh, chúng tôi không học các anh điểm đó. Chúng tôi không phải không học tập các anh. Học tập thì vẫn phải học tập. Nhưng cần phải xem học cái gì. Chúng tôi không học tập cũng có cái lý của nó. Cái gì cũng có cái lý của nó. Đảng Cộng sản luôn luôn chú trọng hai chữ "nhận chân", luôn theo đuổi hai chữ chân lý. Vậy là anh đã đặt vấn đề lên bàn rồi đấy. *Vạn biến bất ly kì tông. Dĩ bất biến ứng vạn biến*. Anh Đới, anh có kinh nghiệm. Anh đã trải hàng trăm trận, thương tích đầy mình. Ý tôi muốn nói là, anh rất có bản lĩnh. Được rồi, tôi tiếp thu đề nghị của anh, vì sự nghiệp chung của chúng ta, tôi cạn ly này.

Anh Ngô hả? Không phải à? Thế thì là anh Lữ. Cũng không phải. Anh xem trí nhớ của tôi thế đấy. Trí nhớ của tôi vốn không tồi. Tôi luôn tự hào về trí nhớ của mình. Xuất thân là thư ký, nhớ là nghề nghiệp mà. Nhưng đôi khi cũng có sai sót, chẳng hạn như bây giờ, tôi không nhận

ra anh. Ba ngày không hát, hát thấy ngượng mồm; ba ngày không luyện bút, viết thấy ngượng tay. Người thông minh nghĩ ngàn việc cũng có việc sai. Ngựa thiên lý cũng có khi hụt bước. Tôi không nói tôi hụt bước vì tôi không là ngựa. Sự việc là như thế này, nếu không có gốc thì làm sao có ngọn. Đó là vấn đề logic. Đó là một vấn đề học vấn hết sức lý thú. Đến lúc anh sẽ biết, bản thân chúng ta là logic. Cũng có lúc không logic, đương nhiên. Nhưng chúng ta không thể nhụt chí, không thể mất lòng tin, dù có sai cũng không vứt bỏ. Không phải không vứt bỏ sai lầm, mà không vứt bỏ niềm tin. Đó là hai mệnh đề khác nhau về căn bản. Lãnh đạo có nhiều việc? Đúng là lãnh đạo có nhiều việc, nhưng không thể lấy đó làm cớ bào chữa cho sai lầm. Chúng ta là con người chứ không phải thần thánh, chúng ta đương nhiên khó tránh khỏi sai lầm. Phạm sai lầm không có gì đáng sợ, sửa chữa là xong. Phạm phải sai lầm, sửa chữa thì vẫn là đồng chí tốt. Anh sửa chữa sai lầm, chúng tôi còn hoan nghênh anh, còn tạo cơ hội cho anh. Nếu anh không sửa chữa, nếu anh không tỉnh ngộ, anh sẽ trượt sang phía đối lập với chúng ta. Tôi không nói anh phạm sai lầm. Đương nhiên là anh không phạm sai lầm. Anh chỉ muốn đến chúc một ly rượu, thì làm sao có thể gọi là sai lầm. Nếu quả anh phạm sai lầm chúng tôi cũng sẽ cho anh cơ hội để sửa chữa. Phê phán trước, thương yêu sau. Trị bệnh cứu người. Trừng trị để răn đe.

Thái độ của chúng ta là như thế. Từ trước đến nay chúng ta đã tuyên bố rõ như vậy. Được được, dù anh có phạm hay không phạm sai lầm, dù anh tên là gì, tôi cũng uống với anh ly này.

Chủ nhiệm Lưu, anh đến đây làm gì? Anh định diễn trò gì thế? Cái bệnh cũ của anh. Anh là thích diễn trò lắm. Im lặng là vàng. Tôi xem ra anh không phải là vàng. Nếu là vàng thì đã đề bạt anh lâu rồi. Anh quá thích diễn trò. Anh không chịu được yên tĩnh. Anh sợ thiên hạ không loạn. Không phải tôi phê bình anh. Anh có năng lực, anh không phải loại đần, vì sao nào? Anh đừng có đánh trống lảng. Anh đừng có lúc nào cũng hì hì, hà hà. Vấn đề là ở đó. Ở vào tuổi anh tôi cũng mới chỉ là cán bộ cấp sở, nhưng tôi không hì hì, hà hà. Từ trước tới nay tôi không cười. Ngay đến cười tôi cũng không biết. Vì thế tôi mới được trọng dụng, vì thế tôi mới trưởng thành, mới tiến bộ. Anh xem đó có phải là một chân lý không? Đây là một kinh nghiệm quý, nói chung tôi không bộc lộ mình, không tiếp các nhà báo tham quan phỏng vấn. Tôi là người ngán các vị nhà báo, chưa bao giờ có cảm tình với họ. Họ đến tham quan, phỏng vấn, chiếm mất thời gian quý báu của anh, uống rượu với anh, xong phủi đít rồi đi, sau đó mới viết bài chửi anh. Đó là thứ tác phong gì vậy? Đó không phải là tác phong của chúng ta mà. Tác phong của

chúng ta là làm việc tốt cho mọi người, gác lại những việc nhỏ, đoàn kết trên cơ sở chung để cùng tiến bộ. Hôm nay có nhà báo ở đây không? Có phóng viên báo ngành của chúng ta không? Phóng viên của chúng ta thì không ngại. Phóng viên của chúng ta đều có giác ngộ, đều biết lắng nghe, là những đồng chí tốt. Vì thế có thể nói, một chia làm hai. Đó là chân lý. Dù bất cứ lúc nào cũng không được quên đó là chân lý. Chủ nhiệm Lưu, anh cũng một chia làm hai. Anh vẫn là một cán bộ tốt, nếu anh chịu im lặng, anh càng là một cán bộ tốt. Đây không phải là tôi phê bình anh. Phê bình anh tức là tôi yêu mến bảo vệ anh. Tôi không yêu mến bảo vệ anh thì anh không còn là chủ nhiệm Lưu nữa. Cảm kích à? Cảm kích thì phải uống rượu à? Đó là cái lý gì vậy? Chủ nhiệm Lưu, anh lộn xộn rồi. Anh làm tôi yêu cũng không được mà giận cũng không được. Xem ra ở đây có vấn đề. Hình như anh có âm mưu từ lâu rồi. Anh có ý đồ khác. Giương đông kích tây. Thí tốt giữ xe. Hạng Trang múa kiếm, nhằm chém Bái Công. Nhưng tôi không phải là Bái Công. Nếu tôi là Bái Công thì cũng là Bái Công của thời đại mới, không theo chủ nghĩa tông phái. Loại Bái công như thế mỗi người chúng ta đều sẵn sàng đảm nhận, càng nhiều càng tốt. Tốt, tôi khen ngợi anh có gan lớn, chưa đạt được mục tiêu quyết không chịu lùi. Anh có cách nghĩ, tôi thích những cán bộ biết suy nghĩ. Tôi nói thật với anh, chủ

nhiệm Lưu ạ, tôi thích khiêu chiến. Không có gì làm được tôi sợ. Ly rượu này tôi uống. Uống rồi thì làm sao nào? Ngược lại, tôi đang muốn chờ xem, anh còn trò gì nữa thì bầy ra đi.

Anh là người mới về cơ quan à? Đó là một bộ phận rất quan trọng. Chúng tôi luôn luôn quan tâm đến nó. Đã gặp hai lần rồi à? Tôi bận lắm, phải phụ trách toàn diện mà. Không phải một ngày phải làm hàng núi việc, mà là nếu sơ sẩy thì sai lầm có thể lớn như núi. Có những lúc thật khó nghĩ, đến bản thân mình cũng không làm chủ được, làm gì có phép phân thân. Chúng ta không phải là chúng ta, chúng ta không phải là bản thân mình nữa. Tôi không nói chúng ta và bản thân chúng ta không có quan hệ gì. Làm sao lại không có quan hệ? Tất nhiên là có quan hệ, hơn nữa còn quan hệ vô cùng trực tiếp. Ý của tôi muốn nói là, chúng ta đều là người của Đảng, chúng ta đều làm việc quên mình cho Đảng. Công tác có toàn diện và cục bộ. Đó là vấn đề phân công, nhưng rất quan trọng. Anh cũng có suy nghĩ như thế? Tại sao lại có suy nghĩ như thế? Anh biết đấy, có những lúc như thế này, chúng ta đã cân nhắc quá nhiều những vấn đề quan trọng, mà bỏ qua những chi tiết cuối cùng. Tôi rất cảm kích vì anh nhắc nhở tôi. Người nói không có tội, người nghe lấy đó răn mình. Có thì sửa chữa, không có thì rút kinh nghiệm.

Tôi rất vui cạn với anh một ly. Tôi hy vọng rằng anh sẽ đem quan điểm của tôi nói lại cho mọi người nghe, càng nhiều càng tốt.

Không, không đánh đố. Đó là trò nhảm nhí. *Hành tửu lệnh* cũng không được. Chúng ta không phải là lũ người lấy rượu làm vui, không thể mình tuột xuống như hạng người ấy được, không bao giờ được. Tôi biết các anh nói xấu sau lưng tôi, rằng ở nhà tôi với vợ tôi gọi nhau bằng đồng chí. Gọi nhau bằng đồng chí thì có gì không tốt? Lẽ nào chúng ta nhất định phải đem mối quan hệ hết sức nghiêm túc, hết sức thuần khiết biến thành dung tục thì mới tốt? Tôi nghĩ đó là thói tật xấu, không thể chấp nhận, cần phải loại bỏ nó. Nhưng tôi cũng không cần các anh phải loại bỏ bất cứ cái gì hết. Phải biết bỏ qua cái nhỏ mà nhìn đại cục. Nếu không biết bỏ qua cái nhỏ thì sẽ hỏng việc lớn. Những cái đó đều là kinh nghiệm. Chủ nghĩa kinh nghiệm có hại. Nhưng chúng ta không phải là chủ nghĩa kinh nghiệm. Chúng ta chủ trương xuất phát từ thực tế. Trăm hoa đua nở. Gạt bỏ những cái cũ lạc hậu, rút ra những cái bổ ích cho hiện tại. Chúng ta còn là đồng chí, tại sao không gọi nhau đồng chí? Lẽ nào nếu không thay bằng cách gọi ngài, đại nhân thì chúng ta không thể bắt tay chúc mừng nhau. Đó không phải là cải cách, hay ít nhất đó không phải là thứ cải cách mà chúng ta đề

xuống. Văn minh tinh thần vẫn cần phải nói, và còn phải nói mãi. Chúng ta sống trong trình độ cải cách, thời đại mà các thế hệ trước và sau chúng ta có muốn cũng không được. Bây giờ coi như đây là tôi đề nghị, vì cải cách, chúng ta cạn chén. Nhưng tôi xin bổ sung một câu, sau khi uống xong chén rượu này, tôi không uống nữa. Tôi còn phải phát biểu.

Con trai của Bộ trưởng Triệu à? Cậu tên là gì? Hình như tôi nhớ, cậu học ở Anh về. Ở Pháp à? Cũng vậy thôi, cùng là hai nước tư bản chủ nghĩa cả. Tuy nhiên cũng không thể bỏ chung một rọ. Chính quyền của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới là Công xã Pari sinh ra ở nước Pháp. Đó là phép biện chứng của lịch sử. Học tập tất nhiên là cần học tập rồi, nhưng phải có nguyên tắc. Chúng ta là những người có nguyên tắc. Học những cái chúng ta cần, đó là nguyên tắc của chúng ta. Chúng ta cũng có những cái của chúng ta. Chúng ta cũng có những cái để cho người khác học tập. Chẳng hạn như Lôi Phong (một tấm gương về gian khổ rèn luyện "thời kỳ cách mạng văn hoá" - ND). Hãy còn những món ăn của chúng ta. Cậu từ nước ngoài về, đương nhiên cậu biết một sự thật, các quán ăn Trung Quốc mọc lên khắp thế giới. Đều ở cấp độ thấp? Chẳng lẽ lại thế? Thì cứ coi như vậy đi, cũng không đơn giản nhé. Đó là thứ văn hóa đại chúng. văn hóa đại chúng

là thứ nhân dân thích thú, vì thế nó có sức hấp dẫn nhất. Chúng ta đừng quên, chúng ta là một quốc gia có 1,2 tỷ dân. Chúng ta đứng ở phía đại đa số nhân dân. Có rất nhiều việc cần sự giúp đỡ của bộ trưởng Triệu. Cậu bây giờ là người trong nhà. Không có địa phương chủ nghĩa, chỉ có Trung Quốc. Nước Trung Quốc là một chính thể, chúng ta không bao giờ được quên điều này. Quên điều này là phản bội, là chia rẽ. Hương Cảng chẳng phải chúng ta sắp thu rồi sao? Áo Môn rồi cũng thế. Đài Loan luôn luôn là một bộ phận của Trung Quốc. Chúng ta kiên trì nguyên tắc này. Bộ trưởng Triệu là vị lãnh đạo rất trọng tình cảm. Tôi nghĩ rằng đó là phẩm chất ưu tú của gia đình cậu. Đó là di truyền. Lý luận về huyết thống đã phân biệt một cách khoa học là, có loại huyết thống tốt và có loại huyết thống xấu, trong làn sóng kinh tế thị trường, chúng ta phải giữ cho đầu óc mình tỉnh táo. Có lẽ chúng ta nên tìm một cái lý do gì khác để uống? Một lý do cá nhân. Không phải là lãnh đạo. Chúng ta không nói những lời của lãnh đạo. Lãnh đạo không phải là rượu. Tất nhiên cũng có lúc là rượu, nhưng tôi không nói lãnh đạo là rượu. Không phải cái ý đó. Tôi muốn nói là, lãnh đạo thường phải tiếp xúc với rượu. Lại còn những văn kiện và hội nghị. Người ta nói "văn kiện núi, hội nghị biển", người ta cũng nói "ao rượu, rừng thịt". Đúng rồi, chính là cái ý ấy. Người Trung Quốc thật thâm thúy, lời ngắn ý dài, đố thanh

giảng tục. Đó là sự thâm thúy của người Trung Quốc. Người Pháp có sự thâm thúy ấy không? Thôi được, nếu cậu đã quyết, thì chúng ta uống ly này. Nhưng không thể uống không như thế, có một điều kiện. Không thể mù quáng. Không thể bỏ qua nguyên tắc. Tôi hy vọng vào một lúc thích hợp, cậu sẽ chuyển lời thăm hỏi của tôi tới bộ trưởng Triệu.

Chủ nhiệm Lưu, anh nghe đây, tôi không thể uống nữa. Dù ai tới cũng không uống, tôi nhớ chúng ta còn có việc, còn họp mà? Cái đó tôi không quên. Tôi lại có thể quên sao. Có bao nhiêu việc lớn đợi chúng ta giải quyết, đợi chúng ta xử lý. Giờ tôi không đợi. Một vạn năm quá dài, chỉ đợi qua một đêm. Tôi sống đợi ngày mai, muôn sự thành vô ích. Chúng ta còn đợi cái gì nữa? Ăn cơm? Đúng rồi, bây giờ chúng ta đang ăn cơm. Có những lúc chúng ta cực bận. Bận bù đầu, quên cả ăn, ba tháng tôi không biết đến mùi thịt. Đúng là như thế. Hội nghị này họp thật đúng lúc. Đó là hội nghị đoàn kết, hội nghị thắng lợi, hội nghị tiến bộ. Bây giờ tôi tuyên bố...

Cái gì thế này? Sao lại đến nữa? Tôi đã nói rồi mà, hội nghị đã kết thúc rồi, giải tán. Giải tán là không uống nữa. Đó là một vấn đề hết sức rõ ràng và đơn giản. Đó là vấn đề chúng ta cần nhận thức thêm. Khăn mặt. Cảm ơn.

Ư ừ, cô tên là gì? Cao Khiết? Cao là cao sang. Khiết là thuần khiết. Rất tốt. Tên rất hay. cái tên rất có tính triết học. Cái tên khác hẳn với những cái tên khác, tạo cho người ta một sự tưởng tượng phong phú. Cô là công vụ của cơ quan? Bộ phận sự nghiệp cũng có công vụ à? Sao tôi không biết nhỉ? Tại sao tôi lại chưa gặp cô? Chủ nhiệm Lưu, sao anh không báo cáo? Giấu giếm đó là một vấn đề lớn đấy. Tôi muốn nói là, cái không cần báo cáo thì các anh báo cáo, cái cần báo cáo thì các anh không báo cáo. Lập lờ lộn xộn, đầu lừa mõm ngựa, treo đầu dê bán thịt chó. Cô Cao, tôi không nói cô, cô không phải là thịt chó, tôi cũng không phải. Đó không phải lỗi của cô. Cô không thể có lỗi, tôi nhìn cái là biết, cô có những phẩm chất rất đáng quý, nếu không cô không gọi là Cao Khiết. Điều đó có lý, có thể tìm ra quy luật. Đương nhiên cô cũng có sai sót. Sai sót của cô là cô chưa làm việc đến nơi đến chốn. Thế nào gọi là công vụ? Công vụ phục vụ công cộng. Là định nghĩa đó phải không? Tôi không phải là người biết tuốt, không phải là người thông kim cổ. Tôi là loại người đọc cả đống mà chỉ nhớ được một vài điều. Ý tôi muốn nói, tôi rất chú ý nắm bắt những thông tin đang diễn ra phức tạp. Thời đại của chúng ta là thời đại bùng nổ thông tin. Công vụ là thông tin. Cô cũng là thông tin. Cô là thông tin nên không thể lẩn tránh. Nếu cô lẩn tránh cô không phải là người công vụ. Tiếp thu phân biệt

ư? Cô thấy tôi nhìn người không nhầm, đúng không? Tôi biết cô là Cao Khiết là rất có lý. Tên cô phải là như thế chứ không thể là tên khác. Tiếp thu phê bình thì cô phải uống trước ba chén. Đảng chúng ta thường xuyên phản đối nói suông. Nói suông có thể làm chết người. Đảng ta rất thực tế. Nếu như cô thừa nhận cô là tin tức thì cô phải uống rượu trước. Nếu cô uống, cô sẽ là cô Cao, một cô Cao triết học, một cô Cao tin tức. Tôi biết nói chuyện phải không? Tôi hiểu công vụ phải không? Không phải tôi phê bình cô, các cô gái xinh đẹp như cô làm cho mọi người rất thích, các cô làm cho mọi người thích thì các cô mới là công vụ. Tôi không thế. Tôi tất nhiên không thế. Cô biết nói chuyện lắm. Cô Cao, cô biết nói chuyện lắm. Cô còn biết nói chuyện hơn cả chủ nhiệm Lưu. Đúng là đi sau đến trước, sóng sông Trường Giang lớp sau đè lớp trước, thế hệ sau mạnh hơn thế hệ trước. *Số phong lưu nhân vật. Hoàn khán kim trào.* Tôi không phải nhà thơ, thời trẻ tôi cũng có làm thơ. Thời trẻ tôi lãng mạn lắm. *Thiện kim tán khứ hoàn phúc lai...* Không phải thơ của tôi, của Lý Bạch đấy. Những câu như thế tôi thuộc rất nhiều. Tôi không phải thơ, tôi là rượu. Tôi nói là tôi có nghiên cứu kỹ về rượu. Tôi nhìn là biết ngay thật hay giả. Ý tôi là, nhìn cái tôi biết ngay rượu thật hay giả. Tôi chưa bao giờ uống rượu giả. Tôi thích cái gì chân thực. Tôi không uống, còn cô phải uống. Uống rượu rồi nói lời thật.

Rượu không làm say người thì người tự say. Cô Cao, cô uống đi, cô phải uống. Đúng rồi. Cô thật dũng cảm. Chủ nghĩa duy vật triệt để không sợ một cái gì cả. Cô dũng cảm, tôi dũng cảm, chúng ta sợ cái gì nữa. Tôi không nói, tôi sẽ uống cùng cô một ly. Trong mọi trường hợp chúng ta phải tôn trọng phụ nữ. Chúng ta sống trong một xã hội văn minh, không được coi khinh phụ nữ. Chúng ta coi khinh phụ nữ là tự coi khinh mình. Vì rằng chúng ta đều do phụ nữ sinh ra. Có thể so với trứng gà do gà đẻ ra. Trứng có trước hay gà có trước, vấn đề đó cần được chúng ta suy nghĩ kỹ. Cái gì một mà thành hai? Cái gì việc tốt thành đôi? Bậy nào, ở đây có ý khác, có thể chúng ta bị mắc lõm. Thôi không nói việc tốt. Không nói thành đôi. Những lời đó không được nói. Nhưng không có nghĩa là không được làm. Không được nói, không có nghĩa là không có gì để nói. Có rất nhiều lý do. Nếu so sánh một chút, tôi thích cách nói đối phòng. Thế nào, cách nói đó hàm xúc đấy chứ? Cô Cao, chúng ta đổi phòng đi.

Chủ nhiệm Lưu, anh đến làm gì vậy? Họp à? Họp gì vậy? Chúng ta có gì cần họp? Chẳng phải chúng ta đang họp đây à? Không có việc gì quá lớn, không có cái gì không giải quyết được. Tôi tin chắc chắn. Tôi thích đối đầu. Tôi thích đi vào bản chất. Tôi thích những trận đấu ác liệt. *Vạn lục tùng trung nhất điểm hồng. Vạn hoa tề*

phóng. Tóm lại tôi muốn dấy lên một cao trào mới. Chủ nhiệm Lưu, anh mang bình rượu lại đây. Không phải bình đó. Mắt tôi tinh lắm. Tôi tâm sáng mắt tinh, nhìn thấu tất cả. Đó là bình nước lọc, không phải rượu, tôi là rượu.

Tốt rồi, bây giờ bắt đầu từ bàn của các anh.

Bắt đầu từ đầu!

HÀ PHẠM PHÚ *dịch*
(Rút từ tạp chí *Nhà văn Trung Quốc* số 1 - 1997)

ĐIỀN ĐỒNG

HÀNG XÓM

Ở một phố nhỏ trong một thị trấn nhỏ, có bốn gia đình cùng sống trong một khu tập thể nhỏ. Bốn nhà Trương, Vương, Lý, Triệu đều là bốn nhà hết sức phổ thông, hết sức bình thường, không có gì đặc biệt, đều là láng giềng tốt. Khu tập thể nhỏ đó thật bình lặng.

Đột nhiên gần đây có chuyện...

Mấy con người trong cái khu tập thể nhỏ bé này, dù nửa đêm có nằm mơ cũng mơ không thấy cái chuyện giữa đám người hết sức phổ thông, hết sức bình thường như họ lại nẩy nòi một anh chàng làm họ ngứa mắt, dám làm cái việc kinh thiên động địa viết ra hẳn một tập kịch bản điện ảnh.

Cái khu tập thể nhỏ bé kinh động như là bị nổ bom: Anh ta viết kịch bản điện ảnh! Trời ơi là trời, chị thử nghĩ xem, người viết kịch bản điện ảnh ít nhất cũng phải ở thành phố lớn, ở nhà cao cửa rộng, ít nhất cũng phải có cái gì đó khác với mọi người... Đằng này lại là cái anh chàng họ Triệu, ở trong cái khu tập thể nhỏ bé, ở cái thị

trấn nhỏ bé này!

Anh họ Triệu làm nghề chiếu bóng. Anh ta chẳng qua chỉ là một nhân viên chiếu bóng. Cao không đến một mét sáu mươi. Người trong khu tập thể chưa bao giờ thấy anh ta đi giầy da, càng không thấy anh ta mang kính. Cả ngày không nói được một câu ra hồn, đi đứng chẳng có tư thế. Thế mà anh ta viết kịch bản điện ảnh! Có thật là anh ta không?

Vâng đúng là anh ta. Chị không tin cũng không được. Xưởng phim đã có thư cho anh ta. Mấy ngày nay tên anh ta được nhắc đến khắp thị trấn. Cái hôm anh ta nhận được thư, chính mắt vợ nhà Vương nhìn thấy những chữ đỏ trên bì thư.

Mọi người trong khu tập thể kinh ngạc và bàn tán không ngừng. Thử nghĩ xem, bọn họ hàng ngày cùng ở một khu nhà, cùng ăn cơm như nhau, cùng nói giống nhau, cùng đi làm, cùng ra cổng, vào cổng... vậy mà anh ta lặng lẽ đột ngột tách ra... Hơn nữa còn nghe nói, viết một tập kịch bản có thể được mấy vạn đồng.

Mọi người đều lè lưỡi, không biết sao, trong ngực còn có cái gì đó tấm tức như có con sâu con bọ chui vào!

Đặc biệt là đám đàn bà, các mụ vợ của các ông Trương, Vương, Lý. Các mụ sau hồi kinh ngạc, liền nghĩ đến mình, không nhịn được cùng buồn rầu nói:

- Con mụ vợ lão Triệu sao tốt số thế, coi như kiếm được chồng đáng tấm chồng!

Hãy còn một câu thật khó thốt ra miệng, ấy là tự tiếc cho mình, sao không kiếm được người chồng như tay Triệu. Hãy coi vợ tay Triệu, chân tay lóng ngóng, mặt mới tối làm sao, lại văn hóa thấp, mùa hè thì bán kem, mùa đông bán ngô nướng... Mụ ấy mà xứng với lão ấy à?

Mà nói đi cũng phải nói lại. Cái tay họ Triệu này thật là hồ đồ, đi viết kịch bản điện ảnh làm gì? Chiếu phim mới chính là việc của anh ta. Anh ta lao đi làm cái việc trái nghề trái nghiệp mới khiến người ta không chấp nhận. Lãnh đạo đơn vị làm gì mà không quản lý anh ta?... Vả chăng, anh ta viết một tập kịch bản phim thì có gì là ghê gớm, chả phải làm phim sao! Được rồi, khi nào rạp chiếu bóng chiếu cái phim ấy, chúng ta đừng ai đi coi...

Càng bàn tán ba bà vợ càng tức khí, càng tâm đầu ý hợp, xem ra chưa bao giờ như thế. Cái cặp nhà Triệu, chồng cũng như vợ sao khó coi thế! Sao chúng mình lại có thể cùng sống với loại người ấy trong một khu tập thể nhỉ? Thật tức muốn chết...

Thế là từ đó gia đình nhà Triệu sống trong khu tập thể như sống trên đảo hoang. Hai vợ chồng nghĩ nát nước cũng không hiểu nổi vì sao bị láng giềng ghét bỏ.

Vợ chồng nhà Triệu lùi thủi sống như thế hơn một

tháng, cũng có thể là ba, bốn tháng. Đột nhiên một hôm, nhân viên bưu điện đứng ở cổng réo to tên nhà Triệu, một tay giơ cao gói bưu phẩm lớn.

Đó là một phong thư to hiếm thấy, ngay lập tức thu hút con mắt của mọi người trong khu tập thể (nói chính xác ra thì đó là con mắt của ba bà vợ). Lúc đó nhà Triệu không có ai. Ba bà vợ đều thò cổ ra nhìn, không hẹn mà cùng nhau bước ra phía cổng.

Bì thư lớn tất nhiên lọt vào tay ba bà.

Ái dà! Xưởng phim đây. Ba người phụ nữ giật thót mình. Trời ơi, to dày thế này, chắc là mấy chục vạn đồng gửi cho tay Triệu đây?

Ba cặp mắt nhìn chăm chắm vào chiếc phong bì lớn, hồi hộp đến nghẹt thở.

Bỗng có một phát hiện lớn: Lạ quá, sao miệng bì thư lại không dán kín, chỉ đóng có hai chiếc đinh ghim.

- Đưa cho lão ta xem xem! Vợ Trương hấp tấp nói.

- Khoan đã, để tôi đóng cổng cái đã! Vợ Vương quả là người có mưu.

Vợ Lý cắn chặt môi vì lo lắng.

Ba người cẩn thận mở chiếc bì thư. Ối trời ơi là trời, cứ ngỡ là tiền hay là cái thứ gì gì đó, hóa ra là "Bản thảo trả lại"! A ha, trả lại rồi, làm mãi, thế là coi như thất bại.

- Thật là trò cười! Bộ anh ta không thất bại mà thành công được sao? Tôi đã biết từ lâu, anh ta không làm được mà. Gà mà đòi bay như chim.

Ba người đàn bà cùng hoa tay múa chân cười lớn. Mấy tháng nay, nơm nớp lo, mặt buồn rười rượi, giờ cười cho sướng.

Kể cũng lạ, từ ngày đó trở đi, nom vợ chồng nhà Triệu ai cũng thấy thuận mắt cả, chả có chỗ nào dị dạng.

Và chả lâu la gì, khu tập thể có bốn hộ lại sống với nhau thân thiện như trước, ngày tháng lại bình lặng trôi đi.

HÀ PHẠM PHÚ *dịch*

ĐỒNG TUẤN LUÂN và GIANG NGUYÊN

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA NHỮNG NGHỆ NHÂN

Ngày xưa có hai người thợ đá, họ đục đá ở trong núi, từ sáng đến chiều, năm này qua năm khác.

Năm đó, đã vào giữa thu, tháng mười âm lịch, cây đã rụng hết lá và hoa cúc cũng đã tàn. Hai người thợ đang gặm bánh khô và uống nước máy. Một trong họ, Hai Trương thở dài bảo:

- Tháng sáu với người nghèo chúng ta, dễ chịu hơn cả, mùa đông thì thật gay go. Trời chớm rét mất rồi.

Người kia, Ba Vương ngồi im lặng, lông mày cau lại, nghĩ ngợi một lúc lâu rồi nói

- Ông bạn ạ, mình quyết định đi xa vì ở đây, làm lụng vất vả mà nghèo suốt năm chí tối.

Trương đáp lại không chần chừ:

- Đúng đấy, chúng ta lên đường ngay hôm nay đi!

Họ không đất, không nhà, không có một thú vật nào cho ra tiền mà cũng chẳng có gì vướng víu. Nói là làm, họ lên đường. Trên đường họ gặp hai bác thợ giầy, họ hỏi:

- Này các bác thợ đá, đi đâu mà vội thế?

Trương vội giải thích:

- Anh Ba Vương của tôi quyết đi đến một nơi xa để ăn no, mặc ấm.

Hai bác thợ giầy đồng thanh, vui vẻ nói:

- Hàng ngày chúng tôi đóng giầy, mà chẳng sắm nổi một đôi giầy mà đi. Cho chúng tôi theo với! Vương và Trương đem theo hai người thợ giầy, tiếp tục đi. Dọc đường họ gặp hai bác thợ may gái chuyên may áo cho nhà giầu, hỏi họ:

- Này những người anh em, đi đâu mà vội thế?

Hai bác thợ may trả lời vui vẻ:

- Chúng tôi may áo cho người ta suốt ngày, mà tấm áo che thân cũng không có. Cho chúng tôi theo mấy, người anh em.

Họ lại cùng đi. Càng đi, người nhập bọn càng đông, trong số đó, đám thợ thủ công các loại, hai người thợ đá đếm đã tới vài trăm.

Họ rầm rập kéo đi như thể đợt sóng thủy triều. Có người trong số họ không biết là mình đi đâu. Đi suốt một ngày, họ chẳng thấy làng mạc, không thấy một bóng người. Đêm xuống. Họ thấy một cái cây chết ở bên đường. Anh thợ đẽo đá Vương dừng chân và đề nghị:

- Các bạn ơi, chúng ta qua đêm ngủ ngoài trời dưới cây chết này thôi.

Mọi người đều đồng ý. Họ lần lượt chui vào trong hốc cây. Cái cây rất lớn không đo nổi, chứa đến hàng ngàn người vẫn rộng. Dù đoàn người đói meo, họ lăn ra ngủ, ngáy ầm ầm.

Cách họ rất xa, có một ngôi nhà. Chủ nhân đang làm bữa tối. Khi bánh hấp gần chín thì hết củi, chị bảo đứa con trai:

- Con hãy ra sau nhà kiếm lấy ít củi.

Cậu bé ba chân bốn cẳng đi ngay, cậu tìm đến chỗ những bác thợ đang nghỉ chân. Cậu tự nhủ:

- Cây thầu dầu này khô, làm củi được đây. Cậu bé cúi xuống và chặt. Tiếng động đánh thức đám đàn ông - những người lùn - rơi khỏi cây hết người này đến người khác. Nhìn thấy họ, cậu bé rất khoái và ngồi xuống bên họ.

Thế là bao nhiêu điều kỳ diệu đã hiện ra. Hàng ngàn con đom đóm lấp lánh như nghìn ngọn nến. Ánh sáng soi tỏ gương mặt hồng hào của cậu bé, đám tóc mượt lòa xòa trên trán. Cậu là người khổng lồ, song rất tình cảm. Tất cả bọn đều hết sức ngạc nhiên. Ba Vương, ngẩng đầu lên, nghiêm túc, nói to:

- Cậu bé khổng lồ, ta thấy cậu có vẻ rộng lượng. Ta

và các bạn đây suốt ngày chẳng có gì ăn, cậu có thể cho ta ăn chút gì không?

Cậu bé hiểu ra và trả lời:

- Đợi một lát, mẹ tôi đang làm bánh rán, mẹ tôi sai đi kiếm củi.

Cậu bé nghe ra và trả lời:

- Chờ một lát, mẹ tôi đang hấp bánh bao, và mẹ bảo tôi đi kiếm củi. Cậu đứng vụt dậy, nhổ một thân cây to và đi vội vã. Cậu trở về nhà kẻo chậm lỡ công việc của bà mẹ. Một số bánh đã chín, cậu nhớ lời Vương Ba, xin mẹ cho một chiếc bánh bao để đem cho những người thợ thủ công và đem đến cho họ.

Chẳng cần nói thì đám thợ cũng vui biết chừng nào. Chỉ là một chiếc bánh bao to thôi mà với họ như một trái núi trắng như tuyết. Phải đến hàng ngàn người như họ, muốn ăn hết thì ba năm rưỡi mới hết. Họ "vần" chiếc bánh ra sao đây? Sau khi ăn rất nhiều ngày, họ chỉ "đục" được một lỗ nhỏ bên cạnh và nhìn thấy rau ở bên trong. Bánh bao mà chỉ ăn vỏ thì còn gì là ngon. Gò sức mà ăn, họ cũng chén đến phần nhân. Lần đầu tiên họ được ăn thứ bánh ngon đến thế.

Thời gian cứ trôi lặng lẽ ngày lại qua ngày, cho đến khi đang "chén" bánh, họ nghe thấy tiếng động lớn, tưởng

như trời sập, và cảm thấy đất sụt dưới chiếc bánh. Vương Ba và một số bạn thợ chui ra xem có chuyện gì xẩy ra. Vừa thò cổ ra ngoài, họ đã thấy một cảnh tượng hết sức kinh dị. Trời mưa, như thác, hàng trăm hàng ngàn cột nước trút xuống và mặt đất mênh mông như một đại dương. Họ nhìn thấy núi non óng ánh như thủy tinh. Thật là kỳ. Một trái núi đang trôi đến họ và có thể đâm xầm vào chiếc bánh. Quan sát thật kỹ, họ thấy những trái núi trôi bồng bềnh trên nước. Họ kêu hốt hoảng. Nhưng không phải là chiếc bánh vỡ mà là trái núi bị lật vỡ. Vương và các bạn, từ lo thành vui, vì họ hiểu rằng những quả núi như thủy tinh ấy chỉ là những bong bóng nước do mưa gây ra.

Mưa càng ngày càng to. Chiếc bánh tắm trong một dòng sông. Sóng lớn, lốc nhiều khiến đầu họ như bị quay cuồng và nhìn ra chỉ thấy lòa nhòa. Họ vội lấy một cái lá trám lỗ thủng của chiếc bánh, ngăn những đợt sóng định tràn vào.

Những nghệ nhân này nào biết họ trôi nổi đến đâu. Ngay cả Vương, một người kỹ lưỡng, cũng không biết bao nhiêu ngày đã trôi qua, vì bác ta làm gì có thứ gì để đoán biết giờ giấc.

Rồi cũng có một ngày chiếc bánh không trôi nữa và họ cũng thôi bị cuốn theo dòng nước. Họ đang ở đâu?

Họ kéo chiếc lá ra, cái lỗ thủng bỗng bị một vệt nắng chiếu vào. Họ nhìn thấy trời xanh, mây bạc đang trôi. Họ chẳng thấy gì mệt mỏi, bởi khi nhìn thấy đất liền, thì cái bánh đã trôi trên một biển nước mênh mông, thuần nhất, trong như thể trời xanh.

Biển thật đẹp và lộng lẫy, nhưng những bác thợ thủ công lại chìm đắm trong nỗi lo. Họ sẽ không biết làm gì, nếu cứ chết dí tại đây. Có thể một cơn bão sẽ nổi và thế là chiếc bánh sẽ đi đời. Vương rất lo, song không đánh động cho ai cả. Bác nói dè dặt:

- Này các bạn, chẳng lẽ ta lại chẳng làm gì? Biển thật rộng, nhưng thế nào cũng có bờ chứ! Đây là một cành cây nhặt được trên sóng. Chúng ta có thể làm mái chèo. Nếu tất cả chúng ta cùng chèo thì có thể cập bờ được!

Mọi người nghe rất xúc động. Họ đến gần và ngắm cành cây thật kỹ. Cái cành này có đường kính bằng cả thân cây. Họ chặt ra, cưa và làm nhiều mái chèo và bắt đầu chèo.

Họ chèo liên tục, mặc cho mặt trời sáng bừng vào buổi sáng, hay lúc bầu trời đã lấp lánh sao. Họ chèo, chèo và chèo... Biển loáng như gương. Dưới ánh trăng có một vài khoảng tối. Bờ biển chăng hay là những hòn đảo? Nhiều ngày đã sống trên chiếc bánh bao thủng trôi trên sóng! Thôi nào, hãy cố lên!

Họ chèo hết sức. Những khoảng tối đã gần và loang rộng. Hẳn là một bờ khúc khuỷu. Liệu họ có trèo lên được không? Có cái gì lấp lánh trên cao, có phải là đám sỏi trắng. Khi họ đến gần "bờ", họ có trèo lên, nhưng cái bờ lại động đậy. Bờ gì vậy? Nào có phải bãi biển đâu mà là một con cá khổng lồ. Chưa kịp chạy trốn thì con cá đã nuốt chửng cả con cá và đám dân chúng. Nào đã no đâu, nó còn ăn thịt cả một chiếc tầu hơi nước chất đầy len và vải. Bấy giờ con cá mới tạm no.

Trong bụng cá, đen như trong lò, như thể đêm phủ đầy mây đen. Chẳng nhìn rõ mặt nhau. Hai Trương thở dài lo lắng. Đây là tiếng thở dài lần đầu tiên khi bác rời xứ sở.

Nhẫn nại, Trương bước tới, hích và Ba Vương, giận dữ bảo:

- Người anh em, thà bơi mười năm trên biển lấp lánh còn hơn một ngày ở trong bụng cá.

Vương cười vang trả lời:

- Này ông bạn, buồn làm gì? Trong chiếc bánh của chúng ta, có khá nhiều mỡ nước, đốt lên là có thể có ánh sáng.

Từ trước đến nay đã có ai đốt lửa được trong bụng cá bao giờ, thế mà bây giờ họ đã thắp được một lửa bằng mỡ nước trong bụng cá đấy. Giờ, thì mọi thứ sáng như

ban ngày và họ sung sướng như thể người mù lại nhìn thấy được. Họ cười, nói. Họ lại có một điều vui mới nữa: hai chiếc tầu đầy vải ngay ở phía đầu kia của chiếc bánh bao! Đúng rồi, sau nhiều ngày hành trình, quần áo họ rách như tổ đỉa, họ cần có quần áo mới. Vốn thông minh, bác Vương có thể tính ngay ra số quần áo có thể may được với lượng vải trên tầu kia. Thế là họ bắt đầu vào việc, vui vẻ, sung sướng khi những bộ quần áo mới sẽ may xong. Một số người trong bọn họ bắt đầu nhớ nhà, họ đang nghĩ đến quê hương, đến dòng sông, những bông hoa đỏ... Họ thần người ra trong công việc khi nhớ lại đến những bất công và những cảnh đói khát mà họ đã từng chịu đựng lâu dài...

Khi họ đang mải mê công việc trong bụng cá bên ngoài mọi việc cũng thay đổi. Con cá nương sóng đã bơi vào bờ và một con cốc đã nhìn thấy nó. Con cốc lao thẳng xuống, há mỏ và nuốt chửng tấp lự, rồi bay thẳng đi, đậu trên một nóc nhà. Phong cảnh mới đẹp làm sao. Mặt trời dịu và hồng, chiếu cả đến góc tối. Chim vỗ cánh mạnh, trước khi kêu váng lên. Trong sân, một cô gái trẻ đang ngồi thêu, nghe tiếng, liền lấy chiếc giầy thêu nhằm thẳng chim mà ném. Chim bay lên, nhưng trúng giầy, không cất mình nổi. Con cốc rất béo nên cô gái hí hửng mừng rằng sẽ có một đĩa thịt ngon cho bố cô. Cô ngưng làm việc, cầm con mồi rồi quay vào nhà.

Những hôm sau, những bác nghệ nhân mặc quần áo mới, vui ra mặt. Họ nhảy múa, hát vang như thể vào lễ hội. Lấy con cá trong bụng con chim cốc ra, cô gái nghe thấy tiếng gì ồn ào. Lạ nhỉ! Cô tự hỏi làm sao lại có tiếng người trong cái bụng cá mà nghe lại nhỏ tí. Cô mổ cá thật cẩn thận và thế là mấy chiếc tầu và chiếc bánh bao chứa hàng ngàn người hiện ra. Bởi đã trải qua bao nhiêu chuyện phiêu lưu, những nghệ nhân không hề sợ cô gái. Vương cảm ơn cô gái rất nhiều và kể cho cô những nỗi nhọc nhằn, khổ sở họ đã phải trải qua. Vốn cảm tình với họ, cô gái nhận sẽ sắp xếp cho họ ở lại địa phương.

Đám người mới đến kéo vào trong sân. Họ muốn ngắm mãi bầu trời xanh và vầng mặt trời lấp lánh như tất cả mọi người. Họ sướng tai khi nghe tiếng chim hót và những tán cây rì rào trước gió. Sau nửa ngày đi vội họ mới ra khỏi gian giữa và đối mặt với hai trái núi chắn mất đường. Đó là những ngọn núi mạ vàng và thơm tho. Họ khoét một miếng và nếm, mới hay đó là ngô. Đó là hai hạt ngô mà cô gái đã vô ý đánh rơi. Hôm đó, các nghệ nhân chẳng thấy được gì thêm, vì họ vượt qua núi ngô mất rất nhiều thời gian. Khi họ ra khỏi nhà, thì đêm đã xuống, vì họ phải bám đường và chỉ theo kịp cô gái vào lúc nửa đêm.

Cha cô gái đã trở vào. Đó là một cụ già lịch lãm, râu trắng như cước. Khi được tin con gái và đoàn người đến, cụ cho biết đang chờ họ để ăn tối.

Đám nghệ nhân ăn cơm với cụ già và nếm vị ngon của thịt cốc. Tay cầm cuộn len, cô gái bảo bố:

- Bố ơi, cái ngù hình quả bầu bằng len đỏ trên chiếc mũ của cha đã hỏng. Hôm nay con kiếm được ít len trong bụng cá, con làm chiếc mới cho cha, cha có ưng không?

Thế là cô tết chiếc ngù mới với tất cả lượng len lấy được trên tầu ngay lúc các bác thợ đang ăn. Ngắm tác phẩm của con gái, cụ già đội mũ lên đầu. Rồi cụ hứa với các vị khách ngày mai sẽ dẫn họ thăm thú.

Sáng hôm sau, ông bố bảo Vương và các bạn anh leo lên vai mình, cụ đội mũ ngù quả bầu đỏ lên đầu và chỉ một vài bước, cụ đã ra khỏi nhà.

Cụ đưa họ ra vườn. Từ xa, họ đã nghe những nhịp điệu dễ chịu. Khi đến nơi, họ mới biết đó là tiếng đập cánh của bầy ong. Cỏ, lá, hoa, liễu đều phủ sương, mỗi giọt to và tròn như vầng trăng, lấp lánh khi tím, khi đỏ. Ngồi trên vai cụ già, đám nghệ nhân nhìn từ cao xuống thấp tưởng như hàng ngàn, hàng ngàn vầng trăng xinh đẹp lấp lánh giữa những đám mây đầy màu sắc.

Cụ già đưa các vị khách thăm vườn quả. Họ đón nhận hương quả dịu mát, tươi ngon. Cụ già muốn mời họ nếm, nhưng một việc bất ngờ đã xảy ra: một con kền kền nâu đã tới. Mắt nó hút vào chiếc mũ đẹp của cụ già, nó nhào xuống, đoạt lấy mũ và bay luôn về phía nam. Để đòi lại,

cụ già vắt chân lên cổ chạy, để định bắt nó. Ngồi trên vai sợ ngã, đám nghệ nhân trụt xuống, núp vào các nếp quần áo, thỉnh thoảng lại thò cổ ra ngó xung quanh.

Con kền kền bay càng nhanh và cụ già vẫn chạy theo, nhưng có những lúc thật gần, cụ vẫn không túm được nó. Bỗng một ngọn núi hiện ra, mà với họ phải mất ba ngày, ba đêm mới trèo qua, đến chỗ con kền kền. Nhưng vừa đến nơi, cụ già nhặt quả núi ném đi. Bỗng ở phía nam, lại quả núi còn cao và lớn hơn. Và, ở sau núi vang ra một giọng rung trời chuyển đất:

- Ai ném cát vào bát của ta thế này?

Nghe thấy tiếng, cụ già vượt núi, và thêm ít bước thấy một người cao gấp hai mình, đang cầm bát cơm trong tay. Người đàn ông lấy đũa gắp "trái núi" mà cụ già đã ném đi, vứt xuống đất, tiếp tục ăn, đầu cúi xuống.

Cụ già dừng trước lão, nói lời xin lỗi:

- Đại huynh, chính là tôi đã ném hòn đá vào bát của huynh, để bắt con kền kền. Huynh đại xá cho!

Người đàn ông không những chẳng giận, mà lại còn cung kính mời cụ ăn với mình. Dẫu tiếng lão không cáu giận, nhưng rất mạnh mẽ. Cụ già chẳng bụng dạ nào ăn hoặc trò chuyện với lão, mà còn bận đuổi theo con diều. Khi cụ cảm thấy mình đến gần con diền thì thấy mình đối

mặt với một ngọn ngúi quả là cao. Đó là một ngọn núi cằn không một dấu cây. Cụ già leo lên và khó nhọc lắm mới lên tới đỉnh, mặt đầy mồ hôi. Khi cụ từ đỉnh xuống, trượt chân và lăn xuống một hẻm núi. Cụ bị vây giữa những mỏm đá nhọn. Đúng là tai họa. Cụ già đang gượng dậy mà không nổi. Đám thợ cũng tụt vào một hố sâu, kêu toáng lên: Chết rồi, làm sao ra khỏi cái nơi thảm hại này! Họ nhìn Vương Ba cũng đang im như phỗng vì vô kế khả thi.

Thế rồi một phép màu đã sinh ra. Bất ngờ, những đám đá lay động, cả cái hùm sâu cũng thế. Cái "thùng" quay như chiếc đĩa, đáy lộn lên cao, nhờ rớt vào cái hố mà khi cụ già ngã, đám nghệ nhân không văng ra. Khi thấy cụ già, họ không khỏi kêu lên kinh ngạc dù là đã nếm trải đủ mùi mạo hiểm. Và trước mặt họ, một người khổng lồ cao gấp trăm, gấp nghìn lần cụ già đang ngồi thiền. Bây giờ họ mới hiểu cái "hố sâu" mà họ đã rơi vào kia, chính là cái rốn của cụ.

Người khổng lồ, sau một tiếng thở dài, dụi cặp mắt còn trong phút mơ màng. Cụ già vội vã hỏi:

- Đại ca, huynh có thể mách dùm con kền kền nâu ở đâu. Nó đã tha chiếc mũ đẹp có ngù len đỏ hình quả bầu của tôi!

Người này đứng dậy nhìn về phương nam, bàn tay đặt lên trên mắt, kêu lên:

- Trời ơi, Trời ơi! Con chim đã vào Cổng Trời phía nam! Nó không thiếu gì mưu mẹo đâu! Sợ là lão không bắt được nó. Con kền kền đã đẻ một quả trứng, nó sẽ dùng lấp cửa lại

Nói đoạn, ông tỏ ra hối tiếc và lấy tay đấm vào ngực. Đám thợ cũng chung một nhiệt tình như ông. Sau một lúc suy nghĩ, gã khổng lồ đề nghị:

- Trèo lên lòng bàn tay ta, ta sẽ đặt lão vào Cổng Trời phía nam. Thử đẩy quả trứng xem sao.

Theo lời khuyên cụ già leo lên bàn tay người khổng lồ. Bàn tay nâng lên, chỉ một loáng, cụ già và đám thợ đã rời mặt đất xa tít tắp. Họ ngẩng đầu lên và chạm vào những đám mây tím, thấy một chiếc cổng tròn, lấp lánh sáng được lấp bằng một quả trứng. Cụ già cố dùng tay đẩy, nhưng chẳng ăn thua. Cụ không cầm lòng nổi, khóc rưng rức.

Sau khi bàn với bè bạn, Vương Ba bảo cụ già:

- Đừng khóc nữa, ông nội ơi! Với những chiếc đục, trạm, chúng tôi sẽ khoét thủng quả trứng ấy. Rồi chúng ta sẽ bắt được con kền kền nâu đáng nguyền rủa ấy.

Những người thợ đá bắt tay vào việc. Những chiếc búa giọt ầm ĩ vào các chiếc đục trạm. Vỏ trứng rắn hơn cả đá,

cú mỗi một nhát đục là lửa bắn tung tóe xung quanh. Nhưng Vương và đám thợ không dừng tay đục; đục cùn thì những bác thợ rèn lại rèn cho sắc, khi cán búa gẫy thì những người thợ mộc lấy cưa, rìu ra làm ngay cái khác. Rồi, quả trứng bị vỡ, chảy xuống đất, lòng trắng đã tạo thành một cái hồ xanh, nước trong, còn lòng đỏ, thì tạo ra dòng sông vàng với dòng nước náo động, chảy hàng vạn năm, hàng vạn năm, không bao giờ khô cạn. Những bác thợ thủ công hoạt bát và nhiều tài trí cũng như cụ già thường hay lên trời mà chẳng ai biết họ làm gì. Có thể là họ mang về dưới trần những kho báu cất giữ tít tận trời xanh.

NGÔ VĂN PHÚ *dịch*

ĐỒNG TUẤN LUÂN và GIANG NGUYÊN

NÀNG TIÊN RẮC HOA TRÊN NÚI

Tôi nghe nói rằng có một người tham lam trước cái mồi của lợi lộc đã quên cả mọi thứ. Gã chỉ lo lượm tiền bạc mà quên mọi hậu quả. Tôi chưa hề gặp một mẫu người nào như thế, nhưng tôi đã được kể cho nghe một chuyện sau đây:

Ngày xưa trên một ngọn núi cao, tay có thể chạm trời. Dân chúng gọi là "Cổng Trời". Nhiều đám mây nhiều màu bao quanh đỉnh núi, người ta đồn rằng đó là do một nàng tiên rắc hoa trên núi mà thành. Núi cao và dốc đến nỗi hươu cũng không trèo nổi. Chính nơi ấy đã xẩy ra câu chuyện.

Dưới chân núi, có một ngôi làng. Gã Hai Béo, là một điền chủ lớn. Làng này, nếu ai có một trăm mẫu đã quá giầu, mà Hai Béo, có tới hai trăm mẫu không kém. Giầu nứt đố đổ vách, song gã vẫn rất tham lam, lão chỉ loních thật nhiều lúa vào kho. Năm đó, ngay lúc vụ gặt vào mùa, gã đã sai cậu bé Vương Đẩu, đến tất cả những ai có trang trại ở các làng xung quanh, một hôm, gã qua một làng nọ, Vương Đẩu đánh xe rất chậm sợ cán phải người. Hai Béo

ngồi trên xe, tức giận, giằng lấy roi trong tay Đẩu và đánh xe lồng lên. Một ông già run rẩy dắt tay một đứa nhỏ. Ngựa chạy quá nhanh khiến em bé không kịp tránh và ngay lập tức bị chiếc xe đè phải. Ông già tận mắt nhìn thấy xe lăn qua mình cậu bé. Ông chạy đến nâng cháu dậy nhưng thằng bé đã chết. Hai Béo cất tiếng cười nhạo báng quất roi cho ngựa chạy tiếp. Vương Đẩu kinh hãi kêu lên:

- Dừng xe lại, một em bé bị chẹt!

Hai Béo trừng mắt giận dữ:

- Thằng này láo nhỉ! Không ai có thể bắt được ta làm theo đâu!

Bữa ấy, Hai Béo luôn chửi rủa, đánh đập các tá điền và thu lấy tô. Hoàng Đẩu thì suốt buổi buồn thiu buồn thiu.

Buổi chiều, chuyến xe lúa đầy đã nộp vào kho lão chủ, Hoàng Đẩu dắt ngựa buộc vào chuồng. Trong chuồng nhốt chung vài chục gia súc lẫn lộn bò, ngựa và la. Ôm cỏ vào chuồng, Hoàng Đẩu nghĩ: "Cha mẹ của em bé bị chẹt xe chắc là đau khổ lắm. Khi tận mắt nhìn thấy con chết dữ dằn như thế hẳn họ khóc hết nước mắt". Nghĩ thế, cậu xúc động và nước mắt trào ra. Ngay lúc ấy, một con bò già đang ăn cỏ ngay bên cạnh Hoàng Đẩu quay đầu lại, nhìn cậu mà bảo:

- Tôi cày rất nhiều ruộng cho lão Hai Béo, kéo không biết bao nhiêu là xe cho lão, mà lại là cậu trộn cỏ mang đến cho tôi. Cậu làm sao mà khóc thế?

Hoàng Đẩu cũng đang muốn kiếm một người bạn tin cẩn, liền kể hết chuyện thương tâm xảy ra buổi sớm.

Con bò già nghe giọng đầy nước mắt của cậu bé, há miệng và nhằn ra một hạt bầu.

- Cậu bé, con bò già nói, ta biết cậu không phải là một người tham lam. Hãy cầm lấy hạt bầu này và gieo dưới chân núi Cổng Trời. Và, sau một đêm, cây sẽ mọc và trèo lên đỉnh núi. Bước lên trên những lá bầu, cậu có thể leo lên đỉnh núi Cổng Trời. Cậu hãy chờ đến lúc nàng tiên đến rắc hoa trên núi. Cậu chỉ hái lấy một bông hoa và trở xuống ngay lập tức. Hãy chú ý, nếu xuống chậm, hoa sẽ héo. Hoa sẽ giúp cậu khi đặt bên cạnh em bé đã chết, em sẽ sống lại.

Nghe bò nói, Hoàng Đẩu vội rời chuồng bò ngay lập tức, tay cầm lấy hạt bầu. Đẩu báo ngay cho gia đình em bé để họ yên lòng để rồi còn đi thật nhanh đến chân núi để gieo hạt bầu.

Trời xẩm tối. Hoàng Đẩu nhìn chẳng rõ, cậu lo lắng khẽ bảo: "Trăng ơi, trăng! Trăng giúp mình đi". Và thế là trăng mọc ngay sau lưng núi.

Hoàng Đẩu đến nhà em bé bị chẹt xe. Cậu bé vừa chết là đứa cháu duy nhất của ông già. Chẳng có cách nào thưa kiện, cả nhà còn đang thức và họ đang đói dài trong lúc đau khổ. Nghe Hoàng Đẩu nói, cả nhà thôi khóc. Sau khi an ủi gia đình Hoàng Đẩu vội vã đến núi Cổng Trời. Con đường núi đầy sỏi rất khó đi. Lo lắng, cậu kêu to lên: "Sỏi ơi, sỏi ơi, hãy tránh cho tớ đi". Thế là những hòn sỏi rẽ lối cho cậu.

Hoàng Đẩu đi đến chân núi. Tiếng suối reo bên khe núi. Cậu dùng tay bới đất và đặt hạt vào hố. Trong nháy mắt, từ trong đất, một mầm vàng nẩy ra hai lá non, rồi lớn nhanh thành lá to, xanh và mạnh mẽ. Rồi cái nữa vươn ra, lại một chiếc lá nữa lại nẩy. Lá ngày một thêm nhiều thân cây cứ trèo tiếp theo núi cho đến lúc không thấy ở đầu phía kia. Lá và thân cây chẳng khác gì những cây thông thường. Hoàng Đẩu đặt chân lên một chiếc lá, lá đung đưa chút đỉnh. Cậu rất ưng ý khi thấy một chiếc lá mang nổi cả một thân người. Ngẩng đầu lên, bám chắc lấy thân cây, cậu leo tiếp. Cậu leo đã rất cao. Không còn nghe thấy tiếng suối. Thân bầu rung khiến cậu bám vào. Những chiếc lá vẫn đung đưa dưới chân. Cậu đã leo rất cao tưởng chừng có thể với được sao. Thân cây vẫn rung trong tay, lá vẫn đung đưa dưới bàn chân. Khi ngày vừa hết thì núi sáng lên. Cậu đặt chân lên đỉnh thì cũng là lúc

vừa leo hết cây bầu. Những đám cỏ nhiều màu tùm lum trên núi, đẹp không tưởng nổi. Nhưng Hoàng Đẩu đâu chú ý. Thứ cậu tìm là một đóa hoa tươi. Chợt cậu ngửi thấy mùi hoa thản. Ngẩng đầu lên, cậu nhìn thấy một nàng tiên đang bay ngang núi, giải khăn trải dài trước gió, những đám mây sặc sỡ quanh bên áo.

Nàng tiên dịu dàng nói:

- Em là một người tốt bụng, chị đã biết tại sao em đến đây rồi.

Nàng tiên rắc những giải hoa nhiều màu và đỉnh núi cũng lộng lẫy theo những màu của hoa. Hoàng Đẩu cúi xuống hái một bông, có vẻ là một bông hoa tươi, nhưng lại không có hương thơm. Đó không phải là bông hoa tươi, mà là hòn ngọc. Cậu vứt đi. Con bò già chẳng bảo là phải là một bông hoa tươi kia mà! Lần này, thì cậu tóm được một bông hoa tươi thật ở giữa không trung. Một bông hoa trắng với chùm nhị mỏng manh, mùi thơm phưng phức. Hoàng Đẩu rất vui, bước nhẹ nhàng, tay cầm hoa. Cậu vội xuống núi. Khi cậu đặt chân xuống đất, thân cây yếu dần và trước chân cậu, những cành bầu gãy ra và vung ra hàng đống kim cương, ngọc thạch, đá quý và hồng ngọc. Hoàng Đẩu ngước nhìn đám châu báu ấy rồi dẫm chân lên, vì cậu biết rằng, nếu cậu nhặt chúng, thì bông hoa trong tay cậu sẽ héo mất. Cậu chạy như bay đến nhà em

bé. Cậu đặt bông hoa tươi lên đầu giường của em. Em bé ngồi nhỏm dậy và mở choàng mắt. Cậu sống lại và vết xe chẹt chẳng hề để lại dấu vết. Trong nháy mắt những cánh hoa trắng héo và bông hoa tàn. Sau khi nhìn thấy em bé hoàn toàn bình phục, Hoàng Đẩu nhớ đến đống vàng bạc châu báu liền quay lại tìm. Cậu quay về với cả một kho vàng và cậu chia cho gia đình em bé.

Hoàng Đẩu trở lại nhà lão Hai Béo và xin thôi việc. Lão chủ rất ngạc nhiên và tự hỏi tại sao chàng trai này quyết định không làm cho lão nữa! Vài ngày sau, lão đã biết tất cả. Khi lão nhìn đám vàng bạc, đồ trang sức, mắt lão đỏ lên vì thèm khát. Lão trở về nhà và đánh xe đi rồi đâm xầm vào đứa bé sáu tuổi đang chơi ở sân lúa. Khi trông thấy chiếc xe lao đến, cậu bé cố tránh. Nhưng chiếc xe vẫn bám riết và đuổi vòng quanh đến hàng chục lần ở sân. Cuối cùng, cậu bé kiệt sức, lảo đảo và ngã lăn ra đất, chiếc xe chẹt lên thân cậu. Cha và mẹ cậu bé khóc lóc khi thấy em bị thương nặng. Hai Béo tháo ngựa và buộc ngựa vào chuồng. Lão đem rơm vào chuồng để chăm sóc gia súc, tay chùi sạch những giọt nước mắt . Con bò già ngẩng đầu lên và bảo lão:

- Tôi đã cày rất nhiều ruộng, kéo cho ông chủ rất nhiều xe. Nhưng chẳng lần nào tôi thấy ông chủ trộn cỏ cho chúng tôi ăn cả. Sao hôm nay ông lại khóc thế?

Hai Béo thuật lại đầu đuôi câu chuyện, lão lại khóc xụt xùi.

Con bò già há miệng nhả ra một hạt bầu: Nó nói

- Hai Béo, tôi biết ông là một người tham lam, nhưng hãy cầm lấy hạt bầu này, gieo nó dưới chân núi Cổng Trời. Trong một đêm, thân cây sẽ bò leo lên đỉnh núi. Ông có thể bước lên lá nó mà vượt núi và đợi ở trên đỉnh khi nàng tiên đến rắc hoa. Hái lấy một bông và trở về ngay lập tức. Hoa sẽ héo nếu ông chậm trễ. Ông hãy đặt hoa bên cạnh cậu bé và cậu ấy sẽ sống lại.

Không kịp trả lời. Hai Béo vội vã rời chuồng bò cầm chiếc hạt trong tay. Lão mong đến thật nhanh chân núi để gieo hạt bầu, lão nghĩ, càng nhanh thì lại càng được nhiều bạc vàng, châu báu.

Trời xầm tối. Trăng lên. "Trăng ơi Trăng, Trăng hãy giúp ta". Lão Hai Béo khẩn khoản. Nhưng mặt trăng núp sau đám mây dầy đặc và lão phải lần mò dò lấy đường. Đường núi rất trơn, có rất nhiều sỏi. Lão cáu tiết gắt lên: "Cái đám sỏi chết tiệt này, cút xéo đi!". Nhưng sỏi vẫn cứ bám chân lão.

Với một bước vấp, bước thẳng, lão cũng đến được chân núi. Quay cuồng trong ý nghĩ muốn giàu có, mặc dù tay rất đau, lão cũng đào một cái lỗ và gieo hạt bầu vào. Dần dần, hạt nẩy mầm, ra lá để lão có thể trèo lên. Bởi chẳng

làm lụng gì từ bé, nên chưa chi lão đã thở dốc. Nhưng ý nghĩ muốn có được châu báu và đồ trang sức làm lão quên tất cả. Đến lúc rạng sáng, Hai Béo ta trèo đến đỉnh núi đầy những đám cỏ sặc sỡ. Nhưng nào lão có thiết tha chú ý gì. Cái lão muốn là châu báu và đồ trang sức. Thình lình, lão ngửi thấy mùi thơm. Ngẩng lên lão thấy một nàng tiên bay trên đầu lão, giải áo tung bay trước gió, và những đám mây ngũ sắc từ áo nàng bay ra. "Người đàn ông tham lam, ta biết tại sao ngươi đến đây rồi!" Nàng tiên nghiêm giọng nói. Nàng rắc những đợt hoa, đỉnh núi bỗng phủ đầy hoa lóng lánh. Hai Béo cúi xuống muốn nhặt một bông, nhưng lão không muốn đứng lên, lão đắm mình vào những vật báu, đáng giá đến hàng ngàn lạng bạc. Thế là lão nhặt cho bằng hết. Túi, quần, cổ và tay lão nhét đầy đồ trang sức. Chẳng còn chỗ nào nữa, nhưng Hai Béo còn nhặt thêm hai bông hoa ngậm vào mồm. Lão biết những bông hoa ngọc thạch và ngọc đỏ rất nặng, song lão không sao bỏ nổi. Khi lão còn đang ở lưng chừng núi, thì thân cây bầu bắt đầu nứt và gãy. Hai Béo lăn xuống núi.

Ngày hôm đó, con trai và con dâu lão tìm thấy xác Hai Béo ở dưới chân núi Cổng Trời. Ở chỗ lão nhìn thấy toàn châu báu, vàng bạc, họ chỉ thấy toàn đá là đá. Và Lão được chôn ngay dưới đá.

NGÔ VĂN PHÚ *dịch*

GIẢ BÌNH AO

HOA MAI

Mùa đông năm ấy, trời giá rét khác thường, ông Nam ở tít tận Tần Lĩnh gửi thư đến mời Thạch Lỗ đến xem hoa mai. Mai ở Tần Lĩnh trồng kín cả một con ngòi cạn. Khi tuyết xuống, mai nở đỏ như từng giọt máu.

Ông Nam làm nghề đốt than, năm năm trước gùi một giỏ mây than thật to đến cho Thạch Lỗ, nhờ ông này vẽ cho bức tranh thần lửa. Thạch Lỗ vẽ xong, không nhận giỏ than mà cởi bầu rượu đeo ở thắt lưng ông Nam xuống mà uống. Rượu này ngâm với nụ mai chưa nở, vừa ngọt lại vừa thơm thoang thoảng. Khi uống cạn bầu rượu thì họ trở thành bạn của nhau. Rượu hoa mai uống dịu mà say, buổi chiều hôm ấy Thạch Lỗ uống say nhũn người ra, chẳng còn biết gì nữa, còn ông Nam chiều tối về đến Thạch Dương Hiệp rượu mới ngấm, lăn quay trên tuyết mất một đêm, từ đó mắc phải chứng suyễn. Mùa đông năm nay, mấy lần khó thở suýt chết, ông Nam biết mình khó qua được mùa xuân, cho nên mới gửi thư cho Thạch Lỗ, mong được gặp bạn quý lần cuối cùng. Nhưng thư

không nói đến chuyện ấy, chỉ báo tin mai nở đầy cả một con ngòi cạn mà thôi.

Nhận được lá thư viết trên mảnh giấy nhờn nhờn, Thạch Lỗ biết đây là tờ giấy lót mũ của ông Nam nên nhờn gàu. Ông buông câu chửi thật thoải mái:

- Đúng là đồ con rùa!

Chửi xong, ông rơm rớm nước mắt. Lâu lắm rồi ông không nhận được thư của bất kỳ ai, chỉ ông già đốt than mái tóc bạc phơ là gửi thư cho ông mà thôi. Trời xuống tuyết thế này mai nở dầy cả một con ngòi cạn, đẹp biết mấy! Ông nhanh tay xé một mảnh giất vấn một điếu thuốc lá vụn, châm lửa rồi rít lấy rít để, rít đến mức còng lưng lại như con tôm, mắt đỏ cả lên, rồi mới chệnh choạng ra cửa phả khói.

Dường như vừa mới đêm qua thôi, ông cùng với ông Nam ngủ say sưa trong căn nhà đất ấy. Bỗng họ nghe một tiếng động rất lạ. "Chồn đấy!", ông Nam lập tức vớ lấy súng và đánh thức ông dậy. Vừa mở mắt ra, Thạch Lỗ thấy ngay một cành mai thò qua khe cửa, đầu cành là một đóa mai tươi rói. Hôm qua vào nhà, cành mai ấy đang đung đưa theo gió ở trước cửa, chỉ qua một đêm đã nở thành sắc màu tươi tắn đến vậy! Ông đưa tay kéo cành mai mới biết cửa đã bị tuyết phủ kín, mở cửa ra, tuyết không sập đổ xuống mà đóng chắc thành bức tường trắng

xóa, cành mai như mọc từ bức tường trắng đó mà ra. Ông Nam cười hì hì, nhe mấy cái răng đen sì trên nền lợi đỏ. Ông không nói gì, chỉ cắm cúi đốt cái nồi không, đốt đến mức nồi rực đỏ. Hai tay cầm hai quai nồi như cầm cái mộc, ông bước ra cửa, nồi đi trước, ông theo sau, bước ra khỏi cái hầm tuyết bắt đầu tan chảy. Xung quanh là thế giới trắng xóa như bạc, hoa mai điểm hồng khắp nơi. Một cái bóng lông màu vàng óng chạy vụt đi, súng nổ đùng một phát. Nhưng súng bắn chỉ thiên, khói còn vương trên đầu nòng. Người bắn bị súng giật ngồi phệt xuống đất, cười ha hả.

Bây giờ, xúc động vì những hồi tưởng mạnh mẽ, Thạch Lỗ cũng buông mình ngồi phệt xuống ghế mây, chiếc ghế cũ nát rên lên mấy tiếng cọt kẹt. Thạch Lỗ nhìn thấy khói thuốc từ miệng mình bay lên, tàn thuốc dài cuối cùng không gượng được cũng rơi lả tả xuống vạt áo bông bọc bằng vải đen. Nam ơi, ông bạn Nam ơi! Thạch Lỗ lẩm bẩm, trong phút chốc mặt mũi nhăn nhúm già hẳn đi, ngồi bệt trong ghế mây như một đứa trẻ bị bệnh bại liệt. Thạch Lỗ biết không thể ra đi được. Không phải vì một chân ông bị què mà vì ông bị kết án tử hình được hoãn một thời gian. Tuy cuối cùng án này không thi hành, thậm chí còn tuyên bố xóa án, nhưng khi chưa được phép, ông không thể đi khỏi thành phố này. Thành phố này sở dĩ

nổi tiếng khắp Trung Quốc bởi có một vòng tường thành hoàn chỉnh. Mỗi ngày, khi hoàng hôn buông xuống, ánh nắng vương trên gạch đá loang lổ trong thành đọng lại thành những vật màu đỏ, những hình răng cưa cao thấp kéo dài mãi trên đầu tường thành trông chẳng khác gì những cái cọc gỗ giăng lưới thép, treo chuông điện trên đầu tường các nhà ngục.

Ba ngày trước, thằng con út của ông thả hết số chim bồ câu nuôi. Ông có thói quen ngắm nhìn chuồng bồ câu trên bệ cửa sổ, tưởng tượng ra cảnh đột nhiên chúng lại bay cả về đứng đó. Nhưng ông lại mong chúng đừng bao giờ bay trở về. Cửa sổ hôm nay trống vắng, kính chỉ che được gió chứ không ngăn được cái lạnh, qua đó ông nhìn rõ con mèo ốm đang nằm chỗ tường lở, còn trong sân là cây xuân đứng co ro.

- Bác Nam này, uống rượu đi chứ!

Thạch Lỗ bỗng buột miệng thành tiếng mời hào hứng. Trong nhiều năm tháng qua, ông hiểu rằng nhà nghệ thuật thường cô đơn nhưng lòng ông không yên được với chuyện đó. Ông cũng không chịu cô đơn. Chính trị vẫy gọi, nhiều việc quấy rầy, rồi biết bao người hâm mộ tranh, chữ cứ vây lấy ông như một bầy sói. Cách mạng văn hóa vừa bắt đầu, ông đã bị phê phán. Ông nghiêm túc tự kiểm thảo, cố gắng thay đổi con người mình, mong mình vẫn là người

được tín nhiệm, được coi trọng trong xã hội thời đại này. Nhưng ông đã thất bại. Phê phán vẫn không ngừng thăng cấp, thậm chí kết án tử hình có hoãn thi hành án một thời gian. Đến lúc này ông mới biết họ đâu cần nghệ thuật. Và cũng đến lúc này, lòng ông mới hoàn toàn lắng xuống. Không mời người đến xem tranh, ông có thể để hết tâm trí vào việc vẽ tranh cho mình, vẽ tranh cho người thành tâm yêu tranh ông, vẽ tranh cho người đời sau nữa. Đó chính là cảnh giới mà tự sâu thẳm trong lòng ông hướng tới từ bao nhiêu năm nay.

- Phần bác cốc này, cốc này phần tôi! Rượu rót đầy hai cốc.

Bên chiếc bàn vuông nho nhỏ, Thạch Lỗ nâng chén lên uống cạn. Rồi ông nâng tiếp chén rượu phía bên kia bàn lên, gọi tên ông Nam, còn rượu lại giốc vào miệng mình. Món nhắm là một đĩa ớt chỉ thiên muối, ngoài ra còn một hộp chè. Hộp chè cố ý để cho chè mốc lên, bốc một nhúm bỏ vào miệng nhai. Bây giờ, ông thực sự hưởng thú cô đơn. Trong ngôi nhà thấp bé mái lợp bằng nhau, ông cô đơn như một con hổ già.

Khi mi mắt Thạch Lỗ đã nặng trĩu xuống vì ngà ngà say, thì chuông trên lầu chuông của thành phố cổ này vang lên ba tiếng trầm trầm ngân nga rồi lại thêm một tiếng nữa. Thạch Lỗ mở bừng mắt ra, cảm thấy lạ. Lầu

chuông cổ lỗ cách sân nhà ông không xa mà thực ra từ lâu đã không còn đánh chuông trên lầu ấy nữa. Thạch Lỗ biết chuông không đánh nữa bởi cái chuông bằng sắt khắc đầy văn tự cổ ấy mấy chục năm trước đã được gỡ từ trên xà treo xuống đặt dưới nền lầu.

Nhưng một tháng trước đây, ngày nào Thạch Lỗ cũng thấy chuông gióng lên, ông bảo với người nhà rằng cái chuông biết tự kêu. Người nhà nói đó chỉ là ảo giác, nhưng Thạch Lỗ khăng khăng rằng rõ ràng ông nghe chuông đánh, đánh ba tiếng mỗi ngày. Không hiểu làm sao hôm nay lại đánh bốn tiếng nhỉ? Thế rồi Thạch Lỗ nghĩ hẳn phải có nguyên nhân. Chuông báo tin có gì đó nguy hiểm chăng? Nghe nói dưới lầu chuông nguyên là xoáy nước biển, người ta phải xây lầu chuông để trấn yểm cho tòa thành này. Giữa lối đi dưới lầu chuông vẫn còn cái trụ đúc bằng thép, to bằng con lăn trục lúa, quanh trụ là dây xích sắt. Thạch Lỗ nghe xích sắt loảng xoảng vang lên mãi. Nửa đầu bên phải của ông cũng ù lên như có lũ tằm đang rào rào ăn lá dâu trong đó khiến ông rất khó chịu. Nước ở xoáy nước biển sắp phụt lên và lầu chuông sắp sập xuống chăng?

Nếu ở thành phố cổ này không còn lầu chuông nữa thì thành phố cổ này hoang vắng biết bao!

Thạch Lỗ quyết định đi thăm Ngô Lão Giác. Ông gập chiếc khăn len màu cà phê cho thật phẳng rồi quấn quanh cổ nhưng không đội mũ. Ông để đỉnh đầu chầu lên trời nên từ chối không bao giờ mang mũ. Ông cũng thay giầy bằng đôi giày vải lót lông đế mềm. Nữ cốt đầu tóc, nam cốt đôi giầy, giầy thì không bao giờ để bám bụi.

Ra khỏi vuông sân nhỏ bé là nhà tập thể của Hội liên hiệp mỹ thuật. Tuyết xuống mấy hôm trước vẫn chưa tan hết, trời rét căm căm, nhiều đám tuyết dưới chân người qua lại đã thành những lớp băng bẩn thỉu, từng đợt gió lột những tờ báo chữ to khiến giấy rơi bết xuống đó. Thạch Lỗ dùng đầu gậy chống gõ cồm cộp xuống đám băng, cánh cửa khép hờ của ngôi nhà ba gian trực cổng ra vào lập tức mở ra.

- Thạch tiên sinh, ông đi chơi đấy à? - Một bà già hỏi.

"Tiên sinh?". Thạch Lỗ cảm thấy cách xưng hô này hài hước thật nhưng ông không sửa lại cách gọi của bà già gác cổng đã hơn mười năm nay:

- Vâng, tôi đi chơi, nhưng không ra khỏi thành đâu!

- Bây giờ là mấy giờ rồi? Tôi không có đồng hồ! - Bà già nói.

- Một giờ trưa.

- Thạch tiên sinh, xin ông ghi vào sổ trực giúp, tôi

không biết chữ! - Bà già mở nắp chiếc bút máy ra đưa cho ông.

Thạch Lỗ thấy một quyển sổ đăng ký, trong sổ chia thành từng cột, phải ký tên vào từng cột là mấy giờ ra khỏi cổng, đi đâu, mấy giờ thì về.

- Đây là quy định mới, Thạch tiên sinh ạ. Tôi chỉ biết gác cổng thôi như con chó giữ cổng vậy... Trời chưa tạnh ráo hẳn, phố xá bùn lầy, tiên sinh đi đôi giầy mới tinh kia ư?

- Người chết rồi thì được đi giầy mới chứ?

- ...

Thạch Lỗ nhìn bà già mỉm cười:

- Tôi đã bị kết án tử hình cũng như người đã chết rồi, phải không bà?

Ông dùng đầu gậy chỉ vào biểu ngữ dán trên tường lối đi ra cổng, trên giấy viết: "Đả đảo họa sĩ phản động Thạch Lỗ!". Đầu gậy nhuốm bùn nên vạch thành hai xấu x trên hai chữ "Thạch Lỗ" khiến ông bật cười. Lần cười bật thành tiếng này ngờ đâu cười rơi cả răng cửa xuống đất.

- Ôi răng đâu rồi, răng đâu rồi!

Ông khom lưng cúi xuống tìm quanh trên đất. Bà già gác cổng lượm lên giùm ông. Cái răng rụng đen như hạt đỗ đen. Ông không đi ra nữa, mà quay trở lại khu nhà

tập thể. Nhà ở đây thấp nên xây thêm một nhà lầu phỏng theo lối cổ ở mé bên phải sân. Đây từng là nơi ông đón tiếp khách mời nước ngoài, cùng nhau trau đổi về nghệ thuật. Nhà gác này cao nhất nơi đây. Theo phong tục, phải cất chiếc răng rụng ở trên cao, chỗ mái nhà.

Di đến chỗ ngoặt góc tường có một bóng người nhô ra, khẽ gọi tên Thạch Lỗ. Đó là ông Lục gù. Ông Lục cúi người nói nhỏ cho ông biết tin họa sĩ Lý Duy đã tự tử. Thạch Lỗ sững người ra nhưng không hoảng hốt. Ông Lục hỏi đến nhà hỏi thăm không, Thạch Lỗ từ chối, chỉ ngâm câu đối viếng:

Sáng nghe đạo, tối chết được rồi,

Nay về sau, bác đã miễn khỏi.

Ngâm xong, Thạch Lỗ từng bước một đi ra cổng. Ông Lục thoáng nét nghi hoặc, khi nghe bước chân què của Thạch Lỗ ra khỏi cổng, thì cười hì hì nói:

- Mình chưa nghe đạo, già mà chẳng chết cho ắt sẽ thành giặc!

Trên đường phố, giá lạnh khác thường. Xe ô tô nghiến nát những tảng băng làm vang lên tiếng vỡ vụn như tiếng pháo. Thạch Lỗ lại đi qua lầu chuông, nhìn lên nóc lầu. Ông không nhìn rõ quả chuông sắt, cọc sắt và giây xích sắt, bởi một đám người đang bu quanh mà la hét. Trên

thanh xà gỗ cao cao đang có một người đứng khom lưng chịu cho phê phán. Mùa hè năm ngoái, từng đứng ở vị trí này là nhà văn họ Đỗ. Quần ông Đỗ nhăn nhúm, có tiếng người chửi:

- Đồ chó đẻ, tiền nhuận bút ăn cho lắm vào, đựng cả bao tải mới hết kia đấy!

- Tôi nộp làm đảng phí tất cả rồi mà! - Ông Đỗ phân bua.

Người kia giơ tay định tát, nhưng tát không tới mặt ông Đỗ, bèn nhảy lên nhổ một bãi nước bọt, rồi nhảy và nhổ nước bọt lần nữa:

- Đồ chó đẻ! Ai thấy mày nộp? Đồ chó má, phản cách mạng!

Thạch Lỗ bước lên, nhưng chỉ đến kéo quần ông Đỗ được ngay ngắn mà thôi. Cử chỉ này khiến đám người phê phán lặng đi một lát, sau đó cảm thấy đó là cử chỉ cốt làm nhục nên họ xúm vào đấm đá khiến ông ngã giúi xuống, từ đó gãy một bên chân. Bị nhốt trong chuồng bò, họ để cho chân ông tự lành, nhưng cái chân tự lành đó vẹo đi, nằm không duỗi thẳng được hai chân như nhau, đi thì chân cao chân thấp.

Thạch Lỗ ngoặt về bên tay trái vào cửa hàng mua một cái đèn lồng rồi vội vàng qua đường cái phía Tây, quặt về

Nam, rẽ sang Đông, vào một ngõ hẹp và ẩm ướt, vừa đi vừa chửi ngõ khấp khểnh, chửi cho đến cửa cổng nhà ông Ngô Lão Giác mới thôi.

Ngõ này dài lắm, Thạch Lỗ ra sức đập cái vòng đồng trên cánh cổng gỗ đã bị sơn thành màu đen. Ông Ngô là ông thầy nắn xương bị mù cả hai mắt. Bây giờ ông không thể công khai treo biển hành nghề nắn xương, đoán số được nhưng vẫn bó xương và xoa bóp cho ai cần. Ông tự sơn đen cả cổng, cửa, cột và kèo. Cửa kin kít mở ra, bà vợ bó chân của ông Ngô mồm ngậm tẩu thuốc, bỗng bật cười kêu lên:

- Ối trời, ban ngày ban mặt mà xách đèn lồng, rõ đúng là gặp ma!

- Đúng là ma mà! Nếu mà án tử hình được thi hành, xơi một viên đạn đồng, ắt là hung quỷ chứ còn gì nữa! - Thạch Lỗ đáp.

- Là dùng qui chứ! - Bà già nói rồi treo đèn lồng lên trên đầu cửa - Sao ông để tóc dài thế? Phải chăng tóc dài thì mới là họa sĩ?

- Thế không cho để râu, lại cũng không cho để tóc nữa à? - Thạch Lỗ nói.

Trong nhà có người lạnh lùng "hừ" một tiếng. Thạch Lỗ cười khà khà, tiếng cười rất quái dị. Ngô Lão Giác

đang ngồi trên bậu cửa sau nhà trong, chỉ trông thấy lưng trong ánh sáng mờ mờ. Ông vốn có bộ râu tốt lắm, song phái tạo phản bảo Mao chủ tịch không để râu, tại sao ông lại để râu? Ngô Lão Giác đáp ông Mác chẳng rậm râu là gì. Phái tạo phản phẫn nộ vì ông lại dám so với Mác nên vặt trụi từng sợi râu của ông đi. Không còn râu, Ngô Lão Giác cảm thấy như mồm cũng chẳng còn song cuối cùng ông vẫn không chết bởi vị lãnh đạo mới của thành phố này bị bệnh đau lưng, cần ông xoa bóp cho. Ngô Lão Giác ngồi ở đó, hai tay đang bận làm gì đó trong cái túi vải. Túi vải đựng đầy cám và cũng đựng cả những mảnh vỡ của chiếc bình sứ bị đập vỡ. Ông ghép đi ghép lại những mảnh vỡ thành lọ hoa rồi lại gỡ tung ra để ghép lại.

Thạch Lỗ bảo:

- Ông luyện tay nghề càng giỏi thì chỉ tổ càng khiến cho lãnh đạo trúng độc!

- Trúng độc? - Ngô Lão Giác ngoảnh cổ lại, mắt trợn lên trắng dã.

- Xoa bóp ắt đâm nghiện, nghiện rồi thì có khác gì nghiện thuốc phiện!

- Thế ông nghiện rượu, nghiện trà lại nghiện vẽ tranh, hẳn cũng là nghiện ma túy chắc?

Trong bóng tối có một người đứng lên toan bỏ đi, song không kịp, đành đứng thẳng lên chào hỏi:

- Chào Thạch chủ tịch!

- Ai đó? Ai là Thạch chủ tịch?

- Tôi gọi quen mất rồi...

- Thì ra Bạch lão tiên sinh cũng ở đây à?

Gày đét như miếng củ cải khô, Bạch Hà mặc quần áo Hồng vệ binh, trên đầu không còn là mũ lông kiểu mũ Tagor nữa mà là chiếc mũ bộ đội mềm oặt, trông chẳng ra làm sao.

- Sao cụ thấy ông ấy vẫn còn sợ thế? - Ngô Lão Giác hỏi.

- Ông ấy cai quản tôi hơn mười năm mà!

- Tôi bây giờ là cái xác biết đi, tội phạm bị kết án tử hình mà! - Thạch Lỗ nói.

Bạch Hà lớn tuổi hơn Thạch Lỗ. Hồi ở Diên An, Thạch Lỗ mới chỉ vẽ tranh minh họa cho báo bảng đen thì Bạch Hà đã thành họa sĩ có tên tuổi ở Bắc Kinh. Lúc ấy Ngô Bội Phu ở Bắc Kinh nhờ người đến xin tranh, ông vẽ một con chim ưng. Sau Tưởng Giới Thạch tới Bắc Kinh, nhờ người đến xin tranh, ông cũng vẽ con chim ưng. Rồi sau nữa, Mao Trạch Đông về ở hẳn Bắc Kinh, ông cũng vẫn vẽ chim ưng. Năm xưa, một quan chức quan trọng của Quốc dân đảng cho ông đi sang Đài Loan, ông hỏi người ấy Đảng Cộng sản trở về có cho bán tranh không? Đáp

có, thế là ông không đi Đài Loan nữa. Nhưng chỉ bán tranh được có mấy năm thì không bán được nữa. Không ở được kinh thành, ông trở về quê song vẫn không vẽ được về cuộc sống mới bèn lén lút bán tranh. Thạch Lỗ từ Diên An về đây chủ trì công tác của hội liên hiệp mỹ thuật, không tránh khỏi điển hình, nêu tên phê bình.

Thạch Lỗ ngồi trên ghế đẩu quấn điếu thuốc, cái chân què đặt thế nào cũng không thoải mái, ông bèn nhấc lên gác vào chân bên kia, khi hút thuốc bộ dạng in hệt con khỉ gặm lê.

- Bạch lão tiên sinh này, nghe nói khi tôi bị kết án tử hình, cụ có đốt cho tôi tờ giấy "lên đường" phải không?

- Ai bảo ông thế?

- Nghe được tin ấy, tôi phấn khởi uống cả một cân rượu nóng, say đến ba ngày, trên người da bong cả ra như tằm lột xác vậy.- Thạch Lỗ toan đứng lên nhưng chân không vững ngã bệt xuống đất, bỗng nói - Bạch lão tiên sinh, tôi không phải với cụ.

Ngô Lão Giác và bà vợ không hiểu đầu đuôi ra sao, còn Bạch Hà thì hiểu rõ lắm, nói:

- Dào, ai không phải với ai nào? Thạch chủ tịch, tôi thật sự mong ông lại quản tôi, điểm danh phê bình tôi. Cứ để cho họ phê, họ còn khám tung nhà tôi lên nữa đấy.

Chua xót trong lòng, Thạch Lỗ thấy Bạch Hà áp tay nửa mặt, hít hà xít xoa bèn hỏi:

- Cụ đau răng à?

- Họ giáng cho tôi cái bạt tai làm rụng mất một cái răng. Cả hàm răng đều lung lay, hơi một tí là đau.

- Tôi sẽ chữa cho cụ - Thạch Lỗ nói - Ông Ngô biết nối xương nhưng chưa chắc đã chữa được răng đau.

Ông ấn đầu Bạch Hà vào cánh cửa rồi bấm huyệt ở dưới vành tay trái khiến ông Bạch kêu ré lên như lợn bị chọc tiết. Tiếng kêu ấy chui vào trong óc, Thạch Lỗ lại cảm thấy như có tằm đang ăn dâu trong đó. Sau đó là chuông trên lầu chuông gióng lên. Thạch Lỗ hỏi:

- Chuông trên lầu xưa nay vẫn đánh ba tiếng, sao hôm nay lại đánh bốn tiếng nhỉ?

Dường như Ngô Lão Giác, bà vợ và Bạch Hà đều không để ý tới câu hỏi đó. Thạch Lỗ lại nói:

- Lão Giác này, ông lắng tai nghe xem có phải lầu chuông sắp đổ rồi không?

Lần này Ngô Lão Giác nghe rõ, bèn nghiêng tai đợi nghe tiếng động ở bên ngoài. Nhưng chuông trên lầu chuông không đánh, từ ngoài sân dội lại tiếng trống chiêng huyên náo ầm ĩ.

- Thạch chủ tịch có biết không, Mao chủ tịch đăng thơ

và từ đấy! - Bạch Hà nói - Năm nay tuyết xuống nhiều, hoa mai trong thành Bắc Kinh nở đẹp lắm!

- Để chúc mừng sự kiện đó ư? - Thạch Lỗ hỏi - Thơ từ thế nào? Ông đọc cho nghe nào!

- ... Xinh cũng chẳng tranh xuân... Cười trong khóm cây xanh...

- ...

Ba người không nói gì nữa. Bà vợ ông Ngô Lão Giác luôn miệng hút xòng xọc một hơi đẩy điếu bát, nói:

- Lãnh tụ vĩ đại còn là nhà thơ vĩ đại! Ông Thạch này, ông thấy bức tranh kia thế nào? Ông nhà tôi thì mù, còn tôi chẳng hiểu gì về tranh cả.

Thạch Lỗ bấy giờ mới nhìn thấy một cuộn tranh dựa ở góc cửa, sau bức tranh có đề "Trình lên Trung Nam Hải ở Bắc Kinh". Mở ra là một bức vịnh mai, khổ rộng sáu thuớc ta. Hoa mai dầy như gấm, màu tươi vô cùng.

- Thạch thư ký - Bạch Hà có vẻ ngượng - Ông xem giùm cho, đây là bức tranh tả ý trong thơ và từ của Mao chủ tịch. Xưa nay vẽ mai phải thưa, sắc nhạt, tôi vẽ có phần ồn ã quá...

Từ nãy đến giờ Thạch Lỗ xoay ngược bức tranh lại mà ngắm, nói:

- Cụ đưa tranh đến để Ngô Lão Giác bói xem trình

tranh lên rồi số phận ra sao phải không? Bạch lão tiên sinh này, xem ra tôi vẫn phải phê bình cụ, cụ lại muốn bán tranh lấy tiền phải không?

- Tôi vẽ để trình lên Trung Nam Hải. Ông Giác sắp chữa gãy xương cho Chủ nhiệm ủy ban cách mạng của tỉnh, ông ấy có thể gặp được ông Chủ nhiệm để nhờ trình lên. Tôi mà lại toan đòi tiền của Trung Nam Hải hay sao?

- Thế thì ông muốn gì? - Thạch Lỗ vẫn xem ngược bức tranh - Tôi có biết vẽ hoa mai đâu.

- Sao ông lại không biết vẽ mai? Thạch Lỗ lại không biết vẽ mai hay sao?

- Hoa mai của ông không phải đua tranh cùng xuân mà là chiếm lấy xuân. Tôi chỉ biết một điều: hoa mai không phải thứ hoa xu nịnh.

Thạch lỗ đứng lên bước ra, chân cà nhắc, cà nhắc, cây gậy chống gõ cồm cộp trên đất, gạt đổ cả túi vải đựng cám của Ngô Lão Giác. Thuận thế, ông Ngô nắm lấy gậy, kêu to:

- Thạch Lỗ, Thạch Lỗ...

Thạch Lỗ chưa kịp ngoảnh lại thì bên chân què đã bị giáng một gậy, Thạch Lỗ ngã xuống đất kêu trời, không đứng lên được. Ngô Lão Giác nói:

- Ông cứ thế mà đi hay sao? Lầu chuông đổ hay không,

quan hệ quái gì đến tôi, nhưng tôi phải chữa chân què cho đồ rùa Tú Xuyên nhà ông. Thế nào? Gãy rồi chứ? Không phang gãy thì tôi nối lại xương cho ông sao được?

Tức thì lần đến nắn chỗ xương gẫy, nắn đến mức xương vụn kêu xào xạo. Thạch Lỗ buột miệng chửi: "Đồ con rùa!" nhưng không kêu đau

- Ông đau thì cứ kêu lên nhé!

Thạch Lỗ vẫn không kêu đau mà ngất đi.

Khi tỉnh lại, Thạch Lỗ thấy mình đã nằm trong căn phòng nhỏ ở nhà. Ngô Lão Giác dùng thứ thuốc cao tựa phân gà đắp vào chân cho ông, lại cắt mấy thang thuốc bắc để bà vợ Thạch Lỗ sắc cho chồng. Thấy trong bã thuốc có rết, bọ cạp và một thứ bọ nữa, Thạch Lỗ bảo vợ

- Bà nhặt con bọ cạp ra, đặt lên miếng ngói đem nướng trên than cho xém vàng để tôi nhấm rượu.

Tuyết như bông vụn rơi cả đêm, sau đó nắng to ba ngày, những giọt tuyết tan từ trên mái nhà lợp bằng lau tí ta tí tách nhỏ xuống. Thạch Lỗ nằm trên giường bảy ngày, ông vẫn nghe trên lầu chuông có tiếng chuông gióng, sợi xích sắt vẫn kêu xủng xoẻng. Ông bắt con trai tới lầu chuông xem thế nào, con ông tới xem xong trở về nói ngày nào cũng có những đội tuần hành chúc mừng thơ từ

đăng trên báo, hôm nay trên loa có tần số mạnh đã phát thanh bài hát phổ thơ và từ của Mao chủ tịch, một số họa sĩ cũng treo tranh vẽ mai của mình lên bốn xung quanh tường lầu chuông.

Xẩm tối, đám quạ ở lầu bắn tên trên tường thành bay về đậu trên cây xuân ở ngoài sân đất. Con mèo già ốm vẫn nằm trên chỗ tường lở bao quanh sân. Đám quạ bay xuống đậu không xa nhưng nó chẳng thèm để ý. Bà vợ ông trộn cơm gọi nó, nó cũng không xuống mà cũng chẳng kêu "meo". Bà vợ nói:

- Con mèo này xem chừng muốn chết quá!

Thạch Lỗ quay người ngoảnh mặt vào tường. Bỗng ánh sáng trong nhà tối đi rồi ông Mã vừa bước một chân vào đã nói oang oang:

- Thạch tiên sinh, Thạch tiên sinh! Sao chân lại gãy nữa à? Gẫy chân mà cũng chẳng bảo con đến báo cho tôi một tiếng! Tôi đã bảo mà, họa sĩ dù sao cũng làm cao, tôi không đến mời là ông chẳng chịu thưởng thức món thịt dê, tôi đành phải mang đến tận nhà đây! Ngồi dậy nào, ngồi dậy nào!

Thạch Lỗ ngồi dậy. Một bát to tướng thịt dê có thả bánh bột viên nóng hôi hổi đặt trên bàn, ông Mã gò má nhô cao vẫn đang vừa nói vừa cười giục giã ông, tiếng to đến mức làm rung cả căn nhà lá, khiến mấy hạt đất rơi

cả xuống. Từ ngày có "cách mạng văn hóa" đến nay, cách dăm ba ngày là Thạch Lỗ lại đến tiệm thịt dê thả bánh của ông già Mã ăn một bát lớn. Bao tử của người Tứ Xuyên ngoài bẩm tính trời cho thích ăn ớt chỉ thiên và ớt da hổ ra, ở thành cổ miền bắc này, họ chỉ duy nhất thích món thịt dê thả bánh. Ông Mã không ngại Thạch Lỗ. Ông là dân thường, thành phần lại tốt, cũng chẳng cần gì tiền đồ với lối ra nên thường cho Thạch Lỗ ăn thịt dê miễn phí, lại còn cho uống cả rượu nữa. Thạch Lỗ nghiện rượu nhưng tửu lượng ngày một kém, uống chưa bao nhiêu đã say, say thì cởi giầy ra, ngồi xổm trên ghế đẩu nói:

- Ông Mã này, người khác dự buổi phê đấu thì ăn không ngon, ngủ không yên, tôi thì cứ ăn uống như thường. Chỉ có điều ăn lú lẫn thế nào đó mà không sao béo lên được.

Ông Mã đáp:

- Có gọi cả con bò cho chui vào bụng ông thì ông cũng không thể hiện được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Phản cách mạng có khác!

Thạch Lỗ nói:

- Hôm nay tôi ăn không của ông, có khi kiếp trước ông nợ tôi cũng nên. Khi nào tôi chết thì ông nhớ đặt một bát thịt dê vào trong quan tài, loại cực ngon ấy nhé!

Nói thế thôi chứ ăn uống xong, Thạch Lỗ gọi đem giấy bút đến vẽ một bức tranh tặng ông Mã.

Bây giờ Thạch Lỗ ngồi trên giường ăn hết bát thịt dê, nói:

- Tôi không vẽ được tranh cho ông nữa rồi.

- Tôi cũng không cần tranh của ông! - Ông Mã đáp.

- Nhưng món nợ tranh này phải trả chứ! - Thạch Lỗ đáp - Thôi thế này, từ ngày mai trở đi, mỗi ngày ông đưa một bát thịt dê đến đây, mỗi bát một bức tranh. Ông thích hay không thích tranh tôi, tôi vẫn cứ vẽ cho ông. Ông có đem dán cửa sổ cũng là việc của ông.

Ông Mã ngoác miệng cười, miệng rộng đến bỏ lọt cả nắm tay. Ông ngoẹo đầu nói nhỏ:

- Tôi giữ tranh cho ông đấy! Sau này tôi in cho ông một tập tranh lớn.

Một tối cách một ngày sau, ông Mã lại tới, đề xuất việc vào sâu trong vùng Tần Lĩnh để thăm ông Nam. Ông bảo thành phố có quy định người chết không được chôn xuống đất nữa. Nhưng bây giờ thế đạo hỗn loạn, thường gia đình người chết nửa đêm khiêng quan tài ra ngoài thành chôn.

- Chúng tôi cho ông vào quan tài giả để khiêng ra khỏi thành phố nhé!

Ông Mã vỗ ngực, đảm bảo lo thành công chuyện này. Anh họ ông ta có chân trong đội tuần tra trị an ở cổng thành Nam. Nhưng Thạch Lỗ giờ đây không còn hứng thú

với hoa mai tít trong dẫy Tần Lĩnh nữa rồi. Ông lại hỏi:

- Ông có nghe tiếng chuông trên lầu chuông gióng lên không?

- Không! - Ông Mã đáp.

Không à? Sao lại không được chứ? Ông yêu cầu khiêng cả ông lẫn giường ra ngoài sân.

Ngoài sân không có gió. Bốn bức tường đất, một cây xuân già, chỗ tường lở không còn thấy con mèo già ốm đâu nữa. Thạch Lỗ kêu đòi rượu uống. Cái miệng bị mất chiếc răng cửa nhăn nhúm như một lỗ hổng đen sì. Những móng tay dài nghêu nắm chặt lấy cốc rượu, hết cốc này lại cốc nữa nhấm với ớt chỉ thiên và trà mốc rồi lên tiếng:

- Ông Mã, ông là một đảng viên tốt!

- Tôi có phải đảng viên đâu!

- Không phải à? Sao lại không phải nhỉ? Tôi bây giờ mới cảm thấy, đời tôi là vì ông Nam mà sống, vì ông mà sống. Đem giấy mực đến đây, tôi vẽ cho ông. Ông muốn vẽ gì?

- Tôi không muốn nữa đâu.

- Tranh tôi dở lắm sao?

- Không đâu. Ông là một họa sĩ vĩ đại nhất của Trung Quốc đương đại.

- Thế thì sao ông lại không thích?

Ông Mã đưa mắt nhìn bà vợ Thạch Lỗ đang đứng ở cửa. Bà vội vàng chạy vào trong rồi gọi ông Mã chuyển giúp cái lò than. Ông Mã lập tức vào nhà. Bà hạ giọng dặn dò:

- Ông đừng có nói cho ông ấy biết nhé.

Thì ra số tranh mà ông Mã cất giấu đã bị láng giềng tố giác với phái tạo phản đóng ở phòng làm việc của khối phố, trưa ngày hôm trước phái tạo phản đã buộc ông Mã phải giao nộp rồi cho mồi lửa đốt ngay tại chỗ. Nhưng ông Mã còn có ảnh chụp.

Ở ngoài sân, Thạch Lỗ vẫn hỏi mãi:

- Ông không muốn tranh của tôi nữa à? Đồ con rùa, ông tưởng những tranh ấy là tôi vẽ qua quít cho ông hẳn? Tôi biết ông sẽ giữ gìn tranh của tôi nên lão già này mới nhờ ông cất giấu hộ, sau này sẽ xuất bản thành tập tranh. Thế hôm nay ông muốn vẽ gì? Tôi vẽ cho ông cái sân này nhé, ông bảo vẽ gì nào?

Miệng lẩm bẩm, Thạch Lỗ ngồi dậy rồi lại lớn tiếng gạn hỏi ông Mã. Ông Mã từ trong nhà đi ra, chợt nghe Thạch Lỗ đang nói:

- Ô này, bốn bức tường đất vuông vắn vây quanh, chính giữa là một gốc cây; bốn bức tường đất vuông vắn vây

quanh, bên trong có một người là tôi. Thế là cái gì? Là chữ *khốn* hay chữ *tù*...

Tiếng nói trên giường dần dần nhỏ đi rồi không nghe thấy nữa.

Tới ngày thứ hai mươi hai, Thạch Lỗ đứng được lên. Chân ông thẳng ra rồi. Ông mắng Ngô Lão Giác là người thần rồi xách chai rượu đến tạ ơn Ngô Lão Giác. Qua cửa hàng thịt trước lầu chuông, thấy một hàng người đang sắp hàng mua thịt. Ông cũng sắp hàng, chờ đến lượt, người bán thịt hỏi ông mua thịt gì, ông đáp:

- Mua cái mật, cái mật lợn đắng ấy.

Người bán hàng nghi hoặc nhìn ông, sau đó liền nổi nóng:

- Không bán!

Ông đang tính cãi sao lại không bán thì người bán hàng cùng tất cả khách mua đều gào lên:

- Muốn gây rối hả? Có phải đồ tâm thần không đấy? Cút!

Ông bị đẩy ra khỏi hàng.

Học trò ông, họa sĩ nghiệp dư Vương Trấn trẻ tuổi từng theo ông tới Thiểm Bắc vẽ tranh tại chỗ, vừa hay đi qua lầu chuông, thấy ông thầy mình vừa đi trên đường phố vừa kêu: "Có lẽ nào như thế!" thì vội vàng kéo ông

tới chỗ khuất, bảo anh đang tính đến nhà tìm ông. Anh hỏi ông có biết ông Bạch Hà đã nhờ Ngô Lão Giác chuyển tranh của ông ta tới Chủ nhiệm ủy ban cách mạng; Chủ nhiệm hết lời khen và đã phê chuẩn đặc xá, giải phóng cho Bạch Hà.

Thạch Lỗ kêu lên:

- Ông ấy chỉ ngụy trang đấy thôi!

Vương Trấn nói:

- Chủ nhiệm sắp đưa trình bức tranh ấy lên Bắc Kinh, không ngờ một nhân vật lớn từ Trung Ương về thấy tranh liền nảy ý muốn triệu tập một trăm họa sĩ để vẽ mai. Nhân vật lớn ấy có nhắc đến thầy. Hiện tỉnh đã tổ chức ban trù bị, cử họa sĩ Âu Dương Thanh phụ trách công việc cụ thể. Âu Dương Thanh có nhờ em đến nói với thầy, đề nghị thầy cũng vẽ cho một bức. Thầy có hiểu ý của anh ấy không?

- Hiểu.

- Đây đúng là một cơ hội.

- Tôi không vẽ.

- Không vẽ sao?

- Không vẽ.

- Thầy ơi... Thầy phải học cách tự bảo vệ mình chứ...

- Tôi không biết vẽ!

Thạch Lỗ giận dữ quay ngoắt người bỏ đi, không thèm chào học trò lấy một tiếng, cũng chẳng đến nhà Ngô Lão Giác nữa. Ông rướn cái cổ đầy những gân xanh đi thẳng về nhà.

Vương Trấn không hề giận thầy, tới quán bán thịt dê kéo ông Mã đang thêm gia vị cho nồi nước hầm để cùng tới nhà Thạch Lỗ khuyên can. Thạch Lỗ không về nhà uống rượu một mình mà đem tất cả số mực đen đổ vào chậu rửa mặt, pha keo vào, đổ cả vào chai rượu nữa rồi quết lên tất cả cửa ra vào, cửa sổ của gian nhà tranh vách đất, cột kèo cũng quết, cây cột dài trên đầu bức tường đất cũng quết cho đen sì, miệng nói:

- Xem kìa, có giống chùa chiền ở Thanh Hải không nào? Tường trắng cột đen, khung cửa sổ đen, giấy dán cửa trắng, xem chừng có vị đường nét màu sắc đơn giản rõ ràng của đồ đạc dùng trong nhà đời Minh Thanh đấy chứ nhỉ?

Tất nhiên Vương Trấn khuyên can thận trọng, còn ông Mã thì hầu như to tiếng chỉ trích. Thạch Lỗ cũng nổi nóng, gào lên như sói:

- Thằng già này không vẽ đấy!

Khi trèo lên thang để quết góc hiên, tay ông run rẩy

bưng chậu mực, cả người lẫn chậu đổ lăn xuống đất. Ông Mã ôm Thạch Lỗ vào lòng, chợt nghe tiếng Thạch Lỗ nài nỉ:

- Ông đưa tôi đến Tần Lĩnh thăm ông Nam nhé?

Ông Mã đáp:

- Tôi không đưa ông đi đâu!

Đúng lúc ấy, Vương Trấn nhìn thấy trên khuôn mặt héo hon của thầy mình có hai dòng lệ ngoằn ngoèo chảy dài xuống. Nước mắt đục mà sánh, vừa lăn xuống thì vết nước mắt đã khô ngay nổi màu trắng đục, như vết con sên bò qua tường. Còn mái tóc dài thô cứng đen sì dường như vừa dựng lên đã nằm rạp về tứ phía như bị gió quét qua vậy. Rồi chỗ tóc xoáy rạp ấy bắt đầu ngả muối tiêu, ngả màu trắng, như những vầng cỏ ngả trắng sau sương, ngả trắng thành sợi tơ bạc.

Một loạt họa sĩ trong thành đã vẽ xong bức tranh tả ý vịnh mai của họ, một loạt họa sĩ ở các nơi trong nước cũng được mời và cũng vẽ xong bức tranh tả ý vịnh mai của họ. Trăm bức tranh vẽ mai đều xum xuê xán lạn, rực rỡ đỏ tươi. Vào ngày cuộc triển lãm tranh lớn long trọng khai mạc, Thạch Lỗ trong túp nhà tranh bắt đầu nhịn ăn, suốt ngày chỉ có rượu. Ông bị ngộ độc nặng vì chất độc trong rượu cồn, răng rụng mất một nửa, tay quắt lại như chân gà. Người nhà dọn cơm cho ông, cái miệng móm

mém không còn răng phều phào nói:

- Cây xuân ngoài sân có ăn cơm đâu, chỉ uống nước thôi. Tôi cũng uống nước, rượu là nước mà.

Mỗi khi có rượu vào, dường như ông tỉnh táo hẳn lên, từ trên ghế mây bước xuống dưới giường, chui vào trong kho để đồ nhặt nhạnh một số thứ: rìu, cưa, giầy đi mưa, dao, một đoạn dây thép và cái túi vải. Trong túi vải có bút lông, thỏi mực, giấy tuyên để chuẩn bị trốn tới Tần Lĩnh. Ông còn vẽ bản đồ đường đi tới Tần Lĩnh, trên có rất nhiều mũi tên đỏ dầy đặc, chẳng khác gì bản đồ tác chiến của Hồng quân trên màn bạc.

Người nhà phải báo cáo với ngành hữu quan: Thạch Lỗ điên!

Thạch Lỗ điên thật rồi. Cuối cùng ông đã ra khỏi cổng vòm của cái thành này, tới được Tần Lĩnh mênh mông bát ngát. Ở vùng Tần Lĩnh sâu tựa biển, Thạch Lỗ không ngờ chẳng lạc đường tẹo nào tìm ngay được túp lều của ông Nam. Nhưng ông Nam đã chết, hoa mai trong ngòi hoa mai cũng hầu rụng hết thành bùn. Đứng trước giường ông Nam chết vì ốm đau, Thạch Lỗ nhìn thấy trên bức tường bằng đá chất lên mà xếp thành, dán đúng bức tranh thần lửa do ông vẽ. Nhặt một mẩu than củi còn sót lại trong góc nhà ông viết đôi câu đối dưới bức tranh:

Người đi nhà bỏ hoang,

Ta đến mai đang tàn.

Ngoảnh đầu lại từ cửa trông ra, phía xa trong núi kia là hướng về thành cổ. Ông lại nghe thấy chuông trên lầu chuông nơi thành cổ tự vang lên. Tiếng chuông này chẳng khác gì trăng trên trời, ông đi đâu trăng theo đấy, tiếng chuông cũng theo ông mãi như vậy chăng?

Chú thích: Một phần chi tiết trong truyện này là dựa vào tư liệu lịch sử do đồng chí Vương Xuyên nắm được mà sáng tác nên. Đã là tiểu thuyết thì ngoài tên Thạch Lỗ ra, số nhân vật khác không còn là sự thực của nguyên mẫu, xin đừng đối chiếu rồi tự nhận là mình.

PHẠM TÚ CHÂU *dịch*
(*Tiểu thuyết tuyển chọn*, số 8
năm 1998)

GIẢ BÌNH AO

VƯỜN HẠCH ĐÀO

Ông La Lục Tử, phó bí thư một công xã ở Thượng Châu. Năm 58 tuổi, đầu tóc, râu ria đều trắng xóa, lại thêm chiếc chân này ngắn hơn chiếc chân kia rất nhiều, lưng không thẳng lên được, nên trông càng hom hem. Con gái là thợ làm đầu, đã từng nhuộm tóc cho ông một lần, kết quả lại càng thêm thảm hại: Trên cùng một cái đầu, tóc ở bên trên thì đen, râu ria ở bên dưới lại trắng, nên cứ hai ngày phải cạo râu một lần. Do da cằm nhún nhão, nên cạo mặt thường bị phạm, chảy máu nhiều chỗ, nên người ta thường nói khích ông:

- Bí thư La, ông định tự tử hay sao thế? Tự tử mà cũng không tìm được đúng chỗ sao?

La Lục Tử đáp:

- Tôi muốn tự tử á? Chuyện ấy khó gì?

La Lục Tử nói thế, cũng chẳng phải ông nói tầm bậy cho xong chuyện, thực ra ông từng đã có ý định tự tử rồi đấy, song đó là chuyện của nhiều năm về trước. Về sau ông lại cảm thấy hổ thẹn: Tự mình kết thúc cuộc đời mình, đâu phải là trách nhiệm của con người; một sợi thừng,

một miệng giếng, hoặc vài chục viên thuốc ngủ, rồi mê mẩn đi... thế là, không còn phải là La Lục Tử nữa rồi.

Từ đấy ông không còn đi nhuộm tóc nữa. Năm năm mươi chín tuổi, ông về hưu non.

Con gái, con rể đều làm cho nhà nước, có lòng tốt muốn đón ông lên huyện ở cùng, nhưng ông không tán thành, mà ông nhất quyết trở lại bình nguyên Quan Trung quê cũ.

- Đất hoàng thổ chôn vùi bố, thì dù có làm hồn ma, cũng vẫn thấy yên tâm hơn.

Con gái, con rể nói:

- Bố đã từng làm việc ở vùng sơn địa ba chục năm, núi ở đây, nước ở đây và không khí ở đây không hơn vùng bình nguyên đó sao?

Ông thở dài:

- Cái chân của bố...

Lý do duy nhất và cuối cùng của ông là cái chân què. Ở vùng sơn địa, sự "đãi ngộ" đối với những người tàn phế, và những quan chức là thế này: Họ chỉ gọi họ mà không bao giờ gọi tên. La Lục Tử lại rơi vào cả hai trường hợp ấy, ở trụ sở công xã, ở trên bàn hội nghị, trước mặt ông, họ gọi ông là ‘La bí thư”, nhưng trong xóm ngõ, trong bếp núc, sau lưng ông mọi người gọi ông là ‘La Què”,

nhất là trên con đường cái quan trải nhựa thẳng tắp, và hai bên đường là những hàng dương cao vút, ông từ xa đi tới, bước thước tư, bước thước bẩy (ba thước ăn một mét. ND) mọi người chế diễu ông là đôi chân không nhất trí, và ông chê mặt đường trải lệch.

Năm năm mươi tuổi, ông bị què chân. Tám chín năm trở lại đây, cái chân què ấy có đặc dị công năng: Cứ mỗi khi trời u ám đổ mưa, cái chân lại đau, và mỗi khi đau là y như trời đổ mưa, u ám, chính xác chẳng khác gì những máy móc tinh vi. Về sau, cũng không còn chính xác lắm nữa. Bác sĩ bảo rằng nó đã trở thành bệnh tâm lý, nói đau là đau liền, nói không đau là không đau ngay tắp lự, cứ như người giả vờ ốm vậy. Khí hậu ở vùng sơn địa thay đổi thất thường, ông lo rằng cứ đau như thế và kéo dài mãi, ông đến chết mất.

- Ba mươi năm... mới đấy mà đã ba mươi năm rồi...

Ông thích xòe những ngón tay, nhớ lại những năm tháng của mình.

- Lẽ nào mà sau ba mươi năm, bố lại kéo lê cái tập tễnh ấy về quê?

Con gái, con rể ông nói thế, khiến ông im không nói gì.

Nhưng khi còn lại một mình trong nhà, ông lại thêm

một lần nữa nhất quyết trở về bình nguyên Quan Trung quê cũ.

Tính nết ông ương bướng, bản thân ông cũng biết rõ điều đó, nhưng không sao thay đổi đi được. Khi bà lão còn sống, thường hay ngăn cản ông, mỗi khi họp hành, ông phải báo cáo, bao giờ bà lão cũng ngồi ngay ở hàng ghế đầu, khi thấy ông hơi hơi nổi nóng lên, nói năng đã bắt đầu quá lời, bà liền đưa mắt cho ông. Ông xem chiếu bóng, phim *Lâm Tắc Từ*, ông rất tâm đắc với bức hoành mang hai chữ *Nén Giận* (Chế Nộ) treo ở trong phòng Lâm Đại Nhân, và trong một thời gian dài, ông đã từng gọi bà lão là 'bà Nén Giận".

Đến nay bà lão đã mất, tính nết ông không còn bị gò bó, kiểm soát nữa, cái quyết tâm trở lại bình nguyên quê cũ không còn ai có thể lay chuyển được nữa, ông bắt tay vào việc thu xếp hành trang.

Đồ đạc trong nhà ông ít ỏi đến thảm hại. Ba mươi năm trước ông còn là một chàng trai tơ, từ Quan Trung lên vùng sơn địa Thương Châu, làm anh liên lạc trong Ủy Ban huyện. Ngày ấy công văn giấy tờ không nhiều, lại chẳng phải dậy sớm hàng ngày để lấy nước sẵn cho ông Huyện Trưởng rửa ráy, hoặc phải quét dọn gì, mà chỉ có mỗi một việc là Huyện Trưởng sai chạy giấy xuống các xã bằng ngựa, ông chỉ việc lo ăn lo uống cho chú ngựa là xong.

Về sau ông làm nhân viên bán hàng, rồi cán sự công xã, thậm chí còn gánh vác cả công việc của hội Phụ Nữ - khi ấy cán bộ nữ còn rất ít - ông đã làm chủ nhiệm hội Phụ Nữ. Cũng trong thời kỳ ấy ông có làm quen được với một cô gái người địa phương, và từ đó cô trở thành vợ ông. Thời ấy người ta không ưa việc mua sắm đồ đạc gia đình, mãi về sau này mới có cái mốt mua sắm thêm "mấy chục cái chân" (ý nói chân bàn chân ghế, chân giường, ND) nhưng thói quen của ông không thay đổi được nữa, vì thế, trong nhà ông bây giờ, chỉ có hai chiếc hòm con con mối mọt, và chỉ trong một buổi tối ông đã thu xếp xong mọi thứ hành trang. Ông đi đến mộ vợ ông lần cuối để từ biệt bà lão, ông ngồi trước mộ bà rất lâu, sau đó ông đến vái mấy vái trước hai nấm mộ cha mẹ mình đặt phía sau ngôi mộ vợ ông.

Nhưng cô con gái và cậu con rể kiên quyết không cho ông ra đi, họ đem hai chiếc hòm nát giấu về nhà ở trên huyện.

Trong thời gian còn chưa ra đi được, ông sống một mình trong một gian phòng tập thể của công xã. Mỗi khi hoàng hôn buông xuống, ông thường thích một mình ra ngồi trên một mỏm núi trước trụ sở công xã. Mỏm núi rất dốc, bên dưới là một dòng sông. Dòng sông bao quanh một khối đá tròn to như thế, nên con sóng, trước sau chỉ

đập vào một nơi, không đổi thay sắc thái, lúc nào cũng chỉ là một mầu trắng, không giống tuyết, cũng không giống hoa, mà nó giống như những giải giấy trắng nhỏ, dài, vo thành từng mớ, từng mớ. Không khí vùng sơn địa thật trong lành, ngồi ngắm nhìn sự đổi thay của bóng mây, dáng núi; lắng nghe tiếng âm nhạc của sóng sông gặm vào vách núi, vậy mà lòng ông rối loạn, mà chẳng tìm cho ra được đầu nào, mối nào, những lúc như thế ông thường lần trong túi, lấy ra hai hạt hạch đào, vo vo trong tay khiến chúng vang lên những tiếng lách cách, lách cách nho nhỏ.

Hai hột hạch đào không to, đầy những nếp nhăn dọc ngang xoắn xuýt, và ông quý mến nó, coi nó như một thứ bảo bối của mình, đi đâu ông cũng mang theo nó trong người, và khi không có việc gì, ông lại lấy nó ra vò vò trong tay, làm cho nó vang lên những tiếng lách cách, lách cách. Mồ hôi trong tay làm cho hai hột hạch đào bóng lộn lên, và đổi thành màu nâu sẫm, đến độ trông chúng chẳng còn có vẻ là hột hạch đào nữa.

Buổi chiều có một cô gái mới chừng hơn mười ba tuổi, đến bên móm núi. Cô đi chăn dê, cô đã lấy một cái thừng thật dài buộc con dê vào thân cây, để cô có thể chơi bời một mình ở đó. Và cô bé nhìn ông chầm chầm.

Ông hỏi:

- Cháu là con nhà ai thế?

Cháu là con nhà ai thế? Ông cảm thấy cô bé thật đáng yêu.

Cô bé đáp:

- Cháu là con của mẹ cháu!

Ông cũng nói:

- Bác cũng là con của mẹ bác.

Từ đó một già một trẻ thành bạn với nhau, và trong rất nhiều ngày họ trò chuyện với nhau ở đây. Ông cảm thấy trong người ông nguôi ngoai đi được thật nhiều. Có một lần cô bé cầm lấy mấy hột hạch đào của ông, hỏi ông đấy là cái gì? Ông trả lời cô bé. Cô bé bèn cất tiếng lanh lảnh kêu lên:

- Bé tý tẹo thế này mà đã già rồi!

- Già ư?

- Mặt nhăn nheo hết cả, giống như mặt bác ấy.

Ông bật cười, gần như bị sặc.

Cô bé lại hỏi, hột hạch đào này có ăn được không? Ông bảo, có thể ăn được. Cô bé lại hỏi, nó làm bằng gì. Ông bảo cô bé biết, nó mọc ở trên cây, có thể lấy đem trồng, rồi nó sẽ mọc thành một cây thật lớn, thật to, và một cây có thể mọc ra hàng ngàn hàng vạn cái quả.

Kết quả là hôm sau, cô bé đã lấy trộm của ông những hột hạch đào ấy đi, cô đem chôn nó xuống một ụ đất, lấy đá vây quanh thành một cái ổ. Mấy hôm sau cô lại đào hột hạch đào lên, chạy đi hỏi La Lục Tử:

- Làm sao nó không mọc thành cây?

- Con đã đem nó đi trồng đấy ư?

- Nó chết rồi!

Ông trầm lặng ngắm nhìn cô bé, nghĩ ngợi trong lòng: Đúng là nó chết rồi. Nhưng ông chẳng nói điều đó ra, và sau khi cầm lại hai hột hạch đào, ông ốm luôn một trận.

Sau khi khỏi ốm, ông đi thẳng lên huyện thêm một lần nữa, và đòi các con phải để cho mình trở về bình nguyên Quan Trung quê cũ. Cái tính ương bướng của ông lại nổ bùng ra, lời lẽ vô cùng cứng nhắc. Đầu tiên cậu con rể còn khuyên giải ông cuối cùng cũng chẳng giữ được nữa, anh bảo ông không nên về hưu non, rồi lại bảo ý chí cách mạng của ông bị sút giảm, đã làm việc, công tác ở vùng sơn địa đến ba chục năm, mà vẫn chẳng có chút tình cảm nào với vùng sơn địa cả. Lời lẽ ấy đam thẳng vào trái tim ông, ông dằn mạnh cốc nước, giận dữ mắng con:

- Mày lên lớp tao đấy phải không? Ba mươi năm trước, khi mày còn là thằng oắt con, ngồi trên đùi bố, tao đã đến nơi này rồi đấy! Khi ấy, đây còn là rừng thiêng nước

độc, làm sao tao không bỏ mà về? Tao đã quyết sống chết với mảnh đất này, đem bán hết cả nhà cửa nơi quê cũ đi, không giữ lại một hòn ngói, tao đã cắt đứt con đường trở lại, mày biết không? Tao đã đem cả hài cốt cha mẹ tao chuyển đến nơi này, vậy mà tao không yêu mến vùng sơn địa này sao? Cái chân tao... cái chân tao...

Ông không nói thêm được nữa, và ông lại lấy tay chà sát hai hột hạch đào vang lên những tiếng lách cách lách cách nho nhỏ.

Chàng rể về nói với vợ, cô con gái La Lục Tử nói cho chồng biết: Chức vụ cao nhất trong cả một đời bố là bí thư khu ủy[1], đó là khu Thanh Du miền cực tây của huyện. Năm đó ông hô hào mọi người trồng hạch đào, và ông đã liên hệ đem được một số lớn cây giống từ nơi khác về, rồi lại đích thân đi mời cán bộ kỹ thuật về hướng dẫn nhân dân cách thức trồng trọt chăm bón, quyết tâm biến cái vùng đất núi hoang vu ấy thành vườn hạch đào. Ông ngồi đứng không yên, lặn lội hết nơi này đến nơi khác, giải thích tuyên truyền, bàn bạc quy định để thực hiện việc trồng cây. Ông động viên không nên trồng cao lương ở những mảnh đất bạc màu trên đỉnh núi nữa... Kết quả là, trong một đêm, khi đi ngang qua con đường đá ở bờ sông,

(1) Đơn vị hành chính của Trung Quốc là: Xã, khu, huyện, địa, tỉnh. Tương đương với xã, tổng, huyện, phủ, tỉnh, thời xưa của ta (Lê Bầu)

mắt ông bị hoa lên, rồi bước hụt chân...

Từ đấy ông phải mang trên mình một chiếc chân què.

Nhưng ở cái vùng sơn địa ấy, từ xưa đến nay chưa bao giờ có cây hạch đào, chưa bao giờ được trông thấy, nhìn thấy và cũng chưa bao giờ trồng nó, nên nông dân không chịu tin ông, tập quán xưa nay của họ là gieo hạt trên những mảnh đất hoang, mỗi năm thu hoạch một vụ với cung cách cứ phải đi mười bước chân mới thấy được một cây cao lương.

- Con người là phải sống bằng ngũ cốc. Cái cây này có ăn được không? Có uống được không?

- Nó có thể kết thành trái hạch đào. Đó là loại cây rung ra tiền đấy!

- Năm nay có ra được tiền không?

- Đồ mắt chuột chỉ nhìn được mấy tấc đường!

Ông càng cương quyết, bướng bỉnh hơn, yêu cầu mỗi công xã đều phải có vườn hạch đào, có nơi không làm, ông bèn gọi cán bộ tới, lớn tiếng toát cho những trận nên thân.

Từng khoang từng khoảnh đất hoang trên đỉnh núi, đều được trồng hết hạch đào, một năm chẳng có thu hoạch gì, hai năm chưa nhìn thấy lợi ích của nó ở đâu... Những lá đơn kiện cáo tới tấp bay lên huyện ủy, địa ủy, tỉnh ủy:

Cây hạch đào cái quái cái quỷ gì? Có cây hạch người, cây hao tài tốn của thì có!

Thế là La Lục Tử - ông bí thư khu ủy - bị đổ cái rụp, trong tiếng than van, phàn nàn, trách móc của quần chúng. Ông được điều tới công xã Núi Trắng (Bạch Sơn) heo hút giữ chức vụ phó bí thư công xã.

Ông thất bại, ông rời khỏi khuôn viên khu ủy, ông chẳng có tý gì, vẫn chỉ là một bó chăn chiếu, một chiếc bát sắt trắng men, một chiếc đèn pin, và hai cái hột hạch đào. Ông vừa đi vừa khóc.

Chín năm nay, ông không một lần trở lại Khu Thanh Du ấy nữa.

Chàng rể lúc ấy mới hiểu được tâm can của bố vợ, thấy ân hận vì đã không thấu hiểu hết được tấm lòng ông, anh lần xuống công xã xin lỗi ông.

Nhưng ngay từ sáng sớm ngày hôm đó, La Lục Tử đã lặng lẽ ra đi.

Khi bước chân lên xe, không có bất cứ một người nào vẫy chào ông, duy chỉ có một người bạn - cô bé chăn dê - đến tiễn biệt ông. Ông cúi hôn cô bé thật nồng nhiệt, rồi lên xe. Tấm kính mỏng manh trên cửa sổ xe đã ngăn cách ông với cô bé con, đã ngăn cách ông với những dặng núi xanh xanh, và với con sông đầy nước trắng xóa. Một

lớp kính mỏng manh, đã khiến cho vùng sơn địa, ông đã làm việc ba chục năm, trở thành một bức tranh, trở thành làm việc ba chục năm, trở thành một bức tranh, trở thành một ảo ảnh mỹ lệ.

Xe ô tô chạy, hướng ra phía bên ngoài núi.

Xe chạy qua khu Thanh Du. Ông nhắm tịt mắt lại, nhưng rồi cũng không thể không mở mắt ra để thoáng nhìn. Cái vùng đất ấy đã khiến ông ngã ngửa người, đã khiến trái tim nồng cháy của ông lụi tắt. Ông đã từng nguyền rủa mảnh đất ấy, và cũng đã từng định rằng ông sẽ bắt đầu bò dậy từ chính mảnh đất mà ông đã ngã xuống để làm lại từ đầu, nhưng ông đã già mất rồi, tâm có thừa mà lực lại không đủ, bây giờ, bỗng nhiên ông lại đi ngang qua mảnh đất này, và còn đang mang trên mình một vết nhục mà đi.

- Thôi, thôi, hãy cứ để cho họ muôn đời nguyền rủa ta thôi!

Từng ngọn núi lùi dần, lùi dần về phía sau xe, nhưng trên đỉnh núi càng ngày hiện ra nhiều những bóng dáng màu xanh, đó là những vạt rừng, nhưng nó là thứ cây gì mới được chứ?

Ông lại lôi ra hai hột hạch đào, vò vò nó trong tay cho vang lên những tiếng lách cách, lách cách nho nhỏ.

Một người đàn bà ngồi bên cạnh hỏi ông:

- Ông có phải là người ở vùng Thanh Du này không?

- ...

Ông chẳng biết trả lời sao, và cảm thấy chiếc chân què của mình đau nhức nhối.

- Hạch đào của các ông bao nhiêu tiền một cân?

- Hạch đào? Của chúng tôi...?

Ôi! Vậy thì ra, ở trên đỉnh núi kia, những cây hạch đào đã mọc thành rừng! Đã chín năm rồi, chắc chắn hạch đào đã phải cho quả. Điều đó lẽ nào lại là một sự thực được sao? Cái cây hạch đào cho quả, quả nó ra làm sao nhỉ?

Ông đề nghị bác tài xế cho dừng xe, bảo rằng ông bị đau bụng đi ngoài. Bước xuống xe, vẫn sông ấy núi ấy, và chỉ trong nháy mắt, những ảo tưởng bị ngăn cách bởi tấm kính mỏng manh của chiếc ô tô đã trở thành hiện thực. Ông lớn tiếng nói với bác tài:

- Cứ cho xe chạy đi, tôi xuống xe ở đây thôi!

Ông đi về phía dốc núi, ông bất chợt thất vọng... Nếu như đấy không phải là rừng hạch đào? Rồi nhỡ lại gặp mặt một người quen nào đó thì sao? Làm sao có thể chịu đựng nổi những ánh mắt đầy giận dữ kia? Ông cứ bước từng bước tậm toạị, vòng qua một hẻm núi, và thật bất ngờ, trước mặt ông lại hiện ra một con đường cái quan,

vòng vèo uốn lượn, quanh co, rồi vượt lên một đỉnh núi, và ông chợt *a* lên một tiếng: Phía trước mặt xa xa, quả nhiên là một vườn hạch đào cực lớn!

Những cây hạch đào rậm rạp, lá đã đổ vàng, nhưng còn chưa rụng hết, và núc nỉu những quả hạch đào. Ông không nhìn thấy cuối vườn đằng kia, ông chỉ nhìn thấy trong nơi sâu nhất một ngôi lều cỏ mà hai mái của nó úp sụp xuống đất thành một hình tam giác. Sương sớm tản mạn, giăng mắc đó đây, và biến thành màu lam khi tụ lại trên đỉnh những ngọn cây của cả rừng cây.

Ông nghe thấy từ phía đó, tiếng những cây sào tre đập quả rào rào và tiếng quả rụng bồm bộp, và có cả tiếng một người nói to:

- Mảnh vườn này chia cho nhà anh rồi hử?

- Chứ sao!

- Đây là Vương chuyên viên chuyên ngành, thân chinh đến thăm vườn hạch đào của anh đấy.

- Ô! Thật vinh dự, rất hoan nghênh, xin mời các vị nếm thử hạch đào đi.

- Vườn này, năm nay mới cho quả không?

- Dạ vâng, thưa đồng chí chuyên viên, năm nay nó mới cho quả!

- Một cây có thể thu hoạch được bao nhiêu?

- Dự tính khoảnh độ năm, sáu trăm cân[1]

- Ối chao, thật đúng là cây rung ra tiền! Vườn này được trồng từ năm nào vậy?

- Tám, chín năm rồi!

- Tám chín năm mới thấy được hiệu quả, điều này có lẽ cần phải thông báo cho toàn địa khu biết, ở đây nó đã được trồng ra như thế nào?

- Dạ thưa, câu chuyện dài dòng lắm, đây là do cái ông bí thư La Què năm đó bắt chúng tôi trồng, khi trồng xong hạch đào thì ông bị đổ, nghe nói là bị phê bình, giáng chức, và bị điều đến một nơi xa tít mù tắp nào đấy rồi.

- Ôi chao!

- Khổ nỗi, chuyện lại do chính chúng tôi kiện cáo ông, vì lúc đó mọi người cứ tưởng rằng thế là hao tài tốn của. Bây giờ chúng tôi được ăn quả, còn ông ấy thì chẳng biết lưu lạc tận phương trời nào, và cũng chẳng biết còn sống hay đã chết mất rồi?

La Lục Tử đứng ở đó, trong lòng như muốn gào lên: Tôi đang ở đây! Tôi đang ở đây! Nhưng ông lại câm lặng, đứng chôn chân ở đó, và nước mắt chảy dài.

Nghe tiếng nói của người chủ vườn, ông không nhận

(1) Một cân Trung Quốc ăn nửa kilô. (Lê Bầu)

ra được đó là tiếng nói của ai, cũng có thể ông chưa hề quen biết người này. Ông không nhận ra được người chủ vườn, vậy mà người chủ vườn lại gọi ông là La Què!

Tiếng người chủ vườn từ phía đó lại vang lên:

- Nhận biết được một con người thật khó.

Ông ngồi phệt xuống đó, người ông nhũn nhão chừng như không còn được một chút sức lực nào nữa. Chín năm nay, tại sao ông không nghe được một lời nào như thế? Tại sao ông lại không cố mò mẫn tới đây lấy một lần? Tròn chặn chín năm nay ông phải vác trên vai cái tội danh muôn người nguyền rủa, vạn người chửi bới, nếu như được nghe lấy một lời như thế, liệu ông có bị suy sụp già đi một cách nhanh chóng như thế nào không?

Liệu ông có phải về hưu non để trở lại bình nguyên Quan Trung quê cũ.

Lời nói đó ông đã phải chờ đợi trọn vẹn chín năm dài.

Ông hiểu ra rằng, một chân lý, một đạo lý, một sự kiện, một con người, muốn có được sự công nhận chân chính, cần phải qua khảo nghiệm, song sự khảo nghiệm lại phải cần tới thời gian, có thể là một tháng, một năm, hoặc tám, chín năm, và cũng có thể là cả một đời người dằng dặc!

Cuối cùng thì mảnh đất này đã được trải qua khảo nghiệm.

- Ta cũng đã được khảo nghiệm.

Ông ân hận một cách thực lòng, ân hận vì tính nết của mình cùng với tác phong mệnh lệnh thời đó.

Đồng thời, ông cũng cảm thấy xấu hổ, ngượng ngùng vì chín năm qua ông đã nguyền rủa, oán trách mảnh đất này.

Những giọt nước mắt âm thầm của ông rơi lã chã.

- Sao ông khóc?

La Lục Tử ngẩng đầu lên, đứng trước mặt ông là một cậu con trai, mồ hôi mồ kê nhễ nhoại, gánh một gánh hạch đào, vừa mới từ phía sau vườn đi tới.

Cậu bé lấy ngón tay quệt quệt lên má mình chế diễu ông.

Ông hỏi:

- Hạch đào này có bán không?

- Tất nhiên là bán chú ạ!

Ông đứng lên, rút ra năm đồng bạc, mua một túi xách.

Cậu bé nhìn ông, đột nhiên nói:

- Ông lấy đi, cháu chẳng lấy tiền của ông làm gì.

- Tại sao vậy?

- Ông là người què mà.

- Què quặt? Thế là chiếu cố người tàn tật phải không?

- Không, người lớn ở đây nói rằng: Tất cả hạch đào ở đây là do ông La Què bảo trồng, ông được lạm hưởng phần quang vinh của ông ấy.

- Thế cũng được. Tôi lạm hưởng phần quang vinh của ông ấy.

Ông bốc đầy một túi xách tay, rồi ông lấy đá đập những hột hạch đào, ngồi ăn.

Hột hạch đào nhăn nheo bốn mặt dọc ngang, ông đập vỡ, cái nhân ở bên trong trông giống như một bộ não của con người. Ô thì ra, khi nó già, nó chín, ăn được, không phải chỉ có những nếp nhăn ngang dọc, mà còn có một bộ óc nữa!

- Tên cậu là gì?

- Có chuyện gì thế ạ?

- Bác gửi cậu lời hỏi thăm tới tất cả dân làng.

- Hỏi thăm?

Ông đưa cho cậu bé mấy hột hạch đào mà ông vẫn coi như bảo bối của mình:

- Nói rằng có một người què gửi lời hỏi thăm.

Cậu bé đã nói lại chuyện đó với dân làng, những người lớn hỏi hình dáng người què ấy, rồi tất cả cùng reo lên:

- Đúng là bí thư La Què rồi còn gì nữa.

Tất cả đổ lên núi, đi tìm La Lục Tử, nhưng không tìm thấy, và rồi họ bắt đầu lôi chuyện ngày xưa ra nói lại, đoán mò đoán mẫm xem trong chín năm qua ông đã ra sao, và già nua đến mức độ nào rồi? Tất cả đều nghĩ tới ông.

Duy chỉ có mỗi một cậu bé là chính mắt đã nhìn thấy La Lục Tử, và hình dáng La Lục Tử chỉ có mỗi một mình cậu là được trông thấy rõ ràng nhất.

LÊ BẦU *dịch*

GIẢI TÊ

MÁY TÍNH CMI

Sau khi tốt nghiệp đại học, Trần Mân được điều về làm trợ lý ở ban tuyên huấn sư đoàn. Anh học chuyên ngành máy tính điện tử, chẳng am hiểu gì về tuyên truyền giáo dục, nên càng không hào hứng với công việc. Anh đã mấy lần đề nghị lãnh đạo giúp đỡ điều chỉnh công tác cho hợp ngành nghề. Họp tổ đảng, trưởng ban phê bình anh thẳng thừng và chỉ trích: việc lớn không làm được, việc nhỏ chẳng buồn làm, đó là một nhược điểm lớn của cán bộ trẻ làm việc ở cơ quan mấy năm qua. Trưởng ban còn nêu ví dụ: chủ nhiệm Viên của văn phòng sinh đẻ có kế hoạch thuộc cục chính trị tập đoàn quân hiện nay vốn từng là sinh viên tốt nghiệp đại học thú y cũng đã từng làm việc ở ban tuyên huấn ta, đã nâng cao trình độ tư tưởng và khả năng viết lách, hiện nay làm việc rất tốt, liên tiếp mấy năm giữ vững cờ đỏ là đơn vị tiên tiến sinh đẻ có kế hoạch.

Trước ông trưởng ban hùng biện, Trần Mân không thể không kiểm thảo khuyết điểm là đã không yên tâm công tác.

Trần Mân gặp vận may. Một hôm tổ công tác của cơ quan cấp trên xuống cơ sở thấy con người có tài năng này bèn điều ngay về văn phòng đảng ủy cơ quan cấp trên. Ở đó vừa được phân phối một cỗ máy tính nhập khẩu.

Cứ cho là đã được sử dụng đúng chuyên môn. Song con người là một động vật hay buồn phiền, buồn phiền cũ mất đi là vì buồn phiền mới đã phát huy tác dụng. Máy tính của văn phòng đảng ủy là để in, đánh văn kiện, phỏng theo thể chữ đời Tống vừa to vừa đẹp. Công việc của đảng ủy là công việc đặc biệt chẳng cần tới vận dụng phát minh "phần mềm", nên Trần Mân đành phải làm tạp dịch, thu phát quản lý công văn kiêm sử dụng máy tính in tài liệu. Tự thấy bản thân vẫn thất nghiệp, Trần Mân dùng thời gian rỗi vào việc vui chơi tinh thần "mốt" cao cấp, học tiếng Pháp trên ti-vi, học ghi-ta, tập viết các kiểu chữ, tìm bạn cờ trong cơ quan đấu cờ và trao đổi kỹ thuật đánh bài. Những cán bộ ưa thích vui chơi trong cơ quan ai cũng khen cái đầu của Trần Mân đúng là cái máy tính, học cái gì cũng nhanh.

Tổ trưởng đảng đã kịp thời gặp Trần Mân tâm sự, bảo anh hãy đề phòng việc lớn không làm được, việc nhỏ không muốn làm, yêu cầu anh đi sâu nghiên cứu văn kiện nội bộ của cơ quan để nhanh chóng nâng cao năng lực nghiệp vụ. Cuối cùng thân mật bảo:

- Cũng nên yêu đi thôi! Tiêu chuẩn cao một mét tám, khôi ngô trắng trẻo, lại có trình độ đại học, song cũng phải gấp đi, tuổi tác nó xồng xộc kéo đến lúc nào không biết đấy.

Trần Mân xúc động. Anh thấy các đồng chí trong văn phòng đảng ủy ai cũng miệt mài ngày đêm, viết bài diễn văn cho thủ trưởng rồi soạn thảo tài liệu, thường làm việc thâu đêm suốt sáng, công việc của thư ký riêng lại càng vất vả. Còn mình thì cứ nhênh nhang chơi bời, chẳng đâu vào đâu. Thế là anh bắt tay vào nghiên cứu các văn kiện nội bộ, làm theo yêu cầu của các bậc lão thành, "tìm ra những cái có tính quy luật".

Lâu dần anh phát hiện trong cơ quan lớn này, công việc thường xuyên nhất, có khối lượng lớn nhất, tiêu hao nhiều sức lực nhất là soạn thảo các bài nói chuyện cho các đồng chí lãnh đạo. Thủ trưởng xưa nay thường xuyên phải đi nói chuyện. Công việc hàng ngày, đón đưa khách, mừng lễ tết, kỷ niệm ngày truyền thống, việc gì cũng phải có bài nói chuyện, đặc biệt là các cuộc hội họp liên miên, các thủ trưởng thay nhau phát biểu ý kiến, nói cùng một nội dung phải làm sao không trùng nhau, lại phải cao kiến hơn, thật là hóc búa đối với các nhà chấp bút. Thảo nào cả cơ quan hàng mấy chục vị văn nhân cặm cụi viết suốt ngày cũng không xuể. Nghiên cứu sâu hơn, Trần Mân còn

phát hiện phần lớn các bài nói chuyện đều có quy luật có thể nắm bắt. Mỗi công việc, mỗi đợt hoạt động, về nguyên tắc đều có nội dung đã được xác định, lời lẽ cũng không quá hai ngàn chữ thường dùng, trong đó, những từ có tần số cao nhất chủ yếu là: "phải", "ra sức", "nắm vững", "đẩy mạnh", "lớn"... v.v... Ví dụ: thủ trưởng nói chuyện phần lớn đều nói đến nguyên tắc, khẩu khí phải là: phải thế nào, phải làm tốt việc này việc kia, phải chú ý những gì, phải nâng cao một bước lớn, tiến bộ lớn, phát triển lớn, tăng cường lớn, phải nắm hiệu quả, nắm sát sao, phải ra sức nắm, nắm một cách công phu, tập trung sức để nắm, vân vân và vân vân. Câu cú cũng có quy luật, câu phải ngắn gọn, khẩu ngữ hóa, đa số là câu bốn sáu, tốt nhất là có cùng vần điệu. Trần Mân còn thấy các nhân viên đánh máy của cơ quan và thợ sắp chữ ở phân xưởng in ấn bảo mật cũng hoặc nhiều hoặc ít phát hiện ra một số quy luật. Căn cứ vào các cụm từ thường thấy trong các bài diễn thuyết của các thủ trưởng, họ đã sắp đặt riêng các chữ chì để tiện sử dụng. Ví dụ: "đảng ủy các cấp", "chúng ta nhất định phải", "thiết thực tăng cường", "nâng cao hơn nữa", "tóm lại", "đại thể", "theo tinh thần cấp trên", "phổ biến và quán triệt", "cải tiến công tác chính trị tư tưởng", "cống hiến lớn hơn nữa", "giành tiến bộ mới". Đấy chẳng qua là sự biên chế thứ tự nguyên thủy sơ đẳng nhất. Những phát hiện đó khiến Trần Mân bạo dạn thêm

trong suy nghĩ. Anh bắt tay vào việc biên chế trình tự viết các cụm từ, bài diễn văn của thủ trưởng thích hợp với loại máy tính cỡ nhỏ có thể dùng để nhận xét và bố trí các công việc, yêu cầu thiết kế phải là: trình tự đó có thể nhanh chóng cung cấp những tổ hợp ngôn ngữ có tính khái quát đối với thành tích nói chung của công việc nào đó và những vấn đề có thể tồn tại, có thể đưa ra những ngôn ngữ thường dùng của các yêu cầu có tính nguyên tắc đối với công việc sắp tới, có thể lắp ghép các bài diễn văn theo không quá mười hình thức kết cấu. Đầu tiên anh làm thử một hệ thống. Xoay quanh việc phòng tránh sự cố, anh sắp xếp một hệ thống trình tự, sau đó tự nêu lên một tình huống tương tự: Đơn vị X xảy ra một sự cố lớn. Thủ trưởng yêu cầu phải tổ chức cuộc họp bằng điện thoại để nói chuyện. Kết quả theo hệ thống trình tự này, máy tính đã cung cấp cho anh một nội dung như sau:

"... Gần đây, tình hình phòng chống sự cố của quân đội là tốt, song cũng đang tồn tại một số vấn đề đáng để cho đảng ủy các cấp và cơ quan chính trị coi trọng hơn nữa. Ví dụ: đơn vị X vừa qua để xảy ra sự cố nghiêm trọng làm chết x người, bị thương y người, tính chất vô cùng nặng nề, ảnh hưởng cực kỳ xấu. Nguyên nhân xảy ra sự cố có tính chất tổng hợp, các bài học chủ yếu, một là đảng ủy chưa coi trọng công tác an toàn phòng tránh sự cố, hai

là công tác chính trị tư tưởng ở cơ sở yếu kém, một số cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm chính trị, ba là chế độ nền nếp không quy củ, bốn là kỷ luật tác phong của bộ đội lỏng lẻo... Các đơn vị cần phải rút bài học kinh nghiệm này một cách cẩn thận, thiết thực tăng cường phòng tránh sự cố. Một là đảng ủy phải coi trọng, cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần đều phải nắm... Hai là phải thiết thực tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và năng lực quản lý giáo dục của cán bộ. Ba là phải thật sự đưa đơn vị vào nền nếp chế độ... Bốn là phải tăng cường hơn nữa xây dựng kỷ luật tác phong cho bộ đội..."

Thành công rồi, lại qua xử lý kỹ thuật và tu sửa lời văn cho bóng bảy chẳng phải là một bài diễn văn "hết ý" đó sao! Từ lúc đưa vào chỉ lệnh đến khi in ấn thành văn bản chưa đầy 15 phút.

Trần Mân sung sướng mấy ngày liền. Anh quyết định hãy giữ kín. Lúc này đưa ra sẽ bị chê cười là hoang đường. Ở cơ quan lớn này, có một loạt cây bút chuyên viết diễn văn cho thủ trưởng, qua mấy chục năm dùi mài đã trở nên lão luyện. Họ có uy tín cao trong cơ quan, có ảnh hưởng lớn đối với thủ trưởng. Họ là những người quyền cao chức trọng, được trọng vọng, một khi thấy có kẻ định dùng máy móc thay thế họ, thì hậu quả sẽ khôn lường. Có lẽ để khi

nào thành công trọn vẹn, sự thật sẽ đủ để họ thông cảm.

Từ đấy Trần Mân không học ngoại ngữ nữa. Ghi-ta cũng tặng cho cô gái Co yếu hay hỏi những điều nghi vấn. Lọ mực, bút lông thì vứt vào sọt rác, quân cờ gửi cho em trai là công nhân. Lúc này Trần Mân mới cảm thấy những điều học ở trường đại học là ít ỏi chẳng được mấy. Anh bắt đầu đọc sách trở lại. Máy tính mà anh thiết kế lấy tên là CMI. CM là hai chữ đầu do phiên âm chữ la-tinh của họ và tên anh, còn chữ I là trình tự số 1 của máy tính.

Thấm thoắt đã bước sang mùa hè năm thứ hai. Sau mười bốn tháng ròng rã thiết kế và làm thí nghiệm anh cảm thấy đã đạt yêu cầu. Trần Mân chính thức đề nghị lãnh đạo xem xét sử dụng. Kết quả làm cho các đồng chí lãnh đạo ôm bụng mà cười, gần như cười ra nước mắt.

- Này, chớ có viển vông đội đá vá trời. Hãy thực tế một chút anh bạn ơi! Cứ chân đạp đất mà làm. Nếu máy tính có thể soạn được diễn văn cho thủ trưởng thì còn cần bọn này làm quái gì!

Trần Mân cũng đâm ra nghĩ quẩn. Ừ nhỉ, có máy tính thì còn cần họ làm gì? Mà có họ thì chẳng cần máy tính. Chính vì có họ mới cần đến máy tính. Nếu không có họ sáng tạo ra cái mô thức diễn văn: "đặt vào đâu cũng đúng, đặt vào đâu cũng vô dụng" thì máy tính sẽ tư duy và vận trù suy đoán theo lô-gích nào? Tư duy của con người vốn

không có loại máy tính nào có thể thay thế; ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư duy con người. Làm sao máy tính lại có thể thay con người để suy nghĩ và nói chuyện trước mọi hoạt động thực tiễn sinh động: trừ khi tư duy của con người công thức hóa, bát cổ hóa, mới có thể chế tạo ra hệ thống máy tính ngôn ngữ.

Vậy mà bây giờ, Trần Mân quả thật đã dùng máy tính thay thế cho những bài diễn văn sống động của con người - những bài diễn văn "đúng cả mà vô dụng". Anh thấy 14 tháng công sức bỏ ra đã mất trắng. Anh đã dùng thủ đoạn khoa học tối tân để chế tạo ra sự ngu muội tinh tế nhất. Trần Mân lâm vào vòng luẩn quẩn kỳ quặc đáng sợ một cách đau khổ. Anh càng lầm lì ít nói, bỏ cả bữa liên hoan kỷ niệm ngày thành lập quân đội mồng một tháng tám. Anh cáo ốm, đau đầu, đi lỏng, tim đập mạnh, rối loạn thần kinh thực vật, chân trái bị teo, cổ bị sái nằm lên gối rất đau...

Dường như chỉ qua một giấc ngủ, ngày nghỉ lễ đã qua đi. Song người đi làm chỉ lèo tèo mấy vị. Cả tòa lầu văn phòng bề thế trống trải lặng lẽ đến phát sợ. Vì đã xảy ra một chuyện lớn.

Những người đi làm việc ai cũng bảo thằng ranh con Trần Mân biết dự đoán, đúng là một bí thư máy tính. Bữa liên hoan vừa rồi mỗi mâm hai chai rượu ngon đều là loại

rượu "dởm", chẳng hiểu tên khốn kiếp nào đã lấy cồn công nghiệp pha vào rượu trắng để bán. Kết quả hóa nghiệm cho biết, hàm lượng chất mê-tê-lích (CH[3]OH) vượt quá tiêu chuẩn quy định của nhà nước trên 400 lần, bữa ăn hôm ấy cứ 10 người dự tiệc thì có đến tám chín người ngộ độc, sau hơn 10 đến 13 tiếng đồng hồ mới lần lượt lên cơn. Được cái tửu lượng của mọi người chẳng mấy, lại cấp cứu kịp thời nên không ai việc gì, chỉ có vài người giảm thị lực.

Song vấn đề nghiêm trọng là ở chỗ tháng tám này có sáu đợt hoạt động lớn đều có thủ trưởng đến nói chuyện. Một hoạt động cần tư lệnh và chính ủy đọc diễn văn. Một hoạt động khác cần tư lệnh, tham mưu trưởng diễn thuyết. Một hoạt động nữa cần chính ủy, phó chính ủy và chủ nhiệm chính trị nói chuyện. Hoạt động lớn thứ tư cần có tham mưu trưởng, tham mưu phó huấn thị. Hoạt động lớn thứ năm cần có chủ nhiệm, phó chủ nhiệm nói chuyện. Hoạt động lớn thứ sáu cần có tham mưu trưởng và chủ nhiệm diễn thuyết. Tất cả phải chuẩn bị 14 bài nói chuyện. Ngoài 6 bài phân công cho văn phòng bộ tư lệnh phải soạn ra, còn lại tám bài đều giao cho cục chính trị đảm nhận. Quan trọng nhất là bài diễn văn của tư lệnh và chính ủy phải do văn phòng đảng ủy chuẩn bị. Song ngộ độc thức ăn lần này làm cho các cao thủ chuyên viết diễn

văn cho thủ trưởng phải nằm bẹp hoàn toàn, khiến ông phụ trách văn phòng đảng ủy cuống lên đến phát khóc. Bỗng sực nhớ tới Trần Mân đã từng đề nghị áp dụng phát minh gì đó, ông bèn đích thân đến buồng máy tính, thúc Trần Mân cho máy chạy thử.

Trần Mân sốt sắng làm suốt một ngày một đêm, tám bài diễn văn đã được chỉnh lý trình lên cấp trên. Hôm sau cả tám bài đều được phê chuẩn: cơ bản là được, chỉ cần bổ sung, sửa đôi chỗ và chau chuốt lời văn.

Quả thật đó là một kỳ tích. Thông thường với khối lượng công việc ấy, cục chính trị phải tập trung chủ lực làm từ mười ngày đến nửa tháng. Thế mà nay chỉ trùng trục một mình Trần Mân đã làm xong về cơ bản trong một ngày đêm. Lúc này đồng chí phụ trách văn phòng đảng ủy tay nâng tám bài diễn văn mà cười ra nước mắt. Còn Trần Mân thì ngủ thiếp đi trên chiếc ghế sa-lông to mềm trong văn phòng đảng ủy, miệng thì mỉm cười, ngáy sòng sọc.

Các cán bộ của cơ quan lần lượt ra viện. Văn phòng trở lại không khí bận rộn thường lệ, ban ngày vào ra tấp nập, ban đêm đèn điện sáng choang, cách mạng càng thêm rầm rộ.

Cuối năm Trần Mân được tuyên dương công trạng hạng ba, được nhất trí công nhận là cán bộ trí thức rất có tiền

đồ phát triển, lại trả về đơn vị cũ rèn luyện để sau này tiến bộ nhanh hơn. Còn cái máy tính CMI thì xếp xó chẳng ai nhòm ngó tới. Việc ngộ độc thức ăn lớn như vừa giờ xảy ra trong cơ quan có thể khẳng định trăm năm chưa chắc đã có một lần. Họa chẳng có xảy ra việc khẩn cấp tương tự thì lại tạm điều Trần Mân lên cũng không muộn, dù có phải dùng đến máy bay đi nữa.

Cục chính trị lại khôi phục trạng thái bình thường. Ai được trọng vọng vẫn được trọng vọng, thần bí khôn lường vẫn thần bí khôn lường, coi như không có chuyện gì xảy ra.

VŨ CÔNG HOAN *dịch (từ tạp chí* Côn Lôn Trung Quốc số 1/1988)

HỨA KỲ

NƯƠNG TỰA

Đó là một tác phẩm của họa sĩ người Pháp vẽ đôi vợ chồng già cùng cầm chung một chiếc ô, dìu nhau chầm chậm đi trên phố. Ở bất cứ xó xỉnh nào trên thế giới cũng có thể tìm thấy cái cảnh bình thường nhỏ nhặt này trên đường phố. Họa sĩ dùng lối vẽ của chủ nghĩa ấn tượng mới, không khắc họa tính cách của nhân vật mà chỉ miêu tả bối cảnh hai ông bà bị mưa mù che phủ, dáng vẻ tự nhiên đến xúc động. Một nỗi buồn đau mơ hồ xâm chiếm lòng tôi, không phải do kỹ thuật hội họa mà do chính bản thân đôi vợ chồng già ấy.

Tôi nghĩ, nên đặt tên cho bức tranh là Nương tựa.

Nương tựa. Nương tựa nhau để đi đến tuổi già, để đi vào cõi chết chẳng phải là việc dễ dàng. Có bao nhiêu đôi vợ chồng đã nương tựa vào nhau được đến cùng, đạt đến sự hòa đồng thực sự về tâm linh, động viên an ủi nhau, kẻ hô người ứng cùng nhau đi về nơi tịch diệt? Đối với thế giới phương Tây lại càng khó hơn, vì Nương tựa hình như là thứ tình người cao đẹp riêng có của phương Đông, của luân lý truyền thống cổ của nước ta mà thôi.

Khi trên phố trông thấy đôi vợ chồng già dìu nhau đi chầm chậm, tôi đã nhìn họ với con mắt kính nể, giống như đang cử hành một hôn lễ thần thánh trang nghiêm, chân nhịp theo "Hành khúc tang lễ" của Bethoven. Tự nhiên sinh ra cảm giác thương đau vì thời gian đã mất, thứ thương đau thấm đẫm hạnh phúc! Một bà cụ vừa cười vừa giới thiệu với người khác về ông lão của mình: "Tôi là chiếc gậy sống của ông ấy!". Có đúng như vậy không? Thế thì cụ già là cái gì của cụ bà nào? Là cái trục cán mì chăng? Xin hãy đừng cười! Hai cụ ấy chẳng ai có thể lìa xa ai được cả.

Nhưng thật không dễ dàng. Ông trời kia không muốn để cho nhân gian được vẹn toàn, để cho người ta được nương tựa vào nhau. Hoặc là cụ ông buông tay trước, hoặc là cụ bà vội vã xa rời trần thế. Ngay khi cả hai cùng còn tồn tại ở trên đời thì cũng mỗi người mỗi phương cứ như là người lạ gặp trên đường vậy; cũng có thể cùng ở một nhà, một phòng nhưng trong lòng lại có bức tường dày ngăn cách! Cuối đời thường sợ cô độc. Cảnh ngộ cô độc thật là bi thảm! Nhưng điều bi thảm hơn lại chính là ngoài mặt tỏ ra nương tựa vào nhau mà trong lòng thì cô độc. Điều đó so với người cô độc lại càng cô độc hơn.

Từ khi mẹ tôi qua đời, chưa được hai năm mà bố tôi già đi trông thấy. Lưng còng xuống, tai nghễnh ngãng,

bước đi lập cập. Vốn là một ông lão lắm điều hiếu thắng, từ sáng đến tối chỉ bới lông tìm vết mắng mỏ bà cụ, bây giờ mắng mỏ ai? Cho nên suốt ngày chẳng nói chẳng rằng, cứ như là bất chợt phát hiện ra cái dáng ông lão tám mươi vốn bị che dấu bấy lâu nay. Đúng như câu thường nói trong các chuyện cổ: "Từ từ lộ ra quang cảnh của kiếp sau". Một người hoàn toàn khỏe mạnh, không cần chiếc gậy chống trong lòng vẫn đứng vững được. Nhưng mà con người không có ai trọn vẹn cả. Bộ phận còn thiếu kia cần được bổ xung cho thăng bằng! Bố tôi là một ông già bình thường không có bất kỳ công lao to lớn nào. Nay không còn bạn đời để trò chuyện thấy cô đơn thất vọng. Ngày rồi lại đêm, im hơi lặng tiếng, rồi lại im hơi lặng tiếng. Ban ngày thì còn tạm được, nhưng làm sao chịu đựng nổi những đêm dài dằng dặc hay tỉnh giấc và ít ngủ? Vừa đặt lưng xuống giường đã thấy người đau như dần, các khớp xương nhức nhối. Gọi bà lão đến nắn nắn bóp bóp, dẫu rằng chẳng thực sự giải quyết được vấn đề thì cũng coi như thứ dầu xoa tinh thần bôi trơn tạm thời các bộ phận rệu rã của cơ thể! Ngay cả khi hoàn toàn khỏe khoắn, trong khoảnh khắc tạm ngừng tiếng ngáy lúc nửa đêm, nếu có bạn đời bên cạnh cũng cứ như mơ gọi tên tục của bà lão ra để đánh thức: Này, x.x..., Bà đã tỉnh chưa đấy?" Cụ kia liền đáp: "Nghe thấy rồi, nghe thấy rồi, tôi tỉnh dậy rồi, có việc gì vậy?"

"Quái lạ, quái lạ, vừa mơ thấy bà cụ tôi..."

"Dào ôi! Chuyện cũ rích, xương cốt bà cụ nhà ông đã nát từ lâu rồi...".

"Này, bà thấy có lạ không cơ chứ? Thế nào mà bà cụ lại mua cho tôi cả một xâu mứt quả..."

"Tôi thích ăn bánh nếp. Hồi tôi còn con gái..."

Những thức thích ăn ngày trước ở nhà quê, trong một cái quán nào đó, trong một cửa hiệu nào đó, thêm một ít rau gì đấy. Càng nói càng hăng. Mạnh ai nấy nói, cứ như súng liên thanh nhưng vẫn luôn gật đầu tỏ ý đồng tình với người kia. Chỉ một quyển sách "Đoán mộng" nho nhỏ hoặc một tờ giấy "thông quan" cũng đủ để các cụ tranh luận đến nửa đêm! Tuy chẳng phải là cố ý nghe trộm, nhưng những tiếng thủ thỉ kia lọt vào tai khiến anh phải cười thầm. Bị ru ngủ bởi những câu nói liến láu không dứt, rất trẻ con ngây thơ, những câu chuyện tâm đầu ý hợp mà vô nghĩa của các cụ khiến anh lơ mơ ngủ đi lúc nào không biết. Anh cứ ngỡ rằng đó là tiếng gù gù của một đôi chim bồ câu về những chuyện vụn vặt đã qua, rối như mớ bòng bong không sao gỡ nổi, hoặc cố ý làm lẫn lộn các đề mục.

Bây giờ cụ ông tỉnh dậy có một mình thì sao? Lại buột miệng gọi ra tên cúng cơm của cụ bà: "Này, này, bà đã tỉnh chưa đấy?". Không có tiếng đáp lại. "Dậy đi bà! Ta

nói chuyện phiếm nào! Sợ gì chuyện cãi vã, cãi vã cũng là một kiểu tâm sự mà!" Vẫn không có tiếng trả lời. Cụ ông đã quên là cụ bà không còn có thể trả lời được nữa. Chỉ thấy tối đen như trong mồ, tiếng đồng hồ tích tắc. Âm dương cách trở. Vì vậy mà đau khổ, nghẹn ngào, mà thở ngắn thở dài, đến thế là hết. Người già còn lấy đâu ra nước mắt nữa.

Dẫu rằng là vĩ nhân, học giả, nhà tư tưởng, nhà văn đi nữa cũng chẳng thoát được, đúng không?

Gần đây đọc hồi ký đồng chí Vị Nại về sự bình tĩnh khác thường của ông ngoại Du Bình Bá của mình sau khi bà cụ qua đời, cả ngày chẳng nói chẳng rằng. Đến khi canh khuya vắng vẻ mới nghe tiếng cụ lẩm bẩm như đang nói chuyện với cụ bà. Chính vì thế mà cảm thấy thê lương giống như là "điện trường sinh ngày 7 tháng 7" vậy.

Có một ông bí thư thành ủy nọ, ngay từ những năm 60 khi còn đang công tác, người ta đã có lúc thấy ông sánh vai cùng bà vợ nhà quê đi dạo. Bây giờ nghỉ hưu, thường cùng bà vợ chân đất ngồi hàng giờ trên chiếc ghế dài màu xanh trong công viên. Ông bí thư nọ tuy chẳng có thành tích gì thật nổi bật trong đời công tác của mình nhưng lại được nhân dân thành phố coi là một tấm gương sáng, ngợi ca truyền tụng: "Trông bí thư X.X. đấy! Thật tuyệt vời! Đôi vợ chồng này... chậc! Thật là một đôi hết ý!". Loại

cán bộ bỏ vợ bỏ con kiểu "Trần Thế Mỹ" không được chấp nhận ở đất nước này. Thực ra làm một "Trần Thế Mỹ", đổi lấy một bà vợ có văn hóa, có bản lĩnh xuất chúng thì ra sao nào? Có thể nương tựa vào nhau đến bạc đầu chăng? Trái lại, đỏ òm thì có.

Tôi từng biết hai vợ chồng già, trước mặt khách khứa và con cháu thì tỏ ra trọng nhau như khách, gọi nhau bằng ông bằng bà; lên xuống lầu cụ ông chẳng cần ra hiệu, chỉ cần khuỳnh tay ra là cụ bà đã chủ động luồn tay mình vào, có vẻ cực kỳ thân mật! Quan sát kỹ mới lộ rõ chỗ sơ hở. Tình cảm giữa hai người hoàn toàn chẳng có, chỉ là những nghi thức mà thôi. Khi chỉ có hai người thì không đóng kịch nữa mà lộ rõ bộ mặt thật, hai người chán ghét nhau. Cụ ông thì vùi đầu vào việc thu thập các con tem bưu điện. Cụ bà thì xuống bếp lèm bà lèm bèm với con gái. Ban đêm mỗi người một chăn, chẳng dính dáng gì đến nhau...

Nương tựa vào nhau thật khó. Đời người cô độc! Trông cái cảnh cha già lủi thủi một mình, tôi lại thầm nghĩ đến ngày tàn của cuộc đời. Nhưng tôi vẫn cầu mong sâu sắc rằng người trong thiên hạ đều như con một nhà, nương tựa vào nhau một cách thủy chung.

TRƯƠNG TƯ HIỀN *dịch*

KHẮC PHI

CÁ NGƯỜI!

Mượn về cuốn từ điển, nghiên cứu một lượt về hình dáng, thói quen của loài cá ấy xong tôi bèn đến mấy nơi ven sông ngòi để hỏi han ngư dân, trả rất nhiều tiền nhờ họ tìm dùm.

Cậu có biết loài cá Nghê lớn của Trung Quốc không? Không biết. Đó là loài có bốn chân ngắn ngủi, chuyên rạch ao bờ lên lang thang khắp nơi đấy! Sao, bạn bảo là cá người ư? Đúng, đúng, đó là một món thật tuyệt đấy. Vị rất thơm ngon, cực bổ, có tác dụng chữa bệnh thật tốt. Bạn thử tìm cách kiếm lấy một con xem. Nghe nói ở Trung Quốc đó là một loài vật được bảo vệ. Thế thì sao? Tôi đâu có muốn ăn cho sướng miệng mà muốn nuôi chơi một con đồng thời để nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu các loài thủy tộc hiếm quí chính là niềm yêu thích của tôi mà!

Đó là đoạn đối thoại giữa tôi với Long Nhĩ ở nhà anh ta. Vốn tôi có việc nhờ vả anh nên định khi nào có quyết định sẽ biếu anh chút quà. Nhưng chưa kịp biếu thì anh đã làm cơm chiêu đãi khiến tôi vô cùng cảm kích, vì thế một chút yêu cầu nho nhỏ ấy làm sao mà từ chối được.

Suốt ngày tôi lang thang ven bờ sông rạch, những nơi nào ngư dân phơi phóng, tôi đều mò đến ngó nghiêng, càng ngày càng đi xa. Lúc đầu mới chỉ quanh ngoại thành, sau tám chín ngày tôi đã lần tới vùng vành đai sông cách thành phố hàng mấy chục km. Cái của này hồi xưa gặp luông, cách bắt đơn giản nhất là buông câu, lúc nào trong chợ cũng có bán. Nhưng bất mất, thêm nữa nước sông ngày càng ô nhiễm nặng nên mấy năm gần đây dường như loài cá này đã tiệt nọc. Ngư dân vừa không bắt được vừa không dám bắt. Họ coi tôi như một kẻ phá hoại, dám trái luật quốc gia và vội vã đuổi tôi đi nơi khác mua bán. Kiếm được là bao? Làm sao tránh được sự kiểm soát? Ai phạt thì làm thế nào?... Hàng loạt câu hỏi đưa ra khiến tôi không trả lời được câu nào. Ấp a ấp úng khiến họ càng thêm nghi ngại. Hai ngày đi men con suối nhỏ trong núi tối đã nhận được rất nhiều cảnh cáo và dò xét của các cán bộ và bà con bản địa. Rõ là họ có nhận được mật báo.

May mắn, cuối cùng cũng tìm được một con, nặng chừng ba bốn ki lô. Ông M ở vùng ven núi cách tôi 200 dặm mang tới. Làm sao mà bắt được, tôi chưa kịp hỏi cho kỹ càng. Khi ông ta mang nó trong một hộp giấy đến căn hộ tập thể của tôi thì tôi thấy chiếc hộp được quấn kín bằng vải. Con này răng nhọn, nhỏ và sin sít, cắn cũng đau ra

phết. Tôi he hé một góc hộp giấy, nó nằm im thít giữa hộp. Nghe nói cứ để thế nó cũng sống được hơn chục ngày. Nếu có nước nó có thể sống tới hơn 3 năm dù chẳng ăn gì. Xem ra nó có vẻ hung hăn.

Thật kỳ lạ, không nói đến dáng vẻ, quả thật trông nó cũng đáng kính nể. Đuôi to, đầu tròn dẹt, toàn thân đen tuyền lốm đốm cái vệt hoa vàng, mình túa đầy chất dinh dính nhìn rất ghê. Có điều, sự mừng rỡ của tôi thật khó có thể hình dung được. Ngay lập tức, tôi mang đến nhà Long Nhĩ.

Xúi quẩy quá đi mất! Dọc đường không hiểu nó xoay xỏa thế nào mà cắn đứt hộp giấy, lẳng lặng chui tọt ra ngoài. Đến khi tôi phát hiện ra thì nó đã luồn qua được mấy cái ghế. Quang cảnh trên xe buýt lúc ấy thì ai cũng biết. Nó vừa xấu xí, bẩn thỉu, vừa quái lạ, chưa mấy ai được nhìn thấy loài vật như thế. Có đi chăng nữa cũng chỉ là nghe đến mà thôi. Người thật sự nhìn thấy nó có lẽ chỉ đếm đầu ngón tay, nên người ta coi nó như quái vật. Cả xe rối loạn. Đến khi nó cắn vào gót chân của một hành khách thì tình cảnh như là ngày tận thế. Trong tiếng la hét khiếp sợ, người bán vé gào to: "Dừng xe, dừng xe!" Xe đỗ lại, cửa mở. Sáu, bảy chục người chen lấn tháo mạng. Tình hình càng bấn loạn, ngoài hai cửa lớn trước và sau, mỗi một cửa sổ đều trở thành một con đường thoát

thân. Chỉ mỗi tôi không chạy, tôi còn phải chờ để bắt nó lại. Thấy tôi ôm hộp giấy nhăm nhắm bắt, người lái xe xông lại hỏi: "Của anh à?" Tôi đáp: "Vâng! Ông giúp tôi một tay". Ông ta nghiến răng chửi câu gì đó, đấm thẳng giữa mặt tôi, đánh tôi thừa sống thiếu chết. Cuối cùng tôi bị hai cảnh sát áp giải bắt đem nó ra sông thả, lại còn bị phạt 100 đồng, cơ quan đương cục khép tôi gây mất trật tự, tuyên phạt tôi 15 ngày lao động. May nhờ bạn bè tôi chạy chọt nên chỉ phải giữ trong nhà giam có hai ngày mà thôi!

Chuyện không chỉ có thế, nghe tôi gặp rủi ro Long Nhĩ đến thăm, và tất nhiên không dấu chuyện được. Chú B đột nhiên bảo: "Này, chẳng phải vườn động vật ngoại ô phía nam có một con sao?" Tôi vội tới xem, quả nhiên có thật. Nhưng làm sao để có nó? Mua bằng tiền thì người ta nhất định không chịu, nếu đổi bằng loài thú khác thì khó tìm được loài nào thích hợp ngay lập tức. Mà nếu có, chắc gì người ta lại đồng ý. Cách duy nhất chỉ có ăn cắp. Việc chẳng đừng được thì cũng phải làm kẻ trộm thôi, chẳng có gì gớm ghê lắm. Nhưng mà trộm của công, tôi cảm thấy có gì thất đức. Cân nhắc mãi cuối cùng cũng bớt do dự. Có đem đi tặng Long Nhĩ, anh ta cũng có ăn thịt nó đâu mà cũng nuôi như ở vườn thú thôi. Nếu để ở vườn thú thì cũng có nhiều người ngắm đấy, nhưng Long Nhĩ

lại bảo là để nghiên cứu khoa học cơ mà. So với "xem chơi" còn có ý nghĩa hơn nhiều.

Quyết tâm rồi thì làm thật dơn giản. Theo lệ ban đêm không có ai trông thú trong vườn động vật. Tôi, Anh M và chú B dễ dàng cắt lưới sắt bằng chiếc kìm thép, mò đến bên hồ, dùng lưới ni lông mang sẵn chụp lấy nó nhét vào bao tải. Đáng lẽ nó có thể kêu lên, tiếng kêu như tiếng khóc của trẻ nhỏ, vang và đáng thương. Nhưng khi bị bắt, vì sợ hãi và vốn quen tình nguyên im miệng nên nó càng tạo thuận lợi hơn cho chúng tôi. Chỉ khi đang vác về, ngang qua khu sư tử, hổ báo chợt nhớ con trước bỗng nhiên cắn nát hộp giấy, lỡ đâu lũ hổ lại vọt qua tường thì sao? Chúng tôi lạnh cột sống. Cổ nhân chẳng đã nói: "Phong tùng hổ, vân tùng long" sao? Nghe kìa, lá cây đang à à, gió đêm thổi gấp gáp làm sao! Chỗ nào cũng cây cũng cối, một vùng đen sẫm. Ngộ nhỡ nó vọt được ra, anh có biết nó sẽ nấp ở đâu không? Ơn trời, hồng phúc quá, chẳng có gì xảy ra cả. Long Nhĩ cực kỳ phấn khởi. Tôi cũng mừng không kém. Sau bữa rượu anh mời, anh đưa giấy tờ đã ký, đóng dấu đỏ chót, vỗ vỗ vai tôi bảo: "Chú em, chú khá lắm! Đúng là bạn bè!"

Nửa năm sau, tôi được biết: Long Nhĩ vốn không định nuôi nó. Anh cần nó để tặng cho Ông Trọng thủ trưởng của thủ trưởng anh, cốt để ông ta bồi dưỡng thân thể, giữ

được trẻ trung. Vui vẻ với điều ấy, chắc ông nhớ tới cái anh chàng là lính của thuộc cấp ông và đổi cho anh ta cái ghế nào nhỉnh nhỉnh hơn. Nào ngờ cơ thể ông ta như đống lửa tàn âm dương suy kiệt rồi nên xơi vào liền bị phản tác dụng, nó chẳng bổ cho mà lại ốm nặng. Các kiểu bệnh vốn ủ mầm nay đồng loạt xuất hiện, sức lực cạn ráo. Cũng từ đó ông nằm luôn không dậy được. Ông già cũng chưa đến nỗi có chuyện, nhưng than rằng mình thiếu thận trọng. Vợ ông lại bừng bừng giận dữ. Gặp người quen nào cũng trách móc: Lỗi chỉ tại cái lão Long Nhĩ ấy, đồ tiểu nhân, nó định hại nhà tôi. Nó muốn ông ấy chết sớm. Để thủ trưởng nó đến đây xem nào!"

Sự việc được coi như có âm mưu. Thủ trưởng của Long Nhĩ sợ thủ trưởng mình nên phải hy sinh lính. Ghế mới chẳng thấy đổi đâu, đến cái ghế cũ là phó ban cũng không rõ làm sao lại bị truất. Ngoài ra ông ta còn có một ngoại hiệu thật bất nhã là "Đồ sâu bọ cá Người".

Sau này, có một lần tôi gặp anh ở chợ nhà quê, trông anh trì trệ lạ thường, ngơ ngác, tiều tụy, yếu đuối. Tôi chào anh, anh chằm chặp nhìn tôi dễ đến mươi phút mới tỏ vẻ nhận ra. Thế mà vừa nhận ra anh liền lắp bắp: "Ấy ấy, chính là vì con Cá người, Cá người ấy!"

Đột nhiên tôi thấy toàn thân giá lạnh.

TRINH BẢO dịch

KHẮC PHI

NGƯỜI CỨU THẾ CỦA LOÀI CHÓ

Nửa đêm, chiếc xe nhẹ nhàng lăn bánh rời khỏi thành phố. Cậu B cầm vô lăng bảo:

- Liệu phía trước có kiểm soát không?

- Chắc chắn rồi! - Tôi bảo.

- Vậy làm thế nào? - Cậu ta lo lắng.

Anh chàng M nhổ bãi nước bọt qua cửa sổ:

- Sợ cái cứt!

Tôi mỉm cười, định nói không ngờ xe đã xịch tới trước tấm biển, dưới ánh đèn lá cờ đỏ chắn giữa đường quạt ngang.

Đành phải đỗ. Hai nhân viên biên phòng tay đeo băng áp đến cửa sổ hỏi: "Giấy tờ?" Tôi trả lời: "Xin lỗi, chúng tôi không đem theo".

- Đơn vị nào đấy?

- Đội thu xác!

- Xe chở gì?

- Xác chết!

Họ hơi ngạc nhiên:

- Chở đi đâu?

- Chở vào chôn trong núi!

- Nói dối! Chở chó chứ gì? Hôm qua một thằng cha lái chiếc xe đi qua hai chiếc giường trên xe phủ kín mít, hắn bảo vợ chết chở về quê chôn. Đến lúc giở ra toàn chó sống!

Một tay nói, còn tay kia trèo lên xe, lật giở các tấm vải lia đèn pin vào. Hắn chợt kêu to: "Ồ! Chó! Nhiều chó quá!"

Tôi biết cần phải rút ngắn thời gian nên chủ động chui ra ca bin. Như nhân viên xét hỏi gặp tội phạm, hắn ta bảo:

- Tại sao anh nói bậy? Vừa rồi chính anh nói là xác chết phải không?

- Tôi không bảo xác người mà là xác chó. Chúng tôi chuyên đi kiểm tra chó.

- Anh có biết trong thành phó đang mở chiến dịch diệt chó, không cho phép chở chó đi không?

- Biết. Nhưng đây toàn chó chết phải chở vào núi để thiêu xác. Nếu không tin hãy lên xe mà xem. Mỗi người cầm một gậy leo lên thành xe, chọc gậy lung tung, chẳng thấy động đậy gì, cũng không cả kêu rên. .Iột người hỏi

chở bao nhiêu chó. Tôi bảo sáu mươi tám con. Tay kia cười cười bảo để lại cho họ hai con. Tôi cười thầm trong bụng: "Đồ ma đói", miệng trả lời: "Định đánh chén hả, cho các ông tất cũng được. Nhưng tôi nói trước nhé, đây toàn chó điên bị bắn chết. Bệnh chó điên dễ lây lan, có gì tôi không chịu trách nhiệm".

Hai tay kia sợ quá vội lùi ra xa, phất cao cờ xanh: "Chạy xe, chạy xe!" Tôi chìa bao thuốc: "Bai bai". Họ không dám nhận, một người còn phát cáu: "Bai cái con vịt, biến mau đi!"

Sau đó còn gặp hai nhóm cảnh sát lưu động nữa và tình hình cũng xảy ra đại loại như thế. Bọn tôi lẳng lặng khoái trí về mưu kế và sự nhanh chí của mình. Suốt dọc đường vừa nói cười vừa chửi thề. M. bảo: "Này ông chủ, nếu lũ chó mà biết nói, tôi đảm bảo chúng sẽ tung hô ông vạn tuế! vạn vạn tuế!"

B. thì cười: "Vạn tuế! Tôi thì lo chúng sẽ ngoạm đứt cổ họng ông ấy!". Lòng tôi bỗng chùng xuống. Phải đấy, nếu như hiểu được, không biết lũ chó sẽ đối với tôi ra sao?

*

*   *

"Đây là mục thư bạn đọc!" - Trên màn hình ti vi, một cô phát thanh viên nói giọng nghiêm nghị - "Gần đây, một

thịnh hành trong thành phố của chúng ta là nuôi chó, gây nhiều bất lợi: Đầu tiên là lãng phí lương thực. Theo điều tra của cơ quan hữu quan, toàn thành hiện có hơn 500 ngàn con. Mỗi ngày một con ăn hết chừng một phần tư cân lương thực. Vậy một năm chúng xài đến hơn 4 vạn tấn, tương đương sản lượng cả năm của hơn 8000 mẫu ruộng. Sự hao phí của toàn tỉnh toàn nước cao gấp hàng chục hàng trăm lần như thế. Những ai lưu tâm một chút đều nên tính toán, suy nghĩ. Ngoài ra, còn bao bệnh truyền nhiễm như: Viêm phổi, viêm gan, đường ruột, viêm não... Uy hiếp nghiêm trọng sức khỏe của nhân dân. Bệnh chó dại cực kỳ đáng sợ. Số người chết hàng năm vì bệnh dại ở thành phố chúng ta ít cũng phải hàng chục đến hàng trăm người. Có gia đình ba thế hệ tám người, năm ngoái đã chết cả nhà..." Sau khi nêu các tác hại do chó gây ra, là lời kêu gọi mọi nhà hãy mau tỉnh táo, cảnh giác với loài chó. Dũng cảm như năm nào trấn áp bọn phản cách mạng, hãy lập tức triển khai phong trào diệt chó một cách rộng rãi, triệt để, sạch sẽ. Tiêu diệt toàn bộ loài chó.

Tôi nghe không bỏ sót một chữ, như nghe một bản nhạc sướng tai nhất, trong lòng mát mẻ. Tôi dám chắc rằng ngoài người biên tập đã trả nhuận bút ra, chắc chẳng ai có thể biết được tác giả của nó chính là kẻ bi nhân này. Tất nhiên mục đích của tôi không phải là chút thu nhập

nhuận bút đáng thương, nực cười ấy.

Cuộc vận động diệt chó triển khai. Lũ chó bị coi là kẻ thù đáng căm ghét nhất, đáng tiêu diệt. Là một trong những hành động vĩ đại nhất chưa từng có từ trước tới nay. Có thể nói là lịch sử chưa từng có và cũng chẳng ở đâu có (Nếu không tin bạn có thể để mắt khắp mọi nơi mà xem). Có lẽ do thần linh mách bảo, máu huyết trong tôi cứ bừng bừng, tôi nghĩ rằng cuộc vận động này là sự nâng đỡ cho sự nghiệp của tôi, cần phải tiếp tục tham gia; khơi nổi phong trào. Quả vậy, sau buổi phát thanh cái bức thư mang tên giả của tôi, khá nhiều người, không hiểu có động cơ gì cũng lên tiếng đòi diệt chó. Và bỗng chốc dấy lên cuộc vận động tuyên truyền thanh thế rầm rộ hơn năm ngoái nhiều. Dưới sự chỉ huy của các cấp, một đội các nhân viên chuyên phụ trách việc này được trang bị súng, gậy hăng hái xông vào mỗi gia đình, thấy chó là giết. Ai phản đối, lập tức phạt tiền. Mọi nhà có chó đều sợ hãi, kinh hoàng không biết làm thế nào. Tôi mừng như mở cờ trong bụng, vội cho in một loạt thư thông báo, bố trí cho các nhân viên trong đội mang đến các gia đình khá trước. Bức thư như sau: "Thưa đồng chí, thưa bác, thưa ông, thưa bà, thưa ngài, thưa cô, thưa ông chủ, thưa thầy, thưa công dân. Ông bà có muốn bảo vệ tính mạng cho chó yêu của gia đình không? Tôi xin phục vụ hết lòng ông

bà và chó của gia đình, đảm bảo an toàn. Ký: Người cứu thế của loài chó.

Ngay lập tức một trại "Nuôi dưỡng người nghèo" được dựng lên nơi chiếc miếu hoang trong sơn cốc. Ông S, anh Q, ngày Y và mấy người nông dân thuê đến đã sắp xếp tất tật đâu vào đấy. Lũ chó vừa đưa tới liền được làm cho hồi tỉnh, sau khi náo loạn một hồi, chúng được phân loại theo khứu giác rồi đưa đến nhà ăn, ăn cho đẫy bụng, chén căng dạ dày rồi chúng kêu gào như lũ điên, dường như reo hò: "Cám ơn thượng đế, chúng con đã thoát chết, được lên thiên đường.

Niềm vui của chúng tôi không như lũ chó. Chúng tôi lại trở về ngay đêm ấy, đến gõ cửa nhiều nhà khác. "Cộc, cộc cộc!" Ai đó!, "Người cứu thế", "A, chờ chút nhé!", "Đâu rồi", "Dưới gầm giường", "Gọi ra đi, có cắn người không?", "Đề phòng sủa nhặng lấy dây cao su buộc mõm lại". "Tốt rồi, này B, mau đi", "Ồ, nó chết rồi!", "Đừng kêu, thuốc phiện đấy, chết sao được".

Trước vội vàng, sau thong dong trầm lắng, lệ từ xưa vẫn thế với các cuộc vận động của người Trung Quốc ta. Chừng nửa đến một tháng sau, phong trào đã vãn, mọi thứ trôi qua, lũ chó lại có thể sinh sống hợp pháp. Người nào nôn nóng thì đến tận nơi nuôi dưỡng đón về, người không vội vã thì chúng tôi đem đến. Cám ơn rối rít, rượu

ngon, thuốc thơm, phong bì dày. Trừ toàn bộ đầu tư chi phí còn được một món. Nhưng mục đích không ở đó mà như lúc đầu đã nói, là ở sự nghiệp, ở con dấu. Vì chó được cứu giúp là có lựa chọn. Phần lớn người chủ chó đều có quyền lực. Lúc khó khăn bạn giúp người ta, sau đó đến xin người ta giúp đỡ, tất nhiên cũng chẳng đến nỗi khó nhọc lắm. Còn với chó nhà những người không có quyền chức cũng chẳng liên quan đến người có quyền chức thì chúng tôi mặc xác. Sống chết mặc bay. Chỉ trừ những con máy mắn được cứu thoát mới có quyền sống. Trong xã hội con người cũng đâu có bình đẳng, vậy lũ chó làm gì có lý do nào để đòi bình đẳng?

TRINH BẢO *dịch*
(Tuyển Truyện hay Trung Quốc
1991) Khương Thiên Dân

KHƯƠNG THIÊN DÂN

CHIẾC VÒNG HUYỀN

Mùa đông năm ấy, ông Tám Sử bị đem đi hành quyết!

Đó là một buổi tờ mờ sáng, rét căm căm. Trời đất ân ái với nhau thần bí, buông thả và lâu quá, đêm đã chín muồi từ lâu. Bỗng làn da bụng trắng nõn mỡ màng như bụng cá ở đằng đông căng phồng lên rồi nứt toác để tọt ra một quả trứng mềm mại đỏ chói. Máu sinh thành dính dính tươi rói và sáng rỡ thấm loang ra cả thế giới như ráng hồng ban mai. Không một mảy lông của gió, không gian ngưng đọng thành thủy tinh tím và hổ phách. Nhưng có băng. Trên cây liễu ven con sông cổ xưa treo đầy những chuỗi hạt trai hào hoa sang trọng và những đồ trang sức lấp lánh ánh bạc chẳng khác gì cô dâu về nhà chồng và chàng trai có đại tang đang đưa ma. Cánh đồng quạnh quẽ nghèo xác xơ trong mùa đông chợt phát sáng như đồ sứ đen vừa ra lò.

Thị trấn Bạch Môn Lâu ngơ ngác ngồi đó, tè ra giữa hai háng con đường lát đá ngoằn ngoèo, con đường như những tảng băng lấp lóa dàn lộn xộn trên dòng sông từ

từ trôi. Ngoài cổng một quán nhậu ở chỗ ngoặt của con đường lát đá, rác rưởi và nước bẩn được giá rét tạc thành những hình thù trừu tượng tô mầu lấp lánh. Có hình một bộ xương bò hùng vĩ, nguyên vẹn như đúc bằng bạc nguy nga trên mặt băng màu xanh đen khiến người qua đường phải kính nể. Cạnh đó là xác con chó con xinh xắn lông pha đen trắng bị chết cóng, đôi mắt như hai viên ngọc trai xám nhạt hé mở nhìn vô vọng lên bầu trời đang ngà ngà say.

Bỗng mãi sâu trong thị trấn vang lên hồi kèn đồng khẩn cấp cứng ngắc như có con vật gì đó lồng lộn trong cảnh tĩnh lặng. Thế rồi trên mái ngói màu xanh âm u và trên ngọn cây hòe cứng đơ như sắt, vô số chim sẻ chết cóng rơi rào rào như vãi gạch vỡ. Tiếp đó, một toán người rách rưới, vừa oai vệ vừa co ro chuyển động xiêu vẹo như một hàng cá đen ra khỏi trấn, chân giẫm vang trên con đường lát đá, từ từ tiến về phía bờ sông.

Người đi đầu bị trói hai cánh tay là ông Tám Sủ, lưng áo bông chùng màu xám ánh bạc cắm lá cờ mệnh vong, trên có một vòng tròn đỏ tỏa hào quang ra xung quanh như một vòng lửa sáng lóa mắt. Theo sát sau lưng là tay súng cự phách Tú Lăng mang súng trường và mấy dân quân. Áo bông ngắn rách của họ vá đủ màu sặc sỡ, quanh lưng hùng dũng thắt giây lưng bằng da bò sống vàng chóe

như đai đồng. Tiếp sau nữa là ông chủ tịch khu họ Giả khoác áo ngoài đã cũ màu phân bò vai đeo khẩu súng báng gập. Cuối cùng là khá đông bà con dân làng tò mò muốn được nhìn cho thỏa mắt.

Cuối cùng, ông Tám Sử vẫn bị đem đi hành quyết!

Đội cải cách ruộng đất ở trấn Bạch Môn Lâu rất vinh dự đoạt lá cờ thưởng của huyện. Đám địa chủ giàu có đáng phải chết đều đã bắn sướng tay cả rồi, chỉ còn chừa lại ông Tám Sử treo đó chưa quyết khiến cho các ông lớn trong Ủy ban trấn đau cả cái đầu màu mỡ như khoai lang, phải ăn món thịt bò thượng hảo hạng một ngày ba lần do chủ quán bưng lên đến nỗi xì ra mùi lòng thối thum thủm. Nên bắn bỏ hay để lại? Các vị tranh cãi mãi không xong, kết quả là cùng nhất tề nói thất lưng chửi mẹ nó vung lên. Người bảo Tám Sử là địa chủ quan liêu lớn nhất trong trấn, không giết thì khó thu phục được lòng dân, người bảo Tám Sử là thân sĩ sáng suốt, giết là vi phạm chính sách. Hai bên chẳng ai chịu ai, nhùng nhằng không quyết được, từ mùa hè kéo mãi sang mùa đông.

Việc ấy không đáng trách. Ông Tám Sử không giống đám địa chủ giàu có thông thường. Họ Sử là danh môn vọng tộc, rễ sâu cội chắc, nguồn gốc lâu đời. Người già ở trấn Bạch Môn Lâu đều bảo các ông tổ nhà họ Sử bắt rễ xuống tận suối vàng, đánh không đổ, đẩy không ngã, kéo

lê không chết. Không ai biết nhà họ Sử có bao nhiêu tài sản, chỉ có người từng tận mắt nhìn thấy buộc ở gốc cây hoa quế cổ thụ trong vườn hoa đằng sau nhà họ Sử, riêng ngựa non giống quý đã đến mấy chục con. Có điều nhà họ Sử mở nhà thương, xây trường học, góp công đức cho quê hương thì ai ai cũng thấy cả. Tổ nhà họ Sử từng làm quan to, đến nay còn có người là trung tướng Tư lệnh trong quân đội Quốc dân đảng, có người là Quân đoàn trưởng quân Giải phóng. Bản thân ông Tám Sử từng là tham nghị cấp huyện của ngụy, lại cũng là cá nhân gương mẫu chi viện tiền tuyến của đảng Cộng sản. Người như thế nên bắn bỏ hay để lại? Ủy ban trấn cứ nhao lên lộn xuống như hạt dẻ rang mà vẫn không quyết được bề nào.

Chủ tịch khu họ Giả cuối cùng phát cáu:

- Lạc hậu quá thể!

Mấy ủy viên lõ mũi đen nhẻm trong Ủy ban trấn lập tức rụt cổ chỉ còn thu lu như cái bô; mặc cho chủ tịch khu họ Giả hăng hái mặc sức nổi trận lôi đình, họ vẫn nem nép đến cái dắm xịt cũng cẩn thận chẳng dám xì ra. Sau đó chủ tịch khu họ Giả nốc hết nửa chai rượu cao lương nhắm với một đĩa gan bò muối rồi nhìn xa trông rộng mà quyết đoán ngay. Thế là lưng áo bông màu xám ánh bạc của ông Tám Sử được cắm lá cờ vong mệnh.

Bây giờ ông Tám Sử bị giải ra bãi sông.

Trên bãi sông, cát trắng, sương trắng như một cánh đồng tuyết trắng muốt không một vết nhơ. Từng vũng nước đọng nông nông đóng băng như những mảng kính đen. Băng bám trên ngọn liễu rủ xuống như những nhành bạc. Gần đó có hai con chó thức đêm ngồi chồm chỗm tự lúc nào. Chúng đánh hơi thấy mùi máu tanh. Vì thế mà bộ lông đen như mun của chúng phát sáng lấp lánh, bốn đốm lửa xanh lè lóe lên trong mắt chúng. Ba con quạ lượn trong ráng sớm như ba ngôi sao đen. Giá rét như lửa làm rát da thịt trên mặt và tay mọi người. Chủ tịch khu ra lệnh cho đoàn người dừng lại.

Mọi người tản ra, điềm nhiên cao nhã đứng đó chờ đợi giờ phút tráng lệ nhất. Tú Lăng và mấy dân quân cẩn thận cầm chắc súng, lưỡi lê sáng xanh nhằm thẳng vào ông Tám Sử.

- Sử tiên sinh, ông còn muốn trối trăng gì nữa không? - Chủ tịch khu hỏi.

Ông Tám Sử bình tĩnh ung dung đứng, tà áo bông chùng màu xám ánh bạc dài chấm gót trơn láng không một vết nhăn, trông ông giống như bức tượng bằng đá màu xanh nhạt. Vòng tròn đỏ trên lá cờ mệnh vong lấp loáng xoay tròn như bánh xe. Chiếc khăn len lông cừu màu hạt dẻ nhỏ mịn trên cổ thả lơi xuống ngực. Khuôn mặt được bồi bổ hết sức tinh khéo hồng hào rạng rỡ, chòm râu trắng

như cuốc dưới cằm không rối một sợi. Vẻ mặt ông bình thản, trấn tĩnh, tươi cười. Hai mắt sáng quắc, từ hai con ngươi màu nâu toát lên sức mạnh hết sức trừu tượng nhưng sâu xa và khí chất cao quý không thể khinh nhờn. Ông Tám Sử ngước nhìn bầu trời tươi rói huy hoàng, nhìn ngọn núi xa xăm như mộng, nhìn cánh đồng thẳng tắp, sau đó hòa nhã thân mật lắc đầu với chủ tịch khu:

- Chẳng có gì cần nói cả, ra tay đi!

Chủ tịch khu cảm động rưng rưng nước mắt:

- Đừng để ý làm gì! Sử tiên sinh, chẳng có hề gì đâu, cứ coi như ông đang ngủ bị người khác đánh thức thôi mà. Tôi có ý để Tú Lăng tiễn đưa ông, tay ấy bắn giỏi. Chỉ một lát thôi, chớp mắt là xong thôi mà, không để ông phải đau đớn đâu! - Chủ tịch khu mấp máy miệng phát ra những thanh âm vui tai như cá hát, cứ như là chính mình đã nếm mùi kẹo đồng.

- Phiền ông phải nhọc lòng! - Ông Tám Sử kính cẩn nói.

- Đừng khách sáo thế! - Chủ tịch khu lại an ủi ông Tám - tiên sinh đi trước đi, đừng ngoảnh mặt lại!

Đoạn ông huơ tay về phía Tú Lăng:

- Chấp hành đi! Miệng súng của cậu phải có mắt đấy, đừng làm kinh động đến ông Tám!

Tú Lăng kéo chốt khóa nòng, chân đứng theo hình chữ "đinh", sau đó cầm súng nâng lên ngang mày, nghiêng đầu áp má vào báng súng, ngón tay trỏ đặt lên cò. Đôi mắt xanh như mắt mèo từ từ nheo lại ngắm thẳng vào đầu ruồi. Hắn nhìn thấy lưng ông Tám Sử cõng vầng mặt trời to bằng cái thanh la thong thả bước về phía trước, tấm thân ngày một cao lớn, một dẹt đi. Dần dần hắn nhìn thấy trái tim màu tím như quả cà dưới tấm áo bông chùng màu xám ánh bạc. Trái tim đó đập bình tĩnh khoan thai, di động vừa vặn đúng miệng súng của hắn. Tú Lăng nín hơi, ngón tay trỏ nhè nhẹ kéo cò. Hắn nhìn thấy miệng súng lóe lên một cái, viên đạn màu vàng óng lặng lẽ xuyên qua bầu không khí ngưng đọng trong giá rét từ từ nhắm lưng ông Tám Sử bay tới. Rồi hắn ta thấy viên đạn chui vào áo bông ông Tám, đồng thời mấy mảnh vải màu xám như mấy con bồ câu lông đốm bay tung lên từ lưng ông ta, lượn tròn trên không trung.

Phút chốc cả thế giới như ngạt thở. Người đứng xem kinh ngạc kêu ầm cả lên. Ông Tám Sử dường như chẳng hề thấy chuyện gì xảy ra, vẫn cõng vầng mặt trời thong thả bước đi, bước chân nhanh nhẹn, mạnh mẽ, tự tin và thoải mái. Tú Lăng ngây ra như tượng, mắt nháy lia lịa, mồ hôi lòng bàn tay túa ra như tắm.

- Làm sao thế? - Chủ tịch khu mặt tím lại quát to,

chiếc răng vàng trong miệng lộ ánh lấp lánh.

Tú Lăng cảm thấy một luồng khí lạnh từ trong ruột thấm tỏa ra ngoài. Hắn nâng súng lên lần nữa, đôi mắt mèo nheo đến mức dẹt hẳn ra dõi theo nòng súng, ra sức tập trung tâm trí nhằm bắn. Hắn nghe thấy tiếng các tầng mây cọ xát nhau trên không trung, tiếng không khí nứt ra vì giá rét. Hắn nghe thấy tiếng nắng reo, tiếng hai con chuột đồng động tình cắn nhau chí chóe trên cánh đồng tít tắp, tiếng băng bám trên cây liễu nứt rơi lách tách, tiếng tim đập thình thình của đám người đứng xem xa xa trên bờ sông và cả tiếng máu sôi trong người. Rồi hắn nghe thấy miệng súng nổ bụp một cái, tiếp đó hắn phát hiện có con cá vàng nhỏ rạch bầu không khí như sóng xanh làm vang lên nét nhạc nghe hay như tiếng xé lụa. Con cá ngoắt đầu vẫy đuôi, tự do tự tại bơi về phía trước rồi sống động chui vào lưng áo bông ông Tám Sử. Ngay tức khắc, những múi bông trắng ngần nhảy múa khắp trời như rung cọng bông lau.

Nhưng ông Tám Sử vẫn đều chân bước tới cứ như đi dự một nghi thức thiêng liêng nào đó. Toàn bộ ý thức của ông đều tập trung ở một ước định vĩ đại, thần kinh ông hoàn toàn gắn với nơi sẽ đến, không một sự vật nào làm kinh động được đến ông.

Tú Lăng ngẩn ra một lát vì kinh ngạc. Hắn không kịp

nghĩ ngợi cái gì khác, gần như bản năng lại nâng súng lên nhằm vào ông Tám Sủ. Vốn được huấn luyện nên hắn dung dung không vội vã. Rồi Tứ Lăng ngửi thấy mùi thơm thanh nhã mà lạnh giá từ trên trời cao tỏa xuống thấm vào lòng người, ngửi thấy hương thơm lặng lẽ của ánh trăng đêm lắng đọng trên bãi sông sạch bong, đồng thời cũng ngửi thấy hơi ấm của mồ hôi say người bốc lên từ thân mình cùng mùi thuốc súng đặc gắt mộc mạc. Tứ Lăng lập tức mở to đôi mắt mèo, rõ ràng thấy viên đạn như một con châu chấu giương hai cánh nhấp nhô bay thẳng tới, vạch một đường vòng cung lấp lánh ánh vàng rồi bám chặt lấy lưng áo ông Tám Sủ. Thế là sau lưng ông Tám lại vọt lên mấy con bồ câu xám, vài cái lông tơ để rơi phất phơ trên đầu vai ông.

Ông Tám Sủ vẫn không ngã xuống như dự kiến. Ông vẫn bước đi, chỉ lưng áo bông bị xé rách bươm như đóa hoa sen trắng nở tung. Vầng mặt trời trên lưng ông bị bắn nát, những mảnh vụn lấp lóa như những đồng tiền vàng. Ông sải những bước chân vững vàng, mạnh mẽ như đi vào chốn không người.

Tất cả những ai đứng xem ngoài bãi sông đều đồng loạt kinh ngạc kêu ầm lên. Việc kỳ lạ như thế này thật chưa từng nghe nói. Tứ Lăng ngượng đến phát cáu. Tay súng của hắn tiếng tăm lừng lẫy, dù có bịt mắt vung súng bắn

trong đêm tối cũng trăm phát trăm trúng. Chưa bao giờ hắn gặp phải chuyện như thế này. Hắn không tin đó là sự thật. Hắn cầm súng chạy như bay đuổi kịp ông Tám Sử. Ông Tám đứng lại mỉm cười nhìn Tú Lăng. Tú Lăng thấy gai cả lưng, tóc dựng ngược. Sau đó hắn cởi dây trói trên người ông Tám, giật ruột cái áo bông màu xám ánh bạc xuống, lại lột nốt cái áo lót mặc sát người của ông. Thế là tấm thân trắng nõn, trơn láng, nhẫn nhụi hơi giống tấm thân đàn bà đầy hấp dẫn của ông Tám phơi trần ra dưới ánh sáng mặt trời. Lúc ấy, mắt Tú Lăng như bị ai đấm mạnh cho một quả. Hắn nhìn thấy trên cánh tay trắng trong của ông Tám lồng một chiếc vòng huyền to, đen nhánh và nặng.

Hóa ra là như thế! Người dân thị trấn Bạch Môn Lâu đều biết nhà họ Sử có một chiếc vòng ngọc màu đen tổ truyền cả trăm đời nhưng này ấy giấu kín không cho ai xem, cũng chưa một ai được nhìn thấy. Không ngờ bây giờ chiếc vòng đó đang đeo trên cánh tay ông Tám!

Tú Lăng phẫn nộ giơ bàn tay như móc sắt lôi tuột chiếc vòng huyền ra. Lúc này chủ tịch khu cũng bước tới. Chủ tịch khu nhìn Tú Lăng chằm chằm, ánh mắt có một vẻ thâm trầm, kiên nhẫn và còn có cái gì đó dữ tợn, tàn khốc. Tú Lăng đưa vật cầm trong tay cho ông:

- Chiếc vòng huyền, một vật báu đây! - Tú Lăng nói.

Chủ tịch khu giơ cao cái vòng lên trước mắt, chăm chú xem xét. Bác giác cả người ông run run, cơ thịt hai bên má giật liên hồi. Ông thầm thốt lên từ đáy linh hồn một tiếng reo mừng quýnh, sôi nổi. Trước mắt ông, chiếc vòng huyền không còn là màu đen nữa mà là màu đỏ thuần khiết như máu tươi cô thiếu nữ trinh nguyên son trẻ. Như than hồng trong ngày giá rét. Cả chiếc vòng trong suốt, long lanh, bên trong thớ ngọc phân minh như một mạng mạch máu nối liền nhau màu da lươn pha tím, bên ngoài là một lớp vỏ mỏng, giữa chứa đầy chất nước sền sệt màu đỏ tươi rõ ràng. Chủ tịch khu xoay nhẹ một cái, lập tức chiếc vòng lóe lên quầng ánh sáng khác thường, xán lạn đẹp mắt. Khiến ông choáng váng ngất ngây. Nín thở nhìn kỹ hơn, chợt tim ông đập đánh thụp một cái. Thấy trên chiếc vòng ngọc có ba lỗ nhỏ tí xíu, từ đó rỉ chất máu đậm đặc màu đỏ sẫm xuống lòng bàn tay. Ông hốt hoảng đưa lên miệng mút. Giữa mùi máu tanh ngòn ngọt trong miệng là một mùi thơm khác lạ ông chưa từng ngửi thấy bao giờ.

Thân thể trắng bóc của ông Tám Sử rịn ra những giọt nước li ti dầy đặc. Trong chốc lát, ông già đi đến hai chục tuổi. Chủ tịch khu thân mật vỗ vào đầu vai trần của ông:

- Sử tiên sinh, có lỗi với ông quá!

- Có sao đâu! - Ông Tám Sử ưỡn ngực, cố gắng tỏ ra

anh dũng, đĩnh đạc hơn. Trên mặt ông thoáng vẻ trầm lặng, bình tĩnh, coi cái chết như không từ lâu.

- Tứ Lăng đâu, chớ để Sử tiên sinh bị lạnh nhé!

Tứ Lăng lùi lại mấy bước, nâng súng lên, nheo mắt lại rồi lảy cò. Phát súng nổ giòn giã, kéo dài. Tiếng súng vọt thẳng lên không trung rồi tiếng vọng dội trở lại như mưa rào xối xả. Ông Tám Sử đổ nhào về phía trước như một con lợn mập, lưng có một lỗ thủng hình tam giác cân, máu tím đen ứa trào ra.

Đám người đứng xem lập tức hoan hô.

Chủ tịch khu họ Giả nhún vai, lồng cái vòng huyền vào cổ tay trong ống tay áo khoác màu vàng, hiên ngang ra về.

Sau đó, chủ tịch khu được lên chức chuyên viên.

PHẠM TÚ CHÂU *dịch*

Tạp chí Tiểu thuyết tuyển chọn
số 3 năm 1989

LÂM NGỮ ĐƯỜNG

PHO TƯỢNG NGỌC

Cuộc hành trình ngược sông Dương Tử tuy vất vả nhưng rồi cuối cùng tôi cũng tìm được tới nhà vị quan hồi hưu gần thành Trường Thủy.

Vị đại thần này là một nhà sưu tập đồ cổ nổi tiếng. Người ta kể rằng khi còn tại chức ngài thường dùng quyền lực để chiếm đoạt các tác phẩm giá trị. Nếu như ưng ý một tác phẩm nào đó, ngài phải dùng mọi cách có cho bằng được. Bởi vậy kho tàng của ngài gồm nhiều thứ vô giá, hiếm thấy trên đời.

Do người bạn uy tín giới thiệu, lại kèm theo cả thư gửi gắm nữa nên chủ nhân vui lòng tiếp tôi tại căn phòng sang trọng của dãy lâu đài phía tây. Trong khi đàm đạo, qua khung cửa sổ nhìn ra vườn, tôi loáng thoáng thấy có những nụ đào chúm chím đơm bông, và trong lồng kính hình dáng của một chiếc bình cổ màu huyết bò trông đẹp tuyệt hảo.

Tôi đề cập đến kho tàng danh tiếng, chủ nhân mỉm cười nhã nhặn:

- Hôm nay nó nằm trong tay người này, một trăm năm

sau lại thuộc về tay người khác, có ai làm chủ được cả một kho tàng nghệ thuật quá trăm năm đâu. Thật ra, nếu đúng là một bảo vật, mỗi tác phẩm có một đời sống riêng của nó.

- Nghĩa là nó có nhân tính và có linh hồn?

- Đúng vậy. Bởi vì người nghệ sĩ tài ba đã đổ vào đấy bao nhiêu công phu, truyền cho nó sự sống giống như người mẹ đã truyền những giọt máu và hơi thở của mình cho chiếc bào thai nằm trong bụng. Họ đem tâm hồn họ vào trong tác phẩm, bởi vậy nên tác phẩm của họ sống và có linh hồn.

Ngài dừng lại một lát rồi tiếp:

- Thư giới thiệu của người bạn nói ông là người thích cổ vật. Lát, tôi sẽ cho ông coi pho tượng nữ thần bằng ngọc quý nhất của tôi.

Người hầu bưng nước lên. Sau tuần trà nước, vị quan hồi hưu đứng dậy, dẫn tôi lên tầng cuối cùng của ngôi đài cao chứa các báu vật. Trong khi đi qua cầu thang lát đá băng-lan ở các tầng dưới, tôi thấy không biết bao nhiêu các bảo vật khác được giữ gìn, chăm sóc trong các tủ kính. Riêng pho tượng "có linh hồn và đời sống riêng" thì một mình nó chiếm một gian ở tầng thượng cùng". "Nó" đứng trong một lồng kính xây gắn liền vào chiếc bệ bằng đá cẩm thạch. Cả lồng lẫn bệ đều được bảo vệ kiên cố bằng

các song sắt mạ kền sáng bóng. Tôi nghĩ trộm khó lên được tới đây, mà dù có lên được cũng khó xoay xở.

- Đó, pho tượng nữ thần bằng ngọc của tôi đó. Ông ngắm kỹ và nhớ đi vòng chung quanh, nhìn vào đôi mắt.

Đó là một pho tượng nho nhỏ cao khoảng năm mươi lăm phân, ở tư thế đứng, làm bằng loại ngọc gì trắng muốt loáng thoáng điểm các vân màu xanh rất nhạt theo từng nếp áo, mô tả một thiếu nữ cực kỳ xinh đẹp với gương mặt có vẻ bi thảm, một cánh tay hơi giơ lên cao, đưa ra đằng trước, như chới với, như vẫy gọi, như từ biệt: còn cái đầu và cánh tay trái thì ngả sang một bên, như sợ hãi, như trốn chạy. Đặc biệt, cặp mắt ảm đạm dường như vương vấn một cái gì đó đau khổ, xót xa, nuối tiếc. Tôi rùng mình. Hay đây là Phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát giáng thế cứu độ trần gian? Tôi vừa mới chợt nghĩ thì bỗng có cảm giác pho tượng mang sắc thái của sự cao quý, ánh mắt thiết tha chia sẻ những nỗi đau thương đối với loài người. Nhưng khi tôi nghĩ đó là một người thật, bằng xương bằng thịt, gánh chịu những nỗi thống khổ của kiếp con người thì tôi lại thấy đôi mắt dường như biết ơn, xót xa, sầu lắng. Khủng khiếp, với một khối ngọc hơn năm tấc, người nghệ sĩ đã để lại đấy cả một tâm hồn.

- Tôi phải đổi hết bao nhiêu ruộng đất phía Tây chùa Kê Minh mới có được pho tượng ngọc này đấy ông ạ.

- Nhưng sao chùa đó lại có?

- Nghe nói do một vị nữ tu truyền lại từ nhiều đời trước.

- Hừ, lạ thật, một pho tượng ngọc vô cùng giá trị lại nằm trong tay một vị nữ tu. Thưa thật với ngài, kẻ hậu bối này kể ra cũng có chút ít hiểu biết nhưng chưa từng được thấy một pho tượng nào nghiêm túc như vậy

- Ông dùng hai tiếng nghiêm túc tôi rất hãnh diện - Từ khi có pho tượng, tâm hồn tôi thay đổi hẳn, không còn tham lam vơ vét táng tận lương tâm như trước. Nhiều khi tôi rất ân hận về việc mình đã làm. Còn riêng lý do tại sao vị nữ tu có pho tượng, xin mời ông xuống phòng khách xơi nước tôi sẽ kể sự tích cho ông nghe.

Chúng tôi đi xuống bên dưới.

*

* *

Cách đây đã lâu, lâu lắm, hàng bao nhiêu năm không ai nhớ rõ được nữa, Mỹ Lan là một tiểu cô nương cực kỳ xinh đẹp, con gái quan Khâm sai đại thần họ Trương người phủ Khai Phong. Cơ ngơi riêng của gia đình ngài ở đó.

Quan Khâm sai họ Trương lúc ấy giữ chức vụ Đại pháp quan, thay mặt nhà vua trông coi về hình pháp, pháp luật tất cả các tỉnh phía Bắc, trong đó có phủ Khai Phong, quê quán của ngài.

Đại pháp quan là người nghiêm khắc, khó tính về hình luật nhưng lại rất yêu cô con gái cưng và có lòng bao dung, che chở đối với họ hàng.

Một hôm có một đứa cháu ở xa do mẹ đưa tới. Cậu ta tên là Phố-tức Trương Phố (Chang Po) vì cùng họ Trương, vai anh của Trương Mỹ Lan, mười sáu tuổi, hơn Mỹ Lan hai tuổi, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, trông rất xinh trai, vì nhà quá nghèo nên người mẹ dẫn tới nương nhờ gia đình chú họ để lo học nghề nào đó, sau này có cách sinh nhai.

Cùng tuổi thiếu niên, hai đứa trẻ làm quen với nhau rất mau. Trương Phố thường kể cho cô em họ tiểu thư khuê các nghe những chuyện nơi thôn dã, đối với cô rất lạ nên cô rất thích.

Là người cùng gia tộc, phu nhân tín nhiệm nên đặt cậu lên địa vị trông nom kẻ ăn người làm trong nhà. Lúc đầu, phu nhân rất tin tưởng cậu. Sau, người thấy hơi ngã lòng. Với địa vị như thế, Trương Phố thường quên hoặc không lưu ý tới trách nhiệm. Cậu cũng chẳng biết cách trừng phạt, rầy la trách mắng các gia nhân có lỗi nữa. Cuối cùng, chán quá phu nhân bèn đổi cậu ta ra trông nom sai bảo những người làm vườn cho xong chuyện.

Ấy vậy mà Trương Phố lại có vẻ hân hoan, thích thú với công việc này. Bản chất cậu là một nghệ sĩ, có óc sáng tạo, có tâm hồn nhạy cảm. Suốt ngày cậu lang thang, không

để ý tới mấy bác làm vườn, chỉ thích ngắm cỏ cây hoa lá, lắng nghe những tiếng chim hót véo von ở trên ngọn cao hay thong thả dạo chơi trên những lối đi ngoắt ngoéo, những dòng suối giả, những hòn non bộ, những hồ nhân tạo. Cậu tự vẽ tranh những cảnh ấy, không người chỉ dẫn. Những lúc rảnh rỗi - mà luôn là rảnh rỗi, cậu vẽ chán, lấy đất sét hí hoáy nặn các con vật rất đẹp, giống y như thật. Thỉnh thoảng cậu cũng cao hứng làm những chiếc đèn lồng đẹp tuyệt, kiểu cách do cậu nghĩ ra, khác hẳn với những chiếc đèn bán ở các tiệm ngoài phố.

Đến năm mười tám - Mỹ Lan mười sáu - Trương Phố vẫn sống nhàn hạ, chưa tỏ ra chú tâm về một nghề gì. Người chàng cao lớn, tính nết hòa nhã, ăn nói lại rất lễ độ nên mọi người trong dinh đều quý mến cậu. Quan Khâm sai tin rằng cậu có tài còn riêng Mỹ Lan thì một tình cảm nào đó nẩy nở, quyến luyến không thể rời xa. Gặp chàng, nàng sung sướng pha chút e thẹn, nhưng nếu vắng chàng nàng thấy bâng khuâng mặc dầu nàng hiểu Trương Phố là anh họ mình, giai cấp quá cách biệt, không thể tiến tới hôn nhân.

Một hôm, Trương Phố thưa với phu nhân rằng chàng đã xin được một chân học nghề thợ ngọc tại một ngôi tiệm danh tiếng, lớn nhất trong tỉnh: chàng xin phu nhân cho phép chàng tới học, cơm nước đều ăn ở đấy, chỉ buổi

tối mới về nhà ngủ đến sáng hôm sau lại đi, chàng rất thích nghề thợ ngọc.

- Được, tốt lắm, ta có lời mừng cho con!

Phu nhân tự nghĩ Trương Phố xinh xắn, khéo tay mà Mỹ Lan lại là con gái lớn, không nên để chúng có dịp gặp gỡ nhau nhiều.

Mà đúng như vậy, Trương Phố mắc đi học nghề, Mỹ Lan ở nhà suốt ngày rất buồn. Mỗi tối chàng về, thường thường rất muộn, nàng luôn luôn lấy có nọ có kia xuống dẫy đằng sau của các gia nhân, gặp chàng, hỏi han một vài câu chuyện.

Phu nhân thấy vậy một hôm bèn gọi nàng vào trong phòng, nhỏ nhẹ giải thích:

- Mỹ Lan, con nên nhớ rằng con đã lớn. Mặc dầu anh Phố là anh họ thật nhưng hai đứa nên giữ gìn, đừng gặp gỡ, chuyện trò thân mật với nhau nhiều kẻo kẻ ăn người làm hiểu lầm người ta dị nghị, đồn đại không tốt.

- Thưa mẹ vâng ạ.

Buổi tối hôm ấy Mỹ Lan không dám xuống chơi nhà dưới nữa mà hẹn gặp người anh họ ở ngoài vườn rộng. Trời dần về khuya, hai người ngồi với nhau trên chiếc ghế đá dưới ánh trăng sáng lung linh. Nàng thong thả kể cho chàng nghe những lời mẹ khuyên rồi ngây thơ hỏi:

- Chúng ta là anh em họ, tại sao mẹ lại cấm không muốn cho gặp nhau, chuyện trò thân mật với nhau?

Người con trai lộ vẻ suy nghĩ:

- Đúng vậy, bởi vì cả anh lẫn em đều đã lớn, không nên gặp gỡ.

Người con gái mở to đôi mắt, nhìn chàng chăm chăm, ngạc nhiên:

- Anh nói thế nghĩa là sao, em không hiểu?

- Nghĩa là... nghĩa là em càng lớn lên càng đẹp, càng có một cái gì đó quyến luyến, thu hút đối với anh. Anh muốn nói, nghĩa là... nghĩa là có một cái gì đó làm cho anh say mê em, thèm khát em. Nói chung, một cái gì đó khiến anh hân hoan sung sướng khi được nhìn thấy em, những thẫn thờ đau khổ khi không được gặp em.

- Giả dụ như bây giờ, đang ngồi với em, anh có sung sướng hạnh phúc không?

- Có, rất sung sướng, hạnh phúc!

- Tại sao vậy?

Người thanh niên không biết trả lời ra sao.

Chàng choàng tay lên vai nàng, áp mặt vào mặt nàng:

- Bởi vì... bởi vì anh biết linh hồn chúng ta đã thuộc về nhau, không thể tách rời nhau ra được nữa Mỹ Lan ạ.

Mỹ Lan ngồi hơi xích ra, hai tay nhè nhẹ gõ tay chàng:

- Nhưng anh cũng biết chúng ta là anh em họ, không thể lấy nhau...

- Đừng nói như vậy. Đừng nghĩ như vậy.

- Nhưng bắt buộc cả anh lẫn em đều phải hiểu rõ như vậy.

Người con trai đâm liều lĩnh, chàng cầm hai tay nàng, kéo nàng ngồi sát vào bên mình:

- Thôi kệ, muốn đến đâu thì đến, anh chẳng cần phải hiểu làm gì cả. Chỉ biết rằng từ khi khai thiên lập địa, anh yêu em và em yêu anh. Trái tim chúng ta thuộc về nhau, linh hồn chúng ta thuộc về nhau, mãi mãi, trọn đời...

Vừa nói chàng vừa đam mê, khao khát, dụi mặt vào mặt nàng, vào cổ nàng rồi vòng tay ôm chặt thân hình nàng, ngửa mặt nàng lên, hôn lên cổ nàng, lên môi nàng...

Người con gái mới lớn bàng hoàng, sửng sốt. Nàng ấm ú cố gỡ ra, nhưng một sức mạnh nào đó lại làm cho nàng cũng níu lấy thân hình chàng, đê mê, hé môi, nhắm mắt, đón nhận.

Khi đã thoát ra được, nàng ù té chạy vào trong nhà, lên phòng mình, đóng ập cửa chui vào trong chăn trùm tới tận đầu kín mít như người phát sốt. Ngoài vườn, ánh trăng vẫn sáng lung linh.

Sự bột phát của tình yêu trai gái trong tuổi quá trẻ là một cái gì đó kinh khủng, dữ dội. Nó ghê gớm, nó cuốn hút, nó xoáy cuộn. Nhất là khi nó bị một sức mạnh nào đó ngăn cấm, cản trở. Suốt đêm hôm ấy Mỹ Lan nằm trong chăn cứ suy nghĩ, trằn trọc. Nàng nhớ tới những lời mẹ dạy nhưng lại sung sướng tưởng tượng tới những cảm giác nóng hổi cuồng nhiệt khi hai làn môi áp chặt vào nhau, điên cuồng, ú ớ. Và, cũng từ đêm ấy, con người nàng dường như thay đổi. Nàng lảng tránh không dám gặp Trương mà Trương cũng biết những sự ưu phiền, cố tránh gặp nàng. Nhưng, tình yêu, càng cố đè nén bao nhiêu nó càng bừng dậy, trở nên mãnh liệt bấy nhiêu. Được ba ngày, người con gái chịu thua, nàng tự ý tìm xuống dãy nhà dưới gặp chàng và họ trở thành hai con người khác: con người của thứ tình cảm buông xuôi, liều lĩnh, không thể nghĩ đến sự xa cách.

Theo phong tục thời cổ, cha mẹ có quyền gả con gái cho một đám nhà trai nào đó môn đăng hộ đối, không cần hỏi ý kiến người họ cho là không được phép quyết định. Nhưng phần vì chỉ có một người con duy nhất, quan Khâm sai và phu nhân rất cưng chiều, phần vì Mỹ Lan nhất định từ chối, lấy cớ còn nhỏ chưa muốn rời xa cha mẹ nên việc hôn nhân cứ dùng dằng, nay lần mai lữa không nói đến, ngày tháng qua dần.

Về phần Trương, chàng tiếp tục học nghề thợ ngọc. Như một nghệ sĩ có năng khiếu, chỉ ba năm sau chàng đã thông thạo mọi việc và đã bắt đầu nổi tiếng. Người chủ tiệm ngọc rất quý trọng chàng, chính ông cũng ngạc nhiên về những món đồ do chàng tạo thành, nó đặc biệt và vượt xa tất cả mọi người khác, không ai sánh kịp. Những người quyền quý năng lui tới tiệm ông, họ mách bảo nhau đặt hàng thì phải đòi cho bằng được "ông thợ Trương Phố" làm. Trong số các khách hàng quen có cả phu nhân quan Khâm sai nữa.

Một hôm, sắp tới kỳ lễ thánh thọ Hoàng hậu trong triều, phải có quà mừng, quan Khâm sai có ý tìm một vật thật quý dâng lên Hoàng hậu. Ngài suy nghĩ kỹ và cho người lùng khắp mọi nơi, kiếm mua được một khối ngọc cực tốt. Với sự góp ý của phu nhân, ngài đích thân tới tiệm xem các món hàng do Trương Phố đã thực hiện. Ngài rất hài lòng, rất tin tưởng ở tài năng của chàng:

- Này con, đây là một dịp đặc biệt, ta hoàn toàn trông cậy vào con. Bảo vật đó sẽ được dâng lên Hoàng hậu. Quà mừng của quan Khâm sai dâng Hoàng hậu không phải chuyện thường. Nếu con làm tốt, Hoàng Hậu vừa ý, ngỏ lời khen, danh tiếng con sẽ lừng lẫy, tiền bạc sẽ đến với con không ai bì nổi.

- Vâng ạ.

Quan Khâm sai ra lệnh cho gia nhân đem khối ngọc tới. Trương Phố xem xét thật kỹ rồi thưa với ngài rằng với khối ngọc quý như vậy, chàng có thể sáng tạo một pho tượng Quan Âm khác hẳn với các pho khác từ trước tới nay, chắc chắn Hoàng hậu sẽ hài lòng, triều đình hâm mộ.

- Hay lắm, tượng đức Nữ Bồ Tát giàu lòng quảng đại rất hợp với ý Hoàng hậu.

- Nhưng trong khi con làm, xin thúc phụ tin nơi con, đừng cho người tới theo dõi, xem xét, con làm không nổi.

- Được, ta chấp nhận.

Ông chủ tiệm chuẩn bị cho chàng một căn phòng riêng, cấm không cho ai được phép lui tới, Trương Phố bắt đầu vào việc.

Ba tháng sau, mọi việc hoàn tất, pho tượng có hình dáng và tư thế theo quy ước nhưng đẹp tuyệt trần với khuôn mặt và thân hình nhang nhác giống người chàng yêu quý. Đặc biệt, hai chiếc khuyên đeo trên nhánh tai pho tượng có thể xoay tròn được không chỗ ráp nối. Điều này cực kỳ công phu, tỉ mỉ. Những đường nét thanh tú do Trương Phố sáng tạo buộc mọi người xem phải lên tiếng xuýt xoa khen ngợi. Riêng quan Khâm sai thì rất sung sướng, ngài nghĩ đây là một tác phẩm không tiền khoáng hậu, ngay trong cung đình từ trước đến nay cũng chưa hề có. Ngài trả công tiệm rất hậu và thưởng Trương Phố một

gói bạc lớn ngoài sức tưởng tượng của chàng.

- Đẹp lắm, Trương Phố. Danh tiếng con sẽ vang dội khắp nơi, khi ấy con sẽ nghĩ rằng đây là dịp may ta đã đem đến cho con thực hiện tài năng của mình. Nhưng sao ta thấy hình như... hình như nét mặt pho tượng hao hao giống với con Mỹ Lan nhà ta?

Trương Phố trả lời một cách hãnh diện:

- Thưa vâng. Tại vì em Mỹ Lan trẻ tuổi, thanh thoát giống với pho tượng.

Sau khi dâng lên Hoàng hậu, được Hoàng hậu ngỏ lời ban khen và truyền quan Khâm sai chuyển lời khen kèm thêm quà thưởng cho người thợ ngọc, danh tiếng Trương Phố nổi như cồn. Nhưng danh tiếng, tiền bạc đối với chàng thảy đều vô nghĩa. Cái mà chàng luôn luôn mơ ước không nằm trong tầm tay. Chàng chán nản, mất hứng thú làm việc.

Về phần Mỹ Lan, nàng bị thiên hạ thì thầm bàn tán là hăm mốt tuổi còn không chịu lập gia đình. Quan Khâm sai và phu nhân bèn quyết định nhận lời một chỗ quyền quý, thế lực không thua kém gì gia đình ngài. Mỹ Lan không viện có trì hoãn được nữa, lễ hỏi cử hành trọng thể, sau đó sẽ tới lễ cưới.

Quá thất vọng, người con gái bèn bàn tính với người con trai:

- Chúng ta trốn đi nơi khác thật xa anh ạ. Trốn tới nơi nào không ai biết gốc tích, anh sẽ làm nghề thợ ngọc còn em cũng có một số nữ trang, không đói được đâu mà sợ.

- Anh cũng định bàn với em như vậy. Nếu trốn ta nên trốn trước, đừng để lửa xém chân mày rồi mới xoay xở không kịp.

Họ bàn tính, chuẩn bị thật kỹ, nửa đêm hôm sau sẽ gặp nhau tại khu vườn sau, leo qua bức tường để trốn.

Không may cho họ, một người đầy tớ già vẫn giữ nhiệm vụ gác vườn ban đêm trông thấy. Ông ta rất kính trọng Mỹ Lan và quý Trương Phố nhưng có bổn phận phải bảo vệ danh dự gia đình chủ nên bèn giữ lại:

- Thưa tiểu thư, xin tiểu thư hãy khoan, đi với tôi vào bẩm phu nhân trước đã. Nếu phu nhân cho phép, bấy giờ tôi sẽ mở cổng mời tiểu thư đi.

- Không, ta cần đi gấp, không thể xin phép mẹ ta!

- Nhưng tôi cũng không thể để tiểu thư đi. Tôi là kẻ ăn người làm, phải giữ thanh danh cho chủ.

- Hãy buông ta ra, ta chính là chủ!

- Không, chủ tôi là quan Khâm sai và phu nhân, tiểu thư đi với tôi vào bẩm lại phu nhân!

Hai bên giằng co, không dám lớn tiếng vì sợ kinh động mọi người. Trương Phố cùng đường, đánh nước liều bèn

một tay ôm chặt ông ta, tay kia bịt miệng với ý định gỡ để Mỹ Lan leo lên trốn trước, chàng sẽ chạy sau. Không ngờ ông già cũng là người khỏe, bỗng vuột ra được, quay lưng chạy, định la, khua mõ báo động. Trương Phố hoảng hồn chạy đuổi theo, đẩy ông ta ngã sấp xuống không cho tri hô. Bất ngờ ông lão mất đà, đâm lao trên mặt đất toàn những rễ cây gồ ghề và một tảng đá rất lớn. Một tiếng "hự" hật ra, thân hình ông ta quằn quại, chân tay giẫy đành đạch rồi nằm im bất động.

Trương Phố sợ hãi ngồi sụp xuống, lật ông ta lên xem xét vết thương: một dòng máu nhỏ chảy ri ri dưới chân những sợi tóc bạc. Ông ta ngã trúng chỗ phạm, đầu bị nứt, đã chết. Mặt mũi Mỹ Lan xám xanh:

- Làm ... làm thế nào bây giờ hả anh?

Trương Phố cũng run lập cập:

- Không... không biết nữa, phải trốn đi kẻo rất nguy hiểm.

- Nhưng... nhưng để xác ông già Tài nằm đây hay sao?

- Anh... anh cũng không biết nữa. Phải... phải trốn ngay kẻo lỡ ai biết thì chết...

Vậy là Mỹ Lan vừa khóc vừa vơ lấy hai chiếc túi vải rớt trên mặt đất. Trương Phố đỡ nàng leo lên tường rồi theo lên sau. Họ cùng trốn đi với nhau.

*

* *

Gần trưa hôm sau người ta mới phát giác ra cái chết của ông già gác vườn, bèn tri hô lên và vào bẩm với ông bà chủ. Đến lúc coi lại, cả Trương Phố lẫn Mỹ Lan đều đã biến mất.

Quan Khâm sai đau khổ ra lệnh cho người quản gia:

- Trước hết, tuyệt đối giấu kín việc này cái đã. Còn hai đứa khốn nạn làm bại hoại gia phong đó... - ngài quắc mắt, ánh mắt gần như lóe lửa: - Ta sẽ cho lệnh đào bới khắp mặt đất. Phải bắt cho bằng được chúng đem về chặt đầu, không để chúng sống!...

Về phần đôi thanh niên nam nữ, sau khi đã trốn khỏi Khai Phong, họ cải trang thành hai người lái buôn nghèo khổ rồi cứ đi, đi mãi, cố tránh những nơi đô hội hoặc đông dân cư. Họ cố ý tránh cả các bến sông lớn nữa, vì sợ bị bắt. Cuối cùng, qua không biết bao nhiêu đường đất, họ tới được sông Dương Tử, con sông ranh giới giữa Bắc và Nam. Đến đây đã coi như thoát, họ mừng rỡ nhưng vẫn thận trọng thuê thuyền ở một bến sông vắng, qua sông rồi lại tiếp xuống miền Nam, hơi chếch sang phía Tây. Mấy tháng sau, thấy đã xa lắm rồi, Trương Phố yên tâm bàn với vợ:

- Anh nghe nói ở Giang Tây có nhiều ngọc tốt. Hay

vợ chồng mình nên đến Giang Tây?

- Trời đất ơi, chàng chưa biết sợ hay sao mà còn nghĩ tới chuyện ngọc? Không, phải đi xa nữa và đừng nghĩ tới nghề ngọc.

- Nhưng mình đã bàn tính với nhau, em có nữ trang, anh làm nghề ngọc để sống.

- Không, đấy là bàn tính trong trường hợp trốn đi bình thường. Đằng này già Tài đã chết, mọi người tin chắc mình giết ông ta, việc truy nã càng gắt gao hơn. Em tính mình đi thật xa, tới một nơi nào hẻo lánh, anh sẽ làm các thứ tầm thường như đèn lồng hay nặn các con vật bằng đất sét, chẳng ai nhận ra mình được.

- Sao, anh mà làm đèn lồng hay nặn các con vật đất sét?

- Đúng vậy. Em rất lo sợ. Chúng ta mang án sát nhân không thể chối cãi được. Anh cần suy nghĩ tới mạng sống của cả hai vợ chồng.

- Kể ra, em quá cẩn thận chứ Giang Tây cách miền Bắc hàng ngàn dặm, họ nói tiếng Nam, chẳng ai để ý tới tông tích vợ chồng một tên thợ ngọc nghèo khổ. Mà họ cũng biết mình là người Bắc...

Mỹ Lan thấy hợp lý, nàng đấu dịu:

- Thôi được, anh làm nghề ngọc cũng được nhưng ta

cần phải đi xa hơn nữa và khi làm thì anh hạ thấp mức độ, không tạc những pho tượng ngọc phi thường kẻo người ta biết.

Họ không dám sống ở Nam Xương, thủ phủ của tỉnh Giang Tây mà xuống Kế An, một thị trấn nhỏ nằm hơi xích về phía biển, gần giáp với tỉnh Giang Tô.

Ở Giang Tây có loại đất sứ và loại đất sét trắng tốt nhất Trung Quốc. Kế An tuy hẻo lánh nhưng vẫn thuộc địa phận tỉnh Giang Tây, có thể mua được hai loại đất này một cách dễ dàng. Người vợ nhắc nhở chồng:

- Anh nên đổi sang làm nghề sứ. Nếu quá lắm thì nặn những bức tượng bằng đất sét trắng, bảo đảm hơn nhiều.

- Nếu đã lo thì ngay cả làm đồ sứ hay đất sét trắng họ vẫn nhận ra tài nghệ của anh. Anh đã nói đến đây là một đầu phía Bắc, một đầu phía Nam, chẳng ai biết nổi. Anh sẽ giấu kín tên tuổi.

Với số tiền của vợ và số của cải mình đã dành dụm được, Trương Phố tìm mua một căn nhà nhỏ ở ngoài ngoại ô, mua các đá ngọc phẩm chất khác nhau rồi mở một cửa tiệm nho nhỏ, vừa làm vừa trưng bày hàng để bán.

Mỹ Lan vẫn áy náy không yên tâm, nàng thường xem xét các phẩm vật do chồng làm ra:

- Khổ, anh lại cứ quen tay làm đẹp thế này thì nguy

hiếm lắm. Phải làm kém đi mới được.

Trương Phố rất thương xót vợ và thương xót cả mình nữa. Chàng đã làm những vật thông thường như vòng đeo tay, nhẫn, các loại hạt chuỗi... Nhưng ngọc là thứ đá quý thường ở dạng khối, phải lựa theo chiều và kích thước để điêu khắc các vật tương xứng, sau đó mới dùng mảnh vụn chế tạo các đồ lặt vặt. Mà, muốn làm vật tương đối lớn là đã bước vào địa hạt nghệ thuật, phải có sức sáng tạo, không thể làm kém hơn được. Mỗi người nghệ sĩ có dấu ấn riêng, người không có tài muốn có tài khó khăn thế nào thì người có tài muốn hạ bớt cái tài của mình trong khi thực hiện tác phẩm cũng khó khăn như thế. Trương Phố đã lén lút vợ làm những con khỉ ăn cắp trái đào hoặc bẻ trộm ngô với những nét mặt ranh mãnh, dễ thương hay những con chó ngồi ngủ gật nhắm mắt "để đấy", những con mèo con thè lưỡi nhớ mẹ... chàng rất áy náy. Lúc đầu, Mỹ Lan có vẻ không bằng lòng, rầy la luôn miệng. Sau, hàng bán chạy quá nên nàng cũng lờ đi coi như không biết.

- Ôi, anh yêu, anh lại bắt đầu nổi tiếng rồi đấy, em rất lo ngại. Tụi mình sắp có "tin mừng", anh nên thận trọng.

- Tin mừng? A, một đứa con! Trương Phố chợt hiểu ra và chàng sung sướng reo lên, ôm chầm lấy vợ như đêm nào dưới ánh trăng sáng lung linh.

- Ô, một chú bé xinh xắn, dễ thương! Bây giờ thì tụi mình sắp có thêm một "nhân khẩu", không còn cu ky hai đứa như trước!

- Và tụi mình cũng "ăn nên làm ra" nữa, hàng bán khá quá!

Mà họ "ăn nên làm ra" thật, chỉ mới hơn một năm kể từ ngày tiệm Bảo Hồ được thành lập, danh tiếng các đồ ngọc của tiệm Bảo Hồ đã nhiều người biết. Khách hàng từ những nơi lân cận đến mua buôn phải tranh nhau đặt tiền trước vì... ông chủ tiệm làm không kịp. Rồi các du khách từ Nam Kinh xuống hay Giang Tô lên, đi qua Kế An thế nào cũng phải ngừng lại, ghé qua tiệm Bảo Hồ mua một vài vật làm kỷ niệm với bất cứ giá nào. Chẳng bao lâu Kế An trở thành một thị trấn nổi tiếng với ngọc Bảo Hồ, ai cũng muốn tới.

May mắn hơn nữa, ít lâu sau Mỹ Linh được một đứa con trai xinh xắn, khấu khỉnh. Vợ chồng chàng trở nên giàu có, đã có bát ăn bát để.

Một hôm, một người đàn ông bước vào trong tiệm sau khi đã quan sát các đồ ngọc bày trong tủ kính:

- Ông có phải là Trương Phố, bà con với quan Khâm sai ở phủ Khai Phong miền Bắc không?

Trương Phố giật này mình ngửng lên, nhíu mày suy

nghĩ, khe khẽ lắc đầu:

- Không, tôi không phải người Khai Phong.

- Thế sao ông nói giọng Bắc?

Trương Phố lại nhíu mày:

- Ồ, đâu phải cứ giọng Bắc là người Khai Phong? Còn nhiều nơi khác nữa chứ.

Người đàn ông nhìn Trương Phố với cặp mắt dò xét:

- Ông đã lập gia đình chưa?

Trương Phố rất run nhưng vờ nổi giận:

- Có gia đình hay chưa là việc của tôi, không liên quan gì tới ông, tại sao ông lục vấn?

Người đàn ông giả tảng xin lỗi rồi rút lui. Lúc ấy Mỹ Lan đang ở nhà trong. Nghe lời đối thoại hơi lạ, nàng sợ hãi bế con nhìn trộm qua khe cửa. Lúc lão đã đi khỏi, nàng lo lắng bảo chồng đó là tay lục sự làm trong tòa án dưới quyền cha nàng.

- Em sợ lắm, chỉ lo những đồ bằng ngọc tiết lộ chân tướng hai đứa chúng mình!

- Đừng sợ, rồi anh sẽ liệu. Bất quá ta lại trốn tránh lần nữa là cùng.

Hôm sau, người đàn ông trở lại dò hỏi, Trương Phố làm bộ cáu kỉnh:

- Tôi đã nói tôi không biết Trương Phố Trương phiếc nào mãi tận miền Bắc hết. Ông làm phiền tôi nhiều quá, rất mất thì giờ!

- Được lắm, nếu ông không biết để tôi kể cho ông nghe. Trương Phố là một tên sát nhân khốn kiếp đang bị truy nã. Y là cháu gọi quan Khâm sai bằng chú họ, được ngài nuôi nấng, bao bọc, giúp cho một cơ hội bằng vàng. Nhưng y phụ ơn, quyến rũ tiểu thư, con gái duy nhất của ngài bỏ trốn đi với y với số nữ trang vàng bạc rất lớn. Người làm vườn biết được, y giết ông ta. Tội y đáng phải chém đầu tại chỗ bất cứ nơi nào, nhưng vì quan Khâm sai thầy tôi ra lệnh giữ kín nên tôi chưa tiện xin lính trên tỉnh xuống bắt ông. Tôi đã xem kỹ các đồ ngọc người ta đem đến Nam Xương, ngoài Trương Phố ra không ai làm nổi.

- Hừ, ở đời này đâu phải chỉ một mình Trương Phố của ông mới là người giỏi? Chán vạn người khác còn giỏi hơn nhiều!...

- Tôi rất nghi ông và tôi được quyền bắt giữ, giải về Khai Phong, mọi việc tính sau. Tôi biết mặt tiểu thư con gái quan Khâm sai, nếu ông không phải Trương Phố xin ông hãy coi tôi như một người khách, nhờ bà đem ra mời tôi một tách nước trà. Đúng hay không đúng lúc ấy sẽ xác định rõ không còn nghi ngờ gì nữa.

Hắn đề nghị rất hợp lý, Trương không thể từ chối được bèn tìm cách nói dối:

- Nhà tôi đi vắng, mắc dẫn mấy đứa nhỏ sang quê ngoại ăn giỗ ở bên Giang Tô có lẽ cũng vài ba hôm. mong ông để cho bữa khác.

- Được, hôm nào bà về tôi sẽ tới.

Người đàn ông ra khỏi tiệm. Vợ chồng Trương Phố hoảng hồn vội vàng bàn tính với nhau, thu xếp các bảo vật, thuê một con thuyền, ngay đêm hôm ấy bỏ nhà bỏ cửa, xuống thuyền chạy trốn xuôi theo dòng sông.

Không hiểu lòng người hay do lòng trời bày ra cơ sự, sau hơn một tháng chạy thoát, bồng bềnh trên sông nước, tới Cẩm Sơn thì thằng bé bị bệnh phải cho thuyền dừng lại bốc thuốc. Tiền mặt đã hết, Trương Phố đem đi bán một trong những đồ vật chàng đã sáng tác: một con chó bằng ngọc ngồi ngủ gật, một mắt nhắm, một mắt mở, một tai cúp, một tai vểnh trông rất tức cười.

Người mua là ông Vạn, ông lái buôn ngọc rất tử tế và thạo nghề:

- Chà, ngọc Bảo Hồ ở Kế An bên Giang Tây đây mà. Theo tôi biết, chỉ có tiệm Bảo Hồ ở Kế An mới làm được những thứ này. Tôi đang cần mua nhưng nghe nói họ mới đóng cửa, làm sao ông lại có được?

Trương Phố trả lời với chút hãnh diện:

- Ông tinh thật, đúng là loại ngọc Bảo Hồ. Ngày trước tôi cũng nhờ người bạn có việc đi qua Kế An mua giùm, bây giờ cần tiền đem bán.

*

* *

Cẩm Sơn hay còn gọi Cam Tuyền, là một thị trấn nhỏ nằm dưới chân một rặng núi cao, phong cảnh một bên có sông, một bên có núi rất đẹp. Bấy giờ đang mùa đông, đứa nhỏ đã bình phục, Trương Phố không biết đi đâu bèn bàn với vợ ở lại nơi này, thuê một ngôi nhà thật xa và chàng đem bán một số đồ ngọc.

- Ủa, nhà còn tiền, chàng bán ngọc làm gì vậy?

- Chúng ta lại mở một cửa hàng buôn bán sầm uất như ở Kế An.

- Mở tiệm đồ sứ, đồ đất sét trắng hay đồ ngọc?

- Đồ ngọc.

- Trời ơi, chàng vẫn còn nghĩ đến ngọc nữa sao? Lần trước em đã khuyên can, chàng không chịu nghe suýt bị nguy hiểm. Đã thoát được rồi chúng ta phải giữ lấy thân đừng để ý tới ngọc nữa. Chẳng lẽ đối với chàng, ngọc giá trị hơn cả tính mạng em và của con chúng ta ư? Hãy từ từ chờ tình hình thay đổi, cha mẹ em bớt giận bấy giờ

chàng tha hồ trở lại nghề ngọc, em không hề dám ngăn cản.

Trương Phố thấy vợ có lý bèn nghe lời, sắm sáp dụng cụ, lập lò nung rồi mua một số đất sứ đất sét loại tốt hì hục nặn hàng trăm tượng Phật và các thứ khác, phơi đầy trong sân chờ đưa vào lò. Nhưng những lúc nghỉ ngơi, hàng tuần gặp các lái buôn trên "con đường ngọc" chạy dài từ các dãy núi lớn thuộc địa phận tỉnh Giang Tây, băng ngang tỉnh Quảng Đông, xuyên qua Kế An, Cẩm Sơn rồi tới các đồng bằng phì nhiêu ở phía đông nam, chàng rất thèm khát được sờ tay vào thứ đá quý đó.

Một lần, lang thang vào trong thành phố, dán mắt trước các tủ kính sang trọng người ta bầy bán những vật bằng ngọc tầm thường, Trương Phố thấy xót xa đau đớn. Về nhà, ngó mấy đám tượng đất sét chưa nung ướt rình trông mới đáng chán làm sao! Chàng giận dữ vung tay đập bẹp mấy pho tượng, nghiến răng, hằn học:

- Đồ đất bùn, vô giá trị! Tại sao ta phải nặn bọn mi trong khi ta là một nghệ sĩ sáng tạo đã từng điêu khắc tượng ngọc, cung đình phải nể? Ta, Trương Phố, ta muốn sáng tác những tác phẩm để đời, không cần tính mạng của ta nữa!

Mỹ Lan úa nước mắt. Nàng thở dài, khe khẽ lắc đầu:

- Chàng yêu công việc hơn chính bản thân. Rồi những

thứ chàng coi là cao cả đó sẽ giết chết chúng ta. Em là vợ, biết trước nhưng không làm thế nào được.

*

* *

Một hôm, người lái buôn tên Vạn dò hỏi, tìm được nhà của Trương Phố, mời chàng tới quán uống rượu với mục đích nhờ chàng xem giúp một vài món ngọc.

- Ông coi này, tôi mới ở Kế An về...

Vừa nói ông ta vừa mở một chiếc hộp gói ghém cẩn thận:

- Đúng là tiệm Bảo Hồ mới đóng cửa thật. Tôi mua được mấy món này ở các tiệm khác, họ nói là ngọc Bảo Hồ. Nhờ ông coi giùm...

Những thứ đó quá vặt vãnh, Trương Phố im lặng giả bộ không biết gì về ngọc. Nhưng khi ông ta đưa con khỉ màu hồng ăn cắp trái đào thì chàng giận sôi lên được, chàng hậm hực:

- Hừ, đồ giả mạo!

- Vâng, có lẽ đồ giả mạo thật. Tôi cũng hơi nghi vì thấy nó không tinh tế, không có hồn. Ngọc Bảo Hồ thì phải có hồn, trông sống động như con vật thật. Có lẽ ông rất rõ về ngọc Bảo Hồ?

- Vâng, tôi biết chút ít.

- À, quên, tôi chưa nói với ông, hồi nọ ông để cho con chó, tôi bán lời một gấp đôi mà họ vẫn tranh nhau mua, nếu đem lên Nam Kinh thì lại càng lời hơn nữa. Ông còn thứ nào đúng ngọc Bảo Hồ, bất cứ giá bao nhiêu tôi sẽ xin...

Trương Phố không để ý. Đầu óc chàng đang bận rộn với con khỉ bị giả mạo:

- Tôi sẽ cho ông thấy một con khỉ thứ thiệt của tiệm Bảo Hồ thì phải như thế nào!

Chàng dẫn ông Vạn về nhà và đưa cho coi con khỉ bằng hồng ngọc ăn cắp trái đào, ông ta năn nỉ đòi mua bằng được, chàng nể lời bèn bán.

Lên Nam Xương, ông Vạn hí hửng đem khoe với các bạn cùng cánh lái buôn, họ rất ngạc nhiên:

- Kỳ nhỉ, một chủ tiệm tượng đất sét sao lại có ngọc Bảo Hồ?

- Thật mà, tôi đã mua được hai con. Hình như ông ta còn giữ nhiều lắm.

Từ đấy tiếng đồn lan rộng trong giới buôn ngọc, vì tất cả mọi người đều đang thèm khát loại ngọc Bảo Hồ nhưng nay không còn nữa. Họ luôn luôn lui tới, bàn tán với nhau. Sáu tháng sau, người lục sự đi với ba người lính, tìm tới tận nhà để bắt Trương Phố và Trương Mỹ Lan.

- Được, tôi sẵn sàng đi với các ông về Khai Phong chịu tội nhưng đường xá xa xôi, các ông cho phép tôi thu xếp mấy món đồ quý.

- Còn tôi cũng phải đem theo đủ đồ dùng cho con tôi. Mấy người nên nhớ dù sao nó cũng là cháu ngoại quan Khâm sai đại thần. Nếu mấy người hối thúc, tôi không đem đủ, nó đau yếu dọc đường các người phải chịu trách nhiệm.

Viên lục sự đã được quan Khâm sai ra lệnh đối xử tử tế nên cũng e dè không dám hối thúc. Còn mấy người lính, thấy "ông thầy" của mình như vậy họ chỉ canh gác sơ sơ ở phía bên ngoài, mọi việc đã có "ông thầy" quyết định.

Vợ chồng Trương Phố thu xếp ở nhà trong. Chuẩn bị đâu đấy xong xuôi, người vợ cột chiếc ruột tượng đựng các bảo vật từ vai xuống nách vắt chéo trên ngực chồng rồi mở chiếc cửa sổ phía vườn sau, hất hàm ra hiệu. Trương leo lên, phóng mình ra cửa.

- Nhớ đừng bao giờ đụng tới ngọc nữa!

Chàng khẽ gật đầu.

Khi chân chạm xuống đất khu vườn rộng có nhiều ngõ ngách ăn thông sang các lối khác, chàng biết đã thoát thân bèn ngoái lại nhìn có ý từ biệt người vợ thân yêu cùng

với đứa con thơ ấu suốt đời khó mong gặp lại. Mỹ Lan đau đớn, xúc động, thân hình nàng dường như chói với, một tay giơ lên cao, đưa ra đằng trước, đầu và cánh tay trái ngả sang bên, như kiệt quệ, như vĩnh biệt, như níu kéo, như xót xa cho người chồng trăm năm cay đắng.

Thấy họ thu dọn lâu quá, mấy người đàn ông nóng ruột đi vào thúc giục thì thấy Trương Phố không còn đấy nữa, chàng đã biến mất.

*

* *

Mỹ Lan và đứa con nhỏ được đưa về Khai Phong. Mẹ nàng đã mất từ lâu, cha nàng nay đã quá già nhưng vẫn oai vệ. Khi nàng lạy chào, ngài im lặng, nét mặt buồn bã, trên môi không một nụ cười. Người nữ tì dắt đứa trẻ đến bên cạnh, nàng giúp con làm lễ tương kiến ông ngoại thì ngài vẫn ngồi nguyên trên ghế nhưng mặt có tươi hơn lên được một chút. Đứa bé xinh quá, giống cha giống mẹ như đúc. Ngài hơi nhúc nhích chìa một ngón tay ra cho nó nắm lấy tay ông ngoại.

Người lục sự rạp đầu xuống đất nhận tội, trình bày lại việc đã sơ ý để tên tội phạm trốn thoát. Ánh mắt ngài lộ vẻ đăm chiêu, dường như lưỡng lự:

- Thôi được. Có lẽ chẳng bao giờ ta tha thứ cho nó. Tiếp tục ra lệnh đi tìm nó đem về đây chém đầu. Ta sẽ

thưởng công thật lớn cho người nào hoàn thành công việc.

Đoạn, ngài nhíu mày, lẩm bẩm như muốn xác định lại một lần nữa:

- Cái thằng vô ơn bạc nghĩa, phạm tội giết người và phá hoại gia cảnh nhà ta. Ta tiếp tục ra lệnh truy nã, không thể tha thứ cho nó.

Người đàn ông lại cúi rạp đầu tuân lệnh.

Thời gian dần trôi qua, vẫn không có tin tức gì về Trương Phố. Một hôm, có quan Tổng đốc họ Dương cai trị vùng Quảng Đông và đoàn tùy tùng trên đường tiến kinh, ghé lại Khai Phong thăm bạn. Quan Khâm sai rất mừng bèn ra lệnh làm một bữa tiệc lớn thết đãi. Trong khi ăn uống, quan Tổng đốc tiết lộ rằng tiến kinh lần này ngài có đem theo một pho tượng ngọc quý làm quà dâng lên Hoàng hậu, vì ý bề trên muốn có một pho tượng nữa cùng kích thước với pho tượng quan Khâm sai đã dâng ngày nào cho đủ cặp. Nhưng, theo ngài nghĩ, kích thước thì giống nhau song có lẽ pho của ngài đẹp hơn.

Tất cả mọi người trên tiệc đều rất ngạc nhiên, họ cho rằng pho tượng của quan Khâm sai ngày trước là nhất, không thể có pho nào bằng chứ không nói là đẹp hơn.

Vị đại thần cai trị vùng Quảng rất sung sướng, ngài vuốt râu cười hãnh diện:

- Được, nếu quý bằng hữu không tin, lát nữa tôi sẽ cho đặt ngay lên đây để quý bằng hữu xét đoán!

Tiệc tàn, nữ tì dâng trà, quan Tổng đốc giữ lời hứa bèn ra lệnh dẹp qua một bên rồi bảo người hầu ra ngoài bưng vào một chiếc hộp lớn bằng gỗ quý, các góc cẩn ngọc. Đích thân ngài tự tay mở hộp và đặt lên bàn:

- Đây, pho tượng Nữ thần Từ bi của tôi đây, quý vị coi đi!

Mọi người há hốc miệng, trợn tròn mắt chỉ kêu lên được tiếng "Trời!"... hay tiếng "Ô!..." đầy kinh ngạc. Ngay đứa nữ tì bưng khay trà đứng gần đấy cũng sửng sốt. Nó liếc mắt ngó trộm pho tượng rồi ngấm ngầm vào trong nhà báo tin với tiểu thư Mỹ Lan. Qua bức rèm mở hé, tiểu thư đang dán mắt nhìn thật kỹ những đường nét tuyệt diệu, mặt tái mét, miệng lẩm bẩm nói như trong mơ: "Phải, chàng! Chính là chàng!..."

- Nghệ sĩ nào mà khủng khiếp thế, thưa quan huynh?

Vị Tổng đốc cười kiêu hãnh, cố tình chậm rãi để mọi người phải sốt ruột:

- Khoan đã. Chuyện này hơi lạ. Để từ từ rồi tôi sẽ kể hầu quý bằng hữu...

Ngài chiêu một ngụm nước, hút một điếu thuốc sau đó mới hắng giọng cho thêm phần long trọng:

- Người nghệ sĩ ấy không phải một tay tầm thường. Chỉ hiềm một nỗi tôi không biết tên chàng nên không mách với quý bạn được!... Tôi gặp chàng trong một trường hợp đặc biệt. Đứa cháu gái phu nhân nhà tôi đi dự lễ cưới. Nó mượn phu nhân nhà tôi cặp vòng ngọc gia truyền, phu nhân tôi rất quý, ít dám dùng tới. Cặp vòng này hoàn toàn giống nhau, trên mặt khắc hình tứ linh theo kiểu cách riêng khó ai làm nổi. Chẳng may con bé lỡ tay làm vỡ mất một chiếc. Nó sợ lắm, khóc lóc rồi cho gia nhân lùng khắp nơi tìm các thợ giỏi, kể cả các tiệm ngọc lớn nữa, vì nó biết cô mẫu rất tiếc. Nhưng ai xem xong cũng nói thật rằng họ không làm nổi. Cuối cùng, vị quản gia bèn bày kế rằng chỉ còn một cách dán yết thị ở nơi đông, đặt số tiền thưởng thật lớn may ra kiếm được người giỏi. Con bé nghe theo. Ít lâu sau, một người nghệ sĩ tự động tìm tới. Ông ta còn trẻ, ăn mặc tầm thường gần như nghèo khổ khiến con bé hơi thất vọng. Nó nghĩ một người có tài thường thường phải giàu hoặc ít nhất cũng có đời sống tương đối. Xem kỹ xong, ông ta hỏi: "Tiểu thư muốn làm một chiếc giống hệt thay cho chiếc bể hay hai chiếc khác đẹp hơn?" Nó ngạc nhiên hỏi lại: "Liệu tiên sinh có làm đúng như thế được không? Tiểu nữ sẽ thưởng công rất lớn bằng vàng, ngoài ra tiên sinh muốn tính bao nhiêu thì tính, miễn sao hai chiếc giống hệt nhau". Ông ta mỉm cười:

"Đối với tôi việc đó chẳng có gì khó. Tôi có thể điêu khắc được cả các pho tượng ngọc trong cung đình. Nếu tôi làm xong, tiểu thư phân biệt được hai chiếc với nhau hoặc có điều chi không vừa ý, chê một tiếng tôi sẽ không dám nhận công và sẽ bồi hoàn tiền ngọc đã dùng". Quả nhiên, sau khi hoàn thành, con bé rất mừng. Lúc đem trả, chính phu nhân tôi cũng không phân biệt được chiếc nào cũ, chiếc nào mới. Nghe nó nói chuyện, tôi ngạc nhiên lắm, cầm lên coi thì cũng không phân biệt được. Tôi trách nó tại sao không hỏi danh tính và địa chỉ của vị tiên sinh đó. Nó nói có hỏi rất kỹ nhưng ông ta chỉ trả lời: "Tôi là kẻ không cửa không nhà, không được quyền nêu danh tính. Khi nào cần, tiểu thư cứ cho người tới tiệm trà quen gần chợ nhắn "người thợ ngọc vô danh" tôi sẽ xin đến".

Quan Tổng đốc ngừng lại một lát rồi tiếp:

- Khi biết tin đức Hoàng hậu muốn có một pho tượng nữa, tôi bèn nghĩ ngay tới ông ta vì vẫn nhớ câu: "Tôi điêu khắc được cả những pho tượng ở trong cung đình". Một mặt tôi cho đi tìm ông ta, một mặt ra lệnh cho tất cả mọi lái buôn ngọc suốt một dải trên" Con đường ngọc" từ Giang Tây xuống Quảng Đông phải tìm kiếm mua giùm tôi một khối đá ngọc cực tốt tôi có việc dùng. Quý vị biết không? Khi vị tiên sinh đó tới, ông ta vẫn ăn mặc tầm

thường, điệu bộ lấm lét như người phạm tội khiến tôi rất ngạc nhiên, vừa buồn cười vừa thương hại. Tôi giải thích hồi lâu và mô tả hình dáng pho tượng trước đây của Trương huynh đã dâng Hoàng hậu, ông ta lại càng sợ hãi. Nhưng khi nhìn thấy khối ngọc, cặp mắt ông ta sáng lên như bị một sức mạnh nào đó lôi cuốn không rời ra được. Cuối cùng, ông ta ngồi xuống xem xét khối đá khiến tôi hồi hộp. Tôi hỏi: "Sao, đủ tốt không?", ông ta úa nước mắt: "Bẩm Thượng quan, rất tốt. Suốt đời tôi chỉ mơ ước có lần được đặt tay vào một khối đá ngọc tuyệt vời như thế này. Tôi sẽ tạo nên một pho tượng đặc sắc nhất trần gian mà Thượng quan chưa từng thấy. Pho tượng đó sẽ vô giá. Tài năng của tôi cũng vô giá nên tôi sẽ không hạ thấp nó bằng cách đánh đổi bằng tiền. Ngài không thể trả công tôi được. Bởi vậy tôi sẽ không lấy của ngài một xu nhỏ nhưng với điều kiện ngài phải để tôi được tự do, hoàn toàn tự [illegible] theo ý tôi, không ai dòm ngó hoặc bàn bạc tro[illegible]i thực hiện. Ngược lại, tôi xin lấy cái đầu tôi bả[illegible] khối đá quý đắt tiền này" - Tự do? Tôi biết rằn[illegible] người nghệ sĩ thường phải tự do làm theo những g[illegible]ghĩ thì mới phát huy được trí tuệ, sáng tạo được những tác phẩm giá trị muôn đời. Bởi vậy tôi gật đầu: "Được, ta sẵn sàng chấp thuận. Và ta cũng vui lòng xin hứa rằng chính ta cũng không được phép bàn góp

trong công việc của tiên sinh". Người nghệ sĩ bắt tay thực hiện.

Ba tháng sau - tôi dự đoán muốn xong ít nhất phải năm sáu tháng - ông ta đã hoàn tất và đem lên phòng khách, đặt trước mặt tôi với vẻ hãnh diện: "Đây, thưa Thượng quan, tác phẩm của tôi đây!"

Chao ôi, nhìn pho tượng tôi ngẩn ngơ, quả thật từ trước tới nay tôi chưa từng thấy một kiệt tác nào như thế bao giờ. Trong khi tôi đang xúc động, ông ta bỗng đeo chiếc túi lên vai: "Thưa Thượng quan, xin cám ơn ngài cho tôi dịp may để được thỏa lòng mong ước. Tôi không cần tiền bạc gì cả. Bây giờ xin phép Thượng quan tôi đi". Tôi ngẩn người không hiểu ông ta nói gì, chỉ láng máng hiểu rằng ông ta đang giã từ, tôi bèn vội vã khua chân tìm đôi dép, đứng dậy đuổi theo: "Không, không, xin tiên sinh đợi tôi, đừng đi"... Ông ta bước nhanh như một người chạy trốn. Khốn khổ, chân tôi hay bị lạnh mà thân hình tôi thì cũng không được nhẹ nhàng như quý bạn đã thấy. Khi tôi tìm được đôi dép, ì ạch chạy theo ra được đến bên ngoài thì ông ta đã biến mất. Tôi hối thúc gia nhân đi tìm cũng không thấy ông ta đâu nữa. Đấy, câu chuyện về sự tích pho tượng của tôi là như thế, còn nó xấu hay đẹp tùy quý bạn nhận xét. Riêng tôi, tôi rất quý trọng vị nghệ sĩ đó.

Kể xong, quan Tổng đốc hãnh diện chiêu một ngụm nước trà thơm. Bỗng, từ trong phòng trong, một tiếng kêu đau thương như xé ruột vọng ra khiến mọi người đều giật mình kinh ngạc. Quan Khâm sai đứng dậy xin phép vào phòng con gái, nơi có tiếng kêu. Các gia nhân hối hả từ nhà sau chạy lên, họ cho biết Trương tiểu thư bị ngất xỉu đang nằm sóng soài trên mặt đất. Một thực khách ngồi bên cạnh ghé tai nói nhỏ với quan Tổng đốc: "Người nghệ sĩ tài ba quan huynh vừa kể không ai khác hơn Trương Phố, chồng của Trương tiểu thư, con gái quan Khâm sai". Quan Tổng đốc kinh ngạc. Vị thực khách bèn vắn tắt thuật lại câu chuyện chia rẽ giữa đôi trai gái cho mọi người nghe.

Tỉnh dậy, Mỹ Lan xin phép cha cho được ra ngoài nhìn ngắm pho tượng tận mắt. Nàng sờ mó nó, hôn lên mái tóc nó, hai hàng nước mắt tuôn rơi... Và, khi nàng giơ tay, nghiêng đầu nhìn ngắm, người ta thấy *pho tượng với nàng chỉ là một!*

Quan Tổng đốc đặt pho tượng về phía nàng:

- Con gái đáng thương của ta! Ta đã hiểu rõ tất cả. Cái này là của con, con hãy giữ lấy nó. Với sức ta, ta có thể tìm một vật khác dâng lên Hoàng hậu. Còn con, theo ta nghĩ, nó sẽ an ủi con rất nhiều trước khi con được đoàn tụ với chồng.

Mỹ Lan sụp xuống lạy, tạ ơn quan Tổng đốc bạn của cha nàng.

Từ dạo đó. Mỹ Lan mỗi ngày một mòn mỏi như có một căn bệnh lạ lùng gặm nhấm bên trong cơ thể. Quan Khâm sai tuyên bố tha thứ mọi lỗi lầm cho người con rể nếu tìm thấy chàng. Năm sau, ngài và đoàn tùy tùng xuống Quảng Đông thăm người bạn đồng liêu với mục đích nhờ vị Tổng đốc cai quản cả vùng Quảng Đông này hướng dẫn tìm kiếm Trương Phố. Nhưng mọi cố gắng đều vô ích, hỏi tiệm trà quen cũng không ai biết, chàng vẫn biệt tăm.

Hai năm sau, một bệnh dịch lan tràn khắp Khai Phong, đứa con trai Mỹ Lan bị chết. Nàng hoàn toàn tuyệt vọng, cắt tóc quy y và xin vào tu viện, chỉ mang theo độc nhất pho tượng nữ thần bằng ngọc. Theo vị sư trưởng cho biết, nàng hoàn toàn sống với một thế giới riêng trong một tịnh phòng, không người nào, kể cả sư trưởng, được vào trong đó. Cũng theo nhà sư này kể, ban đêm nàng thường thức thật khuya, âm thầm viết những lời cầu nguyện trên các tờ giấy rồi lại âm thầm đốt các bản giấy đó trước pho tượng. Nàng không thổ lộ với ai về bản thân mình, không đụng chạm tới ai mà cũng không làm ai mất lòng.

Khoảng hai mươi năm sau kể từ khi nhập tu viện, người tu sĩ hiền dịu tên tục là Trương Mỹ Lan từ giã cõi đời.

Và cũng từ đó tới nay, thân xác nàng có thể đã tan vào hư vô, nhưng pho tượng nữ thần bằng ngọc tiếp tục tồn tại. Tồn tại mãi mãi để chứng minh sức mạnh của tình yêu và khả năng siêu việt của loài người.

PHẠM HUY KỲ *dịch*

LÂM NGỮ ĐƯỜNG

TƯỚNG QUÂN THỊT CHÓ

Vậy là tướng quân Trương Tùng Chương, vị "tướng quân Thịt Chó" đã bị ám sát chết, theo tin tức thông báo sáng hôm nay cho biết. Tôi lấy làm buồn cho ngài. Tôi lấy làm buồn cho thân mẫu ngài. Tôi lấy làm buồn cho mười sáu cô vợ trẻ măng xinh đẹp ngài để lại trên cõi đời, và lấy làm buồn cho bốn lần nhân với mười sáu những cô vợ bé khác đã chia tay ngài trước khi ngài chết.

Ôi, vậy là "Tướng quân Thịt Chó" của chúng ta đã chết thật rồi. Đó là một biến cố vô cùng trọng đại, một sự kiện bất ngờ đầy huyền thoại riêng đối với tôi, đối với dân tộc Trung Hoa, nhất là đối với dân chúng khốn khổ tội nghiệp của chúng ta không có dịp mang giày ống và lưỡi lê! - Một cái chết lớn lao như vậy không phải là chuyện thông thường xảy ra hàng ngày. Bởi vì, nếu nó xảy ra hàng ngày thì các nỗi buồn của người dân Trung Hoa đã chấm dứt từ lâu mất rồi còn gì? Và, khi ấy các bạn sẽ xé quách các tờ giấy bạc 5 *nguyên* đi mà khóc um lên cho di chúc của Bác Sĩ Tôn Dật Tiên, thải hồi hết ráo tuốt luốt các vị

thành viên trăm lần kỳ cục trong cái gọi là Ủy ban Hành pháp Trung ương của Quốc dân đảng, không cần tới họ nữa; đóng cửa hết các trường học hay các viện Đại học trên toàn cõi Trung Hoa, và bạn sẽ không còn phải nhức đầu về các danh từ Cộng Sản, Dân Chủ, Phát Xít..., về các vấn đề phổ thông đầu phiếu, Giải Phóng phụ nữ v.v... và v.v..., người dân nghèo chúng ta sẽ lại được có miếng cơm manh áo, được sống an cư lạc nghiệp.

Đã hơn một lần đất nước Trung Hoa đầy màu sắc, đầy huyền thoại, đầy tính chất trung cổ bị nhận chìm trong cõi vĩnh hằng. Do đó, cái chết của tướng quân Thịt Chó đối với tôi là sự kiện đặc biệt nhất, bởi vì, trong số những người có quyền bính trong tay, ngài là người nhiều màu sắc nhất, nhiều huyền thoại nhất và "trung cổ" nhất, không hề biết đến sự hổ thẹn! Ngài sinh ra là để cai trị đúng như đất nước Trung Hoa mong muốn một cách hiện đại. Cao một thước tám mươi ba, khổng lồ như cây tháp vĩ đại với cặp mắt lé và đôi bàn tay to như tay hộ pháp, ngài trực tính, năng nổ, mạnh mẽ, lại có năng khiếu tự nhiên với trí óc thông minh thuộc loại vừa phải. Ngài chống Cộng sản và chống luôn cả Quốc dân đảng. Tuy nhiên, tất cả những kẻ chỉ trích đều phải công nhận rằng ngài chống Quốc dân đảng không do ý thức hệ nào hết mà do một sự xảy ra tình cờ: Quốc dân đảng muốn nện ngài,

muốn chiếm lãnh địa của ngài, nên, vốn là con người chân thật, ngài bèn chống họ. Nếu Quốc dân đảng trả lại tỉnh Sơn Đông cho ngài cai trị tiếp, ngài sẽ liên kết với họ ngay lập tức.

Tửu lượng ngài rất cao, đặc biệt ngài rất mê món thịt chó. Ngài chẳng coi trọng ai cả, có thể chửi bất cứ người trên kẻ dưới nào mà ngài muốn chửi, và chửi bao nhiêu cũng được, tùy hứng. Ngài cóc cần làm ra vẻ ta đây là một Gien-tờ-lơ-men (gentleman: Người quý phái, lịch sự.- ND) mà cũng chẳng khoái món điện tín, điện thoại, cứ việc cho nó được phép nghỉ suốt! - Ngài chân thật một cách vũ phu, thô bạo. Bởi sự chân thật đó, ngài được các cấp dưới yêu quý, bợ đỡ. Khi thích một người đàn bà nào, ngài nói thẳng; và ngài sẵn sàng tiếp chuyện các vị lãnh sự nước ngoài trong khi trên đùi đang có một cô gái ngồi, ni non, ỏn thót. Ngài mê ăn nhậu và cóc thèm giấu giếm ý thích đó trước mặt bạn bè hoặc ngay với kẻ thù. Nếu thèm khát vợ một nhân viên thuộc cấp, ngài bảo thẳng với anh ta mà không hề có chút áy náy trong lương tâm, và cũng chẳng cần phải làm bản "tự kiểm điểm về sự ân hận" giống như vua David ngày trước đã làm. Ngài luôn luôn chơi đẹp. Chiếm vợ một cấp dưới, lập tức ngài phong ngay cho anh ta chức cảnh sát trưởng của tỉnh Tế Nam. Ngài chăm sóc đời sống đạo đức của dân chúng bằng cách ra lệnh

cấm ngặt các nữ sinh không được vào chơi trong các công viên thuộc tỉnh Tế Nam, kẻo sợ những tên đàn ông "khỉ đột" nấp lánh đâu đó trong các xó xỉnh xông ra ăn tươi nuốt sống họ. Ngay chính bản thân ngài cũng rất đạo đức, ngài có các "khuê phòng" để tàng trữ các cô vợ nhỏ giống như khuê phòng của các nhà quý tộc Ả Rập đạo Hồi thuở nào. Ngài khoái cả tục đa phu lẫn tục đa thê. Ngài sẵn sàng lờ đi, cho phép các cô vợ nhỏ "liên hệ tình cảm" với những người đàn ông khác nếu lúc ấy ngài chưa cần dùng tới các cô đó. Ngài kính trọng Khổng Tử. Và ngài là một nhà ái quốc. Ngài bị báo cáo rằng trong lúc công du thường có tinh thần khoa học thái quá, luôn luôn tìm kiếm khảo sát những con rệp Nhật tại Beppu. Đồng thời, ngài không biết mệt khi nói chuyện với dân chúng về hệ quả tối ưu của nền văn minh Trung Hoa. Ngài rất mê tên đao phủ của ngài nhưng lại rất có hiếu với mẹ.

Có rất nhiều huyền thoại được kể về tính chất thành thật của vị tướng quân Thịt Chó. Ngài yêu một cô gái điếm hạng sang gốc Nga. Cô gái điếm Nga này lại yêu một con chó lông xù. Vậy là ngài bèn ra lệnh cho một binh đoàn dưới quyền ngài làm một cuộc duyệt binh lớn lao trước mặt con chó lông xù để chứng tỏ rằng ngài yêu con chó lông xù còn hơn chính cô gái điếm yêu nó.

Một lần, ngài chỉ định một người làm chánh án tại tỉnh

Sơn Đông. Mấy hôm sau, ngài quên lại chỉ định một người khác về cùng nhiệm sở. Hai ông Chánh án đâm ra cãi nhau, chẳng ông nào chịu nhường ông nào. Cuối cùng, họ đồng ý với nhau, cùng lên gặp tướng quân Thịt Chó để xin ngài giải quyết. Lúc đó tướng quân đang mắc nhậu, ngài bảo: "Vào đi" mặc dầu đang bận "công tác".

Hai vị Chánh án giải thích nỗi khó khăn của họ vì cùng được ngài chỉ định về một nhiệm sở.

- "Đồ ngu!", ngài hét lên: "Có bấy nhiêu mà tụi bay không biết bảo nhau, phải lên tới đây làm phiền ta sao? Thôi cút!". Vậy là xong, ngài lại nhậu tiếp.

Giống như các bậc anh hùng hảo hán Lương Sơn Bạc trong truyện Thủy Hử, ngài rất thành thật. Ngài không bao giờ quên ơn những người đã từng có dịp giúp mình. Túi ngài luôn luôn đầy ắp tiền. Hễ những người đó cần tới, ngài rút ra từng tập và đưa hết ráo không cần coi lại. Ngài vung vít những tờ giấy bạc tương đương với các tờ một trăm đô la giống như nhà tỉ phú Mỹ Rockefeller tiêu xài những đồng một xu.

Bởi ngài rộng rãi và tốt bụng như thế nên thường bị các kẻ thù kể cả bạn bè ghen tị.

Sáng nay, tới nơi làm việc, tôi thông báo với các bạn đồng nghiệp tin buồng tướng quân Thịt Chó đã chết. Nhiều người mỉm cười. Như vậy chắc chắn mọi người đều

có cảm tình với ngài, chẳng ai ghét ngài. Không ai có thể ghét ngài.

Đất nước Trung Hoa đã được cai trị bởi những con người như Tướng quân: thành thật, rộng rãi, trung tín, cầm quyền một cách tài năng đúng như đất nước Trung Hoa hiện đại mong muốn. Và, ngài là người đứng đầu trong số những người tài năng đó.

(Bản tiếng Anh của chính tác giả)
PHẠM HUY KỲ *dịch*

LÂM THANH HUYỀN

BỐN TÙY

1. Tùy hỉ

Sau khi đường Thông Hóa vào đêm, thường có một người ăn xin từ trong ngõ tối lê ra.

Hai chân ông bị cụt, phải đi bằng đôi tay được quấn giẻ dày cộm. Ông chống hai tay xuống đất, toàn thân nhổm lên nhích về phía trước chừng ba mươi phân, dùng hai đùi bị cụt làm điểm đỡ, rồi lại chống tay xuống đất.

Cứ mỗi lần ông lên như thế, cả đường phố hầu như kinh động.

Một chậu nhôm nhỏ được buộc vào cổ tay, vì thấp quá, nên mỗi khi ông lê được một bước, nó lại kêu loảng xoảng như nhắc người qua đường đừng quên bỏ tiền vào chậu.

Đa phần những người nghe thấy tiếng chậu nhôm lọc xọc dưới mặt đường, đều cúi nhìn xuống, và khi thấy cái bóng lồm cồm kia, họ đều thốt ra tiếng thở dài kinh ngạc! Song, cũng đa phần số người ấy, sau tiếng thở dài, lại ngẩng lên đi, như chẳng thấy gì hết, chỉ có một số rất ít mủi lòng, bố thí cho ông mấy đồng bạc mọn.

Sự ghẻ lạnh của con người và tiếng chậu nhôm lọc xọc đều khiến chúng ta kinh ngạc! Song nếu quan sát kỹ con phố Thông Hóa về đêm, thế nào chúng ta cũng biết nhiều người đã quá quen với cảnh thương tâm hơn thế. Trên con phố ngắn này, có mấy người cụt chân cụt tay, đi đứng khó khăn, chuyên bán tiền giấy, có một người đàn bà mù ngồi gẩy đàn nguyệt bên cây đèn dầu tù mù, một đứa trẻ còi xương, bị bệnh bại liệt, nằm thẳng đơ trên phản, một chàng trai nhún chân, toàn thân co giật không ngừng, một cô gái nước dãi lều thều, và mấy người loạn trí vừa đi sang, vừa nói lảm nhảm suốt đêm... cảnh tượng ấy làm cho người ta vì quen bị chôn vùi dần lòng từ bi.

Người ăn mày cụt chân nọ là một trong số hành khất ở đường Thông Hóa, không làm người qua đường thực sự lưu tâm, nên cái chậu nhôm của ông thường chẳng có gì. Để gợi sự chú ý của mọi người, đôi khi ông lê đi lê lại nhanh, hết nhô lại dừng, hết dừng lại nhô... đứng bên đường nghe tiếng chậu nhôm ta có thể nghe thấy niềm khát vọng, tiếng kêu bi thiết trong lòng ông.

Ông hay đội cái nón cói đen nhèm có mấy nhánh cói vểnh lên, đứng nhìn xuống, chúng ta không bao giờ thấy được nét mặt ông, mà chỉ thấy cái nón tả tơi rách nát.

Một lần, dắt con đến chợ đêm đường Thông Hóa tôi không sao đành lòng, nên bỏ thêm tiền vào cái chậu nhôm

lưu động ấy. Ông vẫn dừng lại, con tôi đột nhiên mách bảo ba ơi, cái bác không chân này cười lại còn cảm ơn nữa! Đến giờ tôi mới phát hiện ra con chỉ đứng cao bằng ông cụt chân, chắc nó phải nhìn rõ mặt người hành khất. Nghe con nói vậy, người ăn xin ngẩng mặt nhìn bây giờ tôi mới trông rõ khuôn mặt đen da dầy và thô ráp, phong sương mưa ấy, đã lâu không cần đến việc biểu lộ tình cảm. Rồi mắt tôi và mắt ông gặp nhau, tôi thấy đôi mắt khuất chìm giữa bóng tối của ông lóe lên tia sáng ấm áp như đang trò chuyện cùng tôi.

Trong khoảnh khắc ấy, tôi hầu như cảm thấy được tâm tình ông, thứ tâm tình gợi đau xót, hàm chứa cả lòng từ bi lẫn sự dịu dàng sau đó. Khi cái chậu nhôm lại lọc xọc di chuyển ra phố đàng kia đầu óc tôi cứ chao đảo bóng hình nhấp nhỏm của ông.

Tôi đứng dậy lặng bên đường ngẫm nghĩ theo một ý nghĩa nào đó, chúng ta đều là kẻ cụt chân, nếu giữa con người với con người không có sự quan tâm ấm áp, thì căn bản chúng ta không đủ sức để mà đi đường, bất kể lúc nào và nơi nào, gặp người khiến chúng ta thương tình rồi rộng lòng bố thí tức là chúng ta đã tự thương mình, thương chúng ta sinh ra giữa cõi nhân gian đầy khổ đau này, thương chúng sinh không xa rời được bể khổ. Nếu sự hảo tâm của chúng ta làm cho chúng sinh được chút niềm vui

ấm áp, thì dù ít hay nhiều, việc bố thí của chúng ta đều làm xúc động lòng người, vì cái hỉ của chúng sinh chính là cái hỉ của chúng ta, cho nên Phật giáo mới gọi là việc bố thí hay cúng tế là "tùy hỉ".

Sự "tùy hỉ" này có nét siêu phàm, nó không là sự đồng tình, không là lòng thương hại, mà là sự hỉ xả, nó giống như giữa màn mưa triền miên nhìn thấy bảy sắc cầu vồng rực rỡ. Ai chưa thấy cầu vồng mọc giữa màn mưa, sẽ không có được tấm lòng "tùy hỉ" ấy. Vì biết có cầu vồng, khi ra tay làm phúc, chúng ta nên mang lòng biết ơn, chứ không nên tỏ lòng khinh mạn.

Tôi nhớ đến vị cư sĩ đại Duy Ma Cát trang nghiêm trong một cuộc tụ họp xúc động nhân tâm, có người dân cúng ông chuỗi hạt ngọc trai tinh xảo, đẹp vô ngần. Ông chia chuỗi hạt thành hai phần, một phần dâng cúng đức phật Như Lai, một phần bố thí cho người ăn xin hèn mọn nhất đang có mặt trong cuộc tụ họp, rồi ông cất giọng uy nghiêm nói: "Nếu thí chủ có lòng làm phúc cho người hành khất hèn mọn nhất thì cũng giống như điều phúc của Như Lai đại đức, không có sự phân biệt sang hèn, bình đẳng ở sự đại bi, bất cần quả báo, cái đó được gọi là sự bố thí đủ đầy". Thậm chí, ông còn nhắc nhở rằng những người đến với chúng ta chỉ để cầu xin, đều là đức bồ tát rời cõi chân tu về hiển kiến. Họ đến để khảo nghiệm

lòng từ bi và tâm phúc bồ đề của chúng ta, khiến chúng ta siêu thoát khỏi bể trầm luân nơi thế tục. Nếu chúng ta ra tay bố thí để cầu xin điều phúc, thì chúng ta cũng chỉ là kẻ ăn xin. Nếu chúng ta coi người ăn xin là bồ tát, và bố thí với lòng biết ơn, thì càng có thể khiến chúng ta bước ra khỏi bến bờ mê muội.

Khi bố thí, chúng ta nên mang lòng cảm tạ sâu sắc nhất, cảm ơn chúng ta là thí chủ, chứ không là người cầu xin; cảm ơn những người già cả tàn tật đã làm cho chúng ta thức tỉnh để nhận ra cõi đời này không hoàn toàn và cả chúng ta cũng không hoàn hảo nốt.

Tất cả nỗi ly khổ vô tận mà bồ tát tu hành là cốt cầu xin cõi bồ đề chính đẳng, công đức quảng đại. Ta tùy hỉ, nếu cõi hư vô tận thế, chúng sinh tận thế, thì sự tùy hỉ của ta không vì thế mà tận kiệt".

Tôi nghĩ, với sự đồng tình, với lòng thương xót, thậm chí đau khổ, và với thái độ xem thường khi nhìn nhận người cần đến sự yêu thương, thì đấy không gọi được là tùy hỉ. Chỉ với lòng biết ơn và bồ đề, làm lòng ta yên tĩnh dịu dàng, mới thực sự là tùy hỉ.

2. Tùy nghiệp

Mở hộp bánh bích quy của con, tôi bắt gặp con gián nằm ép trong một góc.

Con gián nằm yên, không động đậy. Trong lúc tôi đang lấy làm lạ thấy con dán gặp người mà không tháo chạy, thì đột nhiên thấy nửa thân truớc của nó tách ra để thò cái đầu và bộ râu trắng muốt, tiếp đó nó cố giẫy giụa cho cơ thể chui ra dần dần, vừa chăm chú, vừa cố gắng, khiến tôi không dám làm nó hoảng, mà chỉ lặng lẽ ngồi chồm hỗm quan sát từng cử động của nó.

Rõ ràng, con gián đang lột bỏ cái xác già khô rách nát của nó. Tìm góc hộp để lột xác chắc nó cho rằng đấy là nơi an toàn tuyệt đối, ai ngờ bị tôi tình cờ phát hiện, không biết nó bối rối đến mức nào. Nhưng giá có bối rối nữa, cũng vô ích, vì nó vẫn phải theo một trình tự nhất định: truớc hết chui đầu rồi thận trọng đua từng chiếc chân ra, tất cả phải mất chừng nửa giờ, cuối cùng, nó dùng hết sức lực chui ra khỏi xác. Cái giây phút cuối cùng thật đẹp ấy là cái thế nhảy vọt long trời lở đất. Tôi hầu như nghe được tiếng thở dốc của nó. Nó không chạy trốn tức thì, mà chỉ động đậy hai sợi râu để thăm dò khí trời và hoàn cảnh mới.

Con gián vừa lột xác khiến tôi phải thở dài, nó trong trắng đến mức gần như không bấn gợn chút tạp chất nào. Cơ thể nó trong suốt, sạch sẽ và óng ánh như bạch ngọc. Hàng ngày, loài gián thường gây cho ta tâm trạng căm ghét, nếu gạt bỏ mọi quan niệm sẵn có về loài gián, chúng

ta có thể nói con gián kia có vẻ đẹp siêu phàm, làm xao động nhân tâm, chẳng khác gì con ve xanh lục vừa lột xác trên bãi cỏ.

Khi nhìn cái xác bẩn thỉu lốm đốm đen của nó, tôi cảm thấy con gián nhỏ trắng muốt lúc nở ra khỏi trứng cũng thanh khiết, không gây tổn hại gì cho con người. Trước vẻ đẹp thuần mỹ và trong sạch của nó, hầu như chúng ta không nỡ lòng giơ tay đập chết.

Sau đó, tôi nuôi con gián vừa lột một thời gian ngắn. Thấy nó từ mầu trắng chuyển sang mầu xám, rồi mầu xám đen, sự chuyển màu chỉ diễn ra trong thoáng chốc. Theo đà trưởng thành của nó, con gián từ chỗ hiền lành dần dần trở thành tinh quái, chạy lung tung trong hộp bánh, hễ thấy người hoặc ánh sáng, là nó cuống cuồng muốn tháo chạy khỏi hộp.

Cuối cùng, tôi đành thả nó ra, hôm được thả, nó phóng nhanh qua gầm bàn, rồi chạy về chỗ thùng rác.

Mấy ngày sau, mỗi bận trông thấy loại gián nhỏ giống Đức này, tôi cứ tự hỏi: đâu là con gián có hình hài trong suốt và tuyệt mĩ mà tôi đã thấy, đã nuôi. Tôi không sao phân biệt được và cũng chẳng cần phân biệt, vì những con gián đang bò loạn xạ dưới đất kia, con nào cũng giống con nào, chúng có chung một thói quen, và số phận của chúng cũng vô cùng giống nhau.

Lúc nào chúng cũng thích sống trong xó tối, sợ ánh sáng, sống qua kiếp đời thế tục và nhóp nhúa nơi cống rãnh hoặc trong rác rưởi. Nếu chúng xông vào nhà thì cái đang chờ chúng là bình phun stock, là thuốc độc, là thuốc diệt trùng, là những cái bả nhử, làm theo ý thích của chúng, là những bàn chân to bè có thể di chết chúng bất cứ lúc nào, là những chiếc dép lê sẵn sàng đập xuống, khiến thân thể chúng nát nhừ cùng với cú đòn giáng mạnh.

Loài gián sinh ra kể cũng thật bi thảm, đáng thương chúng đích thực là loài sống "lang thang trong sinh tử, trôi nổi cùng nghiệp chướng". Chúng sẽ về đâu đầu thai? Sau cuộc sinh tử tạm thời, chúng lại lang thang đến tận nơi đâu? Chúng lưu chuyển theo nghiệp chướng đến tận bao giờ mới chấm dứt?

Vì sao không con gián nào giữ được sự trong trắng, đẹp đẽ và thanh khiết như lúc mới sinh?

Đấy không phải là nghiệp ư.

Không phải là thứ gánh nặng bất khả tri ư.

Chúng ta đang cố công bảo vệ những loài vật qúy hiếm sắp tiệt chủng, vậy mà chúng vẫn bị tiệt chủng. Chúng ta cũng cố công tìm mọi cách thức để diệt gián, thế mà gián chẳng những không tiệt chủng, trái lại càng sinh sôi nẩy nở nhiều lần.

Đấy cũng là nghiệp, cái đẹp mất đi là nghiệp, cái xấu gia tăng cũng là nghiệp, chúng ta làm thế nào mới rút chân ra khỏi nghiệp chướng ấy?

Từ con gián, chúng ta có thể nhận ra ý nghĩa nào đó về nhân sinh.

3. Tùy thuận.

Ở ngã tư đường Tây lộ Hòa Bình gặp đường Nam lộ Trùng Khánh, ngày nào cũng có những người đứng bán hoa ngọc lan. Họ không chỉ bán vào những ngày đẹp trời, mà đôi khi còn bán cả những ngày mưa to gió lớn.

Trong đám người bán hoa ngọc lan ấy, có hai chị trạc tuổi trung niên, một gầy, một béo, có một người đàn ông gầy nhom, da đen nhẻm, tay bồng con nhỏ, có hai cháu gái, một mười tuổi, một tám tuổi, đôi khi còn có cả ông già lưng hơi còng và bà lão tóc bạc phơ cũng gia nhập vào lực lượng buôn bán này.

Nếu đứng bán túm tụm một chỗ quá đông, thì họ thuận tình tản sang đường Rospho, đường Nam lộ Tân Sinh. Bởi vậy, đôi khi đi theo đường Hòa Bình chạy từ đông sang tây, chúng ta phát hiện thấy những khuôn mặt quen quen đã từng gặp ở ngã tư đường Nam lộ Phục Hưng, đường Nam lộ Kiến Quốc, đường Nam lộ Tân Sinh, đường Nam lộ Trùng Khánh và đường Rospho.

Những người bán hoa, bất kể già hay trẻ, đều rất nhã nhặn mềm mỏng, tay bê khay gỗ phủ vải ướt để tránh cho hoa ngọc lan khỏi héo, vượt ngang qua trước mũi ôtô, thấy lái xe xua tay, họ không hề tỏ ra bực bội. Nếu thấy cửa kính xe hạ xuống, họ liền chạy đến chìa xâu hoa thơm ngào ngạt vào tận cửa xe. Đến lúc đèn xanh bật sáng, họ đứng né vào trong vạch an toàn, kiên nhẫn chờ cho đến khi có đèn đỏ.

Tôi là giáo sư đại học, các chuyên gia giao thông thường nguyền rủa những ai hay nuông chiều những người bán hoa ngọc lan. Bất kể ở ngả đường nào, gặp bất cứ người bán hoa ngọc lan nào, tôi thường quên hết những lời thuyết giáo về an toàn giao thông, dừng lại mua mấy xâu ngọc lan, mua xong mới nhận ra họ là người bán hoa ở đường Rospho, đường Nam lộ Trùng Khánh.

Khi mua hoa ngọc lan, không phải tôi mua mùi hương ngào ngạt của hoa, mà là mua hương vị khổ đau chua xót của cuộc đời.

Mỗi lần nhìn người bán hoa lặng lẽ quệt mồ hôi dưới nắng hè gay gắt, tôi lại chạnh nhớ đến thời niên thiếu của mình: để kiếm được một hào bạc, tôi phải đứng dưới nắng gắt bán từng que kem, hoặc đứng giữa nơi lạnh cóng bán từng quả táo dầm đường. Tận đáy lòng mình, tôi có thể gần kề với niềm khát khao trong lòng họ. Tuy họ chỉ mỉm

cười áp sát cửa xe, song lòng họ ấp ủ bao hy vọng, chỉ mong có người hạ kính cửa xuống để mua một xâu hoa. Xâu hoa có quan hệ đến hơi ấm của nhân gian này chỉ bán được mười đồng, rẻ ơi là rẻ. Song thứ rẻ chưa hẳn đã là rẻ rúng, liệu những ai ngồi trong xe gắn máy điều hòa có hiểu được thế không?

Mấy người bán hoa cho tôi biết tầng lớp hay mua hoa nhất là cánh lái xe buýt, có lẽ họ là người hiểu rõ nhất mùi vị cuộc sống bôn ba vất vả thế nào nên mới có sự đồng cảm sâu sắc nhất với những người bán hoa trên đường phố. Thứ đến là dân lái xe con. Đối tượng khó bán nhất là những ông bà ngồi trong những chiếc xe sang trọng, hễ nhìn thấy người bán hoa ngọc lan xán đến, là khuôn mặt cao sang qúy phái của họ dửng dưng quay đi hướng khác.

Đôi khi cái ấm nóng của tình người không liên can đến tiền bạc, chúng ta sẵn lòng bỏ ra mười đồng mua một xâu ngọc lan giữa cái nắng như thiêu như đốt ở đầu đường, nói về mặt ý nghĩa, đôi khi còn lớn hơn bạc ngàn bạc vạn của những kẻ trọc phú cố diễn trò từ thiện để được chụp ảnh đăng trên mặt báo. Không nhẫn tâm chăng?

Đúng vậy. Khi mua hoa ngọc lan chính là do tôi không nhẫn tâm nhìn người khác mưu sinh dưới nắng chan lửa tưới. Để gọi người khác động lòng, đôi khi người bán hoa

cõng cả con nhỏ trên lưng, người ta chỉ trích họ đưa con ra nắng nhằm mưu cầu sự cảm thông của người đời là không nên. Nhưng tôi lại nghĩ khác, trong lúc mẹ ra đường bán ngọc lan, chả lẽ giao con cho vú em hoặc người ăn kẻ ở hay sao? Khi ta thương đứa trẻ phơi nắng chang chang, lẽ nào mẹ đứa bé không đau lòng cho con mình?

Thấy người ta cõng con theo, chúng ta nên mua thêm xâu ngọc lan nữa mà không cần hỏi đến nguyên do.

Tôi nghĩ, những người lặng lẽ đứng bán hoa trên phố, nếu kiếm được việc làm tốt hơn, chắc hẳn họ sẽ không đứng bán hoa nữa.

Đặt mình vào địa vị của người lao khổ để nghĩ vì họ, để đối xử bình đẳng với họ, đấy chính là "tùy thuận". Thuận theo nỗi đau khổ của con người mà thỏa mãn sở nguyện của họ, mang lòng từ bi rộng lớn để họ khỏi phải tay không rời khỏi cửa xe. Nói vậy không có nghĩa là chút tiền nhỏ mọn của chúng ta mang lại lợi ích gì cho người bán hoa, mà chính là muốn nói nhờ có sự tùy thuận yêu thương, nên lòng dạ chúng ta càng trong sạch, càng dịu ấm, càng tẩy rửa được những vết cáu bẩn đã tích tụ lại.

"Tất thảy chúng sinh đều là cỗi rễ, chư phật bồ tát là hoa trái, mang nước từ bi tưới tắm cho chúng sinh, tất làm cho chư phật bồ tát kết thành hoa trái của trí tuệ".

Khi mua hoa ngọc lan, tôi cảm thấy mình đang mua cánh hương thơm của cõi lòng.

4. Tùy duyên

Tôi có một chị bạn nuôi một con chó thuộc nòi bản địa, chân sau bên trái của nó bị chẹt xe nên trở thành qùe. Chị bạn tôi nhìn thấy nó đang sục tìm thức ăn trong đống rác bên hè phố, lúc ấy nó vừa bẩn vừa hôi hám. Vốn là người từ bi, chị bạn tôi mang nó về nuôi. Theo phong tục miền Bắc, đặt tên cho con càng xấu càng dễ nuôi, nên chị bạn tôi đặt cho con chó cái tên là "con què".

Con què là chó hoang, ai thấy cũng ghét, nhưng sau khi về nhà chị bạn tôi, nó tỏ ra có chút đức tính tốt. Nó vốn là con vật dịu hiền, nghe lời, sạch sẽ v.v... hiểu được ý chủ, chỉ vì sống trong bãi rác, nên những đức tính tốt ấy của nó không được phát hiện ra. Bề ngoài của nó, trừ chút hơi quê, còn thực ra cũng không đến nỗi. Cái chân què của nó sau này lại thành đặc điểm làm cho người ta yêu thích, vì nó không chạy nhảy lung tung như những con chó bình thường, trái lại, nó như một cậu bé ngoan ngoãn, lúc nào cũng lũn cũn chạy theo bà chủ xinh đẹp đi dạo phố.

Chị bạn tôi đối xử với nó như đối xử với con mình, càng ngày càng yêu thương nó. Vì chị yêu con què nên đám trẻ trong ngõ đều gọi chị là "mẹ của con què".

Mẹ con què yêu chó, chuyện đó không chỉ trẻ con biết, mà cả lũ chó trong ngõ cũng biết. Những lúc chị đi dạo bên ngoài, đàn chó trong ngõ đều chạy theo, không những thế, chúng còn rối rít vẫy đuôi, tạo nên cảnh tượng vô cùng đặc biệt.

Con què dần dần khôn lớn và trở thành con chó ai nhìn cũng thích, ngày nào bọn trẻ cũng dẫn nó đi chơi, tối mới đưa về trả. Vì được yêu quý, con què trở thành con chó cưng nhất trong ngõ, không loại chó nào so bì được. Vì được yêu chiều, nên có người tưởng nó thuộc giống chó qúy. Rồi vào một đêm, con què bị người ta bắt trộm. Chị bạn tôi và đứa con gái nhỏ đau buồn như vừa mất người ruột thịt. Bọn trẻ trong ngõ cũng tiếc ngẩn tiếc ngơ như mất một người bạn cùng chơi tốt nhất.

Hai năm sau, chị bạn tôi trông thấy con què trong tiệm mỳ Vĩnh Hòa, nó lại quay về những ngày sống quanh bãi rác, đang đứng chầu dưới chân bàn đợi gặm những khúc xương thừa.

Chị bạn tôi lại mang con què về nhà, cả ngõ phố tràn ngập niềm vui vì con qùe trở lại. Tình cảnh của con què hai năm qua thế nào, không hỏi cũng biết, chắc chắn nó bị đầy đọa nhiều, nhưng sau khi về nhà, thần thái nó lại như ngày trước, ít lâu sau con què đẻ được một đàn con, cái hôm nó đẻ, bọn trẻ trong ngõ, thậm chí cả những đứa

ở phố xa đều đến xin một con đem về nuôi.

Nay đã là chó mẹ, con què càng ngoan và càng lặng lẽ hơn. Một lần theo chị bạn tôi đi mua hoa, nó lẳng lặng theo sau không chịu về nhà. Chị bạn tôi dỗ dành nó như dỗ trẻ con, nó mới quay về.

Từ sau lần ấy, tôi không thấy con què đâu nữa. Nó bị người ta đánh cắp hay tự ý bỏ đi, hoặc bị đội săn chó bắt mất? Không ai biết cả.

Đương nhiên chị bạn tôi buồn lắm: không biết đến bao giờ mới gặp lại con què và gặp nó ở đâu? Giữa chị bạn tôi với con què có duyên số gì với nhau? Do nhân duyên kiếp trước hay mới bắt đầu gặp gỡ ở kiếp này?

Tất cả đều chưa biết.

Nhưng chị bạn tôi khăng khăng tin chắc sẽ có ngày gặp lại con què, đôi mắt quyến rũ của chị nhìn tận đâu tận đâu:

"Người ta ai cũng bảo tùy duyên số, có sở nguyện tất có duyên số. Không có sở nguyện, thì dù có duyên số, cũng sẽ bị nhỡ nhàng".

XUÂN DU *dịch*

LỖ TẤN

LỄ CẦU PHÚC

Những ngày cuối năm âm lịch quả thật có vẻ đúng là cuối năm. Quang cảnh thôn xóm làng mạc thì đã đành, không cần phải nói, mà ngay giữa bầu trời cũng thấy rõ không khí sắp sửa sang năm mới rồi. Thỉnh thoảng, pháo tiễn đưa ông Táo về trời lại lóe sáng, rồi nổ vang giữa những đám mây đêm nặng nề, xám ngắt. Tiếng nổ gần, nghe càng vang tợn, tai cứ ù lên mãi, và mùi thuốc pháo thoang thoảng thơm tản mác trong không trung. Tôi về đến Lỗ-trấn, quê nhà, đúng vào một đêm như thế. Nói là quê nhà, chứ thật ra tôi chẳng còn nhà cửa ở đây nữa, nên đành tạm đến ở nhà ông Tư, cũng người họ Lỗ, ngang hàng với thầy tôi mà tôi phải gọi là chú Tư mới đúng. Ông ta là một vị cựu giám sinh[1] theo lý học[2].

* Truyện này đăng lần đầu tiên trên *Đông phương tạp chí ngày 25 tháng 3 năm 1924.*

1. Giám sinh là sinh viên trường Quốc Tử Giám, trường của triều đình đời Thanh chỉ còn giữ cái tên mà thôi, chứ ở đây không dạy học nữa. Chức giám sinh cũng như chức ấm sinh, tổ tiên có công với triều đình thì con cháu được chức giám sinh.

2. Lý học tức là Tống học, một thứ nho giáo bị người đời Tống xuyên tạc đi nhiều.

Ông ta cũng không khác ngày trước mấy, chỉ có già hơn đôi chút, nhưng chưa để râu. Vừa gặp, ông ta đã vồn vã hỏi thăm.

Hỏi thăm xong thì khen tôi "mập ra", rồi tức thì chửi bọn tân đảng. Nhưng tôi biết không phải là chửi cạnh tôi, bởi vì ông ta chửi là chửi Khang Hữu Vi[1]. Có điều, chuyện trò chẳng ăn ý chút nào cả, cho nên được một lúc, chỉ còn lại một mình tôi trong phòng sách mà thôi.

Sáng hôm sau, tôi dậy rất muộn. Ăn cơm trưa xong, tôi đi thăm mấy người bà con và mấy ông bạn. Hôm sau nữa, cũng thế. Bà con, bạn bè cũng chẳng ai thay đổi gì mấy, chỉ có điều người nào cũng già hơn một ít. Nhà nào nhà nấy đều bận rộn, sắm sửa làm lễ "cầu phúc"[2] cả. Ở Lỗ-trấn, lễ cầu phúc là một lễ lớn cuối năm, bày biện linh đình, thành kính để đón rước phúc thần, cầu xin cho sang năm làm ăn được may mắn. Họ giết gà, giết ngỗng, mua thịt lợn, làm rất tinh khiết. Đàn bà, con gái, có kẻ còn đeo vòng bạc kéo lối xoắn thừng, phải dầm tay luôn trong nước đỏ ửng lên. Nấu nướng xong, rồi cắm đũa vào, lung tung, chẳng theo hàng lối nào hết. Đó là "cỗ cầu phúc", chờ đến canh năm, bày ra, thắp đèn, dâng nhang, khấn vái chư vị phúc thần về hâm hưởng. Chỉ có đàn ông mới

1. Khang Hữu Vi (1858-1927) người lãnh đạo cuộc duy tân năm Mậu-Tuất, cuối đời Thanh.

2. Theo tục lệ Trung-quốc ngày trước, lễ này thường là vào khoảng từ 21 đến 30 tháng Chạp.

được ra cúng mà thôi. Cúng xong tất nhiên lại đốt pháo. Năm nào cũng thế, và nhà nào cũng như nhà nấy, miễn là có tiền sắm được lễ vật, mua được pháo, thế thôi. Và năm nay, tất nhiên cũng lại thế. Sắc trời u ám. Về chiều, tuyết lại bắt đầu xuống nhiều. Hoa tuyết có cái to bằng hoa mai, bay khắp không trung. Rồi thì khói pháo, cộng với sự rộn rịp xung quanh làm cho Lỗ-trấn trở thành nhốn nháo hẳn lên.

Lúc tôi trở về phòng sách nhà chú Tư thì mái ngói đã phủ đầy tuyết trắng phau, rọi vào làm cho căn phòng sáng hẳn. Bức chữ "Thọ" to tướng, nét son, dập theo chữ Trần Đoàn lão tổ[1], treo trên vách, trông rất nổi. Đôi câu đối treo hai bên thì một vế đã rơi mất rồi, cuộn lại lồng phồng để trên án thư, một vế còn đấy, đề là: *Sự lý thông đạt tâm khí hòa bình*[2]. Buồn tình, tôi đến trước bàn sách kê cạnh cửa sổ, lục xem. Chỉ thấy một chồng *Khang hy tự điển*, không chắc còn trọn bộ, một bộ *Cận tư lục tập chú*[3] và

1. Trần Đoàn, người đời Tống, ẩn cư ở Vũ Đương sơn và Hoa-sơn tu đạo. Đời xưng là "thần tiên".

2. Theo Vương sĩ Thanh kể lại trong cuốn "*Lỗ Tấn, thân thế và sáng tác*" do Nhà xuất bản Thanh niên Trung quốc xuất bản năm 1958 thì trong nhà Lỗ Tấn trước kia cũng có treo một câu liễn đề: *Phẩm tiết tường minh đức hạnh kiêm định. Sự lý thông đạt tâm hòa khí bình.* (Phẩm hạnh khí tiết sáng chói, đạo đức hạnh kiểm đều rõ ràng, thông hiểu mọi sự lý tâm thần ý khí bình ổn).

3. *Cận tư lục* là sách nhập môn của những nhà lý học, đời Tống soạn, và đời Thanh chú thích.

một bộ *Tư thư thấn*[1]. Tôi nhất quyết thế nào ngày mai cũng rời khỏi nơi này[2].

Huống chi, mỗi lần sực nghĩ đến chuyện hôm qua gặp thím Tường Lâm thì tôi cứ lại thấy khó chịu trong người. Lúc ấy, vào buổi chiều, tôi sang xóm Đông thăm người bạn, trở về đến bờ sông thì gặp thím. Thấy thím cứ tráo mắt nhìn biết ngay là thím có ý đón gặp tôi. Có thể nói những người tôi đã được gặp lại ở Lỗ-trấn lần về chơi này, không ai thay đổi nhiều như thím. Mái tóc hoa râm năm năm trước bây giờ bạc trắng, trông không còn vẻ người trên dưới bốn mươi tuổi nữa; khuôn mặt hốc hác quá, nước da vàng xạm, cả đến cái vẻ u sầu xưa kia cũng mất hẳn, trông giống như tạc bằng gỗ, họa chăng chỉ đôi tròng con mắt lâu lâu đưa đi đưa lại mới chứng tỏ rằng thím còn là một con người đang sống mà thôi. Thím một tay xách giỏ tre trong có cái bát mẻ, không đựng gì cả, một tay chống cái gậy trúc, dài hơn người, phía dưới đã xơ ra. Rõ ràng thím bây giờ hoàn toàn là một mụ ăn mày.

Tôi đứng dừng lại, yên trí thế nào thím cũng xin tiền.

---

1. *Tứ thư thấn* là một tác phẩm đời Thanh, chú thích bộ *Tứ thư*, tác giả là Lạc Bồi.

2. Thời kỳ Lỗ Tấn sáng tác truyện *Lễ cầu phúc*, có phong trào "vệ đạo" của bọn Lâm Thư, chỉnh đốn học phong ở các trường nữ sinh của bọn Chương Sĩ Chiêu, đều là những phong trào phản động đề cao Nho giáo.

Thím bắt đầu bằng một câu hỏi:

- Ông về chơi?

- Vâng.

- Thật là may quá. Ông là người có chữ nghĩa, lại đi đây đi đó, hiểu biết nhiều. Gặp ông, tôi muốn hỏi một điều.

Đôi mắt lờ đờ của thím bỗng sáng lên.

Tôi không thể nào ngờ thím lại nói những câu như thế, thành ra cứ đứng sững, ngạc nhiên hết sức.

- Ông à! - Thím bước lại hai bước cho gần hơn, hạ thấp giọng xuống, rồi nói thủ thỉ như có điều gì bí mật lắm - Con người ta chết rồi thì còn có linh hồn nữa không, ông?

Tôi rợn cả người. Thấy mắt thím nhìn tôi chòng chọc, tôi có cảm giác như gai đâm vào lưng, luống cuống hơn là khi còn đi học, bất thình lình phải thi một bài chưa kịp chuẩn bị, mà ông giáo thì cứ đứng ngay bên cạnh mình. Có linh hồn hay không có linh hồn, xưa nay nào tôi có hề nghĩ tới! Nhưng bây giờ phải trả lời thím thì trả lời thế nào đây! Trong giây phút ngần ngừ, tôi nghĩ bụng: người vùng này, ai cũng còn tin ma quỷ mà thím thì thím lại nghi hoặc, không, chắc là thím hy vọng, hy vọng có linh hồn, nhưng lại cũng hy vọng không có linh hồn!... Người ta đã đến cùng đường như thế này rồi, hà tất phải làm cho đau

một bộ *Tư thư thấn*[1]. Tôi nhất quyết thế nào ngày mai cũng rời khỏi nơi này[2].

Huống chi, mỗi lần sực nghĩ đến chuyện hôm qua gặp thím Tường Lâm thì tôi cứ lại thấy khó chịu trong người. Lúc ấy, vào buổi chiều, tôi sang xóm Đông thăm người bạn, trở về đến bờ sông thì gặp thím. Thấy thím cứ tráo mắt nhìn biết ngay là thím có ý đón gặp tôi. Có thể nói những người tôi đã được gặp lại ở Lỗ-trấn lần về chơi này, không ai thay đổi nhiều như thím. Mái tóc hoa râm năm năm trước bây giờ bạc trắng, trông không còn vẻ người trên dưới bốn mươi tuổi nữa; khuôn mặt hốc hác quá, nước da vàng xạm, cả đến cái vẻ u sầu xưa kia cũng mất hẳn, trông giống như tạc bằng gỗ, họa chăng chỉ đôi tròng con mắt lâu lâu đưa đi đưa lại mới chứng tỏ rằng thím còn là một con người đang sống mà thôi. Thím một tay xách giỏ tre trong có cái bát mẻ, không đựng gì cả, một tay chống cái gậy trúc, dài hơn người, phía dưới đã xơ ra. Rõ ràng thím bây giờ hoàn toàn là một mụ ăn mày.

Tôi đứng dừng lại, yên trí thế nào thím cũng xin tiền.

---

1. *Tứ thư thấn* là một tác phẩm đời Thanh, chú thích bộ *Tứ thư*, tác giả là Lạc Bồi.

2. Thời kỳ Lỗ Tấn sáng tác truyện *Lễ cầu phúc*, có phong trào "vệ đạo" của bọn Lâm Thư, chỉnh đốn học phong ở các trường nữ sinh của bọn Chương Sĩ Chiêu, đều là những phong trào phản động đề cao Nho giáo.

khổ thêm, chi bằng để vui lòng thím, thôi thì cứ bảo là có đi...

Thế rồi, tôi ấp úng trả lời:

- Tôi nghĩ... có thể có đấy.

- Thế thì cũng có địa ngục à?

- À. địa ngục ấy à? - Tôi hết sức kinh ngạc, đành phải nói chống chế cho qua - Địa ngục à! Lý ra thì phải có đấy. Mà cũng vị tất. Nhưng ai hơi đâu để tâm đến những chuyện ấy làm gì!

- Thế thì người trong một nhà, chết rồi, có thể gặp mặt nhau nữa hay không?

- Hừ! Có thể gặp mặt không à? - Lúc này tôi mới rõ mình dốt hết sức. Ngần ngừ mãi, suy nghĩ mãi, mà hỏi cho ba câu là tịt cứng. Tôi đâm ra rụt rè, muốn nói trái lại những điều mình đã nói - Cái đó... thực tình tôi không được rõ... Thú thực, chết rồi còn có linh hồn nữa hay không, tôi cũng không được rõ.

Thừa lúc thím chưa hỏi tiếp, tôi liền rảo bước đi thẳng một mạch về nhà chú Tư, trong lòng cảm thấy bứt rứt quá, cứ nghĩ bụng: Mình trả lời với thím như thế chẳng biết có thể nguy hiểm gì cho thím không. Chắc là vì trong khi nhà ai cũng làm lễ cầu phúc cả, thím cảm thấy mình thím trơ trọi. Nhưng biết đâu câu hỏi đó lại không hàm

một ý gì khác? Hay là thím cảm thấy trước điều gì sẽ xẩy ra chăng? Giả thử, vì một nguyên do gì khác mà hỏi, rồi nhân câu trả lời của mình, mà có xẩy ra thế nào thì thật mình phải chịu trách nhiệm một phần về những lời nói của mình... Nhưng ngay sau đó, tôi lại cười mình khéo vớ vẩn. Chẳng qua thím ta ngẫu nhiên mà hỏi như thế chứ vốn chẳng có ý nghĩa gì sâu sắc cả, mà mình lại cứ chẻ sợi tóc làm tư, chả trách nhà giáo dục nọ bảo mình mắc bệnh thần kinh cũng phải. Huống chi, mình đã có nói là "không được rõ" rồi, mình đã chối hết những điều mình nói lúc đầu rồi; dù có xẩy ra chuyện gì cũng chẳng liên quan đến mình nữa.

"Không được rõ", quả thật là một câu trả lời hết sức đắc sách. Có những người trẻ tuổi, việc đời chưa từng trải, nhưng rất to gan, ai có điều gì nghi hoặc, hỏi đến, là cứ bạo miệng trả lời liều, thậm chí còn dám mách thầy mách thuốc cho con bệnh, vạn nhất xẩy ra việc gì không hay, thế là oán đổ lên đầu cả. Nhưng nếu biết dùng câu "không được rõ" này mà trả lời để kết thúc câu chuyện đi, thì ung dung tự tại biết mấy! Lúc đó, tôi càng cảm thấy cái câu "không được rõ" quả là cần thiết, dù có trả lời cho một mụ ăn mày cũng nhất thiết không thể bỏ đi, không dùng.

Tuy vậy, tôi vẫn không yên tâm. Qua một đêm rồi mà vẫn thỉnh thoảng cứ sực nhớ đến, hình như cảm thấy trước

có điều gì không lành. Ngoài trời, tuyết xuống âm u; một mình ngồi trong phòng sách, buồn thiu, lòng tôi lại càng thêm day dứt. Thôi, chi bằng đi đi thôi, ngày mai lên tỉnh là hết. Chẳng biết món vây rán hiệu *Phúc hưng lâu*, một đồng một đĩa lớn, vừa ngon vừa rẻ, bây giờ đã tăng giá chưa? Bạn bè chơi bời với nhau ngày trước, nay tan tác mỗi người một ngả rồi, nhưng mà món vây rán thì không thể không nếm lại xem sao, mặc dù chỉ có một mình mình... Thế nào ngày mai nhất định cũng phải đi.

Thường thường tôi thấy có nhiều việc mình không muốn xẩy ra như mình đoán và cho rằng vị tất đã xẩy ra y như thế, nhưng rồi nó lại cứ xẩy ra y như thế, cho nên tôi rất lấy làm lo chuyện này rồi cũng sẽ theo một quy luật đó thôi. Quả nhiên, cái chuyện lạ lùng đó đã bắt đầu rồi. Vào khoảng gần tối, tôi nghe có mấy người xúm lại trong nhà trong, hình như bàn tán với nhau chuyện gì. Nhưng một lát sau, không nghe gì nữa, chỉ thấy chú Tư vừa đi vừa nói to:

- Không nhè lúc nào, lại nhè ngay vào giữa lúc này. Rõ là đồ khốn kiếp!

Lúc đầu tôi còn ngạc nhiên, sau thì thấy áy náy trong lòng, tựa hồ như câu nói vừa rồi có liên quan đến mình. Thử nhìn ra cửa, chẳng có ai cả. Chờ mãi đến tối, trước lúc ăn cơm, người ở vào pha trà, mới có dịp dò hỏi.

- Vừa rồi, cụ Tư giận ai mà gắt thế nhỉ?

Anh ta trả lời gọn thon lỏn:

- Chắc là lại thím Tường Lâm chứ ai!

Tôi lại hỏi dồn:

- Thím Tường Lâm à? Sao thế?

- Chết rồi.

- Chết rồi à?

Tim tôi bỗng thắt lại, rồi đập dữ dội. Mặt tôi chắc cũng tái đi, nhưng người ở không hay biết gì cả, vì anh ta không hề ngửng đầu lên. Tôi trấn tĩnh lại được, và hỏi thêm:

- Chết vào lúc nào?

- Vào lúc nào à? Chừng như đêm qua hay là sáng nay gì đó. Cháu cũng không được rõ.

- Làm sao mà chết, hở?

- Làm sao mà chết à? Chắc là đói quá rồi chết thôi.

Anh ta trả lời vẻ thờ ơ, vẫn không ngẩng đầu lên nhìn tôi, rồi đi ra.

Nhưng nỗi kinh hoàng của tôi chỉ thoáng qua trong giây lát. Sau đó, tôi liền nghĩ bụng: cái việc phải xẩy ra, giờ đã xẩy ra rồi, bất tất mình phải nhờ đến câu "không được rõ" của mình hay câu "đói quá rồi chết" của người ở để tự an ủi. Thế là lòng lại nhẹ nhõm dần, chỉ thỉnh

thoảng mới lại thấy đau nhói lên một tí. Cơm tối bưng lên, chú Tư cùng ngồi ăn, vẻ nghiêm nghị. Tôi định hỏi thăm thêm về thím Tường Lâm, nhưng biết ông ta tuy đã đọc qua câu sách: "*Qủi thần giả, nhị khí chi lương năng dã*"(1) nhưng vẫn hay kiêng kị lắm thứ lắm: đang sắp sửa làm lễ cầu phúc mà đem chuyện chết chóc, ốm đau ra nói là nhất thiết không được. Nếu bất đắc dĩ phải đề cập đến thì phải dùng những tiếng bóng gió mà nói chệch đi. Khốn nỗi, tôi lại không biết nói thế nào cho ổn, nên nhiều lần định hỏi, lại thôi. Thấy bộ mặt ông ta nghiêm nghị như thế, tôi bỗng lại ngờ ông ta ám chỉ tôi, không nhè lúc nào mà lại nhè vào giữa lúc này đến quấy rầy ông ta, và tôi là đồ khốn kiếp!...

Cho nên lập tức, tôi nói cho ông ta biết rằng, ngày mai tôi sẽ rời Lỗ-trấn lên tỉnh, để cho ông ta sớm khỏi bận lòng vì tôi. Ông ta cũng không thiết tha giữ tôi ở lại. Bữa cơm đó tẻ nhạt hết sức.

Mùa đông ngày ngắn, lại có tuyết xuống, nên bóng đêm đã bao trùm lấy xóm làng rồi. Dưới ánh đèn, mọi người bận rộn tíu tít, nhưng ngoài cửa sổ thì cảnh vật lại im lìm. Hoa tuyết rơi xuống lớp thảm tuyết phủ dày mặt đất, nghe

1. *Qủi thần là lương năng của hai khí*. Nghĩa là qủi thần là do âm dương biến hóa mà có. Câu này là của Trương Tải, một nhà lý học đời Tống. Tác giả muốn nói: mặc dù ông Tư đã biết rằng qủi thần chỉ là một hiện tượng tự nhiên, nhưng ông ta vẫn mê tín như thường.

rào rào, khiến cho người ta càng thêm hiu quạnh. Ngồi một mình cạnh ngọn đèn dầu lạc, ánh sáng vàng khè, tôi nghĩ đến thím Tường Lâm. Một đời người không nơi nương tựa, như một thứ đồ chơi cũ kỹ, chơi lâu ngày chán, người ta vứt vào đống rác, bấy lâu nay vẫn lăn lóc ở đấy làm cho những kẻ sống sung sướng phải ngạc nhiên sao thím ta lại cố bám vào cuộc đời mãi làm chi. Bây giờ thì thần chết đã đưa thím ta đi rồi! Con người chết đi, còn có linh hồn nữa hay không, nào tôi có biết, nhưng trên đời này, cái người sống cầu bơ cầu bất ấy không còn nữa, thì kẻ ghét không muốn nhìn, cũng không còn phải nhìn thấy nữa. Như vậy, đối với thím ta cũng như đối với họ, chết đi cũng là một cái hay. Vừa lắng nghe tiếng tuyết rơi ngoài cửa sổ, vừa suy nghĩ lan man như thế, tôi thấy lòng tôi nhẹ nhõm dần.

Tuy thế, những mẩu chuyện rời rạc mà tôi đã nghe, mặt tôi đã thấy về quãng đời trước kia của thím lại chắp nối với nhau và hiện lên trong ký ức tôi.

Thím không phải người Lỗ-trấn này. Đầu mùa đông năm nọ, nhà chú Tư cần thay đổi đầy tớ gái: người đưa mối là bà Vệ dẫn thím đến. Hồi đó, thím vào khoảng hai sáu hai bảy, nước da xanh xao vàng vọt, nhưng hai gò má còn hồng hào. Thím mặc chiếc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo cánh chẽn màu nguyệt bạch,

đầu chít khăn tang. Bà Vệ gọi thím là thím Tường Lâm, và nói rằng thím là hàng xóm láng giềng bên quê ngoại bà ta, chồng chết nên mới phải đi ở. Nghe nói thế, chú Tư nhíu đôi lông mày lại. Thím Tư biết ý chồng không muốn nuôi một người đàn bà góa trong nhà, nhưng thấy cung cách thím cũng đứng đắn, tay chân vạm vỡ, lại hiền lành, ít mồm ít miệng, ra người biết chịu khó làm ăn, an phận thủ thường, nên mặc chồng chau mày thì chau mày, thím Tư vẫn cứ giữ lại. Trong thời gian ở thử, thấy thím Tường Lâm lầm quần quật suốt ngày, có vẻ như ngồi không thì buồn, sức lực lại khỏe chẳng thua gì đàn ông, cho nên đến ngày thứ ba thì nhất định thuê hẳn, mỗi tháng năm quan.

Ai cũng gọi thím là thím Tường Lâm cả. Chẳng ai hỏi thím họ gì, nhưng người đưa mối là người bên Vệ-gia-sơn lại bảo là hàng xóm láng giềng, nên chắc cũng là họ Vệ thôi. Thím ít nói lắm, có hỏi thì mới nói, mà nói cũng rất vắn tắt. Mãi đến mười mấy hôm sau, dần dần mới biết rằng, thím ở nhà còn có bà mẹ chồng cay nghiệt lắm, và một chú em chồng hơn mười tuổi, đã đi kiếm củi được rồi. Chồng thím chết mùa xuân vừa qua; anh ấy cũng sống về nghề hái củi, và kém thím những mười tuổi. Về thân thế thím, người ta chỉ biết có ngần ấy.

Ngày tháng trôi qua rất nhanh. Công việc thím không

hề bê trễ, ăn gì xong bữa thì thôi, đã làm thì làm cật lực, không suy tính thiệt hơn. Ai cũng khen nhà ông Tư nuôi được một người ở gái mà siêng năng, lanh lẹn hơn cả đàn ông nữa. Công việc cuối năm, một mình thím đảm đương hết, nào là quét dọn, lau nền nhà, giết gà, mổ ngỗng, thức suốt đêm nấu nướng, sửa soạn lễ cầu phúc, chẳng phải thuê mướn ai thêm. Thế nhưng thím lại rất lấy làm hể hả, trên môi thoáng thấy có nụ cười, và mặt mày cũng ngày càng béo trắng ra.

Vừa sang năm mới, một hôm, thím ra sông vo gạo về thấy mặt cứ tái nhợt đi. Hỏi thì nói rằng thím trông thấy xa xa, bờ bên kia, có một người đàn ông cứ quanh quẩn đấy mãi, giống người bác họ chồng thím, e có khi ông ta đến tìm thím cũng nên. Thím Tư nghe, ngạc nhiên lắm, hỏi cặn kẽ, thì thím lại không nói nữa. Chuyện đến tai chú Tư. Chú Tư chau mày lại, nói:

- Không xong rồi! Chắc là con mẹ này bỏ nhà trốn đi đấy thôi!

Qủa đúng như điều chú Tư đoán, không bao lâu biết thím bỏ nhà trốn đi thật. Câu chuyện trên đây người ta đã dần dần bẵng quên đi rồi, thì chừng mươi hôm sau, bỗng thấy bà Vệ đưa một người đàn bà trạc ba mươi tuổi đến, nói là mẹ chồng thím Tường Lâm. Người đàn bà này tuy có vẻ là người miền núi, nhưng cách thù ứng ung dung

lắm, nói năng cũng hoạt bát. Chào hỏi đâu vào đấy rồi, chị ta ngỏ lời xin lỗi, nói là đến để xin cho con dâu về, vì ra giêng, công việc nhiều, mà nhà neo người, toàn là người già con trẻ cả.

Chú Tư nói:

- Nếu là mẹ chồng đến gọi về thì còn nói năng gì nữa!

Thế là tính tiền công. Cả thảy được mười bảy quan năm, còn gửi đấy cả, chưa tiêu mất đồng nào, bèn giao hết cho mẹ chồng thím. Người đàn bà này lại xin gói quần áo của con dâu, tạ ơn đâu đấy rồi mới ra về. Lúc đó đã đúng ngọ.

Ngồi một lúc thím Tư mới giật mình, hỏi to lên:

- Ối chà! Gạo đâu rồi nhỉ? Không phải là thím Tường Lâm đã đem đi vo rồi à?

Chắc là thím Tư hơi đói bụng, sực nhớ đến cơm trưa. Bấy giờ, người trong nhà mỗi mỗi người một ngả, đi tìm rá gạo. Thím Tư đi xuống bếp, rồi lên nhà trên, lại vào buồng ngủ tìm, chẳng thấy rá gạo đâu cả. Chú Tư ra ngoài cổng tìm, cũng không thấy; đến khi đi thẳng đến bờ sông, mới thấy rá gạo để ngay ngắn trên bờ, bên cạnh còn cả bó rau nữa.

Những người được mục kích kể lại rằng, hồi sáng có một chiếc thuyền mui trắng đỗ ở bến, mui che kín mít,

chẳng biết trong có những ai, và trước khi chuyện xảy ra, không ai để ý đến cả. Khi thím Tường Lâm ra vo gạo, thím vừa quỳ xuống, thì có hai anh đàn ông bỗng từ trong thuyền nhảy xổ ra, trông có vẻ người miền núi; một anh ôm chặt lấy thím, anh kia giúp sức, lôi bừa vào thuyền. Thím khóc và có la lên mấy tiếng, nhưng sau đó thì không nghe thấy gì nữa. Có lẽ là chúng nó nhét cái gì vào miệng thím cũng nên. Sau đó, có hai người đàn bà lên bờ, một người không rõ là ai, còn người kia là bà Vệ. Có dòm vào trong thuyền, nhưng không trông được rõ lắm. Hình như thím bị trói lại, nằm trên sạp thì phải.

Chú Tư nói:

- Khả ố nhỉ! Nhưng mà...

Hôm ấy thím Tư phải thổi cơm trưa lấy, và thằng Ngưu, con thím, phải đun lửa.

Sau bữa cơm trưa, bà Vệ lại trở lại.

Chú Tư nói:

- Khả ố quá!

Thím Tư vừa rửa bát, vừa nói vẻ giận giữ:

- Già này! Thế là nghĩa thế nào? Khen cho già còn dám trở lại đây nhìn mặt chúng tôi được. Chính già đưa thím ấy đến, rồi già lại đồng lõa với chúng nó bắt cóc đi, làm người ta đồn rầm lên, ai trông vào còn ra thể thống

gì nữa. Già định đem nhà chúng tôi ra làm trò cười cho thiên hạ đấy phỏng?

- Trời ơi! Quả thật con bị mắc lừa đấy ạ! Con trở lại đây là để thưa với ông bà cho ra ngành ngọn. Thím ấy nhờ con kiếm cho chỗ làm. Con có biết đâu là thím ấy giấu mẹ chồng trốn đi như thế! Thật là con không phải với ông bà quá. Chỉ vì già rồi lẩm cẩm, lú lấp đi, không cẩn thận, thành ra không phải với ông bà. May gặp được ông bà đây xưa nay là người rộng lượng, không thèm chấp kẻ dưới. Nhất định lần này, con phải đem đến ông bà một người tử tế để chuộc tội.

Chú Tư nói:

- Nhưng mà...

Thế rồi chuyện thím Tường Lâm đến đấy là chấm dứt. Chẳng bao lâu, người ta cũng quên khuấy đi.

Chỉ có mình thím Tư là còn nhớ, bởi vì những người ở gái sau đó, đại để, đứa không lười biếng thì tham ăn, có đứa lại vừa tham ăn vừa lười biếng, chẳng vừa ý chút nào cả, cho nên thường mới nhắc đến thím Tường Lâm. Mỗi lần nhắc đến, thím lại lẩm bẩm một mình:

- Chả biết bây giờ ra sao rồi?

Ý thím là mong thím Tường Lâm sẽ trở lại. Nhưng đến

Tết năm sau, thì thím không còn mong mỏi gì nữa.

Số là hôm gần hết Tết, bà Vệ đến mừng năm mới. Lúc đến bà ta rượu đã say mềm. Bà ta nói là bà ta về bên quê ngoại ở Vệ-gia-sơn, ở lại chơi mấy hôm, nên bây giờ mới đến chậm. Nói chuyện một lúc, tự nhiên hai người nhắc đến thím Tường Lâm.

Bà Vệ nói, vẻ thích chí:

- Thím ấy à? Bây giờ gặp may rồi! Khi bà mẹ chồng ra đây bắt thím ấy về, bà ta đã nhận lời gả cho anh Sáu, người bên Hạ-gia-úc, nên về nhà được vài hôm là người ta đưa kiệu hoa đến rước đi ngay.

Thím Tư sửng sốt nói:

- Ái chà chà! Cái mụ mẹ chồng!...

- Ấy! Thưa bà, bà quả thật là nhà đại gia nên lời lẽ có khác. Chứ chúng con, người miền núi, nghèo hèn, như thế có hề gì! Thím ta còn có một chú em, cũng phải hỏi vợ cho chú ấy chứ! Không gả thím ta đi, thì lấy tiền đâu mà cưới xin? Bà mẹ chồng thím ta thế mà là người sành sỏi, tháo vát, khéo tính toán lắm mới đem gả thím ta lên trên ấy đấy. Chứ gả cho người trong làng thì được bao nhiêu! Có gả về những nơi thâm sơn cùng cốc, nơi đàn bà con gái ít ai muốn lấy, mới được những tám chục quan tiền! Bây giờ thì đã cưới được vợ cho chú em rồi. Lễ vật chi

hết có năm chục quan. Trừ phí tổn này nọ rồi, cũng còn lại được hơn mươi quan. Đấy! Bà xem, tính toán như thế có khéo không?...[1].

- Thế mà thím ấy cũng chịu theo à?

- Bẩm, có gì mà theo với không theo ạ!... Làm ồn thì ai mà chẳng làm ồn lên một lúc. Có điều cứ lấy dây thừng trói lại, đẩy vào kiệu hoa, khiêng về nhà trai, chụp chiếc mũ cưới vào đầu, dắt đi lạy ông bà ông vải, rồi đóng cửa buồng lại, thế là yên chuyện tất![2]. Nhưng thím Tường Lâm thì khác người ta lắm. Nghe nói, lúc bấy giờ, thím ta làm dữ lắm cơ! Ai cũng bảo rằng bởi vì thím ta có đến ở nhà người có chữ có nghĩa nên mới kỳ khôi như thế! Thưa bà, mắt chúng con đã trông thấy nhiều đám cũng bước đi bước nữa như thế này, có người thì kêu van khóc lóc, có

1. Trong bài *Điều tra về phong tục hôn nhân ở Thiệu-Hưng* (Tạp chí *Tân thanh niên*. 1919). Chu Kiến Nhân, em Lỗ Tấn, cho biết: "Người đàn bà góa chồng mất hết cả mọi tự do, chú bác cô dì nhà chồng đều có quyền quản thúc, chẳng những quản thúc mà có thể đem bán đi như một con gà mái đẻ trứng" (N.D.).

2. Cũng trong bài đó. Chu Kiến Nhân viết: "Phong tục trói dâu đưa về nhà trai rất phổ biến ở Thiệu-hưng".

Trong cuốn *Quê hương Lỗ Tấn*, Chu Hà Thọ cho biết rằng, ở đó, hồi Lỗ Tấn còn nhỏ, có cô Bảo, cũng sống trong một hoàn cảnh tương tự như thím Tường Lâm. Cha mẹ cô cũng gả cô cho một người xa ở miền núi, cô không chịu. Lúc nhà chồng đến đón dâu, cô nhảy qua cửa sổ sau, rơi xuống nước, không may cho cô, thuyền của nhà chồng đỗ ở đấy, họ vớt lên, trói bỏ vào kiệu (N.D).

người thì đòi trẫm mình thắt cổ, có người khiêng về nhà trai rồi vẫn nguây nguẩy không chịu lạy ông bà ông vải cho, thậm chí có kẻ còn đạp đổ cả cây đuốc hoa khi làm lễ động phòng nữa cơ! Nhưng thím Tường Lâm này thì mới lạ đời. Họ kể chuyện rằng thím ta suốt dọc đường cứ la hét, chửi bới ầm ĩ lên, lúc về đến Hạ-gia-súc thì khản tịt cả cổ. Lôi ra khỏi kiệu, hai người đàn ông và cả chú em nữa ra sức kìm giữ thím ta lại, mà thím ta cũng chẳng chịu lễ bái cho ra trò.

Vừa sơ ý, hở tay ra một cái, là ối giời ơi, a di đà phật, thím ta đã đập đầu ngay vào góc hương án rồi, thủng một lỗ sâu hoáy, máu tươi chảy vọt ra, phải lấy hai nắm tàn nhang dịt vào, rồi lấy hai vuông vải điều buộc chặt lại mà vẫn không cầm nổi. Mãi đến khi mỗi người một tay xúm lại vực thím vào trong buồng với chồng, rồi khoa trái lại, mà thím ta vẫn còn chửi. Ôi chào!...

Thật là...

Bà Vệ lắc đầu, nhìn xuống đất, im lặng.

Thím Tư còn hỏi:

- Thế rồi sau ra làm sao?

Bà Vệ ngước mắt lên trả lời:

- Bẩm, nghe nói hôm sau thím ta vẫn nằm lì, không dậy.

- Thế rồi sao nữa?

- Sao nữa à? Sau thì dậy. Cuối năm đẻ một thằng con trai, sang năm mới này lên hai rồi đấy. Mấy hôm về, nói chuyện có gặp cả hai mẹ con, mẹ cũng béo, mà con cũng béo. Thím ta chẳng phải làm dâu ai cả. Anh chồng thì khỏe như trâu, biết làm ăn. Cũng có một căn nhà riêng hẳn hoi. Hì hì... Thím ta quả là gặp may!

Từ đó về sau, thím Tư cũng không hề nhắc đến thím Tường Lâm nữa. Nhưng mùa thu năm nọ, chừng hai năm sau khi nghe cái tin "gặp may" ấy, thì bỗng thấy thím ta lại đến nhà chú Tư. Thím ta đặt lên bàn một cái giỏ tròn hình củ mã-thầy, và để gói chăn áo dưới mái hiên. Cũng như lần trước, thím ta mặc quần đen, áo kép màu chàm, ngoài khoác chiếc áo chẽn màu nguyệt bạch, trên đầu cũng chít khăn trắng, nước da cũng xanh xao, vàng vọt, có điều hai gò má thì không hồng hào như trước nữa. Thím ta cứ cúi mặt nhìn xuống đất, khóe mắt ươn ướt, và con mắt cũng không được lanh lợi như trước. Vẫn lại bà Vệ đưa thím ta đến. Vẻ mặt từ bi, bà ta nói với thím Tư, liến thoắng:

- Bẩm, người ta thường nói: "Trời mưa nắng không chừng", cái anh thồng thím ta sức vóc là thế, lại còn trẻ, ai có ngờ ốm một trận thương hàn là lăn đùng ra chết... Ốm đã khỏi rồi, thế mà chỉ ăn có một bát cơm nguội vào,

là lại trở lại. May mà còn để lại được chút con trai. Thím ta là người siêng năng; đốn củi, hái chè, nuôi tằm, làm được tất, nên cũng tạm đủ ăn. Ai có ngờ thằng con trai thím lại bị chó sói tha mất! Gần mùa xuân rồi, thế mà chó sói còn lảng vảng về làng!... Ai có ngờ được. Bây giờ thì thím ta một thân một mình trơ trọi. Ông anh chồng đến đòi nhà, đuổi thím ta đi. Thím ta thực đến bước đường cùng, chỉ còn cách đến nhờ vả ông bà đây là chỗ thím ta đã từng hầu hạ. Được cái là thím ta bây giờ không bị ràng buộc gì nữa. Mà lại gặp lúc bà đây đang mốn thay người ở, nên con lại đưa thím ta đến. Con nghĩ, thím ta đã quen ngõ rồi, thế nào cũng còn hơn kẻ lạ nước lạ cái nhiều.

Thím Tường Lâm ngược đôi con mắt lờ đờ, nhìn lên, nói:

- Con thật là ngu đần quá. Thật đấy, con cứ tưởng chỉ có mùa tuyết xuống, trong núi không có gì ăn, thú dữ mới mò về làng. Biết đâu là giữa mùa xuân mà nó cũng ra. Hôm đó, hửng sáng con đã dậy, mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu bảo thằng Mao ra ngồi ở chỗ bậc cửa mà bóc đi. Cháu nó dễ bảo lắm cơ. Con bảo gì là nó nghe nấy. Cháu nó ra ngồi đấy. Còn con thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, bỏ gạo vào nồi xong, định luộc đậu. Con gọi "Mao ơi!", không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất, mà chẳng thấy thằng Mao đâu cả. Thường cháu

chẳng đi chơi nhà ai. Đi đâu hỏi, cũng không có. Con nóng ruột quá, nhờ người đi tìm. Tìm khắp mọi nơi, cho đến chiều, vào núi thì thấy một chiếc giày của cháu mắc vào bụi gai. Ai cũng nói: "Thôi hỏng rồi, chắc là bị sói tha đi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy thằng bé nằm trong một đống cỏ, ruột gan bị moi ăn hết, tay còn cầm chặt lấy cái giỏ đậu...[1]

Rồi thím ta nức nở nghẹn ngào, nói không ra lời.

Thím Tư lúc đầu còn chần chừ, nhưng khi nghe kể chuyện xong, thì quầng mắt cũng đỏ lên, suy nghĩ một lát, rồi bảo thím Tường Lâm xách giỏ và gói áo quần xuống nhà dưới. Bà Vệ thở ra một cái như người cất được gánh nặng trên vai. Còn thím Tường Lâm thì có vẻ khoan khoái hơn lúc vừa đến. Không cần phải chỉ bảo, thím tự sửa soạn giường chiếu, quen thuộc lắm rồi. Từ đó thím lại đến Lỗ-trấn ở thuê.

Người ta vẫn gọi thím là thím Tường Lâm.

Nhưng lần này, cảnh ngộ thím thay đổi khác trước nhiều lắm. Đến ở được hai ba hôm, thì chú thím Tư thấy thím tay chân không được lanh lợi như trước nữa, lại dặn gì

1. Cũng trong cuốn *Quê hương Lỗ Tấn*, Chu Hà Thọ cho biết ở Ô Thạch đầu, gần nghĩa địa họ Lỗ Tấn, có một người đàn bà, con cũng ngồi bóc đậu ở cửa, bị gấu tha đi, chị ta khóc đến nỗi mù cả mắt. Lỗ Tấn đã dùng những chi tiết này để xây dựng hình tượng thím Tường Lâm (N.D).

quên nấy, mặt cứ đờ đẫn ra như mặt người chết, cả ngày không được một tiếng cười. Nghe giọng điệu thím Tư, biết thím Tư có ý không bằng lòng lắm. Lúc thím Tường Lâm mới đến, tuy chú Tư cũng chau mày lại như lần trước, nhưng thấy lâu nay khó thuê ra người ở gái, nên cũng không phản đối gì mấy. Chú chỉ dặn riêng thím Tư rằng, con người như thế thì cũng đáng thương thật, nhưng vì đã bại hoại phong hóa nên chỉ dùng làm việc thường đỡ đần tay chân thôi, chứ khi tết nhất, cúng đơm, chớ để cho mó tay vào. Cỗ bàn nhất thiết phải tự tay mình làm lấy, không thì dơ dáy bẩn thỉu, ông bà ông vải không hưởng đâu![1]

Trong nhà chú Tư thì việc quan hệ nhất là giỗ tết. Trước kia, khi trong nhà có giỗ tết là thím Tường Lâm bận rộn nhất, nhưng bây giờ thì thím lại hết sức rảnh rang. Thấy chiếc bàn đã khiêng ra đặt giữa nhà và tấm vải đã treo lên, thím nhớ ngay phải đem cốc chén và đũa bày ra theo thường lệ.

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy cho tôi! - Thím Tư vội vàng nói.

Thím Tường Lâm sượng sùng, thụt tay lại, rồi lại đi tìm

1. Theo lễ giáo phong kiến thì "Tôi trung không thờ hai vua, gái trinh không lấy hai chồng". Chồng chết rồi tái giá thì trở thành dơ dáy bẩn thỉu! (N.D).

đôi đèn nến.

Thím Tư lại vội vàng nói:

- Thím Lâm! Thím cứ để đấy. Tôi đi lấy cho.

Thím quanh đi quẩn lại, chẳng có việc gì làm, đành bỏ đi xuống nhà dưới, không hiểu ra làm sao cả. Cả ngày hôm đó, cái việc thím có thể làm được là ngồi đun bếp.

Người Lỗ-trấn vẫn gọi thím là thím Tường Lâm, nhưng giọng điệu thì khác trước nhiều lắm. Họ vẫn chuyện trò với thím, nhưng nhạt nhẽo hơn xưa. Thím không hề để ý đến, mắt cứ đăm đăm nhìn thẳng, kể cho mọi người nghe câu chuyện mà thím không khi nào quên được.

- Tôi thật ngu đần quá! Tôi cứ tưởng là chỉ có mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thì thú dữ mới mò về làng. Chứ biết đâu sang xuân rồi mà nó cũng mò về. Hôm đó, bừng sáng tôi đã dậy, ra mở cửa, lấy cái giỏ con, xúc một giỏ đậu, bảo thằng Mao nhà tôi ra ngồi ở bậc cửa mà bóc đi. Cháu dễ bảo lắm, tôi bảo gì làm nấy. Thế là cháu ra ngồi đó. Tôi thì ở sau nhà chẻ củi, vo gạo, cho gạo vào nồi xong, định đi luộc đậu. Gọi "Mao ơi!", không thấy thưa. Chạy ra xem thì thấy đậu vung vãi ra cả đất mà chẳng thấy thằng Mao nhà tôi đâu cả. Nóng ruột quá, tôi nhờ người đi tìm. Mãi đến chiều, mấy người vào núi thì tìm thấy một chiếc giày của cháu mắc trên bụi gai. Ai người ta cũng nói: "Thôi hỏng rồi! Chắc là sói tha mất

rồi cũng nên". Đi vào nữa, quả nhiên thấy cháu nằm trong một đống cỏ, ruột gan bị moi ăn hết. Trông mà thương quá, cháu còn nắm chặt cái giỏ đậu trong tay...

Thế là nước mắt ròng ròng, thím khóc nức nở.

Câu chuyện ấy thế mà lại có hiệu nghiệm. Bọn đàn ông nghe kể đến đó thường thường là thôi không cười nữa, tiu nghiu bỏ đi. Còn đàn bà con gái thì không những có vẻ tha thứ cho thím về chỗ thím bước đi bước nữa, mà cũng bỏ ngay cái bộ mặt khinh bỉ lúc đầu, lại còn khóc theo thím nữa là khác. Có mấy bà cụ không đứng đấy nghe thím kể, thì cố đi tìm, nài thím kể lại câu chuyện bi thảm đó cho nghe. Đến khi thím khóc nức lên, thì những giọt nước mắt ở khóe mắt các bà cũng rơi xuống. Các bà thở dài một hồi, rồi ra về thỏa mãn, vừa đi vừa bàn tán.

Câu chuyện bi thảm đó, thím kể đi kể lại nhiều lần rồi, thường thường vẫn có dăm ba người nghe. Nhưng không bao lâu, người ta nghe mãi thuộc lòng, đến nỗi ngay cả những bà từ bi, niệm Phật ăn chay, cũng chẳng có giọt nước mắt nào trên mi nữa. Về sau, cơ hồ tất cả người ở Lỗ-trấn đều có thể nhắc lại y nguyên từng lời nói của thím, cho nên vừa nghe thím kể là họ đã chán ngấy lên rồi.

Thím vừa bắt đầu kể:

- Tôi thật ngu đần quá...

Họ cắt ngang nói:

- Ừ, thím chỉ tưởng mùa tuyết xuống, trong rừng không có gì ăn, thú dữ mới mò vào làng...

Rồi bỏ đi.

Thím đứng há miệng ngơ ngác, đăm đăm nhìn họ, rồi cũng bước đi, hình như chính thím cũng thấy câu chuyện của mình nhạt phèo. Nhưng thím vẫn cứ mong mỏi, nhân những việc khác, - thí dụ nhân nói đến cái giỏ, nói đến đậu, hay nói đến một đứa trẻ nào đó chẳng hạn,- mà kể chuyện thằng Mao của thím. Hễ nhìn thấy một đứa trẻ lên hai lên ba, là y như thím than phiền:

- Ừ! giá thằng Mao nhà tôi mà còn sống thì cũng bằng chừng này rồi đấy!...

Đứa bé nhìn thấy cặp mắt thím, hoảng lên, níu lấy áo mẹ lôi đi. Thế là thím đứng trơ một mình; cuối cùng, thím cũng chán ngán bỏ đi nốt. Về sau, ai cũng biết tính thím như thế rồi, hễ có đứa trẻ nào đứng đấy là người ta hỏi thím trước, nửa đùa nửa thật:

- Thím Lâm! Thằng Mao nhà thím còn sống chắc cũng bằng chừng này chứ gì?

Vị tất thím đã biết rằng câu chuyện thương tâm của thím, người ta thưởng thức bao nhiêu lâu nay, bây giờ đã như cái bã, nhai đi nhai lại mãi, chán lắm rồi, phải nhổ

đi. Nhưng nhìn nụ cười của họ, thím hình như cũng thấy được đó là một nụ cười vừa lạnh lùng, vừa chế giễu, thôi thì mình cũng chẳng cần kể chuyện nữa làm chi. Rồi thím chỉ lườm họ một cái, chú cũng không mở miệng đối đáp một lời.

Lỗ-trấn bao giờ cũng cứ từ hai mươi tháng Chạp trở đi là người ta đã rộn rịp sửa soạn ăn Tết. Nhà chú Tư, Tết năm nay phải mướn thêm một người ở trai nữa mà vẫn không hết việc, nên phải gọi U Liễu đến làm giúp, giết gà, làm ngỗng. Nhưng U Liễu lại theo đạo Phật, ăn chay, không sát sinh, chỉ chịu rửa bát đĩa cho thôi. Thím Tường Lâm thì ngoài việc đun bếp, chẳng còn việc gì khác, thành ra rỗi rãi, chỉ ngồi nhìn U Liễu làm. Tuyết lấm tấm rơi.

- Ừ, tôi thật là ngu đần...

Thím Tường Lâm nhìn trời, thở dài, như nói một mình. U Liễu vẻ sốt ruột nhìn vào mặt thím, nói:

- Thím Lâm, thím lại kể chuyện ấy đấy à? Tôi hỏi thật thím nhé! Chú cái sẹo ở trán thím, có phải là hồi đó thím đập đầu vào hương án mà thành ra như thế phải không?

Thím trả lời ấp úng:

- Ờ... ờ.

- Thế tôi hỏi thím, tại sao về sau thím lại bằng lòng...?

- Tôi ấy à?

- Ừ, thím, chứ còn ai nữa? Tôi chắc thím phải bằng lòng, không thì...

- A! a! U không biết chứ hắn khỏe lắm cơ!

- Tôi chẳng tin. Tôi chẳng tin thím sức vóc như thế mà lại không chống cự nổi hắn. Nhất định về sau thím bằng lòng, lại còn đổ cho là vì hắn khỏe!

- A, a, rõ u này!... U thử xem.

Thím cười. U Liễu cũng cười, cái mặt nhăn nheo của u dúm lại như một hạt đào. Rồi đôi mắt nhỏ ti hí, héo hắt của u cứ nhìn vào cái sẹo trên trán thím, làm thím ngượng quá, không cười được nữa, đành quay ra nhìn tuyết rơi.

U Liễu nói, vẻ kín đáo:

- Thím Lâm này! Thật ra thím cũng vụng tính đấy! Cứ làm mạnh nữa, đập đầu cho chết quách đi, có phải hơn không. Còn như bây giờ, thím với người chồng sau của thím ăn ở với nhau chưa được hai năm, mà để thím mang vào người một cái tội tầy đình. Thím nghĩ mà xem, mai kia thím chết xuống âm phủ, hai người chồng tranh nhau thì thím sẽ về ở với người nào? Vua Diêm vương đành phải cưa đôi thím ra, chia cho mỗi người một nửa. Tôi thấy thật là...[1]

1 Trong cuốn *Quê hương Lỗ Tấn*. Chu Hà Thọ kể: "Ở đó, có một người đàn bà góa, lấy đời chồng khác, sinh được một đứa con trai. Được hai ba năm, chồng và con đều chết". Chị ta rất đau khổ, thường buồn rầu nói: "Xuống âm phủ, vua Diêm vương sẽ cưa đôi ra" (N.D.).

Thím Tường Lâm sợ hãi quá, nỗi sợ hãi lộ rõ trên thần sắc. Ở trên miền núi nhà thím, chưa nghe ai nói như thế bao giờ cả.

- Tôi nghĩ chỉ bằng thím nên lo liệu trước đi thì hơn. Thím hãy cúng một cái bậc cửa vào miếu Thành hoàng thế mạng cho thím, để cho người qua kẻ lại giày đạp lên, chuộc cái tội kiếp này cho thím, khỏi phải chết rồi còn chịu khổ!

Lúc bấy giờ, thím không nói ra làm sao cả, nhưng xem chừng thím buồn bã khổ sở lắm. Sáng hôm sau, ngủ dậy, hai mắt thím thâm quầng. Ăn cơm sáng xong, thím đến miếu Thành hoàng ở xóm Tây, xin cúng một cái bậc cửa. Lúc đầu, ông từ một mực không chịu; đến khi thím sắp khóc lên, ông ta mới miễn cưỡng nhận lời. Cái bậc cửa làm mất mười hai quan tiền.

Đã lâu thím không chuyện trò với ai cả, vì câu chuyện thằng Mao người ta nghe chán tai lắm rồi, nhưng từ hôm thím và U Liễu ngồi nói chuyện với nhau, hình như tiếng phao đồn ra, nên nhiều người lại thích gợi cho thím nói. Cố nhiên đầu đề câu chuyện đổi khác, chỉ xoay quanh cái sẹo trên trán thím.

Người này hỏi:

- Thím Lâm, tôi hỏi thím nhé! Sao hồi đó thím lại bằng lòng?

Người khác nhìn cái sẹo của thím, phụ họa theo:

- Hừ! Có uổng không. Đập vỡ đầu mà cũng không đi đến đâu cả!

Nghe giọng nói, thấy vẻ cười của họ, có lẽ thím cũng biết là họ đang chế giễu mình, cho nên thím cứ nhìn họ trừng trừng, không nói một câu. Về sau, mặc kệ họ nói gì thì nói, thím cũng không ngoảnh đầu lại. Cả ngày, thím cứ ngậm tăm âm thầm làm các việc: ra phố, quét nhà, rửa rau, vo gạo, mang trên trán cái sẹo mà mọi người cho là một vết nhơ.

Ở sắp đầy năm, thím mới xin thím Tư đưa cho thím số tiền công dồn lại bao nhiêu lâu nay, đem đổi được mười hai đồng bạc "chim ưng", rồi xin phép đi ra xóm Tây. Chỉ trong khoảng thời gian chưa ăn xong một bữa cơm, thím đã trở về, sắc mặt tươi tắn, con mắt cũng lanh lợi hẳn lên, vui vẻ nói với thím Tư rằng thím đã cúng một cái bậc cửa vào Thành hoàng rồi.

Đến hôm vào tiết đông chí, thím ta làm việc càng hăng. Thấy thím Tư sửa soạn mâm cỗ xong, rồi cùng với cậu Ngưu khiêng cái bàn ra để giữa nhà, thì thím thản nhiên đi lấy cốc chén và đũa.

Thím Tư hốt hoảng nói to:

- Thím để đấy thôi, thím Lâm!

Thím thụt tay lại như bị bỏng, mặt xám ngắt. Thím không đi lấy đôi đèn nến nữa, cứ đứng ngẩn ra đó. Đến khi chú Tư thắp hương, bảo thím đi chỗ khác, thím mới đi. Lần này thì thím thay đổi chóng quá. Hôm sau, chẳng những con mắt thím sâu hoắm xuống, mà tinh thần lại càng tiều tụy. Thím đâm ra nhút nhát không những sợ đêm tối, sợ bóng đèn, mà bất cứ gặp ai, thậm chí gặp chú thím Tư, cũng cứ lấm la lấm lét như chuột nhắt ra khỏi hang giữa ban ngày. Hoặc có khi thím ngồi ngây ra chẳng khác gì pho tượng gỗ. Chưa đầy nửa năm, tóc thím đã bạc ra, thím không nhớ được cái gì cả, thậm chí quên cả việc đi vo gạo nữa.

- Thím Lâm làm thế nào mà lại như thế? Biết vậy thì hồi đó chả giữ lại cho xong!

Thím Tư đôi lần đã thốt ra những câu như thế trước mặt thím Tường Lâm, hình như có ý bảo cho thím biết mà liệu chừng.

Nhưng thím Tường Lâm vẫn cứ như thế, chẳng mong có thể lanh lợi thêm được chút nào. Thế rồi, chú thím Tư định đuổi thím ra, bảo thím về ở với bà Vệ. Khi tôi còn ở Lỗ-trấn, chú thím Tư chỉ mới nói như thế thôi, nhưng xem tình trạng thím bây giờ, thì biết sau đó họ đuổi thím đi thật. Còn như ra khỏi nhà chú thím Tư, thím Tường Lâm phải đi ăn xin liền, hay là về nhà bà Vệ rồi sau mới

phải đi ăn xin, thì điều đó tôi không được rõ.

Tiếng pháo nổ gần, kêu to quá làm tôi giật mình thức giấc. Nhìn thấy ngọn đèn dầu vàng khè, nhỏ bằng hạt đậu, rồi lại nghe tiếng pháo dây nổ lạch tạch, biết là nhà chú Tư đang làm lễ cầu phúc, và đã gần sang canh năm rồi. Tôi nằm mơ màng, nghe tiếng pháo văng vẳng ở đâu xa, liên hồi không ngớt, có cảm tưởng như có một đám mây dày đặc vang rộn tiếng pháo cùng với hoa tuyết phấp phới bay đang bao phủ lên cả cái thị trấn này. Giữa những tiếng ồn ào xung quanh, tôi cảm thấy con người nhác nhớn ra mà cũng rất thoải mái. Bao nhiêu nỗi lo ngại từ sáng sớm đến chiều tối hôm qua bây giờ tiêu tan đi trong bầu không khí cầu phúc. Tôi có cảm tưởng như nhìn thấy trời đất qủi thần sau khi về hâm hưởng rượu thịt, hương hoa, đều say mềm, bây giờ đây đang bước đi chếnh choáng giữa không trung, và đang chuẩn bị đem lại cho tất cả những người ở Lỗ-trấn một nguồn hạnh phúc vô cùng vô tận.

Ngày 7 tháng 2 năm 1924
TRƯƠNG CHÍNH *dịch*

LÝ BẢN THÂM

TẤM BIA LỚN

Một chi đội Hồng quân dài dằng dặc đang đội bão tuyết mịt mùng, hành tiến trong dẫy Vân Trung băng giá. Cóng lạnh ghê người đã biến dẫy Vân Trung thành một tảng băng. Gió mạnh gào thét như con sói muốn nuốt trôi cả chi đội có trang bị hết sức sơ sài này.

Tướng quân đã nhường ngựa cho thương binh cưỡi từ lâu. Sĩ quan và binh lính cùng nhau hành quân trong băng tuyết. Thỉnh thoảng tướng quân lại bị cơn gió lạnh thốc vào ho rũ rượi. Ông phải dẫn chi đội vượt lên, mở một con đường cho cả binh đoàn đang hành quân ở phía sau. Một môi trường vô cùng ác liệt và cuộc chiến đấu hết sức tàn khốc đang chờ họ. Có thể hai ba hôm không có cơm ăn, có thể phải ngủ trong tuyết, có thể phải đi một trăm mấy mươi dặm một ngày. Có thể... Ôi, có thể nhiều lắm. Tố chất của chi đội thế nào? Liệu có chịu nổi thử thách cay nghiệt?

Tướng quân đang suy nghĩ...

Đội ngũ ở phía trước bỗng dưng đi chậm hẳn, rất đông người túm tụm lại, không biết làm gì.

Tướng quân vừa đi vừa hô: - Không được dừng lại, mau mau bám sát. Chiến sĩ cảnh vệ của tướng quân quay lại báo cáo:

- ... Đằng trước có một người chết cóng...

Tướng quân sững người, không nói gì, đi vượt lên... Gió tuyết dữ dội quá, tướng quân bước đi trật trưỡng, cặp mắt mờ ảo.

Một người lính già đông cứng, ngồi tựa vào một thân cây trơ trụi, không hề cựa quậy như một pho tượng. Trên thân người lính rơi đầy tuyết, không thể nhận ra ngay khuôn mặt, song có thể nhận rõ trạng thái bình tĩnh, tự nhiên.

Chiếc tẩu thuốc còn lại một nửa thuốc chưa hút vẫn kẹp giữa ngón trỏ và ngón giữa của tay phải. Ngọn lửa đã bị gió tuyết thổi tắt. Người lính hơi giơ tay ra phía trước, dường như để xin các bạn chiến đấu châm lửa...

- Sao vậy? Quần áo anh mặc sao mong manh và cũ rách thế này? Giống như chiếc lá, giống như chiếc màng xang dính sát vào người... Áo chống rét của anh đâu? Tại sao không phát?

Mặt tướng quân tối sầm lại, cơ thịt trên mồm ông co giật, bỗng ông quay đầu, nhìn người bên cạnh, quát to:

- Gọi trưởng phòng quân nhu lại đây, phải cho hắn...

Một trận bão tuyết đã nuốt chửng lời ông. Mắt ông đỏ ngầu, như con báo giận dữ, đáng sợ làm sao.

Không ai trả lời ông. Không ai bước đi...

- Nghe rõ chưa? Cảnh vệ! Gọi trưởng phòng quân nhu lại ngay!

Hai má tướng quân co giật dữ tợn, không biết vì lạnh, hay vì giận dữ?

Cuối cùng, một người nào đó đã ghé tai tướng quân nói nhỏ:

- Đây chính là trưởng phòng quân nhu! Thưa tướng quân... Thế tay đang vung lên tức giận của tướng quân bỗng sững lại. Ông đứng ngây tại chỗ đến một phút. Hoa tuyết lặng lẽ rơi vào mặt ông, hòa lẫn với những giọt nước mắt lấp lánh... Ông thở một hơi rất sâu, từ từ giơ tay phải lên ngang chỗ lông mày, kính cẩn chào người đồng đội hy sinh, đã cùng với dẫy Vân Trung hóa thành một khối...

Tuyết mỗi lúc một dầy, gió càng ngày càng mạnh. Tuyết lớn đã phủ kín rất nhanh thân thể trưởng phòng quân nhu. Anh đã biến thành một tấm bia óng ánh...

Tướng quân không nói một lời, sải bước lao nhanh trong bão tuyết mịt mờ. Ông nghe rõ vô số tiếng bước chân nặng nề mà vững chắc như đang nói:

"Thắng lợi nếu không thuộc về đội ngũ như thế này, thì còn thuộc về ai?..."

VŨ CÔNG HOAN *dịch*

LÝ QUÁN THÔNG

THÁNG NGÀY THƯỜNG LẶNG

Hồi chín tuổi, tôi đã từng một lần chết ở cái đầm này. Khi còn nhỏ, cứ mỗi hè, tôi đều đến ở nhà bà ngoại chừng mươi, mười hai hôm. Cái làng quê ấy tên gọi là Cửu Lý Loan. Từ thị trấn nhỏ bé của tôi theo hướng bắc mà đi, con đường queo ngang, quẹo dọc, khúc khuỷu như đuôi rắn, khiến tôi phải quặt quẹo theo xuýt xỉu mới nhìn thấy được cái đầm. Mỗi làng đều có một cái đầm và đều ở phía bắc. Đầm Cửu Lý Loan không rõ tại sao lại ở phía nam. Bà ngoại thường kể cho người làng rằng số kiếp người Cửu Lý Loan cũng giống như con đường ấy, chỉ có ở nhà thôi! Chỉ có vùi mặt vào đồng đất mà thôi. Hễ cứ ra khỏi cửa là gặp đầm, hố, đi đường thế nào cũng sinh chuyện. Cậu Đức Ngọc là người không chịu yên phận. Cậu trốn nhà, cùng người ta lên thuyền từ hồ Vi Sơn đi buôn đồ gốm ở Giang Nam. Một tháng sau làm ăn phát đạt, cậu quay về. Đang lúc hồ hởi thì một con sóng lớn lật úp thuyền. Sáu người thì nổi lên năm, mặt úp xuống nước mông chổng lên trời. Khi vớt lên, mặt ai cũng xanh lét, bụng chương phềnh. Còn một

người rót lại là cậu Đức Ngọc. Người làng đều bảo cậu thạo nước, may mắn thoát nạn. Cả làng ngồi trên bờ đầm chăm chắm nhìn mặt nước. Đêm đến đốt lửa lên chiếu cho sáng. Chờ một ngày một đêm vẫn chẳng thấy tăm hơi gì, lúc ấy mới hoảng hốt. Tất cả đàn ông can đảm đều xuống nước. Hàng chục người điên cuồng mò lặn đáy đầm. Hàng chục chiếc lưới điên cuồng bủa xuống mặt đầm cũng phí công vô ích. Họ mò thấy một chiếc cóng lớn, miệng úp chặt xuống lòng đầm. Cậu Đức Ngọc bị úp gọn trong cóng. Phải mấy người hợp sức mới mang được lên, chiếc cóng vẫn còn tốt. Chứa năm sáu người còn rộng rãi. Lần đầu tiên, người làng được nhìn thấy một chiếc cóng như thế, to như thế, bên trong xanh bóng, bên ngoài gốm vàng, có hai con rồng trông rất linh hoạt nổi lên... Còn người? Nào đâu còn ra người. Một nửa mặt cậu đã bị cá ăn hết. Bụng chỉ còn là một đám nát bét, bùn thối nước cặn cùng máu ủ lâu đã trộn thành một đám bầy nhầy, mấy con cá nheo mồm rộng ngoác và lũ lươn lóp ngóp chui ra. Bà ngoại thật rộng lòng, bà không hề rớt nước mắt. Dân làng đã gánh hơn bảy mươi gánh nước để rửa sạch thân thể cậu rồi đặt cậu vào quan tài và đóng nắp. Bà giữ lại. Bụng của cậu trống rỗng, bà không thể để cho cậu đi thảm thương thế. Bà bảo người nắm lấy một nắm đất vàng nhét vào đấy. Bà xoa vuốt, nặn thành một cái bụng như thật. Thân thể của cậu vốn cũng đã có màu của đất. Ngoại lấy

ngón tay trỏ khéo léo xoáy một cái vào chính giữa thành cái rốn mới. Lúc ấy mới đóng nắp, hạ thổ. Mấy người đàn ông định đập nát chiếc cóng lớn, nhưng bà không cho. Bà muốn người Cửu Lý Loan đời đời giữ gìn chiếc cóng ấy, để cho những người cả đời không có liên can gì đến bùn nước phải khiếp hãi mà nhìn. Đặt chiếc cóng này ở đâu? Để nhà ai cũng sợ. Bà ngoại bảo thôi đặt ở phía bắc đầm. Bờ bắc đầm có con đường duy nhất của làng, có thể gọi là đường cái.

Tôi chưa hề biết mặt bà ngoại, với cậu Đức Ngọc cũng vậy. Năm sau khi cậu Đức Ngọc chết, bà ngoại cũng ốm rồi mất. Khi ấy tôi vẫn chưa ra đời ở cái thế giới bình lặng này. Hồi nhỏ khi tôi đến nhà bà ngoại là đến với cậu Đức Khoan.

Cậu Đức Khoan vốn người cao to, ngũ quan vuông vức, khuôn mặt sạm buồn, đôi mắt cập kèm. Chân tay cậu vụng về khiến người ta cảm thấy tồi tội. Cái duy nhất khiến người ta kinh ngạc về cậu lại là một vật vô dụng: Chính giữa ngực cậu mọc lên một cục thịt bằng nắm đấm. Tôi đã từng cưỡi trên bộ ngực vạm vỡ của cậu, khiếp hãi nhìn nó. Phải cậu khích lệ mãi tôi mới dám chạm vào. Trong ấy dường như có nước chảy, lại như có đá cuộn. Cậu bảo rằng cục thịt ấy bọc một bát canh láo nháo. Cậu cười hì hì, nghịch nghịch nó rồi kể nguồn gốc. Bà ngoại mất một

năm thì cậu quyết định phải xây một căn nhà. Cậu thường dằn vặt mình vì chuyện ấy. Tuy chỉ có một mình, nhưng sức cậu khỏe như trâu, cậu cho rằng có sức khỏe là có tất cả. Cậu thường đi vớt bùn ở phía nam đầm. Hôm ấy là một ngày trời mưa, mà trời mưa thì bao giờ cũng xảy ra chuyện dở khóc dở cười. Sớm tinh mơ cậu đã ra đầm làm việc, làm tù tì một hơi cho đến khi mặt trời lặn mà không ăn một miếng nào, chỉ uống một bụng nước đầm. Khi làm việc, cậu không thấy đói, mà cũng chẳng còn biết mặt trời đã lặn hay chưa, trước mắt chỉ có mỗi một màu bùn, cho đến khi mưa mau hạt mới biết đổi trời. Cậu nhanh chân nhanh tay vơ quáo quào chỗ bùn mới đắp, phủ lên tấm chiếu rách. Trời càng mưa càng to, trông về Cửu Lý Loan, màn nước che phủ dày đặc. Cậu Đức Khoan vùng vẫy trong mưa thật xả láng rồi cảm thấy đói cồn cào. Về tới bờ bắc, nơi có con đường ấy, cậu Đức Khoan chợt nghe thấy tiếng người rên rỉ, rồi thấy một đôi nam nữ đang ngồi bên dòng nước, cô gái ôm người đàn ông mà khóc. Nhà họ cũng ở huyện này, chỉ cách Cửu Lý Loan bảy chục dặm. Nửa năm trước họ đi khai hoang ở Hồ Bắc, nghe tin cha mẹ ở nhà ốm nặng, nên lập tức trở về nhà. Nào ngờ người chồng nhiễm bệnh thương hàn, nóng như lửa. Cậu Đức Khoan mời họ về nhà tránh mưa, nhưng cả hai đều lắc đầu. Người thanh niên gượng đứng dậy, cô gái đỡ lấy anh, nhích dần từng bước. Họ mất hút dần trong

màn mưa, cậu trở về nhà nhưng trong lòng không yên tâm. Lưỡng lự một lát, cậu cho một nắm muối vào miệng lấy thêm sức lực, vớ lấy đôi sọt bằng sợi liễu đuổi theo. Lao ra chưa đầy chục bước thì "Ầm..." một tiếng vang động, nhà đổ ụp. Cậu ngoái đầu lại nhìn, chậm rãi bảo: "Mày không công thôi, chả có cái gì đáng tiền cả". Cậu đuổi kịp hai người, chả nói năng câu nào, cậu đặt mỗi người vào một bên sọt. Cô gái nặng hơn người thanh niên nhiều. Khi nhấc lên vai, phía cô gái sát vào hẳn người cậu. Cậu vừa nhấc chân thì đầu gối đụng luôn vào sọt đựng cô gái. Cậu nhìn rõ cô ấy: Người mập mạp, hai chiếc răng bọc vàng thoáng lộ ra nơi khóe miệng, nước mưa làm chiếc áo trắng dán chặt vào mình cô. Thình lình hai bầu vú như hai cái đầu cừu chợt lấp ló và chiếc sọt trở nên sinh động hẳn. Cậu thở dồn dập một trận. "Ta cũng phải lấy vợ" - cậu lẩm nhẩm cắn chặt hàm răng đến run người. Cũng không còn nhớ trời tối đến chừng nào mới đến được nhà họ. Hai người chui ra khỏi sọt, cứ trân trân nhìn người lực sĩ. Cậu Đức Khoan định về, nhưng hai người cứ dập đầu xin ở lại, còn tôn làm ân nhân cứu mạng. Cậu bảo, hai bạn mới là ân nhân cứu mạng của tôi, nếu không có hai bạn tôi đã bị ngôi nhà cũ ấy đè chết rồi. Nhoáng một cái đã thấy người đàn bà bưng lên một bát canh láo nháo. Cậu Đức Khoan cũng nhoáng một cái đổ ụp vào mồm. "Soạt" một tiếng khiến cho người đàn bà

xuýt xoa "Ái dà dà"... Hôm sau, cậu cảm thấy ở ngực có cái gì đó là lạ, mấy ngày sau mọc lên một cái bọc cỡ quả trứng, cái bọc đó phát triển rất nhanh, chỉ nửa năm sau đã phát triển thành một cục thịt to bằng nắm đấm. Bên trong nó chứa một bát canh láo nháo! Cậu kể đi kể lại nhiều lần cho tôi nghe, làm cho tôi tin là thật. Cái năm mà cục thịt to bằng cỡ ấy, cậu mới có mười tám tuổi.

Đến năm hai hai tuổi cậu đã dựng được hai gian nhà lá thật. Ba năm sau, khi tôi bảy tuổi, học lớp hai, hè đến, tôi lại được cưỡi trên cổ cậu đến Cửu Lý Loan. Cái đầm ở phía nam thôn rộng hai mẫu nước trong vắt, hơi nhàn nhạt xanh. Cả một loạt đầm, sông hồ ở đâu đều có một màu xanh ấy. Khi ngoại còn sống, bà thường than phiền cái màu sắc ấy không tốt. Người làng thì cho rằng tại cái đầm ấy quá sâu. Bên dòng nước, những đám cỏ năn lác, lau sậy mọc um tùm. Nhìn sâu xuống dưới là tầng rong rêu. Lác đác lấp ló vài bông hoa sen, trông thấy thích mắt. Xung quanh ba mặt hồ đều là những gốc liễu xù xì và đám cỏ tim tím. Chỉ có ở phía bắc, nơi có dải đường, con đường cái ấy là có vài cây bạch dương cao vút. Thân cây đầy những con mắt, không có lông mày, những con mắt vô cùng sinh động, vô cùng đẹp đẽ. Ai không tin cứ thử mà xem. Cửu Lý Loan có bao nhiêu nhân khẩu thì bạch dương có bấy nhiêu mắt. Bà ngoại không chỉ trang trọng

nói một lần, nhưng chẳng có ai dám đếm thử. Mà có đếm thì cũng chẳng đếm hết được. Thoáng một cái tôi đã nhận ra, thoáng một cái tôi cũng thấy đâu là đôi mắt của bà. Tôi ôm chặt cậu Đức Khoan, một tay ôm túm lấy bướu thịt của cậu. Cậu dẫn tôi đến trước cái cóng lớn. Nó dựa vào một gốc dương. Ánh mặt trời lọt qua kẽ lá, đọng trên cóng làm chói mắt. Đây chính là cái cóng đã úp chết cậu Đức Ngọc. Cậu Đức Khoan gõ gõ ngón tay giữa vào cạnh cóng. Chiếc cóng vang lên một tiếng ngắn ngủi. Lòng cóng có ít nước mưa, lá cây. Một con ếch đang chồm chỗm trong cái màu xanh ấy, không làm cách nào để nhảy ra được, cứ tung hai chân sau ra mà bòm bõm trong nước. Cậu Đức Khoan chỉ một tay đã lật nghiêng được chiếc cóng, dốc hết mọi thứ trong đó ra, xong cậu múc nước đầm rửa sạch sẽ, đâu đấy rồi lại đặt ngay ngắn lại. Cậu gõ gõ ngón tay vào chiếc cóng, nó vang lên một tiếng ngắn ngủi. "Cứ đến đêm, cậu Đức Ngọc cháu hay than khóc trong đó. Rất nhiều người làng đã nghe thấy... Lẽ ra cậu Đức Ngọc không nên đi buôn gốm, đến cái bụng cũng chẳng còn nữa, thân thể bị cá rỉa róc".

Cậu Đức Khoan cứ kể mãi rồi ôm lấy tôi, lùa tay vào trong quần túm lấy chim tôi như sợ ai cướp đi mất. "Đây là một vật tốt" - Cậu lại nói rồi bế tôi về nhà. Hai gian nhà lá thật giản dị như nhà của mọi người: Bếp lò bằng

đất, cót thóc rỗng không, đầy nông cụ. Hai cái thùng giấy mang từ nhà tôi đến chất đầy quần áo. "Nhà chúng ta thật tốt biết bao". Cậu Đức Khoan chỉ ngang dọc khắp nhà. Đôi mắt cập kèm thoáng nụ cười. Cậu làm cho tôi một bữa ăn trưa đặc biệt: Bát canh láo nháo mặn, mấy con cá rán nho nhỏ. Truớc khi làm cơm tôi thấy cậu cầm một quả dưa mang sang nhà hàng xóm. Cậu trồng rau rất giỏi, mảnh vườn nhỏ trước nhà xanh mượt, trên giàn có bầu, dưới đất lăn lóc bí đỏ. "Cậu xin được ít giống trồng, bầu chín rồi chúng ta không thể quên người ta được, phải mang đến lại quả chứ" - Cậu lẩm bẩm thế. Khi ăn cơm, canh, cá cậu đều giành cho tôi. Cậu ra vườn ngắt một quả bí đỏ, làm sạch lớp vỏ ngoài rồi cho vào miệng cắn. Những gì có thể nhai được như chân trâu, xương xẩu, đều là thức ăn của cậu. Cậu nói với tôi hết sức chân thật để tôi tin và tôi đã tin. Tôi chưa từng nghe mẹ kể cậu bị ốm bao giờ. Có lần đến nhà tôi chơi, mẹ tôi đi mua chút thức ăn ngon đãi cậu, thì cậu bảo vừa giải quyết xong cơn đói. Có con lợn chết trôi ở đầu làng, bốc mùi thum thủm. Lục nhặng lượn vè vè bên trên, bên dưới thì cá rỉa. Cậu Đức Khoan vớt lên, không ngại ngần gì cạo sạch lông, moi bỏ lòng, bỏ mắm muối cho cả vào nồi rồi dúi vào nắm củi đun lên. Cậu chén cho đến mẩu xương cũng chẳng còn. Nghe kể, mẹ rớt nước mắt giục cha đi mua thuốc hay đưa cậu đi bệnh viện. Cậu thì bảo chả cần. Thực tế chúng

minh cậu đúng. Sáu mươi ba năm trong đời, cậu chả uống viên thuốc nào... Bảo ăn quả bí đỏ, thế là ăn hết liền. Cậu mân mê cái bướu thịt trên ngực rồi bảo: "Này cháu, cậu ăn nhiều lắm, không thể thiếu ăn được. Cái gì cũng là thức ăn của cậu hết!" Cậu còn húp thêm mấy bát canh suông bảo để luyện dạ dầy. Làm thế bụng mới tốt, mới có sức. Cơm xong, cậu lại dẫn tôi ra bờ đầm tìm bóng mát để ngủ. Trong làng cũng có rất nhiều người ra đây ngủ. Ngủ dậy cậu ta ra bờ đầm móc đất. Hồi ấy ở nhà quê chẳng ai đắp tường ao cả, nên cậu móc đất để bán. Mỗi cục đất đẹp bán được hai xu. Tôi ngủ thiếp đi bên cậu. Gió hồ mát rượi, tiếng ù ù như vượn kêu khiến người ta nẫu cả ruột. Đó là giấc ngủ trưa ngon lành nhất. Vậy mà chưa đầy tiếng sau, chúng tôi đã bị đánh thức dậy. Một người đàn ông chứng tuổi cậu gọi cậu bảo đổi trời rồi. Cậu trả lời: "Đổi thì cứ đổi". Người kia bảo: "Này, Đức Khoan, trời mưa đấy!". Cậu bảo "Cứ mưa đi!". Ông kia cười bảo: "Mưa lớn đấy, cẩn thận không bị cảm lạnh!". Đến lúc ấy cậu mới chịu mở mắt nhìn trời rồi chậm rãi bảo: "Tôi xem rồi, chẳng có gì đổi trời, mưa gió gì đâu!". Tôi cũng nói leo vào rằng trời rất đẹp. Ông kia cười lớn, chỉ vào đũng quần cậu bảo: "Trời không mưa sao ông lại dương dù ở chỗ kia lên?". Cậu cúi nhìn đũng quần mình, khuôn mặt sậm sì thoắt đỏ lựng lên. Ông kia bảo không có vợ khó chết lắm. Cậu ra bờ đầm đi đái, đá phải cục

đất miệng xuýt xoa cáu kỉnh: "Ta cũng phải cưới vợ!". Tối hôm ấy cậu ngủ ngon lành, ngáy liên tục. Mấy lần nói mê đều là: "Ta cũng phải!" ba chữ ấy, nghe rất ghê. Còn tôi cứ chong chong cả đêm. Tiếng khịt mũi của cậu mạnh làm tôi run cả người. Đôi lúc tôi còn nghe tiếng rên rỉ thê lương của cậu Đức Ngọc trong chiếc cóng rồng bên bờ đầm. Lại còn những con mắt của bạch dương cứ đảo qua đảo lại trước mặt tôi. Đầu tôi như bị phủ sương, lại còn chiếc gối của cậu cứ cọ vào làm đầu tôi đau điếng. Đó là chiếc gối bằng đất sét phơi khô, bọc vải gai cũ. Tôi chưa có mợ, nhưng cậu đã làm sẵn hai chiếc gối từ bao giờ. Toàn bộ cuộc sống khi lần đầu đến nhà bà ngoại chỉ có thế. Hôm sau cậu lại cho tôi lên cổ kiệu về cái thị trấn của chúng tôi. Chỉ một ngày ở Cửu Lý Loan thôi mà mỗi sự việc nhỏ đều làm cho tôi cảm động.

Thu đến, tôi lại đến Cửu Lý Loan. Nước đầm vẫn cứ xanh. Chiếc cóng rồng lớn bên bờ đầm đêm đêm vẫn vọng tiếng thảm thiết của cậu Đức Ngọc. Lá bạch dương rụng xao xác, nhưng những con mắt bạch dương vẫn thế. Con mắt của bà ngoại vẫn lung linh ngóng xuống. Đôi gối của cậu Đức Khoan vẫn vậy, xếp đều đặn bên nhau. Chiếc này làm bạn với chiếc kia. Quả bầu đầy sẹo vẫn nằm dưới đất. Bí đỏ đã cất hết, dồn vào góc nhà: Thạp gạo đã có cái đựng bên trong. Bên trên đặt ít củi lá khô. Những lúc

công việc đồng áng rối rãi, cậu Đức Khoan vẫn đi móc đất. Tối đến, cậu ghé tai tôi bảo rằng cậu đã gom được hơn ba mươi đồng tiền bán đất. Gạo cũng mua một bao đầy. Cậu không còn phải lo lắng nữa. Tất cả mọi thứ nhai được đều là lương thực của cậu. Ngày ngày cậu chỉ thong dong thôi. Tôi hỏi cậu sao vẫn chưa có mợ cho tôi. Cậu đã trầm trầm một lúc lâu rồi mới nói. Cậu sắp lấy một người.

Năm sau, tôi đi Cửu Lý Loan bốn chuyến. Cậu Đức Khoan vẫn đi móc đất. Chiếc gối đất sét vẫn buồn tênh. Trong vườn lại có đợt bí, bầu mới. Trên quả bầu lớn lại có những vết bấm mới làm dấu. Không chỉ nhà cậu, cả vùng Cửu Lý Loan xem ra chẳng có chút đổi mới nào. Năm ấy tôi kết bạn được với mấy đứa nhỏ ở đấy. Đến nhà chúng chơi, tôi thấy cũng chẳng khác nhà cậu là bao. Và khi ấy tôi cũng mới biết rằng, trong hơn ba trăm nhân khẩu ở Cửu Lý Loan thì số đàn ông chưa vợ như cậu Đức Khoan có đến hai chục chiếc cóng rồng lớn cũng chẳng chứa hết.

Năm sau nữa tôi đã chín tuổi. Cả mùa hè năm ấy tôi sống ở Cửu Lý Loan. Sáng hôm ấy tôi giúp cậu vật đất. Tôi cởi hết đồ ra, lăn lộn trong đống đất, hai chân giẫm oàm oạp lên đám cỏ dại. Đúng là một việc nặng nhọc, bùn vấy từ chân lên đầu. Tôi nặng nhọc leo lên đống đất

trông như nấm mộ ấy. Tôi nghĩ đến con lừa lê trên đường, nghĩ tới cậu Đức Khoan lần lần năm này sang năm khác. Tháng ngày như một quả cầu kỳ lạ, đạp trôi đi rồi nó lại hiện lên, không có tận cùng... Cậu Đức Khoan thấy người tôi đầm đìa bùn và mồ hôi liền cười ôm tôi vào lòng. Cậu bảo: "Cháu lớn rồi sẽ giúp cậu nhiều hơn. Giờ cháu ra bờ đầm rửa ráy đi, ra đầm ấy". Nước ven đầm chỉ cao tới ngang bụng, tôi qùy xuống chỉ để ló cái đầu. Trước mặt tôi có một bông sen trắng lập lờ. Tôi dìm người xuống để bông hoa lướt mạnh qua mặt, hương sen thơm đã mang đi linh hồn yếu đuối của tôi. Còn cá nữa, không hiểu con cá nào cứ ria bên này, bên kia trên người tôi, nhột đến nỗi chỉ muốn hát lên vài câu gì đó. Tôi đứng lên, định đi vào bờ. Ngay lúc ấy, tôi chợt nhận ra chiếc cóng rồng to ở bên bờ đầm. Trong ánh mặt trời loang loáng, nó càng ngày càng lớn nữa và tôi cũng càng ngày càng gần nó, chợt có cảm giác như nền đất dưới chân bị ai đó rút đi, tôi lơ lửng trong nước. Chiếc cóng rồng lớn hình như cũng theo tôi chìm vào nước. Chân tay tôi quờ quạng, ừng ực hết ngụm này đến ngụm khác, sau đó tôi không còn quờ thấy mình nữa. Một người như bằng bùn kéo tôi vào trong trạng thái mê man. Hai tiếng sau, cậu Đức Khoan ôm tôi trong lòng, đầu tôi kề với cái bướu thịt trên ngực cậu. Tim cậu đập mạnh như tiếng vó ngựa. Mặt cậu như màu đất, cậu lúng búng kể quá trình sống lại của tôi. Cậu vớt tôi

dễ như vớt con lợn chết trôi mà cậu đã ăn. Cậu nắm chân dốc ngược tôi lên, cứ thế chạy quanh bờ đầm và kêu gào. Tiếng kêu thảm thiết và lạnh xương ấy đã kéo cả làng đến. Mọi người gào theo cậu, chạy theo cậu. Dù cho ai định thay cậu, cậu cũng không chịu buông tay. Chạy đến vòng thứ sáu mươi ba thì tôi thở, vừa đúng chỗ chiếc cóng. Cậu chống tay lên cóng. Tôi nôn thốc tháo. Cậu khóc tu tu: "Tội của cậu, cháu ạ. Sớm muộn gì cậu cũng chết ở cái đầm này, sớm muộn cậu cũng bị báo ứng". Cậu cứ nhắc đi nhắc lại. Có người an ủi cậu, bảo: "Phúc họa là bào thai song sinh, hơn nhau ở chỗ người sinh sớm, người sinh muộn. Tai họa qua rồi, đại phúc sắp đến". Cái chiều tôi bị nghỉm ấy, mưa gió giữ dội. Một quả bầu rụng xuống lăn đến trước cửa. Trông mã hơi non một chút, giá thêm được mươi bữa nửa tháng nữa thì tốt, cậu tỏ ý tiếc rẻ. Cậu ra cửa nhặt, bỗng đứng sững dưới mưa: Dưới giàn bầu có một chiếc ô mầu vàng. Một người đàn bà ướt sũng đứng đó tay ôm bọc đồ. "Cô là ai?"- Cậu hỏi. "Em là em"- Người ấy trả lời. "Em là ai?" - Cậu lại hỏi. "Em là... là em cầm dù không cẩn thận nên làm rụng quả bầu". Cô ta nói giọng xin lỗi - "Quả bầu rụng bị sớm chút ít"- Cậu bảo, mắt nhìn quả bầu lăn lăn trong mưa. Cô kia ngần ngừ một chút rồi dứt khoát cụp dù lại, trông thấy rõ khuôn mặt. Cô ta bảo: "Anh không nhận ra em à?". Cậu dướn cổ nhìn rồi ngạc nhiên reo: "Là cô à?". Cô ta bước vào nhà. Tôi

liếc mắt một cái liền đoán ra ngay là ai: Mập mạp, hai chiếc răng vàng thoáng ẩn hiện nơi khóe miệng. "Hai cái đầu cừu" căng chật khuôn ngực... Hóa ra chồng của cô đã chết bệnh năm ngoái. Cha mẹ cũng thành người thiên cổ. Cô cũng chưa có con. Một thân một mình đã nửa năm nay rồi, nhớ đến người lực sĩ tốt bụng ở Cửu Lý Loan, người ân nhân cũ, cô liền lặn lội tìm đến. Khi cô biết người lực sĩ vẫn một thân một mình thì nước mắt mừng vui quyện với nước mưa chảy thành dòng. Cô nghĩ còn nửa đời này xin cậy nhờ nơi Cửu Lý Loan... Tôi muốn ra nhà vệ sinh đi ngoài nên khoác áo tơi, đội mũ. Cậu tôi chặn ngay trước cửa bảo rằng: "Cháu có muốn thì đi ngay trong nhà cũng được, cậu không sợ thối đâu. Cháu à, cháu không thể đi được đâu". Tôi không hiểu ra sao cả. Cậu lại nhắc lại: "Cháu cứ ị đi, cậu không sợ thối đâu". Tôi bảo làm sao mà có thể ị trong nhà được. Cậu ấp úng bảo rằng: "Cháu đi thì trong nhà chỉ còn có hai chúng ta... không hay". Người đàn bà kia cười bảo: "Anh không phải là hổ mà tôi cũng đâu phải là hổ". Thế là tôi ra nhà vệ sinh trong vườn. Tôi cứ ngồi ở đấy rất lâu. Áo tơi sũng nước, mình lạnh run, chân tay tê dại cả, lúc ấy mới vịn tường đứng dậy. Mưa càng mau hơn, trời tối đen. Chẳng hiểu khi ấy tôi nghĩ thế nào mà nhẹ nhàng đến bên cửa sổ, ngó qua khung cửa vào nhà. Ngọn đèn dầu mờ mờ, tim đèn nhỏ như hạt đỗ. Đây là lần đầu tôi thấy cậu thắp

đèn. Cậu Đức Khoan to cao của tôi ngồi nép vào góc tường, dựa vào thùng gạo, còn người đàn bà ngồi đối diện, tay nắm cái bướu thịt trên ngực cậu, âu yếm nói: "Con người tốt nhất của tôi, ngày mai chúng mình đi đăng ký nhé". Cậu ôm chặt đầu khóc. Tiếng khóc của cậu chẳng khác gì tiếng bò kêu. Khi ấy tôi không tài nào hiểu nổi vì sao cậu lại khóc. Tôi như bị lây theo, lao vào nhà khóc cùng cậu. Một lát sau, người đàn bà cũng rưng rức khóc. Khóc một chập cậu ôm tôi vào lòng, rồi hầm hầm nói với người đàn bà: "Tôi muốn có con trai". Người đàn bà lấy tay lau nước mắt, ngẩng cao đầu dõng dạc: "Em sẽ sinh con trai!" Lúc ấy hai người đều thể hiện sự quyết liệt, chắc chắn không gì lay chuyển được.

Đến ngày thứ ba thì người đàn bà ấy trở thành mợ tôi. Mẹ tôi gửi đến mấy chục đồng, cậu cũng đem số tiền bán đất ra sắp mấy mâm cơm, mua một thùng rượu trắng sáu hào một cân. Cả vùng Cửu Lý Loan tưng bừng vui vẻ, còn đông vui hơn cả ngày tết.

Tất cả đàn ông của Cửu Lý Loan vây quanh mợ nhảy múa, có lúc còn va cả vào ngực mợ. Tôi xông vào để bảo vệ cho mợ, mợ bảo: "Cháu ra ngoài kia chơi đi!". Tôi nhìn cậu, cậu cười rất sung sướng, tôi cũng vui vẻ cười theo.

Cuộc sống mới của cậu Đức Khoan bắt đầu như vậy. Lấy được bà này cũng coi như tạo hóa sắp đặt. Mợ tôi

cũng là người có sức khỏe, một tay móc đất thật cừ. Nơi mọ vật đất cũng khiến cho mọi người phải kính nể. Mọ là người có bàn chân rất to, xương cốt cũng thật chắc, mọ chỉ dận chân một cái là đã móc được một lỗ sâu hoắm. Khi không có ai, mọ cởi hết áo ngoài ra, chân tay phối hợp trông như nhảy múa. Bộ ngực trắng nõn to như hai cái đầu cừu rung chuyển theo từng khối đất, như đang kêu gọi, làm cho đất trời cũng rung chuyển theo. Cậu Đức Khoan bảo rằng có nó, cuộc sống làm sao mà buồn phiền được nữa? Móc đất vào ban ngày, hơn nữa vào những lúc công việc đồng áng rỗi rãi. Tối đến, mọ ngồi đan chiếu. Có trăng thì đan trong vườn, không thì vào nhà, ngọn đèn nhỏ như hạt gạo cũng đủ dùng, dệt xong chiếu, đã khuya, mọ còn ra đầm để bắt cá, chừng một tiếng có thể được một xâu cành liễu cá. Món cá trong cỗ cưới của cậu cũng là do mọ bắt cả đêm. Sau khi có mọ, cậu đi mua một ít dấm, một chai dầu lạc. Những thứ này từ xưa chẳng bao giờ dùng. Mọ bảo để khi nhà có khách sẽ dùng, không có khách thì chẳng cần. Mọ đi đâu cũng nhặt nhạnh thầu dầu, bóc lấy hạt, cho vào nồi rang, thức ăn cứ là thơm nưng nức. Cậu Đức Khoan lấy mọ được bốn tháng, trong nhà đã đầy đủ lên nhiều: Một cái bàn Bát Tiêu, một tủ gỗ, cả hai đều đánh sơn dầu mầu đỏ thẫm. Cậu có thêm chiếc áo bò mới, hai chiếc quần vải thô màu đen nhuộm từ vải trắng thô. Quần được may rộng bụng, không phân

trước sau để cả cậu mợ đều mặc được. Trong vườn có thêm ổ gà... Cưới được bốn tháng thì mợ ọe, không muốn ăn, chỉ thích gọi cậu rót dấm cho uống. Không rành chuyện đàn bà con gái nên cậu định đưa mợ đi viện khám. Mợ bảo, hay dở gì thì uống dấm là tốt rồi. Khi biết mợ có mang, cậu lại vò đầu khóc. Cậu chạy ra bờ đầm, gục đầu vào chiếc cóng rồng gọi tên cậu Đức Ngọc, gọi tên bà ngoại. Tối đến, cậu gục đầu trước giường, nhẹ nhàng xoa tay lên cái bụng bắt đầu lùm lùm của mợ, lẩm nhẩm cầu xin gì đó. Mợ kéo cậu dậy, cậu cầu xin: "Em phải sinh con trai". Mợ bảo: "Em sẽ sinh". "Nếu em sinh con trai, muốn gì anh cũng mua". "Anh định mua gì nào?". Anh sẽ mua cho em hai cân quẩy! Anh sẽ đổi cho em chiếc gối thật!" "Ai mà ăn được, ai mà gối được". Mọi việc cũng không được xuôn xẻ lắm. Ngày tháng ở Cửu Lý Loan trôi đi thật tẻ ngắt. Trời Cửu Lý Loan, đất Cửu Lý Loan, mọi thứ của Cửu Lý Loan đều giống như sắc mặt của cậu Đức Khoan: ảm đảm vô sắc. Đầm là đầm, cóng là cóng, đất sét là đất sét, bầu là bầu. Nhoáng cái đã ba năm. Cuộc sống cứ âm thầm bình thản như thế trôi đi, dường như tám năm ấy chẳng biến đổi gì cả. Cậu được mợ sinh cho một loạt năm cô. Trông họ hệt như mợ. Hàng bạch dương bên bờ bắc đầm đã chết hết. Ba năm đói kém ấy, người ta ăn kiệt cả đám rau dại ngoài đồng, rong rêu trong đầm, nghiền cả vỏ cây làm bột. Đám bạch dương trông còn khá hơn

hàng liễu, trông chúng như những cô gái cố giữ lấy thân thể ngọc ngà của mình. Chỉ còn có chút da nữa thì đều chết hết. Chẳng còn tìm thấy một con mắt bạch dương nào. Những thân thể trần trụi gầy guộc một đen, mục đi, mà vẫn phải chịu gió táp mưa sa. Đến nay, mấy chục năm sau vẫn đứng vững bên bờ đầm như thuở nào... Hồi ấy, cả một thời gian dài cậu không móc đất được, mà không vớt được đất thì coi như mất cả một phần đời cậu. Mới có hơn ba mươi mà cậu đã đầy đầu tóc bạc. Nhìn đám con gái ngày càng nhiều, cậu thở ngắn than dài buồn cho cuộc đời chẳng có gì vui vẻ... Cái nết trung hậu tử tế của cậu cuối cùng cũng động đến trời. Mùa đông năm bắt đầu cuộc cách mạng văn hóa, vào một đêm tuyết rơi, cậu em họ tôi đã chào đời trong tiếng thanh la, hô khẩu hiệu ầm ĩ ở Cửu Lý Loan. Cậu Đức Khoan như mắc phải chứng điên, hò la, nhảy nhót suốt dọc đường đến tận nhà tôi báo tin vui. Thấy cha mẹ tôi, cậu kêu ầm lên: "Cách mạng văn hóa thật tốt, đã cho tôi một thằng con trai". Cha tôi phải cố sức bịt chặt lấy miệng cậu, cậu mới chịu im. Thấy cha mẹ tôi không tin, cậu bèn chỉ vào chiếc túi đeo trên lưng, đổ các thứ ở trong ra: Mấy bộ quần áo sơ sinh, một đôi gối mới, một chiếc khăn vuông bũ mầu tím, một túi ni-lông đựng hai cân quẩy, một chiếc túi khác đựng bốn cái móng giò lợn. Cậu lần lượt giải thích rằng: Đồ sơ sinh dành cho thằng bé, đôi gối mới của hai chúng tôi. Khăn

vuông, quẩy, móng giò là phần bà ấy, ăn móng giò tốt sữa lắm. Biết mợ sinh con trai thật, mẹ tôi ôm mặt khóc. Cậu lại rớt nước mắt theo. Mẹ hỏi: "Đặt tên là gì". Cậu bảo: "Tên Văn Cách". Cha tôi quát lên bảo "muốn vào tù hay sao?". Cha tôi đặt cho đến hơn một chục cái tên mà cậu chẳng ưng ý cái nào. Cuối cùng vẫn quyết định cái tên cậu tự đặt: Liên Quần. Cậu bảo, sức khỏe của mợ tốt, đẻ thêm vài thằng con trai nữa cho nó thành bầy thành đàn. Cũng có thể vì cậu nghèo quá, nên sinh thằng bé Liên Quần xong, mợ chẳng sinh thêm đứa nào nữa.

Khi thằng em ra đời, tôi đã học cao trung. Tốt nghiệp xong, xin vào làm trong một nhà máy, chẳng có thời gian đi thăm Cửu Lý Loan nữa. Năm 1977, tôi trúng tuyển vào khoa Trung văn trường Đại học Sư phạm. Trước khi vào học đầu xuân 1978 tôi phóng xe đạp về Cửu Lý Loan, nơi hơn mười năm cách xa. Đường đi Cửu Lý Loan không còn ngoặt nghẹo đuôi rắn nữa mà đã được làm thành con đường nhựa. Trong cuộc cách mạng văn hóa, Cửu Lý Loan như một cái đầm nước chết. Người dân ở đây nhận định: Ai cầm quyền thì chúng tôi vẫn làm ruộng, ai thắng thì cũng ăn ngon hơn chúng tôi. Cả mười năm ấy, ở đây chỉ xuất hiện có mỗi một nhân vật, đó là người cô họ xa của tôi. Cô rất đẹp, tiếng nói trong vắt, là người học đến lớp sơ trung duy nhất ở đây. Sau khi tốt nghiệp, cô vào thị

trấn làm cách mạng, trở thành tuyên truyền viên ưu tú của Ủy ban Cách mạng thị trấn. Trên đường đến Cửu Lý Loan, chiếc xe tuyên truyền bị đổ, người cô xinh đẹp của tôi ngã xuống bãi bùn, đến khi vớt được lên mặt đã xanh lét, tay vẫn còn nắm chặt một xếp công văn, truyền đơn. Chết không khác gì cậu Đức Ngọc. Dân ở đây thương xót và bàn tán nhiều về cô. Chiếc cóng đồng lở lói đã dán ngang dọc không biết bao nhiêu khẩu hiệu không biết bị ai xóa sạch. Lễ truy điệu cô được tổ chức hết sức long trọng. Sau buổi lễ, Ủy ban quyết định sửa con đường thành đường nhựa.

Mười lăm phút sau, lần đầu tiên tôi nhìn thấy cậu em họ Liên Quần. Nó đang móc đất cùng cậu Đức Khoan ven đầm. Trừ cái ngực không bướu ra, còn thì nó giống cậu như lột. Liên Quần chưa đầy mười hai tuổi mà nó đã cao tới một mét bảy, đào đất đắp đống, như một người đàn ông thực thụ. Khi nó bảy tuổi, cậu cho Liên Quần đến trường. Nhưng cứ hễ bước vào cổng trường là nó khóc. Dù cậu có khuyên dọa đánh đít thế nào nó cũng không chịu. Cứ như vậy, nửa tháng trời, cứ mỗi lần đưa đến nó lại khóc khiến cho cả trường cứ ầm ĩ lên. Cậu tôi thôi không ép nó nữa mà dạy nó làm ruộng. Vừa dẫn nó ra đồng tiếp xúc với nông cụ, thằng bé lập tức linh hoạt hẳn lên. Cậu tôi bảo nó: "Hãy xem anh họ mày đấy, một

con người có học hành! Hồi nó chín tuổi bị ngã ở cái đầm này, đó là lỗi của tao. Tao cũng đã nghĩ rồi, sớm muộn gì tao cũng sẽ chết đuối ở cái đầm này thôi". Liên Quần cười ngơ ngẩn bảo: "Con không tin, cha rất thạo nước cơ mà!". Cậu Đức Khoan kéo tôi về nhà. Đi qua bờ bắc đầm tôi lại nhìn thấy chiếc cóng lớn. Tôi vỗ vỗ vào cạnh cóng, nó vang lên mấy tiếng "Uâng uâng". Trong cóng có nước, vài con thằn lằn sợ hãi bò ra. Tôi cảm thấy trong lòng một nỗi đau khổ không thể gọi tên được. Tôi hỏi cậu: "Mười mấy năm rồi chiếc cóng này vẫn nằm đây ư". Cậu bảo: "Ai dám chuyển?". Mấy năm trước có một người chuyên nuôi gia súc khiêng nó về đựng thức ăn, nhưng chỉ được đúng một đêm liền mang trả về chỗ cũ. Ông ta bảo: "Về đêm chiếc cóng này biết khóc". Tôi bảo, người khóc lại tưởng cóng khóc. Cậu Đức Khoan cau mày khi tôi nói thế. Dường như cậu không hiểu. Cậu kéo tôi ra một bên nói nhỏ: "Chẳng lẽ cứ để bà ngoại và cậu Đức Ngọc phải mở mắt ra nhìn mới là hay à. Cuộc sống của chúng ta thế là đã quá tốt rồi. Đã có Liên Quần, Liên Quần lớn lên sẽ khỏe mạnh hơn cậu. Người làm đồng áng có sức khỏe thì việc gì cũng làm được hết, không có sức thì chẳng ra cái gì. Cháu đã đỗ đại học rồi, bà ngoại và cậu Đức Ngọc cháu sẽ mừng rỡ biết bao nhiêu!".

Nhà cậu có nhiều thay đổi, vườn phía đông có một gian

nhà bếp mới, mé nam nhà bếp là cái chuồng, trong có hai con lợn. Mé tây xếp một đống đá, đối diện là đống gạch đỏ tươi ngay ngắn. Cậu lần lượt chỉ cho tôi xem từng thứ mới trong nhà. Cậu bảo:

"Cái năm có Liên Quần, cậu mua tích dần ít đá và gạch. Đến giờ thì khá rồi, được hơn ba nghìn hai trăm viên gạch. Một cục đất đào cũng lên năm xu đấy. Chúng ta còn gì phải lo lắng đâu. Đến khi Liên Quần định lấy vợ thì đồ đạc cũng đầy đủ rồi. Tôi hỏi thăm mợ, cậu bảo đang dệt chiếu trong nhà. Cậu vừa dứt lời thì mợ và hai cô em họ tôi bước ra. Cậu kể: "Có năm cô thì đã cho lấy chồng ba cô, vài năm nữa sẽ cho hai đứa này đi nốt". Một em bảo: "Bao giờ anh Liên Quần lấy vợ, chúng em mới đi". Cô kia cũng nói: "Anh Liên Quần chưa lập gia đình thì chúng em chưa lấy chồng". Mợ túm chặt lấy tôi xuýt xoa hỏi thăm. Tôi thấy tay mợ đã nứt nẻ, các vết rạn ứa máu, giống bị hàng trăm vết dao cứa, các đốt xương lộ rõ. Thấy tôi chăm chú nhìn, cậu nói: "Rơm cỏ nó cứa, chẳng sao đâu. Thời gian ẩn trong các nếp nhăn ấy đấy". Cả nhà đều cười. Buổi trưa, tôi ăn một bữa cơm thịnh soạn ở nhà cậu. Lúc tôi và cậu đang chuyện phiếm, mợ bắt mấy con gà làm thịt. Con nhà nông mỗi năm nào dám ăn hai lần thịt gà. Chẳng hiểu cậu rút từ kẽ tường nào ra năm hào đưa cho con gái bảo mua nửa cân xì dầu, cậu ra lệnh thật dõng

dạc. Xì dầu ư? Cô em tôi bán tín bán nghi. Xì dầu đấy! Cậu Đức Khoan nhắc lại lần nữa. Quanh năm bốn mùa, lúc nào cũng thấy cậu phấn khởi. Khi nói đến xì dầu, tôi thấy cái bướu trên ngực cậu cứ nhấp nhô. Đây là lần đầu tiên nhà cậu mua xì dầu, chẳng có chai nên em tôi phải mang bát đi. Cậu bảo mợ tôi rằng mấy năm vừa rồi có khá hơn, cháu nó đến thì phải mua một gói mì chính mà thử xem sao. Nghe nói cái món ấy thật kỳ diệu. Nấu một nồi canh cải chỉ cần cho vài hạt vào là canh thơm ngọt hơn cả nấu với thịt. Em tôi chữa lại: "Gọi là mì chính ạ!"... Cơm xong, cậu và Liên Quần tiễn tôi ra đầu thôn. Cậu rút ra mười đồng bảo tôi mua vé. Mỗi đồng mỗi cắc đều do mồ hôi nước mắt của cậu đổi lấy, tôi nào dám nhận. Cậu thấy tôi kiên quyết không nhận thì sậm mặt lại bảo: "Cháu vào được đại học rồi nên coi thường nhà chú nghèo chứ gì". Tôi không làm thế nào được, đành phải nhận tiền. Đồng tiền còn rớt vài giọt nước mắt của cậu. Tôi cố kìm chế mình.

Bốn năm đại học, tôi không đi Cửu Lý Loan lần nào. Tốt nghiệp xong được phân về phòng văn hóa huyện thì lúc nào cũng bận. Một hôm, khi tôi đã đi làm được năm thứ hai, tôi đang cầm cuốn bản thảo thì ông Chu, Trưởng phòng văn hóa huyện bước vào, thấy tôi, ông mỉm cười tủm tỉm. Tôi cứ ngỡ rằng công việc của tôi có chuyện gì.

Ông hỏi: "Có phải cậu có một người em họ ở Cửu Lý Loan không?". Tôi đáp phải. Ông lại hỏi: "Có phải tên là Liên Quần?" Tôi gật đầu. Ông lại cười, bảo: "Liên Quần nổi tiếng khắp huyện". Ra là thế này, Liên Quần đi chợ huyện chơi vì có phiên chợ bán hàng nông sản. Người đông như biển, hàng nhìn như núi. Súc vật đầy chợ: Lừa, la, trâu, ngựa ken đặc. Bỗng một con trâu tráng kiện lên cơn động cỡn, chồm lên người một con trâu cái mượt mà. Con cái không chịu, chân nó khuỵu xuống, con đực vẫn không buông. Chủ trâu chưa kịp phản ứng thì một cậu thanh niên vâm vấp lao đến, mắng trâu đực là: "Đồ ăn hiếp" rồi túm chặt lấy đuôi nó, "Hù..." cậu ta dùng sức kéo mạnh, cuối cùng cũng kéo được con trâu đực ra khỏi cón trâu cái, lảo đảo đổ sang một bên. Đầu tiên mọi người rất sợ hãi, sau đó ai cũng ôm bụng cười, vây lấy cậu bé đang đứng ngẩn ngơ hỏi rối rít khiến cậu phát cáu lên, chỉ nói được mỗi câu: "Tôi là Liên Quần, nhà ở Cửu Lý Loan. Tôi có anh họ là nhà văn làm ở phòng văn hóa huyện" thế rồi cậu ta len qua đám động chạy đi... Ông trưởng phòng bảo: "Không biết chừng lát nữa cậu ấy lại đến đây tìm cậu đấy". Tôi ngồi chờ, mãi cho đến tận nửa đêm vẫn chẳng thấy cậu ấy đến. Sớm hôm sau, cậu tôi lội bộ mấy chục dặm đường đến huyện tìm tôi. Gần sáu năm trời không gặp mặt, cậu tôi già hẳn đi. Những vết nhăn đầy mặt như lặn cả vào đôi mắt nhỏ vô thần của cậu. Đôi

vai vạm vỡ dường như hẹp lại ít nhiều, cảm giác đem lại thực là buồn rầu, đáng thương, nản sợ. Tôi đỡ cậu ngồi trên xô pha, cậu bật dậy ngồi xệp xuống góc tường. Cậu bảo cái thứ ấy nó nhũn quá, ngồi lên không thật, cứ như sắp bị lật thuyền. Đó không phải thứ cho con nhà nông ngồi. Tôi ngồi xệp xuống theo cậu, trông tinh thần cậu không được khá. Tôi hỏi tình hình mấy năm vừa rồi ra sao, cậu bảo được chia ruộng rồi, không phải lo cái ăn nữa. Tôi lại hỏi vậy có chuyện gì mà trông buồn thế. Cậu bảo có nhiều, rồi lắp bắp kể cho tôi nghe. Một trong những âu sầu nhất của cậu là Liên Quần vẫn chưa lấy vợ. Mười tám, mười chín rồi mà chẳng giới thiệu được cô nào. Điều buồn phiền thứ hai của cậu là không được vớt đất nữa. Cuộc sống bây giờ khá lên nhiều rồi, người ta xây nhà lá hay đắp tường đều dùng gạch đá xi măng, chả còn ai dùng đất nữa. Theo như ý cậu thì không chỉ làm giảm thu nhập mà còn mất đi một phần niềm vui của cuộc sống nữa. Trước mắt thì mọi thứ ăn, uống, mặc, dùng đều tốt cả, nhưng càng nghĩ đến thì càng thấy cuộc sống mất dần ý nghĩa của nó. Cậu than thở. Tôi đề nghị cho Liên Quần ra huyện làm công nhân, tăng thêm chút thu nhập, tôi có mấy người bạn trong nhà máy. Cậu bảo đời người ta ăn bát nào thời nên ăn bát ấy, ăn bát khác thì xui lắm. Cậu nhắc đến cậu Đức Ngọc và bà dì xinh đẹp của tôi. Tôi bảo, chẳng phải Cửu Lý Loan cũng có làm ăn thêm đấy

sao? Cậu bảo cái lũ trơn mồm trơn miệng, tính khí quái qui mới làm cái việc đó. Cậu lấy khuỷu tay huých tôi bảo: "Này cháu, cháu không nhớ có một bộ phim chả nói tay Nhĩ Lãn Tử đó sao? Hắn muốn giàu có nên bỏ nghề cầm búa đi buôn bán, nhập luôn vào đám tranh cướp, cuối cùng cái quần cũng thủng cả đít. Tôi chỉ biết cười khổ, không biết nói sao. Cũng đến lúc ăn cơm trưa rồi, tôi định mua vài món ngon ngon thì cậu cản lại, dứt khoát không ăn, miệng bảo đi thế là đi liền. Tôi ứa nước mắt khẩn cầu cậu ở lại. Cậu bảo phải về để bốc thăm xem nhà nào hôm nào dùng máy gieo hạt, máy cấy. Tôi lấy xe đạp định đèo cậu về nhưng cậu dứt khoát không chịu, cậu bảo chạy bộ nhanh hơn. Tôi định mua mấy thứ cho cậu mang theo, nhưng cậu lại cương quyết không cho mua vì tiện chạy tới đâu đói thì vớ quào mấy nắm rau dại dọc đường cho vào miệng là được rồi, là lại có thể chạy tiếp chục dặm nữa. Tôi tiễn cậu ra ngoài, cậu cứ giục tôi về. Lúc chia tay, cậu lo lắng bảo: "Cháu ạ, lần này cậu đến là hỏi cháu một việc. Hôm qua thằng Liên Quần nó kéo trâu ở trên huyện, lại đi nhắc tới cháu, làm mất thể diện của cháu quá". Tôi bảo không những không mất mặt mà còn làm mát mặt nữa. Tôi còn khen em trung hậu, thật thà, có sức hơn người. "Thật thế à?". "Thật". Trên các nếp nhăn mặt lộ ra một nụ cười, cậu bỗng vỗ tay "Bốp" một cái: "Này cháu, mọ cháu cũng là do cậu dùng bao sức lực để gánh đúng

không? Biết đâu cái hôm nó kéo trâu ấy, Liên Quần chả kéo về được một người vợ". Trông cậu đầy sinh khí, cậu sải những bước thật dài. Tôi cứ bồi hồi nhìn theo mãi, nhớ về cái thời tôi ở Cửu Lý Loan. Nhớ đến cái đầm, cái cống, đến đôi mắt của bà ngoại tôi trên thân cây bạch dương, nghĩ đến tôi phải báo đáp lòng thương yêu của cậu như thế nào, phải giúp đỡ cậu ra làm sao...

Hai năm sau, nhân dịp tôi theo đoàn về kiểm tra nông thôn, tôi vào thăm cậu Đức Khoan. Cậu không uống rượu, không hút thuốc nên tôi mua hai túi đầy bánh ngọt, đồ hộp. Cửu Lý Loan đã thay đổi hoàn toàn. Nếu không phải vẫn là cái đầm ấy, cái cống ấy, thì không thể nào nhận ra được Cửu Lý Loan. Nhà lá gần như tuyệt tích, các giàn dây ăng ten tivi chăng dày đặc trên các nóc nhà. Nhà cậu phải do người khác dẫn tôi vào. Gian nhà lá cũ đã được Liên Quần dựng thành ba nếp nhà gạch. Trong nhà trống rỗng, lớp xi măng vừa trát xong hãy còn hơi ươn ướt. Cửa căn nhà lá mở to, tôi gọi to tìm cậu mợ, nhưng chẳng có tiếng trả lời. Tôi bước qua ngưỡng cửa, như là ấn nút một cơ quan nào đó, căn phòng đồng loạt vang lên tiếng khóc, khiến tôi sợ quá vã mồ hôi lạnh. Cậu Đức Khoan ngồi trên giường, mợ ngồi phía đầu, cô em duy nhất còn lại chưa lập gia đình đứng dựa lưng vào tường. Tôi hỏi cậu đã xảy ra chuyện gì? Cậu bảo: "Thật mất mặt! Liên Quần

phạm pháp". Tôi bàng hoàng cả người.- Sao? Liên Quần ư? Thằng khốn nạn ấy đang ở trong nhà bếp ấy!- Cậu bảo. Tôi vội chạy vào bếp. Hai thanh niên đang ngủ trong đống lúa, hơi rượu nồng nặc. Hỏi chuyện thanh niên kia tôi mới càng rầu lòng. Mấy năm trước Cửu Lý Loan xây được một ngôi trường tiểu học. Tháng trước có một cô giáo trẻ được phân đến đây. Trong có một tuần, cô bị mất liền ba cái bàn chải đánh răng. Sớm nay lại bị mất một lần nữa và cô phát hiện ra thủ phạm là Liên Quần nên cô đi theo về nhà. Liên Quần đang dùng chiếc bàn chải ấy để đánh răng, nhưng nó không dùng nước mà cũng chẳng có thuốc. Bị vạch mặt chỉ tên tận nơi, Liên Quần nẫu quá không thiết sống nữa. Nó uống cả một cân rượu... Tôi và hai thanh niên đổ dấm và trà nóng cho Liên Quần, dần dần cậu ta mới hồi tỉnh. Tôi nghiêm khắc trách cậu ta một hồi, sau đó an ủi và mua cho cậu một hộp bàn chải mới đưa đi trả cô, nhận tội và xin lỗi. Liên Quần đồng ý để đến tối sẽ để hai cậu kia đưa đến trường. Nghe tôi khuyên giải một hồi cậu Đức Khoan cũng bình tĩnh lại, bảo: "Cháu này, Liên Quần không ăn cắp bàn chải đánh răng!"- Cậu nói bình tĩnh. "Cũng chẳng có chuyện gì to tát lắm đâu!"- Tôi trả lời. Cậu lắc đầu bảo: "Bất luận tốt xấu, phải cưới vợ mau cho nó thôi, con người ta hai mươi tuổi...".

Khi Liên Quần hai mươi hai tuổi, cậu tôi phải bỏ ra chín mươi tám đồng mua cho nó một cô vợ người Tứ Xuyên. Thế mà giữa ban ngày ban mặt cô ta biến mất. Mới chỉ có mấy ngay thôi mà lưng cậu tôi còng hẳn xuống.

Khi Liên Quần hai mươi bốn tuổi, thì cậu tôi cũng tìm được cho nó một cô vợ. Sớm tinh mơ hôm ấy, cậu tôi chạy lên huyện đến gõ cửa nhà tôi báo tin vui lớn ấy. Cậu khác hẳn mọi khi, vẻ mặt mừng rỡ khác như tôi thường tưởng tượng. Cậu bảo, nhà gái yêu cầu mấy điều: Ba gian nhà ngói, tivi, và ra thành phố làm công nhân. Nhà ngói đã lợp mấy năm nay, tivi cũng đã mua rồi, nhà đã mua gạo mua lợn, lại vay được hàng xóm năm trăm đồng, mua cái đài Bắc Kinh. Còn chuyện ra thành phố làm công nhân, cậu tôi rất phản đối, nhưng nhà gái kiên quyết yêu cầu, vì vậy cậu đành chấp thuận, chuyện là thế nên cậu phải vội vã đến tìm tôi. Tôi lập tức gọi điện thoại liên lạc với nhà máy rượu, ông giám đốc đã đồng ý cho vợ chồng Liên Quần sau đám cưới vào làm ở nhà máy. Cậu tôi cảm động nước mắt ròng ròng. Tôi mượn cớ đi vệ sinh để chạy đi mua cháo và quẩy. Lần này cậu ăn rất ngon lành. Cậu bảo đây là lần thứ hai được ăn quẩy. Lần đầu lúc cậu sáu tuổi, khi ấy thấy sao nó thơm ngon thế, cả đời cậu cứ nhớ mãi hương vị ấy. Giờ già rồi ăn không còn thấy hương thơm ấy, mà ăn cái gì cũng thấy không ngon nữa.

Ngày Liên Quần cưới, tôi đang học ở nước ngoài. Trước khi đi, tôi đưa cho mẹ năm trăm đồng, bảo để tặng đám cưới. Ngày trở về tôi thấy mẹ nước mắt sụt sùi kể chuyện hôn nhân của Liên Quần. Bà bảo, cô dâu thật tội. Mà trông cũng đẹp. Tôi hỏi, vậy sao đồng ý lấy Liên Quần? Hay có khuyết tật gì không? Mẹ lại khóc lóc một hồi rồi kể chuyện. Nhà vợ nó có bệnh thong manh di truyền. Bà mẹ, chị gái của cô ấy cứ đến ba mươi tuổi là không thấy gì nữa. Cô đã chữa ở bao bệnh viện rồi mà đều bó tay. Liên Quần dù xấu xí, nhưng cô cũng không đang tâm biết mình bệnh mà cứ lấy. Cô cũng có một người anh không lấy được vợ. Cô em họ nhỏ nhất của tôi cũng lấy một người chồng què.

Cưới được sáu ngày, hai vợ chồng vào làm việc trong nhà xưởng nhà máy rượu. Cô dâu mới nhanh nhẹn nên chẳng mấy đã thuần việc, còn Liên Quần cứ vào nhà máy thì nhức đầu, chân tay lờ đờ, cứ làm được nửa ngày thế nào cũng kêu không chịu được nữa. Tôi đành phải liên hệ cho cậu em đi khuân vác ở đầu cầu. Tối tối, Liên Quần đèo xe đạp đưa vợ về Cửu Lý Loan, sớm sau lại đèo đi làm; đèo bòng nhau như thế khiến người Cửu Lý Loan rất nể. Chừng hơn mười tháng sau, cô sinh một bé gái, đẹp như cô. Con đầy tháng cô đi làm thêm được bảy tháng nữa thì đành bỏ việc. Thị lực cô giảm nghiêm trọng. Không

bao lâu sau, đôi mắt cô mù hẳn, rồi mấy tháng sau, con gái thứ hai của họ ra đời và thế là trong nhà họ không lúc nào ngớt tiếng khóc.

Nửa năm trước, tôi đi Cửu Lý Loan, vừa may cậu Đức Khoan và hai vợ chồng Liên Quần đi làm về. Liên Quần cầm gậy dẫn cô vợ mù đi trước, cậu Đức Khoan lững thững theo sau. Vào nhà cô em dâu đón con từ tay bà mẹ chồng cho nó bú, rồi bật tivi lên lẳng lặng ngồi nghe. Liên Quần ôm con bé lớn ngồi cạnh vợ. Cậu Đức Khoan ghé tai tôi bảo, vợ nó lại có mang sáu tháng rồi. Lên huyện để siêu siếc gì đó, người ta bảo chắc chắn là con trai rồi. Liên Quần xen vào: "Đi siêu âm, người ta bảo dù gái trai gì thì cũng phải làm cho làng một đường đá. Lần này không thoát được". Tôi để ý thấy em dâu ưỡn người lên. Tôi hỏi Liên Quần hiện giờ người ta bắt kế hoạch hóa gia đình, ở đây không làm sao? Cậu ấy bảo: "Cán bộ chỉ nói mà không làm. Cứ đẻ cho thật nhiều họ cũng chẳng rầu lòng vì cứ thấy bụng bà nào to là họ lại được phạt. Mợ tôi thì bảo ai có kiểu của người ấy. Cậu tôi bảo kiểu cách gì, chẳng ra làm sao cả. Tôi đây này, cả đời mặc quần thủng đít. Nói xong cậu tôi thở dài một hơi.

Nào ai ngờ, vừa rời Cửu Lý Loan được một tuần thì tin dữ lại kéo tôi quay trở lại: Khi đi làm về, cậu tôi ra bờ đầm rửa mặt và đã ngã xuống nước.

Ngày đưa ma cậu, Liên Quần khóc lăn khóc lộn. Nó như bị ma làm cứ lấy gậy đập vào đầu mình, đập vỡ cả cửa kính, mặc đồ tang chạy lung tung. Nó quá khỏe nên ba bốn người cũng không giữ nổi. Cậu ấy chạy đến chỗ chiếc cống bên bờ đầm, vác một hòn đá lớn đập mạnh vào nó, một tiếng ầm dữ dội vang động cả mặt nước, vang khắp Cửu Lý Loan.

Chuyện buồn đã qua, tôi cùng mẹ ở lại Cửu Lý Loan thêm hai ngày nữa. Mới có hai ngày qua, Liên Quần đau đớn đến nỗi ngớ ngẩn. Tiễn tôi và mẹ về mà cậu ấy cứ cười ngớ ngẩn. Cậu bảo con chào chúng tôi. Khi con bé xinh xắn ngây thơ giơ tay vẫy vẫy, tôi không kìm được òa lên khóc. Bầu trời cũng xầm xì ảm đạm. Tôi thấy như cậu Đức Khoan đang bình thản đứng phía trước chờ đợi. Đằng sau là tiếng chào tạm biệt của hai bố con Liên Quần. Cũng chẳng biết họ nhìn được bao xa. Đột nhiên tôi nhìn lại cuộc đời mình, con người ta đâu cần nhìn được bao sâu, bao xa, chỉ cần cứ bình thản mà sống. Trên đời này, cái không thiếu là ngày tháng, hãy trở lại đi, ngày tháng ơi!".

TRINH BẢO *dịch*

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5

1. Con đã nhìn thấy đại dương - *A Chân* - (Thái Nguyễn Bạch Liên *dịch*) 7

2. Lưới - *Âu Dương Tử* - (Lương Duy Thứ *dịch*) 12

3. Có một tình yêu như thế - *Bành Bái* - (Vũ Công Hoan *dịch*) 28

4. Tuyệt cảnh - *Bạch Tiểu Dị* - (Trình Bảo *dịch*) 45

5. Kẻ kéo cối - *Bành Bạch Sa* - (Trình Bảo *dịch*) 49

6. Đậu phụ - *Bành Kình Phong* - (Vũ Công Hoan *dịch*) 54

7. Đất say - *Bành Thụy Cao* - (Hà Phạm Phú *dịch*) 72

8. Cỏ chi chi - *Bào Xương* - (Lê Bầu *dịch*) 86

9. Hạ Giá - *Băng Tâm* - (Phạm Tú Châu *dịch*) 110

10. Một Centimet - *Bích Thục Mẫn* - (Trình Bảo *dịch*) 114

11. Hẻm Son phong lưu - *Bộc Vĩnh Thuận* - (Trình Bảo *dịch*) 134

12. Vết xe cũ - *Chu Đại Tân* -
(Phạm Tú Châu *dịch*) 149

13. Ba người điên - *Chu Đồng Bồi*
(Phan Văn Các *dịch*) 180

14. Lục hồng đậm nhạt - *Chu Khắc Cần* -
(Hà Phạm Phú *dịch*) 188

15. Bố Từ ra tỉnh - *Chu Thượng Quốc* -
(Vũ Công Hoan *dịch*) 222

16. Ông già và con chó - *Dương Hùng Chí* -
(Vũ Công Hoan *dịch*) 228

17. Tấm bia - *Đặng Khai Thiện* -
(Vũ Công Hoan *dịch*) 240

18. Rượu - *Đặng Nhất Quang* -
(Hà Phạm Phú *dịch*) 243

19. Hàng xóm - *Điền Đồng* - (Hà Phạm Phú *dịch*) 266

20. Cuộc phiêu lưu của những nghệ nhân - *Đổng Tuấn Luân* và *Giang Nguyên* -
(Ngô Văn Phú *dịch*) 271

21. Nàng tiên rắc hoa trên núi - *Đổng Tuấn Luân* và *Giang Nguyên* - (Ngô Văn Phú *dịch*) 285

22. Hoa Mai - *Giả Bình Ao* - (Phạm Tú Châu *dịch*) 293

23. Vườn hạch đào - *Giả Bình Ao* - (Lê Bầu *dịch*) 322

24. Máy tính CMI - *Giải Tê* - (Vũ Công Hoan *dịch*) 341

25. Nương tựa - *Hứa Kỳ* - (Trương Tư Hiền *dịch*) 352

26. Cá người! - *Khắc Phi* - (Trinh Bảo *dịch*) 358

27. Người cứu thế của loài chó - *Khắc Phi* -
(Trinh Bảo *dịch)* 364

28. Chiếc vòng huyền - *Khương Thiên Dân* -
(Phạm Tú Châu *dịch)* 371

29. Pho tượng ngọc - *Lâm Ngữ Đường* -
(Phạm Huy Kỳ *dịch)* 383

30. Tướng quân thịt chó - *Lâm Ngữ Đường* -
(Phạm Huy Kỳ *dịch)* 421

30. Bốn tùy - *Lâm Thanh Huyền* - (Xuân Dủ *dịch*) 427

31. Lễ cầu phúc - *Lỗ Tấn* - (Trương Chính *dịch*) 442

32. Tấm bia lớn - *Lý Bản Thâm* -
(Vũ Công Hoan *dịch*) 474

34. Tháng ngày thường lặng - *Lý Quán Thông* -
(Trinh Bảo *dịch*) 477

100 TRUYỆN NGẮN HAY TRUNG QUỐC

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGÔ VĂN PHÚ

Biên tập

VŨ ĐÌNH BÌNH

Bìa

VĂN SÁNG

Sửa bản in

In 1.000 cuốn, khổ 13x19 tại Công ty In và Văn hóa phẩm
Giấy phép xuất bản số: 109/328/CXB
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1998.

100
TRUYỆN NGẮN
HAY
TRUNG QUỐC

Tranh bìa: Luo Ping - TQ

Giá : 41.0